



CHÁNH PHÁP

HOÀNG PHÁP — GIÁO DỤC — VĂN HỌC PHẬT GIÁO — TIN TỨC PHẬT SỰ

Địa chỉ tòa soạn: 4717 W. First Street, Santa Ana, CA 92703 – U.S.A. | Tel.: (714) 571-0473 | Email: baivochanhphap@gmail.com
Website: chanhphap.us | chanhphap.org | chanhphap.net

Chủ nhiệm: **HT. Thích Nguyên Trí**
Thủ quỹ: **Ni sư Thích Diệu Tánh**

Chủ bút: **Vinh Hào**

Với sự cộng tác của chư tôn đức Tăng Ni và văn thi hữu tán đồng chủ trương của Chánh Pháp.

Trình bày: **Tâm Quang**

Hình bìa: **Đặng thị Quế Phượng**

LIÊN LẠC:

• Bài vở: baivochanhphap@gmail.com

• Quảng cáo / Phát hành:

(714) 638-0989

(714) 266-4171

Trải hơn 25 thế kỷ, Chánh Pháp của Phật vẫn được tuyên dương và lưu truyền bởi hàng đệ tử xuất gia lẫn tại gia, đem lại giải thoát và giác ngộ cho những ai học hỏi và thực hành đúng đắn. Chánh Pháp ấy là thuốc hay, nhưng bệnh mà không uống thì chẳng phải là lỗi của thuốc. Trong kinh Di Giáo, đức Phật cũng ân cần huấn thị lần chót bằng những lời cảm động như sau: "Thể hiện lòng đại bi, Như Lai đã nói Chánh Pháp ích lợi một cách cứu cánh. Các thầy chỉ còn nỗ lực mà thực hành... Hãy tự cố gắng một cách thường trực, tinh tiến mà tu tập, đừng để đời mình trôi qua một cách vô ích, và sau này sẽ phải lo sợ hối hận."

Báo Chánh Pháp có mặt để góp phần giới thiệu đạo Phật đến với mọi người. Ước mong pháp màu của Phật sẽ được lưu chuyển qua những trang báo nhỏ này, mỗi người sẽ tùy theo căn tánh và nhân duyên mà tiếp nhận hương vị.

Nguyệt san Chánh Pháp là báo biểu, không trả nhuận bút cho bài vở gửi đăng. Quý văn thi hữu nào muốn có nhuận bút xin ghi rõ "có nhuận bút" và địa chỉ liên lạc để tòa soạn quyết định. Bài gửi đăng xin đánh máy sẵn và gửi bằng electronic file qua email:

baivochanhphap@gmail.com

Chi phiếu ủng hộ xin ghi:
CHANH PHÁP
11502 Daniel Ave.
Garden Grove, CA 92840

NỘI DUNG SỐ NÀY:

- ◆ THÔNG BẠCH XUÂN TÂN SỬU 2021 (Hội Đồng Giáo Phẩm GHPGVNTNHHK)
- ◆ THƯ CHÚC XUÂN TÂN SỬU 2021 (Hội Đồng Điều Hành GHPGVNTNHHK)
- ◆ THƯ CHÚC XUÂN CHÙA BÁT NHÃ (HT.Thích Nguyên Trí)
- ◆ THƯ TÒA SOẠN, trang 2
- ◆ LỜI CHÚC ĐẦU NĂM: LỢI MÌNH, LỢI NGƯỜI (Nguyễn Thế Đăng), trang 4
- ◆ HẰNG CHUYỂN TINH KHÔI (Thích Thanh Thắng), trang 6
- ◆ BIỆN TRUNG BIÊN LUẬN TỤNG THÍCH (HT. Thích Thắng Hoan dịch), trang 9
- ◆ THƯ KHÁNH THỌ (Tỳ kheo Tuệ Sỹ), trang 12
- ◆ VẤN ĐỀ KHỔ-VUI (Ns. Trí Hải), trang 13
- ◆ MƯỜI BƯỚC TRANH CHẴN TRẦU (Trúc Thiên), trang 14
- ◆ CÂN BẰNG TỊCH TÍNH VÀ ĐỊNH TUỆ (Tuệ Uyển dịch), trang 20
- ◆ CHẴN TRẦU (Diệu Huyền), trang 28
- ◆ NGƯỜI TRÌ PHÁP – Câu chuyện cuối tuần (Nhóm Áo Lam), trang 32
- ◆ HOA ƯU ĐÀM CỦA GIÁO HỘI (Thích Nữ Giới Hương), trang 34
- ◆ NHỮNG CÂU ĐỐI CHỮ VIỆT CỦA CỔ HT. THÍCH THIỆN SIÊU, trang 37
- ◆ FYODOR DOSTOEVSKY, BROTHER KARAZOV... (Huỳnh Kim Quang), trang 40
- ◆ THÍCH VÀ GHÉT, NHÂN VÀ QUẢ (Toại Khanh), trang 47
- ◆ VÔ THƯỜNG LÀ BÀI THƠ ĐẸP (Cư sĩ Liên Hoa), trang 49
- ◆ SỐT RƯỢT THÁNG GIÊNG (Nguyễn Ngọc Tư), trang 55
- ◆ MÙA XUÂN ĐI TÌM GƯƠM THẦN (Doãn Quốc Sỹ), trang 58
- ◆ PHE PHẢI, TRANH CHẤP BỜ VÌ ĐÂU? (Quảng Tánh), trang 65
- ◆ MÙA XUÂN VÀ PHẨM TÙNG ĐỊA DỒNG XUẤT (TN. Huệ Trân), trang 67
- ◆ TRUYỆN CỰC NGẮN (Hoàng Long), trang 70
- ◆ THỜI GIAN Ý THỨC (TN. Tịnh Quang), tr. 73
- ◆ VÔ THƯỜNG VÀ THƯỜNG QUA BÀI KỆ CAO TẬT THỊ CHÚNG (Thích nữ An Trí), trang 77
- ◆ TRUYỆN CỰC NGẮN (Steven N.), trang 80
- ◆ BÙI GIÁNG: CÁI ĐƯỢC THẤY LÀ KHỔ ĐỂ (Nguyễn Giác), trang 83
- ◆ MÙA XUÂN, HOA VÀ THIẾU NỮ (Vũ Thế Ngọc), trang 88
- ◆ HOÀNG DIỆU VÀ EM (Nguyễn Văn Sâm), trang 91
- ◆ CẢM HỨNG TỪ PHỤ NỮ PHẬT GIÁO (Tiểu Lục Thần Phong) trang 93
- ◆ DINH DƯỠNG VÀ LÃO HÓA (Bs. Nguyễn Ý Đức), trang 96
- ◆ THỜI GIAN KHÔNG CHỜ ĐỢI AI (Thích nữ Hằng Như), trang 99
- ◆ NHỮNG VIÊN THUỐC BỌC ĐƯỜNG (Nguyễn Minh Tiến), trang 103
- ◆ TRANH CHẴN TRẦU THIÊN TÔNG... (TM Ngô Tăng Giao), trang 107
- ◆ TIẾNG RAO HÀNG (Hạnh Thuận), trang 113
- ◆ HAI MẢNH XUÂN (Tôn Nữ Thanh Yên), trang 115
- ◆ HÌNH BÓNG CON TRẦU QUA CA DAO TỤC NGỮ... (TK Vinh Hữu), trang 119
- ◆ CHÙA QUÁN SỬ Ở BẮC VIỆT (Nguyễn Lang), trang 122
- ◆ TỊNH XÁ KỶ HOÀN (Truyện cổ Phật giáo), trang 125
- ◆ LIỆU NƯỚC MỸ CÓ BỊ CHIA CẮT KHÔNG? (Đào Văn Bình), trang 132
- ◆ STORY OF NIGANTHA ASCETICS (Daw Mya Tin), trang 135
- ◆ HƯƠNG XUÂN VIỄN XỨ (Nhuận Hùng), trang 137
- ◆ TIN TỨC PHẬT GIÁO THẾ GIỚI (Diệu Âm lược dịch), trang 146
- ◆ NGỖ THOÁT, chương bốn – truyện dài (Vinh Hào), trang 152
- ◆ NẤU CHAY: BÍ ĐỒ KHO PHỔ TẠI ĐẬU HŨ (Gia Phượng), trang 160

CÙNG VỚI THƠ CỦA: (bấm vào tên tác giả) [Thắng Hoan](#), [ĐNT Tín Nghĩa](#), [Hạnh Chi](#), [T. Phước Hạnh](#), [Tâm Thường Định](#), [Nguyễn Thanh Huy](#), [Kiều Mộng Hà](#), [Phù Du](#), [Mãn Đường Hồng](#), [TN. Giới Hương](#), [Tâm Nhiên](#), [Mắc Phương Tử](#), [Hiền Nguyễn](#), [QT. Trần Cẩm](#), [Phan Tấn Hải](#), [Du Tâm Lăng Tử](#), [Lãng Nguyệt](#), [Hoàng Phong](#), [Diệu Linh](#), [Pháp Hoan](#), [Trình Gia Mỹ](#), [Chúc Hiền](#), [Minh Đạo](#), [Tuệ Nha](#), [Ngô Tăng Giao](#), [Diệu Viên](#), [Thy An](#), [Đông Thiên](#), [Hồ Thanh Nhã](#), [TL Thần Phong](#), [Thục Uyển](#), [Nguyễn Ngộ](#), [Lưu Lăng Khách...](#)

Báo Chánh Pháp số 111, tháng 02.2021, do Chùa Phật Đà & Tu viện Pháp Vương (CA) và Brodard Chateau, Brodard Restaurant & Bamboo Bistro ủng hộ ấn phí. Tòa soạn xin thành tâm cảm tạ. Kính nguyện quý tỳ và chư phật-tử được hưng long, an lạc để hoằng truyền và hộ trì Phật Pháp.



GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM THỐNG NHẤT HOA KỲ
VIETNAMESE AMERICAN UNITED BUDDHIST CONGREGATION
HỘI ĐỒNG GIÁO PHẨM
CHÁNH VĂN PHÒNG

704. East "E" Street, Ontario, CA 91764 – U.S.A. | Tel. & Fax: (909) 986-2433



THÔNG BẠCH TẾT TÂN SỬU - 2021

Nam Mô Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật

Kính thưa chư Tôn đức Tăng Ni và quý Phật tử,

Năm 2020 là năm đầy biến động của toàn thể nhân loại, trong đó có đất nước Hoa Kỳ của chúng ta. Toàn thể người dân của đất nước này đã và đang đối đầu với nhiều nguy biến, thách đố và hãi hùng. Giáo Hội Phật giáo Việt Nam Thống Nhất Hoa Kỳ xin kêu gọi tất cả cùng quán chiếu, suy nghiệm:

- Trước nghiệt ngã đau thương của đất nước Hoa Kỳ, chúng ta thức giác và nhận ra được gì để giúp chúng ta thể nghiệm: **Phiền não tức Bồ Đề.**
- Chúng ta khảng định: **Chúng ta đủ định tĩnh, chịu đựng và sáng suốt** vì chúng ta biết rằng trong cộng nghiệp có biệt nghiệp, do đó chúng ta sẽ dễ vượt qua đại nạn hiện nay.

Và đây là lời cầu chúc năm nay, Tết Tân Sửu.

Phật lịch 2564, California ngày 01 tháng 01 năm 2021

TM. Hội Đồng Giáo Phẩm GHPGVNTNHK
Chánh Văn Phòng



Sa môn Thích Thắng Hoan



GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM THỐNG NHẤT HOA KỲ
VIETNAMESE AMERICAN UNITED BUDDHIST CONGREGATION

HỘI ĐỒNG ĐIỀU HÀNH

COUNCIL OF MANAGEMENT
CENTRAL OFFICE

4717 W. 1st St., Santa Ana, CA 92703 * Phone: (714) 571-0473



Phật Lịch 2564

HĐĐH/TCX/CT

THƯ CHÚC XUÂN TÂN SỬU - 2021

Kính gửi:

- Chư tôn Giáo Phẩm Hòa Thượng, Thượng Tọa, Đại Đức Tăng, Ni,
- Chư vị lãnh đạo Tinh Thần các Tôn Giáo bạn,
- Quý vị lãnh đạo các hội đoàn, đoàn thể, tổ chức, cơ quan truyền thanh, truyền hình, báo chí người Việt Quốc Gia tại Hoa Kỳ,
- Quý đồng hương và Phật tử,

Nam Mô Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật,

Kính bạch chư Tôn Đức,
Kính thưa chư quý liệt vị,

Mùa xuân luôn là biểu tượng của sinh khí phát triển và thăng hoa của vũ trụ và vạn vật mà trong đó có cuộc sống con người.

Năm cũ với đại dịch, tai ương và khủng hoảng trên khắp toàn cầu sắp đi qua; trước thềm năm mới, thay mặt GHPGVNTN HK, chúng tôi xin thành tâm kính chúc:

- ♦ Chư tôn Giáo Phẩm Hòa Thượng, Thượng Tọa, Đại Đức Tăng, Ni: pháp thể khinh an, chúng sinh dị độ, Phật sự viên thành;
- ♦ Chư vị lãnh đạo Tinh Thần các Tôn Giáo bạn: thân tâm kang kiện, đạo nghiệp viên mãn;
- ♦ Quý vị lãnh đạo các hội đoàn, đoàn thể, tổ chức, cơ quan truyền thanh, truyền hình, báo chí người Việt Quốc Gia: bình an, khỏe mạnh để tiếp tục sự nghiệp phục vụ làm thăng tiến cộng đồng, góp phần vận động tự do, dân chủ và nhân quyền cho Việt Nam;
- ♦ Quý đồng hương và Phật tử: thân tâm an lạc, sở cầu như nguyện, vạn sự thăng phước.



Santa Ana, ngày 01 tháng 01 năm 2021

TM. Hội Đồng Điều Hành GHPGVNTN HK

Chủ tịch,

Linghia

Sa Môn Thích Tín Nghĩa

Cung Chúc Tân Xuân



GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM THỐNG NHẤT HOA KỲ
VIETNAMESE AMERICAN UNITED BUDDHIST CONGREGATION
CHÙA BÁT NHÃ

Bat Nha Meditation Institute of America – Bat Nha Buddhist Temple
4717 W. 1st St., Santa Ana, CA 92703 * Phone: (714) 571-0473
Email: chuabathacalifornia@gmail.com | Facebook: Chùa Bát Nhã Cali (www.facebook.com/chuabathna.cali)



THƯ CHÚC TẾT

Nam Mô Đương Lai Hạ Sanh Di Lặc Tôn Phật

Kính bạch Chư Tôn Thiền Đức Tăng Ni.
Kính thưa Quý Đồng Hương Phật Tử,

Năm 2020 đã qua với bao biến cố đau thương dịch bệnh, thiên tai lũ lụt, hỏa hoạn khắp nơi. Bao muộn phiền, biến cố của năm cũ như là một bài học cho chúng ta nhận ra giá trị của bình an, giúp ta thêm trân quý phút giây hiện tại. Chân thành tri ân quý Tôn Đức Tăng Ni, quý Thiện Hữu Tri Thức, quý Đồng Hương Phật Tử xa gần, đã gia tâm cầu nguyện, chia sẻ những khó khăn trong năm qua với Chùa Bát Nhã.

Trước thềm năm mới, Xuân Tân Sửu, chư Tăng Ni và Phật tử chùa Bát Nhã thành kính đảnh lễ và kính chúc Chư Tôn Thiền Đức pháp thể khinh an, chúng sanh dị độ, phước trí nhị nghiêm, huệ đặng thường chiếu, Phật quả châu viên. Kính chúc Quý Đồng Hương Phật Tử và gia quyến thân tâm an lạc, phúc thọ miên trường, đạo tâm kiên cố. Xin gửi đến tất cả quý vị lời cầu chúc an lành trong chính pháp và hanh thông trong cuộc đời.

Nam Mô Đại Bi Quan Thế Âm Bồ Tát
Santa Ana ngày 10 tháng 01 năm 2021

HT Thích Nguyên Trí
Viện Chủ Chùa Bát Nhã



Cung Chúc Tân Xuân



Thư Tòa Soạn

CHĂN TRÂU MÙA XUÂN

Con trâu già nằm nghỉ bên sông, miệng vẫn còn nhai nhóp nhép. Nắng chiều lấp lánh trên mặt nước. Con cò trắng vỗ cánh bay về non tây. Mực tử nghêu ngao bài đồng dao, phóc lên lưng trâu, cỡi về. Lều tranh lưng núi un khói trắng. Lối về trùng điệp cỏ lau, phất phơ múa nhảy theo gió.

Trâu vốn hiền lành và cũng dễ huấn luyện nên người đi chăn ở thôn quê thường khi chỉ là những đứa trẻ, có khi năm, sáu tuổi cũng chăn được. Thằng hoặc có người lớn đi chăn thì do gia đình không có con nhỏ, hay vì bọn nhỏ mắc đi học, sau giờ tan học mới quãng tập mà trèo lưng trâu.

Thiền tông lấy việc chăn trâu về thành một biểu đồ tu tập, từ tiệm tu đến chốn ngộ, từ chốn ngộ vào tiệm tu. Ở đời, không có việc làm gì mà chẳng trải qua thời gian và kinh nghiệm. Chuyện nhỏ còn vậy huống gì là tu luyện để giác ngộ, giải thoát. Không có chuyện lập tức thành Phật, hay chỉ chấp tay niệm nam-mô mà thành Phật, hoặc "buông đao xuống là thành Phật," (1) như nhiều người suy diễn và ảo tưởng. "Thành Phật" trong những thành ngữ trên chỉ có ý nghĩa là gieo được nhân lành cho con đường hướng về Phật quả, hoặc chỉ đơn giản là trở thành người tốt.

Con trâu được huấn luyện từ nhỏ tất nhiên sẽ thuần thực, dễ xỏ mũi, dễ sai bảo, dắt đi. Suốt thời gian được chăn dắt, có khi trâu cũng bất ngờ nổi điên, báng húc với trâu khác, hoặc gặp một sự kiện bất ngờ nào đó làm cho hoảng sợ, khiến chạy thục mạng từ làng này qua thôn khác, chạy từ trưa đến chiều tối mới dụ nó đem về lại nhà.

Trâu trong Thiền chính là tâm. Chăn trâu là điều phục tâm. Điều phục tâm là phương thức căn bản của Thiền, từ sơ cơ đến thượng thừa, nhất định là phải kinh qua. Thời gian nhanh hay chậm là tùy theo căn cơ. Nhưng tối hậu của sự chế ngự là vô ngại tự tại, không cần chế ngự gì nữa. Nghĩa là thấy được con trâu ấy, bản tâm ấy, không hề bị nhuốm sinh hoen ố, không hề tổn hao hay tăng trưởng, mà nó luôn như thế, thường hằng như thế. Nơi cảnh giới ấy, không có kẻ chăn trâu, cũng không có trâu. Người và trâu bất nhị. Tâm và cảnh nhất như.

*"Người trâu roi vọt đều không
Trời xanh vởi vợi mù trông chốc mòng
Tuyết khoe trắng giữa than hồng
Cội nguồn quê quán tao phùng một phen"* (2)
(Tuệ Sỹ dịch)

Tất nhiên để được thông dong không cần để mắt đến mà trâu vẫn ngoan hiền, nằm yên, không quậy phá thì cũng phải trải qua một quá trình huấn dục nhọc nhằn, khó khăn, mà tự đứa trẻ chăn trâu phải làm lấy, không thể nhờ cậy ai, hoặc cướp công của ai để được ngồi lên lưng con trâu ấy.

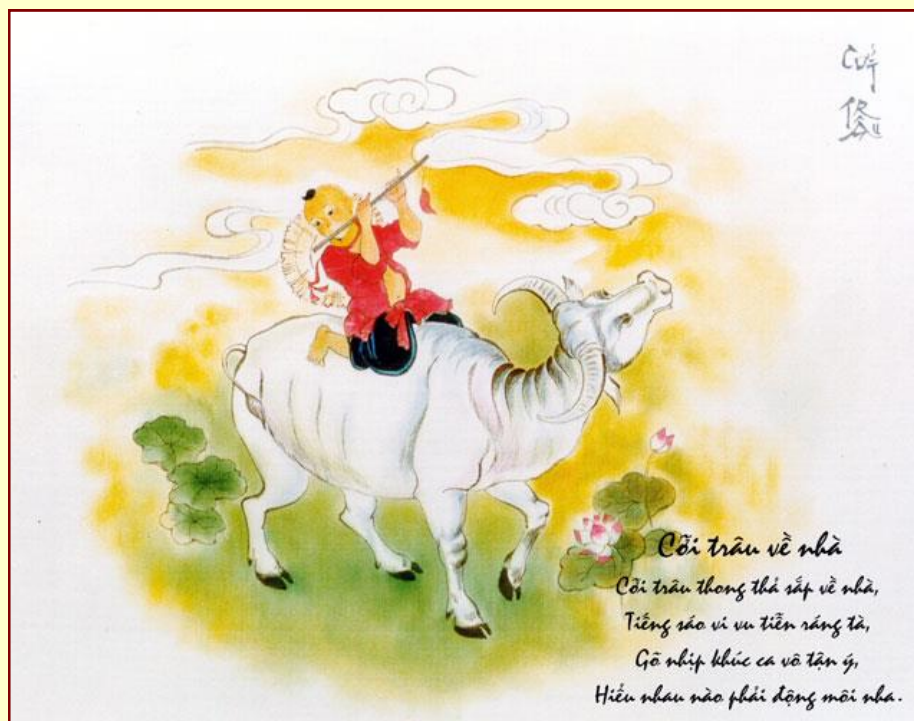
Việc nhà, việc nước, văn hóa và chính trị, cũng cần một trình tự huấn luyện, giáo dục về đức hạnh, kiến thức và kinh nghiệm như chăn trâu. Một con trâu hoang dã chưa được chế ngự chăn dắt, chắc chắn sẽ đâm đạp và gặm hết ruộng lúa của người (3).

Tu thân như chăn trâu. Dạy người như chăn trâu. Nói thì đơn giản, làm mới thực là khó. Tâm buông lung thì tham, sân, si hừng hực, hại mình hại người, không

gì ngăn nổi. Người thiếu đức, vô hạnh thì sống nơi đâu cũng chỉ biết có mình, vì mình; suốt đời chạy theo danh vọng quyền lực. Danh vọng quyền lực càng cao, kẻ vô đức càng dễ phá nát xã hội, tàn hại quốc gia; chuốc tiếng cười chê với thiên hạ mai sau (4). Chi bằng khiêm cung lo học bài học căn bản làm người, từng bước gột rửa bản tâm, không tham lam của người, không hận thù đố kỵ, không cuồng si chạy theo những thần tượng hào nhoáng, xem danh lợi như không hoa, lấy điều lợi ích cho người làm lý tưởng cuộc sống.

Được vậy thì, sáng có thể vắt vẻo ngồi lưng trâu, chiều có thể tha hồ thổi sáo thả diều nơi đồng vắng. Thương người, yêu quê. Thiết tha sống hòa với núi sông. Tâm tư dàn trải với đất trời vô hạn. Lòng rộng gió rung những nhánh lúa mới. Nội cỏ ngàn hoa đâu cũng phảng phất hương xuân theo về.

- 1) "Phóng hạ đồ đao lập địa thành Phật," tức là từ đồ tể trở thành người hiền, người tốt. Chữ *Phật* ở đây chỉ cho tánh thiện.
- 2) "*Tiên sách nhân ngư tận thuộc không
Bích thiên liêu quách tín nan thông
Hồng lô diệm thượng tranh dung tuyệt
Đáo thủ phương năng hiệp tổ tông.*"
(Nhân ngư câu vong – bài tụng thi của Thiền sư Quách Am cho tranh số 8)
- 3) "*Các thầy Tỷ kheo, đã ở trong tịnh giới thì phải chế ngự năm thứ giác quan, không cho phóng túng vào trong năm thứ dục lạc. Như kẻ chăn trâu, cầm gậy mà coi giữ, không cho phóng túng, phạm vào lúa má của người...*" (Kinh Di Giáo, HT. Thích Trí Quang dịch).
- 4) "*Trong dòng chảy thế tục, người ngu tham danh tiếng, không biết giữ đạo tối thắng. Cái họa của danh vọng hảo huyền luôn dẫn đến nhiều hối hận về sau.*" (Chúc Phú, Kinh Tứ Thập Nhị Chương - Đối Chiếu và Nhận Định, Chương 19, Danh Vọng Hảo Huyền, trang 172, nxb Hồng Đức 2014)



LỜI CHÚC ĐẦU NĂM: LỢI MÌNH LỢI NGƯỜI

Nguyễn Thế Đăng

VĂN HỌC / NGHỆ THUẬT

Lời chúc năm mới nào cũng là chúc nhau hạnh phúc. Đông thì *Vạn Sự Như Ý*, Tây thì *Happy New Year*.

Chúc nhau hạnh phúc thì phải rồi. Bởi vì hạnh phúc là điều chúng ta đi tìm kiếm, thực hiện suốt cả năm. Và cả đời.

Hạnh phúc từ cấp độ thô thiển nhất cho đến cấp độ cao siêu, bền vững nhất, là gì? Khi nào chúng ta cảm thấy hạnh phúc? Đơn giản, đó là khi chúng ta có được một lợi ích nào đó hoặc đang làm một lợi ích nào đó cho mình. Vậy thì, lợi ích cho chính mình là hạnh phúc. Và lợi ích ấy bao gồm cả thân tâm, nghĩa là lợi ích phải bao gồm cả vật chất và tâm thức. Hạnh phúc phải bao gồm vật chất và tâm thức, thân và tâm, nên chúng ta vẫn thường chúc "Thân tâm thường an lạc".

Lợi ích ấy nhỏ hẹp, cạn kiệt, chóng qua thì hạnh phúc nhỏ hẹp, cạn kiệt, chóng qua. Lợi ích ấy lớn lao, sâu xa, bền vững thì hạnh phúc lớn lao, sâu xa, bền vững.

Nhưng lợi ích cho chính mình là gì? Ai mà chẳng thương mình và tìm lợi ích, nghĩa là hạnh phúc, cho mình? Nhưng quả thật, biết thật sự thương mình là khó, biết tìm lợi ích đích thực cho mình là khó, biết tạo dựng hạnh phúc đích thực cho mình là khó. Biết bao nhiêu lần chúng ta không thương mình, tự hại mình; biết bao nhiêu lần lợi ích, hạnh phúc hôm trước trở thành tai hại, bất hạnh hôm sau. Hơn nữa, tự lợi cho mình mà gây hại cho người khác thì thân

tâm có yên ổn không. Làm sao mà có hạnh phúc đích thực được?

Phiền não, khổ đau là kết quả của việc không biết thương mình, không biết làm lợi ích cho mình, không biết gây dựng hạnh phúc cho mình.

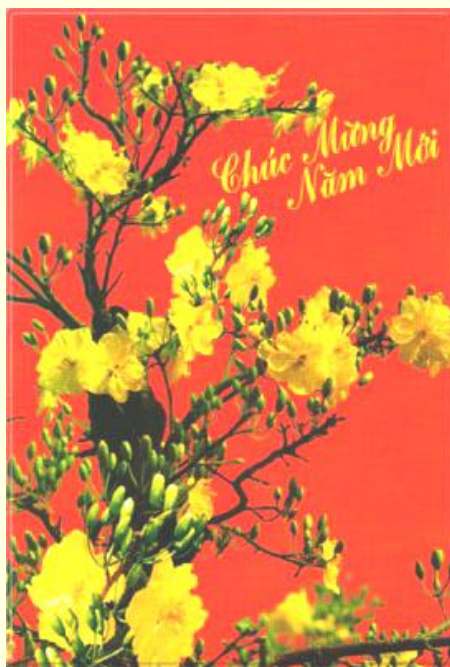
Thế nên kinh *Pháp Cú* nói:
*Nếu biết thương lấy mình
Hãy khéo bảo vệ mình
Người trí trong ba thời
Phải luôn luôn tỉnh giác.
Để làm việc bất lợi
Gây tai hại cho mình
Nhưng quả khó làm thay
Việc lợi ích tốt đẹp.*

(*Phẩm Tự ngã* câu 1, câu 7)

Một khi chúng ta có quan niệm đúng, cái nhìn đúng về đời sống (chánh kiến), tư duy đúng (chánh tư duy), hành động đúng (chánh nghiệp) và làm ăn đúng (chánh mạng) thì đó là lúc chúng ta biết thương mình, biết làm lợi ích cho mình, biết tạo hạnh phúc cho mình. Khi ấy, mỗi

ngày là một ngày biết thương mình, một ngày làm lợi ích cho mình, một ngày gieo và gặt hạnh phúc cho mình. Một ngày biết thương mình, làm lợi ích cho mình, tạo và hưởng hạnh phúc của mình, đó là lời chúc tốt đẹp nhất mà chúng ta có thể chúc, có thể cầu nguyện cho một người.

Hạnh phúc ấy có thể nhân lên cho nhiều người. Nhiều người biết thương lấy chính họ, biết làm lợi ích cho chính họ, biết tạo dựng hạnh phúc cho chính họ, thì hạnh phúc của chính chúng ta phải được nhân lên nhiều lắm lắm. Chẳng phải làm cho người khác được lợi ích, được hạnh phúc thì cái gia



tài "lợi ích và hạnh phúc" của chính chúng ta càng lớn thêm sao? Có phải sự chia sẻ làm cho một sự vật nhỏ bé trở thành lớn thêm ra? Và cái nhỏ hẹp, cạn kiệt, chóng qua khi được chia sẻ mà còn nảy nở ra thế; huống hồ cái lớn lao, sâu xa, bền vững muôn đời thì khi được chia sẻ ắt phải là một niềm vui không thể nói.

Lợi được mình là hạnh phúc thì lợi được người hạnh phúc càng lớn hơn. Người khác đã cho chúng ta cơ hội lợi được mình – không có người khác hỗ trợ, chúng ta rất khó lợi được mình – và cũng cho chúng ta cơ hội lợi được người. Người khác là ân nhân của chúng ta trong cuộc tìm cầu hạnh phúc chân thật. Thành tâm chúc thọ cho ai, tấm chúng ta hoan hỷ, hẳn nhờ thế mà chúng ta thọ được thêm vài ngày. Làm lợi ích cho ai cũng tức là tự làm lợi cho mình vậy.

Cho nên người có trí thì có thể hài hòa, thậm chí hợp nhất hai công việc: khi lợi mình cũng là lợi người, khi lợi người cũng là lợi mình. Nếu chúng ta làm được như vậy thì lúc ấy chúng ta có được sự biết thương mình lớn nhất, sự lợi ích lớn nhất, hạnh phúc lớn nhất. Khi ấy phước lộc thọ (theo truyền thống đời thường ở Á châu) hay phước đức, tử bi và trí huệ (theo Phật giáo) của chúng ta là của rất nhiều người, thậm chí của mọi người. Khi ấy phước của chúng ta là phước của tất cả mọi người, lộc của chúng ta là lộc của tất cả mọi người, thọ của chúng ta là thọ của tất cả mọi người.

Một "cái tôi và cái của tôi" được chia sẻ đến vô hạn thì "cái tôi và cái của tôi" ấy trở thành vô hạn. Lợi ích, hạnh phúc của một cá nhân được chia sẻ tới vô hạn thì khi ấy lợi ích, hạnh phúc của cá nhân ấy và cả cá nhân ấy đã trở thành vô hạn. Sự cho là vô tận thì người cho và cái được cho cũng là vô tận. Khi ấy chúng ta bắt đầu tin lời của Đức Phật: "Cánh cửa bất tử đã mở ra..."

Thế nên lời chúc đầu năm "Lợi mình lợi người" có thể dùng cho bất cứ năm nào, có thể dùng cho bất cứ đời nào, có thể vĩnh viễn được dùng.

Đó là một lời chúc vĩnh cửu. Dưới lời chúc vĩnh cửu ấy của đạo Phật, chúng ta đi, trên con đường vĩnh cửu của tự do, hạnh phúc và an vui.



MỪNG XUÂN

*Nàng xuân thấp thoáng đâu đây
Nghe lòng rộn rã tháng ngày đợi mong
Âm thầm đến giữa tàn đông
Xuân e ấp nở hương nồng hoa mai
Mềm xuân sức sống căng đầy
Nồn nà lá thắm tương lai rạt rào
Ước mơ xin bắt nhịp cầu
Đời xuân thêm sắc duyên trao nụ cười.*

HÃY TÌM ĐÀU

*Tuy hiện hữu nào biết mình có mặt
Thả suy tư mãi đua bắt đầu đầu
Bao ước mơ chưa hề nổi nhịp cầu
Đạt chí nguyện lại cho vào quên lãng*

*Chân hạnh phúc khó tìm trong dĩ vãng
Những vắn thơ chìm hẳn đáy vô thường
Tiếc nuối chi quá khứ nhạt mờ sương
Thời danh phận nay chi tuồng huyền mộng
Còn tương lai một khung trời viễn vọng
Trang diêm lên toàn chất liệu sáo từ
Suốt cuộc đời chen chúc giữa phù hư
Nhật ảo ảnh đắp xây bờ hạnh phúc
Khác nào đâu Dã Tràng xe bên đực
Sóng thời gian cuốn lập bãi phù sa
Trắng tay rồi xuân sắc thuở hoan ca
Lúc nhìn lại hồi ơi đà xế bóng*

*Chân hạnh phúc hãy tìm đâu tổ ấm?
Ồ! Trong tâm trong lẽ sống con người
Nó chân thành khi ý niệm nguồn vui
Và trọn vẹn qua nụ cười tình thức.*

thơ **THẮNG HOAN**

Hàng chuyên tinh khôi

THÍCH THANH THẮNG

VĂN HỌC / NGHỆ THUẬT

*"Chớ bảo xuân tàn hoa rụng hết.
Đêm qua sân trước một nhành mai"
(Mạc vị xuân tàn hoa lạc tận
Đình tiền tạc dạ nhất chi mai).*

Câu thơ trên của Thiền sư Mãn Giác đã trở nên quá quen thuộc để người ta nhắc nhớ về một tinh thần lạc quan tin yêu cuộc sống. Nhưng vẻ đẹp của câu thơ này không chỉ ở những ngôn từ có tính chất triết lý kia, mà chính nó được thốt lên khi con người đang đi về phương tịch diệt, đó mới là vẻ đẹp thực sự của sự sống đang có mặt.

Triết lý không phải sự sống, tư tưởng cũng không phải sự sống. Chúng chỉ là cái vỏ bọc chết khô của ngôn từ. Bởi ngay khi thi nhân thấy pháp và trực cảm được sự sống đang có mặt thì hoa năm nào, hoa mùa nào cũng là hoa của vô cùng vô tận. Và khi nhận rõ pháp duyên sinh thì sức sống không còn khoảng cách nào của ba thời quá khứ, hiện tại, vị lai. Vì vậy người nào biết thời khắc lấy tịch diệt làm an vui và nhận ra trong diệt có sinh, trong sinh có diệt, thì pháp thân trải rộng trong vô lượng nghĩa xứ, và dù xuân có tàn, ai đó cứ ngỡ hoa rụng hết, cũng vẫn còn một nhành mai của sức sống. Nhành mai kia có hoa hay không có hoa, đâu phải mất thời gian để phiếm bàn về nó, vì có sự sống nào rời khỏi cội cành của pháp duyên sinh đang có mặt.

Có một sức sống dù nhỏ nhoi âm thầm hiện diện thì vẫn còn hơn cái không còn gì. Sức sống hay tâm thức bao trùm ấy vượt qua hố thẳm của tư tưởng, khi nhân gian họ xem sự tàn úa, mất mát là tổn thất lớn lao bởi họ luôn phản định quá rạch ròi giữa hai miền sinh diệt.

Mãn Giác đã tịch diệt ư? Cái mà con người đang thấy là giới hạn không gian thời gian của ý thức, mà ý thức thì làm sao đủ sức mạnh của dung thông hòa hợp để thấy sắc tức là không mà không cũng tức là sắc.

Cái đang tàn đi, đang mất đi đó, đâu phải để trở thành cái không còn gì, cái đau khổ, cái ưu tư, cái khổn cùng, cái tàn mạt... Bông hoa biến mất trên cành như giọt sương mai biến mất khi ánh mặt trời rực rỡ, nhưng bông hoa, giọt sương, hay con người cũng từ pháp thân mà đến, tạm trú trong cái tướng vô thường của thế gian, chứ pháp thân vốn là cái bao trùm không gian, thời gian vô cùng vô tận.

Ý thức luôn sinh ra thị phi, vọng tưởng điên đảo, nên không thấy bông hoa đang nằm trong nhành hoa, tức là chỉ thấy các thực thể luôn tách rời không thể hòa nhập với pháp thân thường trú. Và càng chạy theo vọng

ảnh của pháp trần thì càng rơi vào hố thẳm tư tưởng. Hố thẳm tư tưởng là địa ngục do chính con người tự xây cất lên, tự cảm thấy không còn lối thoát, dết thêm lời ai điếu cho viễn ảnh mịt mù.

Hóa thân tịch diệt nơi vạn vật cỏ cây hoa lá, thì bóng người đi vào mênh mông, bao trùm hết thảy các pháp. Vẻ đẹp của hoa nở hay vẻ đẹp của hoa tàn đều nằm trong pháp hằng chuyển tinh khôi.

Nếu mùa xuân là hoa tươi thì mùa nào chẳng có mùa xuân. Dù hoa mùa xuân, mùa hè, mùa thu, mùa đông có nở thì cũng đến thời khắc nó phải úa tàn. Nhưng úa tàn là vô thường thì nở rộ sắc hương cũng là vô thường, không có vô thường thì không có cái sinh ra và cái mất đi. Cái mất đi chỉ là vọng ảnh của vọng kiến, nên cũng chẳng cần



phải nhọc sức để vớt vát cho cánh hoa xuân đang tàn úa kia thêm một chút sắc hương nào cả, bởi pháp này sinh thì pháp kia sinh, pháp này diệt thì pháp kia diệt, pháp sinh diệt nơi pháp thân có vô lượng nghĩa xứ và vô lượng sức sống, hay nói theo ngôn ngữ của Tịnh cảnh là Vô lượng quang và Vô lượng thọ.

Nhìn đâu cũng thấy cái "chưa tàn", nhìn đâu cũng thấy sức sống hằng chuyển, thì thấy pháp duyên sinh, mà thấy pháp thì mới thấy Phật tính bao trùm. Phật tính bao trùm thì hữu tình chúng sinh ra đời, pháp tính bao trùm thì vô tình chúng sinh xuất hiện. Phật tính và pháp tính dung thông, thì người và vạn vật cũng cùng chung một thể.

Thiền sư Huyền Quang và Thiền sư Mãn Giác đã gặp nhau ở chỗ vô thường của thường tại, ở nơi vô sinh của thường sinh. Nên hai người dù ở hai thời đại khác nhau mà đọc thơ của họ vẫn thấm nhuần một vị.

*"Người ở trên lầu, hoa dưới sân
Vô ưu ngồi ngắm, khói trầm xông
Hồn nhiên người với hoa là một
Giữa vũng hương sắc lộ hình dung.
Phương phi xuân sắc, trắng hay vàng
Thời tiết tùy loài hợp sắc hương
Khi mọi loài hoa rơi chập đất
Dậu Đông hoa cúc vẫn chưa tàn".
(Hoa cúc - Huyền Quang)*

Đọc những câu thơ này sao chẳng rung động đến tâm can. Nhìn hoa rơi mà thấy hoa nở, mà lộ ra hình dung của Chân Như, của Chân Nhân. Thi nhân cùng sinh diệt với hoa trong từng sát-na, không còn hoa không còn người, thời khắc đó chỉ có vô ưu, vô biệt và vô tâm cùng hòa vào nhịp thở của sức sống hiện sinh đang có mặt.

Vẻ đẹp của hoa nở và vẻ đẹp của hoa tàn đều phiêu du trong pháp hằng chuyển sinh diệt.

Dù hoa đương thì, xuân đang tràn ngập, nhưng nhìn vào đó đâu phải để tìm một chút rộn ràng hư dối, bởi không ai thỏa thuận được với pháp vô thường, và bởi hoa mùa nào cũng nở cũng tàn Như Vây.

"Đêm qua sân trước một cành mai", hay "Dậu Đông hoa cúc vẫn chưa tàn" là sự tái ngộ nhân duyên, dù rời xa từ vạn kiếp, một bông hoa nở sẽ nở với muôn xuân, cũng như một chiếc lá vàng rơi là sự trở về của thiên thu vậy. Hoa tàn hoa nở nhưng chưa từng xa cách nhau bao giờ. Tâm và pháp bao trùm như ý xuân và hành xuân đang tận nở. Thế thì sao chẳng đến với tin xuân trên vạn nẻo bến bờ, đâu phải chờ đợi một ngày mình già nua hay thêm tuổi.

Hoa và Xuân đều là cái giả danh, còn pháp vị Chân Như chẳng từng một



THONG THẢ TRỜI XUÂN MÂY TRẮNG BAY

*Người ghé về thăm, chiều chớm Xuân
Xôn xao bầy chim ngỡ không quen
Nhưng cành mai gầy cười thân ái
Nở đoá Xuân đầu, tặng cố nhân*

*Bước ra vườn nắng, tay trong tay
Lời không vui ý chiều Xuân này
Lòng vô tận nghĩa, nên mây trắng
Thong thả trời Xuân, lãng đãng bay*

*Một ấm trà thơm đượm tiết Xuân
Bóng hoa in đáy chén lung linh
Hoa hay là bóng,
đâu hư, thực?
Cạn chén mà hương vẫn ngát quanh*

*Sương mai và nắng sớm mong manh
Người đến, như đi, lời chẳng hẹn
Người đến,
như đi,
lời chẳng hẹn
Còn dấu chân trần, lối cỏ xanh...*

thơ

HẠNH CHI

(La Mirada – Tình Sen, Nghĩa Đạo)

lần đến hay đi, vậy thì đâu nhất thiết phải tưởng rằng xuân tàn hoa rụng hết... Chẳng có quyền uy nào làm cho hoa đang có trở thành không, vậy hà cớ gì sự tịch diệt lại cứ nghiêm nhiên nhuộm màu sắc thể thắm và ưu sâu đến vậy.

Người xưa mượn hoa xuân để nói pháp tịch diệt mà sức sống không ngừng từ muôn phương dội đến, đó chính là sự hằng chuyển tinh khôi, cũng gọi là hiện pháp lạc trú!

ĐỜI TU SĨ

*Thành thời một gánh quây an nhiên,
Phủ sạch trần ai bao chướng duyên,
Thay áo tình yêu choàng áo đạo,
Tây tâm ô trược hiện tâm thiền.
Đắp xây chánh niệm qua bờ giác,
Hóa độ quần mê thoát nẻo phiền.
Soi sáng phù du sanh tử kiếp,
Triển khai Diệu Pháp hướng chân nguyên.*

thơ THÍCH THẮNG HOAN

ĐỜI TU SĨ

*Tu hành là thẳng đến an nhiên,
Gạt bỏ thị phi với chướng duyên,
Tâm ý thành thời vui mùi đạo,
Thức tâm đồng mãnh vãng cảnh thiền.
Dựng xây chánh ý về bờ giác,
Xả bỏ tà tâm đạt nẻo thiền.
Tu Phật quán thông vô lượng kiếp,
Mở đường Diệu Pháp rõ chân nguyên.*

thơ ĐNT TÍN NGHĨA
(kính họa nguyên vận)

CHÚC MỪNG TUỔI THỌ TRƯỞNG LÃO HÒA THƯỢNG THẮNG HOAN

*Trưởng lão năm nay trọn chín tư,
Tinh thần tráng kiện, huệ hữu dư,
Tâm chuyên dịch thuật không thiếu sót,
Trí luyện kệ kinh vẫn nhất như.
Kết hạ an cư tâm vô ngại,
Chung cùng đại hội ý thù từ.
Chín mươi bốn tuổi không mỏi mệt,
Nhất tâm tán ngưỡng chẳng suy tư...*

thơ ĐNT TÍN NGHĨA

Quý đông Canh tý, Dec. 10th 2020



BIỆN TRUNG BIÊN LUẬN TỤNG THÍCH

(Giải thích những bài Tụng của bộ luận Biện Minh Trung Đạo
và Nhị Biên, trích từ trong **Thái Hư Toàn Thư**)

Dịch Giả: **THÍCH THẮNG HOAN**

TỰ TƯỜNG PHẬT HỌC

(tiếp theo kỳ trước)

b/10- Thiện Xảo Chân Thật:

***a, Trình Bày Tổng Quát:**

Bài Tụng:

"Nơi Uẩn, v.v... Ngã Kiến, Chấp Nhất, Nhân, Thọ Giả, Tác Giả, Tự Tại Chuyển, Tăng Thượng Nghĩa và Thường; Thanh Tịnh Y lìa khỏi ô nhiễm, Quán, Tánh trối buộc và giải thoát; chỗ chấp đây, phân biệt, nghĩa Pháp Tánh ở nơi kia."

Giải Nghĩa:

Bài Tụng đây là trình bày chung mười thứ Thiện Xảo. Mười thứ Thiện Xảo gồm có: Uẩn Thiện Xảo, Giới Thiện Xảo, Xứ Thiện Xảo, Duyên Khởi Thiện Xảo, Xứ Phi Xứ Thiện Xảo, Căn Thiện Xảo, Thể Thiện Xảo, Để Thiện Xảo, Thừa Thiện Xảo và Pháp Hữu Vi Vô Vi Thiện Xảo. Nơi trong mười Thiện Xảo đây đều có thể sanh khởi Ngã Kiến:

1/- Như nơi trong Ngũ Uẩn, chấp trước cho là có một Căn Thân (Thân Thể), Phật Pháp công khai quán thấy đó tức là Sắc, Thọ, v.v... Ngũ Uẩn, như thân thể tức là Sắc Uẩn, Khổ Lạc, v.v... tức là Thọ Uẩn, Tư Tưởng tức là Tưởng Uẩn, Thiện Ác, v.v... tức là Hành Uẩn, Tâm, v.v... tức là Thức Uẩn; lìa khỏi Ngũ Uẩn này ngoài ra không có một thật thể nào khác, chỉ là thể chất chứa nhóm của Pháp Uẩn, không có Ngã Thể thật tại thống nhất. Tuy nhiên cái Ngã, thông thường gọi đều cho là có cả tánh độc nhất, thật tế chính là Giả Tướng hoà hợp, cũng giống như nươg nơi đoàn thể đặt tên là Phật Học Xã, nghĩa là cùng nhau nươg nơi pháp Ngũ Uẩn mà đặt danh xưng cho người, ngoại trừ đặc biệt hoà hợp chứa nhóm không thật thể đây, chẳng qua giả danh gọi là anh

A, anh B mà thôi. Vì bị chấp một Ngã Tướng, do đó cần phải khéo léo để thông suốt được Ngũ Uẩn, cho nên gọi là Uẩn Thiện Xảo.

2/- Chấp Nhân, nghĩa là chấp trước hữu tình, mặc dù là tướng hoà hợp, nhưng tất nhiên có sự vật thật tại làm nhân và cho nhân thể đây tức là Ngã, đó gọi là chấp Nhân Ngã. Do vì bị chấp, cho nên Thập Bát Giới mới được thuyết minh. Thập Bát Giới (Mười tám Giới), chữ Giới tức là chỉ cho Nhân của nghĩa chủng tử. Nhân của nghĩa chủng tử gồm có: sáu Căn, sáu Cảnh và sáu Thức, mỗi mỗi đều có chủng tử phát khởi hiện hành, cho nên gọi là Nhân và ngoài Nhân đây không có Ngã nào khác có thể cho là Nhân được. Thập Bát Giới đây nếu đã hiểu rõ thì được mang danh xưng là Giới Thiện Xảo.

3/- Chấp Thọ đây có thứ người quan niệm rằng: nếu không có Ngã thì ai thọ báo? Do đó xác định rằng tất nhiên phải có một người để thọ báo và người đó đúng là Ngã. Nhưng quán sát tinh tế chỗ thọ báo giác ngộ được là không ngoài sáu Trần. Sáu Trần gồm có: Sắc, Thinh, Hương, Vị, Xúc, Pháp và hơn nữa sáu Trần thọ báo đích thực là không ngoài sáu Căn. Sáu Trần và sáu Căn cộng lại là mười hai Xứ. Mười Hai Xứ (sáu Trần và sáu Căn) chính là chỉ cho Năng Thọ và Sở Thọ, nhưng Năng Thọ đây bị chấp trước cho nên gọi là Xứ Thiện Xảo.

4/- Chấp Tác Giả, nghĩa là có thứ người mặc dù không chấp nhận con người thọ nhận nhân quả, nhưng lại cho vạn vật thể gian này nhất định một tác giả sáng tạo và chấp tác giả sáng tạo đó chính là Ngã. Kẻ bị chấp trước đích thực là Thập Nhị Duyên Khởi (Mười hai Duyên Khởi). Nhân quả trong ba cõi đều



không ngoài Thập Nhị Duyên Khởi này, nghĩa là Vô Minh duyên nơi Hành, Hành duyên nơi Thức, Thức duyên nơi Danh Sắc, Danh Sắc duyên nơi Lục Nhập, Lục Nhập duyên nơi Xúc, Xúc duyên nơi Thọ, Thọ duyên nơi Ái, Ái duyên nơi Thủ, Thủ duyên nơi Hữu, Hữu duyên nơi Sanh và Sanh duyên nơi Lão Tử. Sanh và Lão Tử sau cùng bị biến chuyển là do nghiệp vô minh phiền não phát khởi, ngoại trừ Thập Nhị Duyên Khởi đây không ai có thể thay thế làm Ngã được, cho nên trong Phật Pháp không bao giờ nói có Thiên Thần chủ tế tạo vật và còn phá chấp Đại Tự Tại Thiên, Đại Phạm Thiên, v.v... và cũng không nói con người có một Thần Ngã thường trụ bất diệt. Mặc dù nói rằng Thức thứ tám có công năng làm ông chủ khi đi thì đi sau, khi đến thì đến trước, nhưng Thức đây không thể tạo tác, vì nó không có năng lực tự chủ cho nên bị chuyển biến theo nghiệp trở thành dòng nước chảy và nghiệp quyết định đi đông thì đi đông, quyết định đi tây thì đi tây, không may tự quyết định. Ý Thức thứ sáu mặc dù có thể tạo nghiệp, nhưng bị theo duyên để sanh khởi và theo duyên để biến diệt và nó cũng không tự tại. Cho nên không có Ngã để làm chủ tác giả, chỉ có Vô Minh, v.v... của Thập Nhị Hữu Chi làm chủ tác giả. Do Vô Minh cho nên không rõ được vô ngã, không rõ được khổ, vì thế tạo nghiệp mà phải cảm thọ quả báo sanh tử; tất cả nghiệp báo đây chính là Thập Nhị Duyên Khởi làm chỗ chuyển biến sanh khởi. Do vì nương theo Thập Nhị Duyên Khởi thế nên bị chấp trước cho là tác giả.

5/- Chấp Tự Tại Chuyển, Tự Tại Chuyển nghĩa là chuyển biến theo tự ý. Ngoài ra các thứ pháp có số người cho là do Tự Tại Lực chuyển biến, đó chính là chỉ cho Ngã, chỉ cho Chủ Tế. Muốn phá chấp này phải thiện xảo xử phi xử, nghĩa là tất cả pháp tuyệt đối không có Tự Tại Lực; mỗi pháp đích thực có là có như thế, đích thực có là không như thế, có chỗ gọi là có đúng chỗ (xử), có chỗ gọi là không đúng chỗ (phi xử); như đất thì có thể chuyển chỗ (đích thực là có như thế, là có đúng chỗ) nhưng không thể che chỗ (đích thực là không như thế, không đúng chỗ), lửa có thể nóng nhưng không thể lạnh, mỗi pháp đều có là xử phi xử, phá chấp này gọi là xử thiện xảo (là khéo léo đúng chỗ).

6/- Tăng Thượng Nghĩa, nghĩa là có một thứ người chấp trước cho rằng có thứ Nghĩa của thế lực đặc biệt thù thắng, gọi là Tổ Ngã (làm bản ngã), như Nhãn Căn có thể phát ra Nhãn Thức, Nhãn Căn nếu như hư hoại thì không có Nhãn Thức, Nhãn Căn chính là Tăng Thượng của Nhãn Thức. Nương nơi đây mà chấp ngã, nghĩa là nói phạm pháp Tăng Thượng đều không thể xuất sanh ra hai mươi hai Căn được (Hai mươi hai Căn gồm có: 6

Căn [Nhãn Căn, Nhĩ Căn... Ý Căn], 3 Căn [Nam Căn, Nữ Căn, Mạng Căn], 5 Thọ Căn {khổ, vui, mừng, lo, xả}, 5 Thiện Căn [Tín, Tấn, Niệm, Định, Huệ], 3 Vô Lậu căn {Vị tri đương tri Căn, Dĩ tri Căn, Cụ tri Căn [Trích trong Từ Điển Phật Học Huệ Quang]}, ngoại trừ đây không có Ngã riêng làm Nghĩa Tăng Thượng, đó chính là Căn Thiện Xảo.

7/- Chấp Vật Thể Thường Trụ là Ngã. Ngoại trừ bị chấp đây, đạo lý ba cõi, đạo lý này là pháp nhân quả do chỗ chấp mà có nhân quả sanh diệt, có ba đời là quá khứ, hiện tại, vị lai. Rõ ràng ngoài tánh không của các pháp ra, tất cả pháp đều không có thường trụ, đây là Thế Thiện Xảo.

8/- Nương nơi tạp nhiễm thanh tịnh đây, nghĩa là nương tựa nơi chỗ chấp trước tạp nhiễm thanh tịnh làm Ngã. Ngoại trừ chỗ chấp trước này, đạo lý Tứ Đế là đạo lý nhân quả của pháp tạp nhiễm và đạo lý này chính là Khổ Tập; đạo lý nhân quả của pháp thanh tịnh và đạo lý này chính là Diệt Đạo. Do nương tựa nơi Tứ Đế mà có tạp nhiễm và thanh tịnh. Ngoại trừ Tứ Đế này, không có pháp tạp nhiễm và thanh tịnh nào khác. Ngã chấp nếu như phá được đó chính là Đế Thiện Xảo.

9/- Chấp Quán Hạnh làm Ngã, nghĩa là chấp ba Thừa Thánh Quả làm Ngã. Ngoại trừ chấp ngã đây, ba Thừa không phải là Thừa, như kẻ thường tu quán hạnh thì có thể chứng quả Thánh và nương nơi nghĩa này mà kiến lập nghĩa của ba Thừa là Thịnh Văn, Duyên Giác và Bồ Tát; ba Thừa Thánh Quả này đều nhờ tu hành mà được chứng đắc, đứng ra ba Thừa Thánh Quả không có Ngã Thể thật tại. Ba Thừa nếu như có thể phá chấp đó chính là Thừa Thiện Xảo.

10/- Chấp trói buộc giải thoát đây làm Ngã, nghĩa là có thứ người cho là sanh tử có trói buộc, niết bàn có giải thoát, nếu như



không có Ngã Chủ Tế thì nhất định không có sanh tử và niết bàn. Nếu muốn phá trừ chấp trước này, phải hiểu rõ tất cả pháp hữu vi, vô vi, nghĩa là tất cả pháp hữu vi do nhiệm ô cho nên có bị trói buộc và tất cả pháp vô vi thanh tịnh nhờ chứng đắc cho nên có được giải thoát. Nhờ phá trừ được sự chấp trước pháp trói buộc và pháp giải thoát cả hai đều không có ngã, cho nên gọi là Pháp Hữu Vi Vô Vi Thiện Xảo.

Nương nơi mười Thiên Xảo để phá trừ mười Ngã Kiến. Lại nữa ở trong mười thứ pháp Thiện Xảo này, mỗi một pháp đều bao gồm ba Tánh: như ở trong Sắc Pháp của Ngũ Uẩn, nương nơi Sắc Pháp mà chấp cho rằng có thật thể, đó chính là Biến Kế Sở Chấp Tánh; hiểu rõ Sắc Pháp là do các duyên sanh ra và do Duy Thức biến hiện, đó chính là hiểu rõ Y Tha Khởi Tánh; hiểu rõ Sắc tức là không, đó chính là hiểu rõ Viên Thành Thật Tánh. Nơi Sắc Uẩn đã là như thế, cho đến Thọ Tưởng Hành Thức và Giới Xứ, v.v...cũng là như thế, cho nên ba Tự Tánh đây đều ở khắp trong các pháp Ngũ Uẩn. Mười cảnh thiện xảo trên đã được trình bày tổng quát.

*b, Biện Minh Riêng Biệt:

1>Uẩn Thiện Xảo:

Bài Tụng:

“Không phải một và tóm lược tổng quát, nghĩa Phần Đoạn gọi là Uẩn.”

Giải Nghĩa:

Bài Tụng đây là giải thích Uẩn Thiện Xảo. Uẩn là nghĩa hoà hợp chứa nhóm, cũng gọi là tụ hợp. Sắc không phải một Sắc, Thọ không phải một Thọ, chính là nhiều thứ tập hợp, nên gọi là không phải một. Đem nhiều thứ pháp đây hợp nhau lại làm một pháp tụ gọi là tóm lược tổng quát. Không phải một đây như trên đã tóm lược nghĩa là có thể phân đoạn, nên gọi là Uẩn. Phân Đoạn, nghĩa là phân chia mạch lạc, như con người là một hệ hình thể nhưng trong đó có Sắc, Thọ, v.v... hoà hợp chứa nhóm. Ở trong Sắc tự nó trở thành phân đoạn gọi là Sắc Uẩn. Sắc Uẩn đã là như thế, Thọ Uẩn cũng là như thế, Tưởng Uẩn cũng là như thế, cho đến Thức Uẩn cũng là như thế. Chữ Uẩn người xưa dịch là Âm, chính là nghĩa che phủ, ngày nay căn cứ nơi

nghĩa chính của nó dịch là Uẩn.

2>Giới Thiện Xảo:

Bài Tụng:

“Năng, Sở Thủ, Bị Thủ; nghĩa chung từ gọi là Giới.”

Giải Nghĩa:

Bài Tụng đây là giải thích mười tám Giới. Năng Thủ tức là sáu Căn, Sở Thủ tức là sáu Trần, Bị Thủ tức là sáu Thức. Mười tám pháp đây đều gọi là Giới. Nghĩa của Giới tức là Chung Tử, hiểu rõ nghĩa của mười tám Giới đều có khả năng sanh ra chủng tử Nhân, nên gọi là mười tám Giới.

3>Xứ Thiện Xảo:

Bài Tụng:

“Năng thọ chỗ Liễu Cảnh; Dụng, nghĩa là Môn gọi là Xứ.”

Giải Nghĩa:

Bài Tụng đây giải thích mười hai Xứ. Nói đến Xứ là nói đến nghĩa Hữu Dụng, là nói đến Nghĩa Môn; Hữu Dụng, nghĩa là có khả năng thọ dụng; Nghĩa Môn, nghĩa là chỗ chuyên môn thọ dụng; chỗ có khả năng thọ dụng chuyên môn chính là chỉ cho sáu Căn; chỗ chuyên môn để thọ dụng chính là sáu Trần.

4>Duyên Khởi Thiện Xảo:

Bài Tụng:

“Nghĩa Duyên Khởi nơi Nhân, nơi Quả, nơi Dụng; không tăng giảm.”

Giải Nghĩa:

Bài Tụng đây giải thích Duyên Khởi Thiện Xảo. Đối với Nhân, với Quả, với Dụng không thấy có tăng ích và tổn giảm, tức là hiểu rõ thật tướng của nhân, của quả, của dụng nơi Thập Nhị Duyên Khởi. Không thấy phát khởi tổn giảm chính là thừa nhận có nhân quả. Không thấy phát khởi tăng ích chính là không chấp nhận có Thiên Thần, có Thần Ngã, v.v... và không chấp nhận có nhân bình đẳng. Nếu như hiểu rõ nghĩa này tức là đã lìa khỏi vọng chấp tăng ích và tổn giảm, đây là Duyên Khởi Thiện Xảo.

(còn tiếp)



**GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM THỐNG NHẤT
VIỆN TẶNG THỌ**

THƯ KHÁNH THỌ

Kính gửi:

Trưởng lão Hòa thượng THÍCH THẮNG HOAN
CHÁNH VĂN PHÒNG
HỘI ĐỒNG GIÁO PHẨM
GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM THỐNG NHẤT HOA KỲ

Kính bạch Hòa thượng,

Thành kính dâng lời khấn thọ lên Hòa thượng, 94 xuân thu trụ thế, là cây đại thọ trong rừng Thiền, làm bóng cây che mát bốn chúng đệ tử, cùng hòa hiệp tu học, hộ trì Chánh pháp tồn tại thế gian, vì sự tăng ích và an lạc của chúng sanh.

Kính nguyện Tam Bảo gia trì pháp lực, hộ trì Hòa thượng thân tâm an lạc, tứ đại điều hòa, khởi cư khinh lợi, mãi mãi là ánh sáng soi đường cho chúng đệ tử Phật tiến tu Đạo nghiệp.

*Nam-mô Thánh Vô Lượng Thọ Quyết Định Quang Minh Vương
Như Lai Chứng minh.*

*Phật lịch 2564,
Tiết Đông Chí, năm Canh Tý*

Tuệ Sỹ

Hậu học Tỳ-kheo Thích Tuệ Sỹ

VẤN ĐỀ KHỔ-VUI

Ni sư Thích Nữ Trí Hải

TƯ TƯỞNG PHẬT HỌC

Có những tôn giáo ca tụng khổ đau như phương tiện duy nhất để đạt đến giải thoát, do đó mà có những trường phái khổ hạnh ép xác, nằm gai nếm mật... trong nhiều tôn giáo khác nhau. Bởi vì họ cho chính thân xác này là nguồn gốc của tội lỗi, nên muốn chuộc tội thì phải hành phạt nó cho xứng đáng. Và tội lỗi đây là tội đối với thần linh, đối với những nhân vật vô hình mà họ nghĩ có rất nhiều quyền uy và cũng như con người, có thương có ghét, đầy đủ thất tình lục dục, hằng say thường thiện phạt ác.

Khuynh hướng tôn thờ đau khổ còn được tìm thấy trong một số triết gia, thi sĩ, văn sĩ lãng mạn ở mọi thời, mọi xứ. Những người này cho đau khổ như nguồn thi hứng bất tận giúp họ sáng tác, do đó họ đi tìm đau khổ, đào bới cho ra khổ đau, để tìm trong đó một độ sống nồng nàn giữa cuộc đời nhạt phèo vô vị. Cái khuynh hướng tâm cầu khổ đau ấy đã đẻ ra những văn nghệ sĩ than mây khóc gió, "không ốm mà rên".

Khuynh hướng ấy theo phân tâm học ngày nay là một thứ tâm bệnh, bệnh "tự hành khổ" (masochism). Như S. Freud mô tả, hạng này luôn luôn cho mình thấp kém, tội lỗi, xấu xa, gán hết tất cả những gì tốt đẹp, thánh thiện, thanh cao cho một đấng tối cao rồi quy lạy trước đấng ấy để van xin lại một chút ân sủng, một chút ánh sáng (mà họ đã gán cho vị ấy). Freud đi đến kết luận rằng, tôn giáo thần quyền là một hình thức tâm bệnh tập thể.

Đức Phật không chủ trương rằng đau khổ đem lại giải thoát. Nếu khổ đưa đến giải thoát thì chúng sinh ở địa ngục nọ quý đáng lẽ được thành Phật trước hơn ai cả, và trâu bò lừa ngựa sẽ giải thoát trước cả chúng ta, bởi vì chúng kéo cày chở nặng suốt đời. Ngài cũng không tuyên bố rằng chỉ có vui mới đem lại giải thoát. Nếu vui có thể đem lại giải thoát, thì chúng ta nên bỏ hết thời giờ để theo đuổi các thú vui cho thỏa thích.

Trái lại, Phật phân tích hai loại khổ, hai loại vui. Có cái khổ hiện tại đưa đến tương

lai cũng khổ, cái khổ ấy ta nên tránh. Đó là những khổ hạnh theo tà kiến, như cầu hạnh, ngưi hạnh (làm như trâu, làm như chó với hy vọng như thế sẽ được sanh lên trời). Đó là những nghiệp bất thiện của thân, miệng, ý hiện tại bị người có trí quả trách, tương lai bị sinh vào địa ngục. Nhưng có loại khổ hiện tại mà đưa đến vui tương lai, cái khổ ấy ta không nên tránh mà hãy vượt qua. Đó là nỗi khổ của người bình sinh có nhiều tham, sân, si, khi biết đạo, bắt đầu tu tập, phải cố gắng nhiếp phục chúng. Nỗ lực nhiếp phục những tánh xấu nơi mình cố nhiên là một nỗi khổ, nhưng cái khổ ấy ta cần phải vượt qua. không thể vì khổ mà ta không cố gắng, để cho các thói xấu tiếp tục làm chủ mình.

Vui cũng vậy, có hai loại vui. Có cái vui hiện tại đưa đến khổ tương lai, vui ấy ta nên tránh. Như cái vui của sự phóng túng không theo giới luật, cái vui của kẻ làm ác mà vênh vang tự đắc (gọi là *tà mạn* hãnh diện về việc ác). Đó là những cái vui của vô minh, sẽ đưa đến tương lai khổ, khi hành vi tội ác bắt đầu kết quả. Nhưng ngược lại, có cái vui của hiện tại đưa đến tương lai cũng vui, cái vui ấy ta nên thực hiện, và thực hiện nhiều lần. Đó là niềm vui do các việc lành đem lại, do bố thí, trì giới, nhẫn nhục, do không tham, không sân... đó là cái vui không còn bóng dáng đau khổ, gọi là "hỷ lạc do ly dục sanh" ở cảnh giới sơ thiền sau khi gột sạch năm triền cái, phát sanh năm thiền chi (tầm, tứ, hỷ, lạc, nhất tâm) cái vui ở cảnh giới nhị thiền (hỷ lạc do định sanh), tam thiền (xả niệm lạc trú) và tứ thiền (xả niệm thanh tịnh). Đó đều là những niềm vui của tịch diệt.

Nói tóm, Đức Phật không chủ trương nên vui hay nên khổ trên phương diện cảm thọ, nghĩa là vui khổ trong vòng sống chết. Đúng hơn, Ngài khuyên chúng ta hãy tránh những khổ vui nào đưa chúng ta càng ngày càng xa sự giải thoát, và đừng tránh những khổ vui nào đưa ta tới gần giải thoát, niết bàn, là cái vui tối thượng một cảm thọ siêu thoát ngoài khổ vui thế gian.



MƯỜI BỨC TRANH CHẶN TRÂU

Trúc Thiên

TƯ TƯỞNG PHẬT HỌC

Lời tòa soạn: Mở đầu cho bài **LUẬN TÁM - MƯỜI BỨC TRANH CHẶN TRÂU**, trong Thiền Luận (tập 1, trang 601, An Tiêm ấn hành 1969, Phật Học Viện Quốc Tế sao chụp và in lại nguyên bản năm 1989) của Thiền sư Suzuki, dịch giả Trúc Thiên viết:

"Trong bài luận này, tương đối rất ngắn, xếp vào loại phụ lục, tác giả giới thiệu qua ý nghĩa của đề tài, rồi dịch mười bài thơ chẵn trâu, thuộc loại Thiền Tông.

Dịch giả không tìm được nguyên bản chữ

Hán, nên thay vì dịch qua bản dịch, xin thay thế bằng một bài của chính dịch giả." (T.T.)

Như vậy, bài sau đây rõ ràng là của cố Cư sĩ Trúc Thiên, trích từ Thiền Luận tập 1, từ trang 599 đến 621; nhưng hầu hết các trang mạng Phật giáo đều tách riêng bài này và ghi tác giả là Thích Tuệ Sỹ, rồi cuối bài mới kèm theo phần **"Phụ Lục - Thi tụng và Họa của Các Thiền Sư về Tranh Chặn Trâu"** do "Tuệ Sỹ soạn tập." Qua đó, chúng tôi tin rằng phần Luận Tám - Mười Bức Tranh Chặn Trâu này là do Cư sĩ Trúc Thiên viết (không phải dịch từ Thiền Luận của Thiền sư Suzuki); còn phần Phụ Lục với thi tụng của các thiền sư Quách Am, Phổ Minh và Cư Triệt là do Thầy Tuệ Sỹ soạn dịch theo yêu cầu của Cư sĩ Trúc Thiên (được đăng bổ túc đầu đó sau khi cư sĩ Trúc Thiên mất phần).

MỤC NGỮU ĐỒ là tranh chặn trâu. Tranh ra đời tự triều đại nào, dưới ngọn bút lông nào, khó mà tra cứu cho đích xác được. Điều chắc chắn là tranh có từ xa xưa lắm, ban đầu chỉ có sáu bức, sau thất lạc luôn. Mãi



đến từ đời nhà Tống, thế kỷ XII, nhiều bộ tranh mới bắt đầu xuất hiện từ các tông lâm, thiền viện, phản ánh nhiều khuynh hướng khác nhau trong sự tu tập. Như vậy là không phải chỉ có một bộ, mà nhiều bộ "mục ngữu đồ" khác nhau, tất cả đều được nhuần tinh thần Phật giáo Bắc Tông. Trong số ấy hiện nay được truyền tụng nhất là tranh của hai họa sĩ áo nâu THANH CƯ và QUÁCH AM.

Tuy có nhiều bộ tranh, nhưng bộ nào cũng như bộ nào, đều có 10 bức, mỗi bức có một bài tụng bằng thơ tứ tuyệt, và

một bài chú giải bằng văn xuôi. Đó là về hình thức. Còn về tinh thần thì tranh tuy có nhiều, nhưng có thể xếp thành hai loại: loại tranh theo khuynh hướng Đại Thừa, và loại tranh theo khuynh hướng Thiền Tông. Trong hai loại, tranh vẽ sai khác nhau hết, nhưng bài tụng và chú riêng cho mỗi loại vẫn không thay đổi.

A. TRANH ĐẠI THỪA

I. TRANH

Tranh Đại Thừa vẽ con trâu đen. Lần lượt qua từng bước họa, trâu đen trở trắng lần lần, trắng từ trên đỉnh đầu, lan dần xuống mình, rồi chót đuôi.

Đó là tượng trưng cho phép tu TIỆM. Theo phép tu tiệm thì phải rất nhiều công phu mới tiến lên được từng nấc thang giác ngộ; nhờ công phu, cái tâm vọng lần hồi cạn lọc được trần cấu mà sáng lần lên, cũng như nhờ được diu dắt mà con trâu hoang lâu ngày chầy tháng thuần thực lần, và trắng lần lớp da đen dơ dáy:

*Nhật cứu công thâm thị chuyên đầu
Điền cường tâm lực TIỆM điều nhu*

(Công phu chầy tháng mới quay đầu
Tâm loạn lần hồi chịu thuận nhu)

Còn về thứ lớp thì bộ tranh Đại Thừa nào cũng mở đầu bằng bức họa vi mục (chưa chẵn) vẽ con trâu hoang, và khép lại bằng bức họa song dẫn, vẽ một vòng tròn tượng trưng cho Viên Giác. "Song dẫn" là dứt hết cả hai: trâu và mục đồng, tâm và cảnh, dứt được hết là hiển hiện ánh Chơn Như lung linh trong màu cỏ nội hoa ngàn:

*Nhân ngư bất kiến yếu vô tung
Minh nguyệt quang hàn vạn tượng không
Nhược vấn kỳ trung đoạn đích ý
Dã hoa phương thảo tự từng từng*

nghĩa:

Người trâu chẳng thấy biệt mù tăm
Trắng sáng soi trùm muôn tượng không
Ví hỏi vì sao đoạn đích ấy
Um trùm cỏ nội với hoa đồng.

Chúng ta có thể thường thức vài bộ tranh chẵn trâu loại Đại Thừa này trong cuốn Judo International của Liên Đoàn Nhu Đạo Pháp quốc, do Jagarin sao lục lại và có dịch luôn các bài tụng và chú; trong *Phật Học Tinh Hoa* của giáo sư Nguyễn Duy Căn; trong pho sách cổ "Mục ngư đồ" bằng chữ Hán tại thư viện chùa Xá Lợi; trong tập "Học làm Phật" của thầy Trường Lạc (chùa Linh Chưởng ấn hành, 1964) trong ấy có đủ mười bài thơ chẵn trâu Đại Thừa, vừa nguyên tác vừa bản dịch của Tuệ Nhuận.

II. NỘI DUNG

Đề tài chung của các loại tranh chẵn trâu là đường lối tu tập. Đường lối tuy nhiều, song không ngoài việc bắt tâm. Nên thập mục ngư đồ có thể coi như là lời giải đáp cho câu hỏi trong kinh Kim Cương:

"Vấn hà hàng phục kỳ tâm?"

(Làm sao làm chủ được cái tâm?)

Tâm ở đây là con trâu. Vì có trâu nên có mục đồng. Vì có tâm nên có cảnh. Tất cả cố gắng của Đại Thừa đều nhằm vào sự "cột" trâu, tức là "điều tâm" vậy. Tâm là con trâu hoang. Muốn trị nó phải dùng những biện pháp mạnh, như đánh bằng roi, xỏ mũi bằng giây lòi tói v.v... Cũng vậy, muốn trị tâm, cần quy y, giữ giới cấm, phát tâm bồ đề v.v... Lâu ngày chầy tháng, trâu trở nên thuần thực, tâm trở nên điều hòa. Đó là bước đầu, diễn tả bằng năm bức họa đầu: "vi mục, sơ điều, thọ chế, hồi thủ và tuần phục". Đó là giai đoạn của GIỚI vậy, mở đường cho ĐỊNH phát sanh trong giai đoạn kế.

Trong giai đoạn này, tâm đã tuần phục, khỏi phải chẵn giữ. Tâm đã định, không gặp gì chướng ngại.

Tâm định là ngã chấp hết, song vẫn còn pháp chấp.

Đó là bước tu chứng của hàng tiểu thừa (thanh văn và duyên giác) diễn đạt bằng

hai bức họa "vô ngại" và "nhiệm vận".

Cần đi thêm bước nữa, khai thác HUỆ giác đến chỗ TÂM vô TÂM:

"Nhân vô tâm, ngư diệc vô tâm".

Đến đây mới phá được pháp chấp: pháp cũng không, mà ngã cũng không, trâu cũng mất mà người cũng mất, cảnh cũng quên mà tâm cũng quên. Trước hết trâu mất còn người. Rồi người cũng mất luôn. Đó là cảnh giới của Bồ tát, diễn tả bằng hai bức họa "tương vong" và "độc chiếu":

"Tâm cảnh song vong nãi thị chân pháp".

Từ đó, đi thêm bước nữa vào cảnh giới Như Lai, không nói được nên lời, mà chỉ có thể hình dung bằng một vòng tròn: Viên Giác. Đó là ý nghĩa của bức tranh chót (song dẫn) khép lại quá trình tu chứng theo TIỆM GIÁO, đi từ giới đến định và huệ, từ thanh văn, duyên giác đến bồ tát, Phật, từ hữu tâm đến tâm và vô tâm, từ chỗ tất cả đều có đến chân pháp đều không v.v... Đó là vô dư Niết Bàn.

Tóm lại, "Thập mục ngư đồ" vẽ lại quá trình công phu của người học đạo, trước hết tự thăng bản năng mình, sau đến tự tri, cuối cùng chỉ để tự tại thôi (ête simplement). Cái vòng tròn cuối cùng (tranh 10: song dẫn) tượng trưng sự đoạn tuyệt với tất cả những nếp suy tư của chúng ta, cắt đứt hẳn một trạng thái ý thức và hiện hữu mà thường chúng ta không được biết". (J. L. Jagarin: Le Judo International)

B. TRANH THIÊN TÔNG

I. TRANH

Tranh Thiên Tông có loại vẽ con trâu đen, có loại vẽ con trâu trắng. Trâu trắng là ý nói "bạch ngư xa", xe trâu trắng, tức là Phật thừa. Đạo Phật có ba thừa - ba cỗ xe - là xe dê, xe nai và xe trâu (thường) chở các hàng thanh văn, duyên giác và bồ tát ra khỏi nhà lửa mà thành đạo. Tuy nhiên, ba thừa chỉ là phương tiện giả lập lên, những hóa thành, những pháp môn tiếp dẫn dùng cho người kém khí lực. Đối với hạng thượng căn thì chỉ một thừa thôi - Phật thừa - trực tiếp đưa người vào cảnh giác. Phật thừa là "bạch ngư xa". Bạch ngư xa, chính là cái tâm đại giác viên mãn của Phật. Thiên Tông chủ trương trực tiếp thành Phật là vậy.

Tuy nhiên, lý thuyết là lý thuyết, loại tranh vẽ trâu trắng vẫn hiểm hoi, ít thường thức bằng loại tranh vẽ trâu đen, rắn rỏi, mộc mạc, gần cuộc sống hơn.

Dầu trắng hay đen, con trâu Thiên đều giữ nguyên vẹn một màu lông qua các giai đoạn biến chuyển. Đó là phép tu ĐỔN. Đổn giáo dạy rằng người ta thành Phật là thành ở nội tâm, "hoạt nhiên" mà thành, không phải thành lần hồi, theo cấp bậc; xưa

nay chưa hề có Phật cấp bậc bao giờ (Bổn lai vô thứ đệ Phật – Hy Vận), nên người ta hoặc là Phật, hoặc không là Phật, chớ không thể suyết thành Phật, Phật chút chút, lai rai được.

Còn về thứ lớp thì tranh Thiền Tông nào cũng mở đầu bằng bức họa tầm trâu, vẽ một chú mục đồng đi tìm trâu (trâu không có trong hình) và khép lại bằng bức họa nhập thiền thù thủ (buông tay vào chợ) về một nhà sư trộn lẫn cùng thế tục.

Riêng về cái vòng tròn Viên Giác nằm ở bức họa thứ 10 của Đại Thừa, qua bên Thiền Tông lại thụt lùi về hàng thứ 8, mà đề là nhân ngư câu vong, nghĩa là trâu và người đều quên. Bảng đối chiếu sau đây cho ta thấy sự sai khác nhau giữa hai loại tranh, về hình thức cũng như về nội dung:

Tranh Đại Thừa	Tranh Thiền Tông
1. Vị mục: chưa chăn	1. Tầm trâu: tìm trâu
2. Sơ điều: mới chăn	2. Kiến tích: thấy dấu
3. Thọ chế: chịu phép	3. Kiến ngư: thấy trâu
4. Hồi thủ: quày đầu	4. Đắc ngư: được trâu
5. Tuần phục: vâng chịu	5. Mục ngư: chăn trâu
6. Vô ngại: không ngại	6. Kỵ ngư qui gia: cỡi trâu về nhà
7. Nhiệm vận: tha hồ	7. Vong ngư tồn nhân: quên trâu còn người
8. Tương vong: cùng quên (vẽ vòng tròn)	8. Nhân ngư câu vong: người trâu đều quên
9. Độc chiếu: soi riêng (vẽ vòng tròn)	9. Phán bổn hoàn nguyên: trở về nguồn cội
10. Song dẫn: dứt cả hai	10. Nhập triều thù thủ: thống tay vào chợ

Chúng ta có thể thường thức loại tranh này tại chùa Tam Tông Miếu, đường Cao Thắng Sài Gòn; tranh vẽ lớn trên tường bằng sơn dầu, tại chánh điện; tuy nét bút thiếu cổ



kính, tranh cũng phản ảnh phần nào cái thiền phong ngày trước.

Ngoài ra, chúng ta có thể tìm xem nhiều loại khác trong các tác phẩm sau đây của hội Phật học Luân Đôn, do giáo sư Thiền học Suzuki biên soạn:

- The Ten Oxherding Pictures,
- Manual of Zen Buddhism,
- Essays in Zen Buddhism, First Series.

Còn một loại tranh khác, rất cổ kính, in bằng một bản, do Paul Reps sưu tập trong tác phẩm Zenflesh Zen bones (Thiền cốt Thiền nhục), xuất bản tại Nhật (Ed. Charles E. Tuttle Co – Rutland Vermont – Tokyo Japan – 1957). Chính từ tác phẩm này chúng tôi trích in lại mười bức họa sau đây.

II. NỘI DUNG

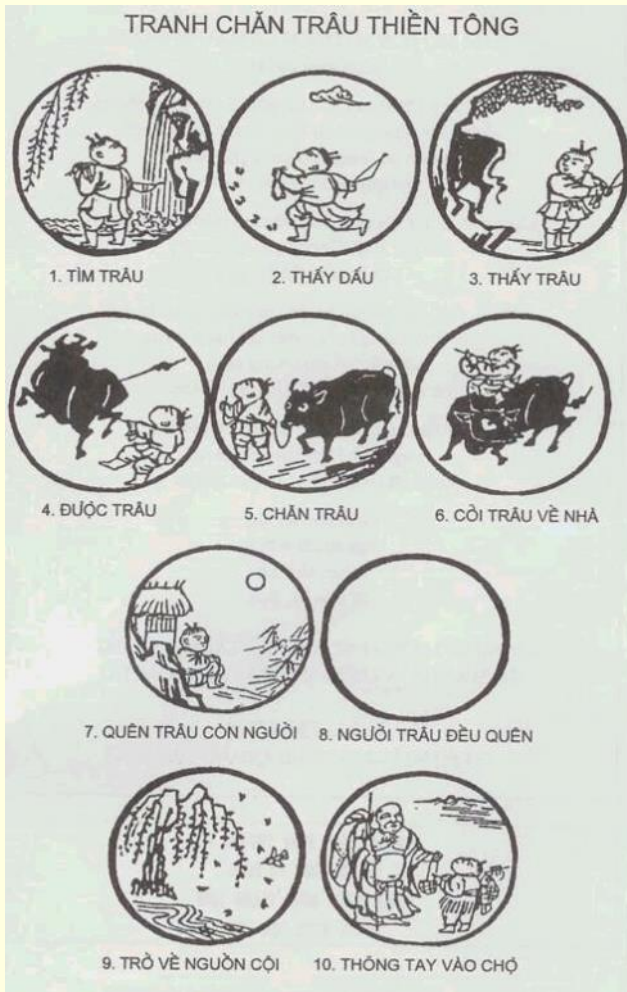
Cũng như ở hầu hết các pháp môn khác, vấn đề đặt ra cho Thiền vẫn là sự “hàng phục kỳ tâm”. Tâm của Đại Thừa là ngã tướng. Đến Thiền thì cái ngã được thu hẹp thành cái niệm. “Tôi tư duy, tức có tôi”. Niệm là ý nghĩ, là tư duy, là intellect, được coi là phần tử cốt cán của cái “tôi”. Nên Thiền dạy vô niệm, dạy cắt đứt suy tư, bất cứ suy tư gì:

vô niệm: niệm tức chánh
hữu niệm: niệm thành tà
(Pháp Bửu Đàn kinh)

Do đó Thiền kỵ hý luận, không giảng dạy, thường chỉ ngậm miệng quên lời, thảng hoặc có nói thì thường chỉ nói bằng lối phi lý luận. Trong quá trình phân phái của đạo Phật, Thiền quả là nhất búa cuối cùng của Đại Thừa đập vào óc thông minh ưa lý luận mà loài người chúng ta hằng tự phụ.

Trong hệ thống các pháp môn, Thiền là đốn giáo, chủ trương thấy được tánh là tức khắc thành Phật, tại đây và ngay ở phút giây này.

Tuy nhiên, pháp môn nào cũng có tu và có chứng. Chứng là một biến cố đột ngột,



ngoài thời gian. Đó là một sự thật quá ư thật, như tiểu sử nhiều thiên tổ đã chứng rõ. Tuy nhiên, cũng vẫn những tiểu sử ấy còn cho ta thấy trước khi được đốn ngộ, hầu hết các tổ, và trước hết là Phật Tổ, đều trải qua nhiều đoạn đường dọ dẫm rất gay go. Như vậy là sự tu tập vẫn phải đặt trong chiều thời gian mà đi đến lần hồi vậy, hay nói một cách khác: tu thì tiệm mà chứng thì đốn.

THẬP MỤC NGƯU ĐỒ của Thiên Tông cũng ghi lại bước tiến từng bực ấy trong thời gian và không gian.

Chúng tôi xin trình bày bước tiến ấy theo ba đoạn đường: sai tâm bắt tâm – tâm vô tâm – bình thường tâm.

1. SAI TÂM BẮT TÂM

Chú mục đồng đi tìm trâu (tranh 1). Tìm ở đâu? Đâu cũng là hoang vu, là rừng rậm, là nẻo dọc đường ngang, chỉ có tiếng ve kêu rộn rã đều cảnh.

Rồi chú thấy dấu chân trâu (tranh 2), thấy thân trâu (tranh 3). Thì ra trâu có mắt đi đâu, tại chú không thấy đó thôi. Trâu vẫn

đứng đó một mình, tự thuở nào, đôi sừng lăm lăm, mũi đung mây xanh.

Rồi chú chụp lấy trâu (tranh 4), rồi xô mũi, cột cổ, đập đánh, canh chừng không rời mắt, quyết đồng mãnh để mà chiến thắng. Lần lần trâu thuần tánh ngoan ngoan theo chú như bóng theo hình (tranh 5). Rồi chú cỡi trâu về nhà, miệng thổi sáo, hát líu lo, lòng vui không nói được (tranh 6: kỳ ngư gia).

Cỡi trâu về nhà là cỡi tâm về chỗ ban sơ.

Người ta đi tìm trâu vì trong đôi giây phút khác thường nào đó, người ta đâm ngờ bản thân mình, cũng như ngờ những điều mắt thấy tai nghe. Có nghi mới có tìm. Có tìm ắt gặp dấu. Gặp dấu trong kinh sách, và nhất là trong những phút trống trải, cảnh vắng, đêm tàn, trí óc nhẹ suy tư, con người bỗng dựng như đối diện với chính mình trong một niềm đau thương và kỳ thú khó nói.

Thế là bắt được dấu, con người phản mỗi đi tìm trâu. Đó là giai đoạn ngoại cầu. Ngoại cầu là "khiến Phật đi tìm Phật, sai tâm đi bắt tâm" (Hy Vận). Tâm ở đâu mà bắt? Thử coi: lần lượt qua sáu bức họa, ta thấy khoảng cách giữa trâu và người chẵn trâu cứ thâu ngắn lại mãi cho đến rốt cuộc người chẵn trâu ngồi hẳn trên lưng trâu, trâu với người nhập làm một. Vậy nên hỏi rằng tâm ở đâu chẳng khác nào hỏi trâu ở đâu trong khi chính ta đang cỡi trên lưng trâu. Ta đã đuổi bắt tâm khắp đó đây, rốt cuộc mới nhận ra rằng tâm ở nơi ta; ta chỉ cần dừng bước lại là nó hiện liền trước mắt, và sự vật hiện nguyên hình trong ánh sáng mới lạ.

Dừng bước lại: ai ngờ đâu cái việc làm hết sức là vô vi ấy lại có một thần lực nhiệm mầu có thể thay đổi cả cuộc diện của một kiếp người, cả một lớp người. Nếu thỉnh thoảng loài người chúng ta biết dừng chân lại vài phút, ngồi im một chỗ vài phút – vài phút thôi – thì khuôn mặt của thế gian này chắc không đến đổi quá nhẵn nhịu như ngày nay.

2. TÂM VÔ TÂM

Tuy nhiên, còn tâm là còn cảnh. Còn cảnh thì còn "xúc cảnh sanh tình". "Tình sanh thì trí cách". Tâm, cảnh, tình kết dính vào nhau trong cái thể liên hoàn, cái vòng như duyên gây ray rứt, mâu thuẫn.

Đạo không có mâu thuẫn. Thiên là "bất nhị pháp môn", không hai mà cũng không một.

Mâu thuẫn là do tâm, do niệm.

Ta niệm vì ta tưởng rằng mình thiếu một cái gì, nên đi tìm ở ngoài mình để đắp vào. Thiên dạy rằng ta không thiếu gì hết, tự đời thuở nào ta vốn là tròn đầy, ngàn trước,

ngàn sau. Ta không thiếu. Trái lại ta có dư: cái hại là ở đó. Ta dư đủ thứ do niệm đặt bày ra, do suy tư vẽ vời thêm, đủ thứ. Những cái dư ấy, gọi chung là vô minh. Vô minh vốn không thật, nên không ai hoài công mà trừ nó bao giờ, mà chỉ cần tự tri tự giác thôi. Tự biết được "con người thật" của mình thì vô minh tan mất, như bóng tối tan trước vầng dương. Phật dạy trong kinh Viên Giác: "tri huyễn tức li, li huyễn tức giác" là vậy.

Cũng vậy, khi sư Huệ Khả ra mắt tổ Đạt Ma xin pháp an tâm, Tổ dạy: Người đem "tâm" lại đây ta "an" cho. Sư lính quýnh hồi lâu, sau đành thú tội: Con tìm mãi mà không thấy được tâm. Tổ dạy: Thầy đã "an" rồi cái "tâm" của con đó.

Như vậy, cái việc mà ta quen gọi là pháp vọng không còn là một việc làm nữa - nếu không nói là một việc làm VÔ VI - mà xét cùng ra chỉ là một sự nhận thức thôi, một prise de conscience - nhận thức tánh Phật vốn lại ở trong ta.

Vậy, sau giai đoạn ngoại cầu, tiếp theo là giai đoạn tự tri tự giác. Tự tri không phải bằng suy niệm mà bằng dứt niệm; dứt niệm bằng những phép tu tập rất vô vi, như tịnh quán chẳng hạn. Bằng tịnh quán, con người thấy, - xin nói rõ là thấy, là kiến, là tri kiến, chứ không phải là học, là nghĩ, hay nghe nói, (tất cả bí quyết của sự chứng ngộ đều nằm ở chữ thấy đó) - thấy tâm không thật, thấy người không thật.

Thấy tâm không thật thì tâm dứt: trâu quên (tranh 7: vong ngư tồn nhân). Thấy người không thật thì người quên nốt (tranh 8: nhân ngư cầu vong).

Người và trâu đều quên, thì tự lòng đất đồng mãnh vọt lên mặt trời huệ, tượng trưng bằng cái vòng tròn Viên Giác (tranh 8). Đó là Tâm vô Tâm. "Biết cái tâm là không tâm, ấy là hiểu suốt đạo Phật".

Sau đây, chúng tôi xin mượn lời giáo sư Thiền học Suzuki đóng lại đoạn này:

"Đứng về mặt tâm lý, giác là vượt ra ngoài vòng ràng buộc của bản ngã.

"Về mặt lý luận, giác là viên dung có và không.

"Về mặt siêu hình, giác là trực ngộ được cái lẽ tự tại là luân hồi, luân hồi là tự tại".

3. BÌNH THƯỜNG TÂM

Thiền cho rằng vô tâm chưa phải là đạo, mà còn phải qua một quan ải nữa:

Mạc vị vô tâm vân thị đạo

Vô tâm do cách nhất trùng quan.

(Trần Thái Tôn)

Thật vậy, trong đêm cuối cùng, khi đức Phật ngồi ở cội bồ đề, Ngài lần lượt xuất và nhập ba tầng cảnh giới tâm linh (dục giới, sắc giới, vô sắc giới) tức là Ngài đang

chứng được cái tâm vô tâm. Song Ngài còn phải thức tỉnh dậy nữa, nhờ ánh sao mai, để mà trở về ý thức bình thường. Từ trạng thái "nhân cảnh câu đoạt," Ngài phải trở về trạng thái "nhân cảnh câu bất đoạt" (Cảnh và người đều giữ nguyên. Chữ của Thiền Lâm Tế trong pháp "tứ liệu giản") để trả lại tất cả cho cuộc sống thường nhiên.

Trở về là trở về với trời đất, với muôn sinh, với nguồn sống vô tận ở trong ta và ở ngoài ta, trở về để, như mọi người, "thấy núi chỉ là núi, thấy nước chỉ là nước".

Trở về với trời đất - Trở về với trời đất, với Pháp giới: đó là ý nghĩa của bức họa số 9, đề "Phản bổn hoàn nguyên", và vẽ cảnh lá rụng về cội, nước chảy về nguồn.

Tự đời thuở nào, con người vốn là thanh tịnh, vốn là không, nên Thiền dạy khỏi phải làm gì hết, chỉ cần thấy tánh là được trở về để mà nhập cuộc.

Nhập cuộc là nhập vào cái trật tự tự nhiên, không thì không chung của trời đất.

Trong trật tự ấy, chúng sanh là một pháp vô tâm nên vô sự. Viên sỏi bên đường là một pháp vô sự nên vô vi. Muôn pháp đều vô vi mà bình đẳng nhau trong pháp giới vô ngại: nước chảy, hoa trôi, trăng lên, gió mát. Muôn vật đều vô ngại nên tự tại, không phải tự tại ở Niết Bàn, không phải tự tại trong thiền nào mà tự tại trong KHÔNG: Niết Bàn và thiền nào chỉ là trò ảo thuật của tâm. Trong trạng thái KHÔNG ấy, những danh từ thánh-phàm phải-trái, tình-mê, đều mất nghĩa, tất cả đều là đại đồng, ứng hóa từ một giác tánh, nên:

Nhất thiết không Niết Bàn

Không có Niết Bàn Phật

Không có Phật Niết Bàn

(Lãng Già)

TẤT CẢ LÀ MỘT. MỘT LÀ TẤT CẢ.

Một hạt bụi chứ đủ ba ngàn thế giới. Ba ngàn thế giới là một hạt bụi: đều là KHÔNG.

"Có thì có tự mây may,

Không thì cả thế gian này cũng không.

Nhìn xem bóng nguyệt giòng sông,

Ai hay không có có không là vậy".

(Huỳnh Quang tôn giả)

Đó là cái thấy của hàng bồ tát "quán tự tại", nghĩa là quán đến chỗ cùng tột và tuyệt đối của sự vật.

Trở về với thế tục - ... Dưới lớp áo của thế tục, đạo sĩ trộn lẫn vào cát bụi của tình đời. Và, cát bụi cũng không thấy là bợn dơ nữa, mà chỉ còn là một diệu dụng, như hăng sa diệu dụng khác, của Giác Tánh Bồ Đề. Đạo sĩ không phải là Phật, là Bồ Tát, mà chỉ là một người thường, rất thường, một người vô tâm vô sự, vô tích sự, một người không là gì hết, một "vô vị chân nhân".

*"vào rừng không khua lá
vào nước không quậy sóng"
(nhập lâm bất động thảo
nhập thủy bất lập ba)*

Trở về với thế tục là trở về với cái tâm bình thường. Thiền dạy: "Bình thường tâm thị đạo".

Quốc sư Phù Vân đời nhà Trần nói:

"Lấy cái muốn của thiên hạ làm cái muốn của mình.

Lấy cái tâm của thiên hạ làm cái tâm của mình".

Cái muốn ấy chính là cái muốn mà đức Khổng Tử phải chờ đến bảy mươi tuổi mới dám muốn, sau khi chứng lý "vô ngã":

"Thất thập tông tâm chi sở dục".

Chứng được đạo lý ấy thì làm gì cũng hiệp đạo, "không theo không lìa, không dừng không dính, tung hoành tự tại, đâu không phải là đạo tràng" pháp nào cũng là Phật pháp, đi đứng nằm ngồi cũng là Phật pháp, chêm rắn giết mèo cũng là Phật pháp, đói ăn khát uống cũng là Phật pháp.

Cho nên Tổ Huệ Trung Trần Quốc Tảng, mới ung dung ngồi ăn thịt cá, khiến bà em là hoàng hậu Khâm Từ lấy làm lạ hỏi:

- Anh đi tu mà lại ăn cá thịt sao thành Phật được?

Ngài cười đáp:

- Phật là Phật, anh là anh. Anh chẳng cần làm ra Phật, cũng như Phật chẳng cần làm ra anh. Hoàng hậu chẳng nghe Cổ Đức nói "Văn Thủ là Văn Thủ, mà giải thoát là giải thoát" đó ư?

Cho nên vị sư trong THẬP MỤC NGƯU ĐỒ thõng tay đi vào chợ, tay ôm bầu nước, tay chống gậy tre, đánh bạn với bọm nhậu và phường thọc huyết heo - "tụi nó và thầy đều là Phật cả mà" (tranh 10). Đó là vô trụ Niết Bàn.

KẾT LUẬN

Để gom hết yếu lý chung của mười bức tranh chẵn trâu, chúng tôi xin chép lại bài kệ sau đây thay lời kết luận:

*Tâm ngư tu phóng tích
Học đạo quý vô tâm
Tích tại, ngư hoàn tại
Vô tâm đạo dị tâm*

Nghĩa:

Tim trâu cần phăng dẫu
Học đạo cốt vô tâm
Dẫu dẫu thì trâu đó
Vô tâm đạo dễ tâm.



XUÂN BÌNH YÊN

*Nhân dịp xuân về
Trần gian đón tết
Lòng người hoan hỷ vô bờ
Ngập tràn niềm vui thắm thiết
Nói sao hết tình người nơi viễn xứ
Bóng quê hương bên cạnh mái hiên chùa
Tỉnh làng nghĩa xóm keo sơn
Nơi phố cũ làng xưa
Có con đò chở xuân trôi nhẹ nhẹ
Nàng xuân hồi
Đâu có biết
Nhân gian chờ đợi bình yên
Nàng xuân hồi
Đâu có biết
Ta xưa về lại bình yên
Đã từ lâu
Xuân đến xuân đi mấy độ
Nay xuân về
Hoa hé nở nụ cười từ bi
Không khí tết rộn ràng bao hạnh phúc
Nhà nhà vui đầy ắp tiếng cười
Nơi nơi an lạc mừng xuân thái bình
Nàng xuân hồi
Đâu có biết
Ta nay được về bình yên
Nàng xuân hồi
Đâu có biết
Ta đây được trọn bình yên.*

Xuân Tân Sửu - 2021

thơ

THÍCH PHƯỚC HẠNH

CÂN BẰNG TỊCH TĨNH VÀ TUỆ GIÁC (Định - Tuệ)

Nguyên bản: *Balance Calm and Insight*

Tác giả: ĐỨC ĐẠT LAI LẠT MA

Chuyên ngữ: Tuệ Uyên

TƯ TƯỞNG PHẬT HỌC

*Trau dồi thiền ổn định mà thôi
Sẽ không tiêu trừ sự phân biệt tồn tại cố hữu
Những cảm xúc phiền não có thể trở lại,
Làm nên tất cả những loại quấy rầy.*

- ĐỨC PHẬT -

Tịch tĩnh bất động hay định lực có thể đè nén những cảm xúc chướng ngại ẩn tàng, nhưng nó không thể loại trừ hoàn toàn chúng. Tuệ giác nội quán là cần thiết bởi vì như được giải thích trước đây, nó có thể loại trừ hoàn toàn những cảm xúc phiền phức và những rối rắm hậu quả của chúng. Thiền ổn định (chỉ) và thiền phân tích (quán) bây giờ phải làm việc với nhau. Khi chúng thể hiện chức năng cách này, chúng có thể nhổ gốc những cảm xúc phiền phức và loại trừ những giới hạn của thông tuệ vì thế chúng ta có thể hoàn thành mục tiêu tối hậu của việc giúp đỡ những kẻ khác một cách hiệu quả hơn.

Sự trong sáng và ổn định của tịch tĩnh bất động mở ra đường hướng cho phân tích để cung ứng một tuệ giác chân thật đầy năng lực vào trong tính không của sự tồn tại cố hữu (tự tính không). Với nhận thức trực tiếp về tính không của những hiện tượng ấy - chính chúng ta, người khác, và mọi sự vật - đưa chúng ta vào trong những cảm xúc tàn phá, các rắc rối có thể chiến thắng tại gốc rễ của chúng.

Để phối hợp tịch tĩnh bất biến và tuệ giác đặc biệt (định tuệ song hành), chúng ta cần luân phiên thiền tập trung (chỉ) với thiền

phân tích (quán) và đưa cả hai thứ đến sự hòa hiệp. Quá nhiều phân tích sẽ thúc đẩy trào cử xao động, làm tâm thức không ổn định một cách nhẹ nhàng, nhưng quá nhiều ổn định sẽ làm cho chúng ta không muốn

phân tích. Như hiền nhân Tây Tạng Tông Khách Ba nói:

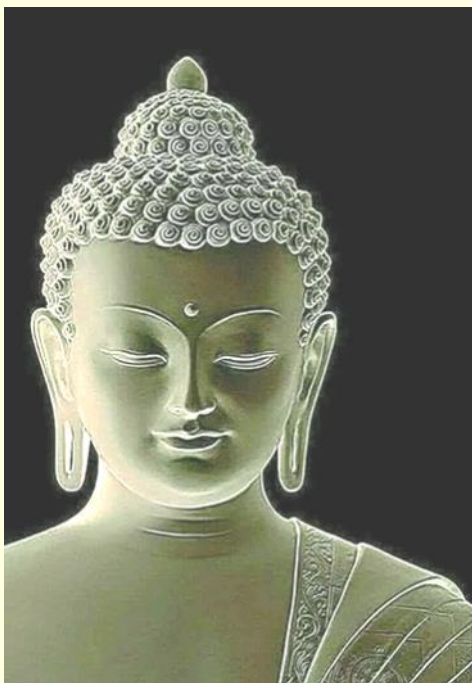
Nếu chúng ta chỉ đơn thuần diễn tập thiền phân tích, tịch tĩnh bất biến phát sinh trước đây sẽ suy giảm. Do thế, đã leo lên con ngựa tịch tĩnh bất biến, chúng ta phải duy trì với phân tích và sau đó luân phiên điều này với thiền ổn định một cách định kỳ.

LIÊN HỢP TỊCH TĨNH BẤT BIẾN VÀ TUỆ GIÁC ĐẶC BIỆT

(Định Tuệ Hiệp Nhất)

Trước tiên, tịch tĩnh bất biến và phân tích như hai đầu của một cái cân, cái này trở nên hơi sáng suốt hơn khi cái kia trở nên rõ ràng. Nhưng bây giờ, khi chúng ta đã luân phiên thiền nghệ giữa thiền ổn

định và phân tích (chỉ và quán), năng lực của chính phân tích làm cho tinh thần và thân thể uyển chuyển rộng sâu hơn trước đây, khi tịch tĩnh bất biến được đạt đến qua thiền ổn định. Khi tịch tĩnh bất biến và tuệ giác hoạt động trong cách này, đồng thời với năng lực tương ứng, nó được gọi là "sự hợp nhất của tịch tĩnh bất biến và tuệ giác đặc biệt" (định tuệ bất nhị). Nó cũng được gọi là "tuệ trí phát sinh từ thiền tập", như một sự tương phản với tuệ trí sinh khởi từ nghe, đọc, học, hay suy nghĩ.



Trước đây, trong khi đọc và suy nghĩ về tính không, ý thức của chúng ta hướng tới tính không như một đối tượng vận dụng trí óc của điều tra, vì thế tâm thức chúng ta và tính không tách rời và phân biệt. Nhưng bây giờ chúng ta đã có kinh nghiệm về việc thẩm thấu tính không mà không có cảm giác rằng chủ thể và đối tượng là xa cách với nhau. Chúng ta đang tiếp cận một thể trạng mà trong ấy tuệ giác và tính không giống như nước đổ vào trong nước.

Dần dần, cảm giác vi tế duy trì của chủ thể và đối tượng tan biến, với chủ thể và đối tượng hoàn toàn hiệp nhất vào trong vô thức hay vô phân biệt. Như Đức Phật nói, "Khi ngọn lửa của sự hiểu biết về thực tại giống như nó phát sinh từ sự tự phân tích đúng đắn, gỗ của khái niệm được đốt cháy, giống như lửa của gỗ cọ xát với nhau."

THIỀN QUÁN PHÂN CHIẾU

Đối với người mới bắt đầu, thật hữu ích để học hỏi việc lên kế hoạch này cho tiến trình tâm linh, bởi vì nó sẽ duy trì một ảnh hưởng đầy năng lực trên sự phát triển của chúng ta. Trong thời gian thực tập, chúng ta có thể luân phiên một ít thiền ổn định (chỉ) với một chút thiền phân tích (quán) nhằm để cho cả hai trải qua tiến trình và để làm mạnh sự thiền tập hiện tại.

1- Đầu tiên tập trung tâm thức chúng ta trên một đối tượng, thí dụ như một hình tượng của Đức Phật hay hơi thở.

2- Sử dụng thiền phân tích như được diễn tả trong bốn bước thiền quán về bản chất của "cái tôi". Quán chiếu sự không thể hợp lý của việc quả quyết rằng tự ngã và thân/tâm hoặc là giống nhau hay khác biệt:

TÍNH ĐỒNG NHẤT

* "Cái tôi" và thân/tâm phải là hoàn toàn và trong mọi cách là một.

* Trong trường hợp ấy, thừa nhận một "cái tôi" sẽ là vô nghĩa.

* Sẽ là không thể để nghĩ về "thân thể tôi" hay "cái đầu tôi" hay "tâm thức tôi".

* Khi tâm thức và thân thể không còn tồn tại nữa, tự ngã cũng sẽ không tồn tại nữa.

* Vì thân thể và tâm thức là số nhiều,



những cái ngã của một người cũng là số nhiều.

* Vì "cái tôi" chỉ là một, tâm thức và thân thể cũng là một.

* Giống như thân thể và tâm thức được sản sinh và tan rã, vì thế phải thừa nhận rằng "cái tôi" cũng được sản sinh một cách cố hữu và tan rã một cách cố hữu. Trong trường hợp này, không phải các ảnh hưởng thỏa lòng của các hành vi đạo đức cũng không phải các tác động đau đớn của các hành động không đạo đức sẽ chịu kết quả cho chúng ta, hay chúng ta sẽ trải nghiệm những ảnh hưởng của những hành vi mà chính chúng ta đã chẳng từng làm.

TÍNH KHÁC BIỆT

* "Cái tôi" và thân/tâm sẽ phải là riêng biệt hoàn toàn.

* Trong trường hợp ấy, "cái tôi" phải tìm ra được sau khi tẩy trừ sạch tâm thức và thân thể.

* "Cái tôi" sẽ phải có những đặc trưng của sản sinh, bất động, và tan rã, là những thứ không hợp lý.

* "Cái tôi" một cách ngớ ngẩn phải chỉ là một thứ ảo ảnh của tưởng tượng hay thường còn.

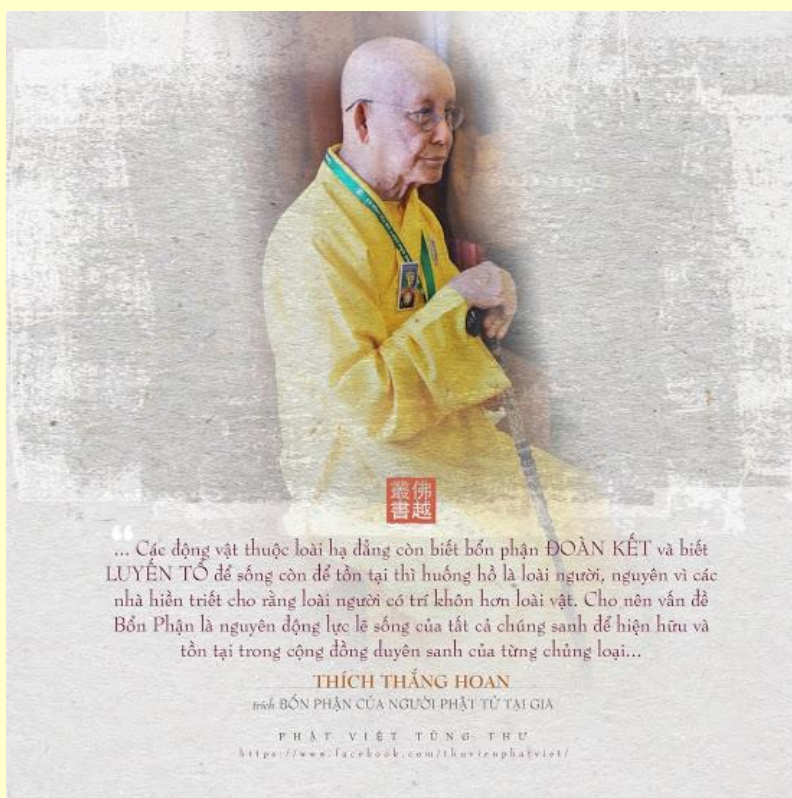
* Một cách không hợp lý, "cái tôi" sẽ phải có những đặc trưng thân thể hay tinh thần.

3- Khi chúng ta phát triển một ít tuệ giác, trụ với tuệ giác ấy trong thiền ổn định (chỉ), thường thức tác động của nó.

4- Rồi thì, khi cảm giác giảm bớt một ít, hãy trở lại thiền phân tích (quán) để khôi phục cảm giác và phát triển tuệ giác hơn nữa.

Luân phiên giữa việc tập trung trên một chủ đề và phân tích trực tiếp về nó sẽ đẩy mạnh kinh nghiệm sâu sắc hơn.

(Trích từ quyển How to See Yourself as You Really Are của Đức Đạt Lai Lạt Ma)



“... Các động vật thuộc loài hạ đẳng còn biết bốn phận ĐOÀN KẾT và biết LUYỆN TỐ để sống còn để tồn tại thì huống hồ là loài người, nguyên vì các nhà hiền triết cho rằng loài người có trí khôn hơn loài vật. Cho nên vấn đề Bốn Phạm là nguyên động lực để sống của tất cả chúng sanh để hiện hữu và tồn tại trong cộng đồng duyên sanh của từng chủng loại...”

THÍCH THẮNG HOAN

trích BỐN PHẬN CỦA NGƯỜI PHẬT TỬ TẠI GIA

PHẬT VIỆT TÔNG THƯ

<https://www.facebook.com/thuvienphatviet/>

KÍNH MỪNG KHÁNH TUẾ

Đại lão Hòa thượng Thích Thắng Hoan

- Chín bốn mùa Sen nở
Vẫn nụ cười Từ Bi*
- Ngài vào nhà Như Lai
Mặc áo của Như Lai
Ngài ngồi tòa Như Lai
Tác Như Lai sứ, hành Như Lai sự*
- Xiển dương chánh pháp Đông Tây
Liên Châu đoàn kết con thuyền tâm linh
Ban vui cứu khổ chung tình
Tăng Ni Thất Chúng công minh ơn Thầy*
- Duy thức học chúng con vun xới
Thầy truyền trao đạo pháp nhiệm màu*
- Ung dung tự tại
Phủ sạch lợi danh
Lo cho Phật pháp
Thịnh hưng giống nòi*
- Thuyền Bát Nhã mênh mông biển rộng
Hạnh Văn Thù trí tuệ vô song
Bồ Tát nguyện mãi thông dong
Hoảng dương Giáo pháp với lòng Việt Nam.*

Sacramento, tháng 12, 2020

thơ **TÂM THƯỜNG ĐỊNH**
Cẩn bút

TRỞ VỀ MỤC LỤC



CHĂN TRÂU

Diệu Huyền

TƯ TƯỞNG PHẬT HỌC

"Ai bảo chăn trâu là khổ, chăn trâu sướng lắm chứ.

Ngồi mình trâu phất ngọn cờ lau, và miêng hát nghèo nao..."

Bài hát chăn trâu này là một bài hát quen thuộc ở miền nam Việt Nam trong những năm 1950-1970, đến nỗi gần như ai cũng có thể thuộc và hát được, vì tiết điệu và lời hát giản dị, vui tươi, gợi lên một thời kỳ êm ả, với những thú vui mộc mạc của đời sống đồng nội.

Thế nhưng không phải chăn trâu lúc nào cũng dễ dàng và thành thơi như vậy. Trâu có thể là là một con vật đặc lực nhất cùng sát cánh với người nông dân trong công việc đồng áng nặng nhọc, nhưng cũng thuộc về giống dữ, nếu chưa thuần hóa sẽ phải bỏ rất nhiều công sức ra mới chế ngự được nó. Riêng đối với đạo Phật, trâu còn mang một ý nghĩa đặc biệt, đó là hình ảnh của đạo tâm, và thường được nhắc đến trong ngôn ngữ của Thiền. Chúng ta thường nghe nói "cưỡi trâu đi tìm trâu" - đang ở trên lưng trâu mà đi tìm trâu ở ngoài, làm sao thấy được trâu? Điều đó cũng giống như là đem tâm đi tìm tâm - đang ở trong tâm mà muốn đi tìm tâm, làm sao thấy được tâm. Giai thoại nổi tiếng của Huệ Khả và sơ tổ Thiền Tông Bồ Đề Đạt Ma đã nói lên điều này.

Huệ Khả một hôm thưa với thầy rằng:

- Bạch thầy, tâm con không an, xin thầy chỉ cho con cách an tâm.

Đạt Ma nói:

- Đem tâm đây ta an cho.

Huệ Khả xoay lại tìm tâm, quán chiếu đến cùng, chẳng thấy tâm đâu, bèn nói:

- Bạch thầy, con không thấy tâm ở đâu cả.

Đạt Ma nói:

- Ta đã an tâm cho ngươi rồi.

Một giai thoại nổi tiếng khác của Thiền tông về trâu, cũng là một câu thoại đầu để suy ngẫm, là câu nói của thiền sư Linh Hựu ở núi Quy Sơn. Một hôm sư thượng đường bảo chúng:

- Sau khi lão Tăng trăm tuổi đến dưới núi làm một con trâu, hông bên trái viết năm

chữ "Quy Sơn Tăng Linh Hựu". Khi ấy gọi là Quy Sơn Tăng hay gọi là con trâu? Gọi là con trâu hay gọi là Quy Sơn Tăng? Gọi thế nào mới đúng?

Tướng trâu và tướng Tăng, đâu mới là thực tướng của Quy Sơn Linh Hựu? Đó là câu hỏi mà vị thiền sư đã đặt ra cho chúng ta.

Một công án khác nổi tiếng của Thiền tông là công án "Con trâu đi qua cửa sổ". Con trâu to lớn lực lưỡng đã chui lọt thân mình qua được cửa sổ, nhưng chỉ vì một cái đuôi nhỏ xíu mà bị mắc kẹt. Làm sao giải thích được sự phi lý này?

Trâu tướng trưng cho Tâm. Trâu chui lọt thân mình qua cửa sổ ví như tâm đã được chuyển hóa từ vô minh qua giác ngộ, nhưng vẫn không liễu ngộ được vì còn một chút gì vướng mắc. Sự vướng mắc ấy, dù nhỏ đến đâu, cũng vẫn là chướng ngại cho sự giác ngộ. Câu trả lời cho mỗi người về sự vướng mắc của mình chỉ được tìm thấy qua kinh nghiệm tự tu tự chứng, không phải là một công thức chung cho mọi người.

Làm sao trâu lại được ví với tâm? Trâu là con vật có thể rất dữ, nhưng cũng có thể rất hiền nếu đã thuần phục được nó. Một tâm buông lung theo vọng tưởng điên đảo ví như con trâu hoang, nếu không biết chế ngự sẽ tạo bao nhiêu nghiệp ác, gây tổn hại cho bản thân và tha nhân. Trong thiền môn có pháp tu chăn trâu, ngụ ý phải chăn dắt tâm mình như chăn dắt trâu vậy, cho đến khi hoàn toàn chế ngự được tâm thì tâm sẽ được an định, và tự đó sẽ trở thành một suối nguồn an vui lợi lạc.

Nổi tiếng nhất là mười bức tranh chăn trâu, còn được gọi là "Thập Mục Ngưu Đồ", có thể xem như một biểu hiện cô đọng nhất, tinh túy nhất của pháp môn tu tâm. Các bức tranh chăn trâu được sáng tác trong thời nhà Tống (960-1279) và ngay từ đầu đã được xem như những bức họa tiêu biểu, trình bày tinh hoa, cốt tủy của Thiền tông. Có nhiều bộ tranh chăn trâu khác nhau, nhưng nổi tiếng nhất là hai bộ tranh chăn trâu của Thanh Cư và Quách Am.

Bộ tranh chăn trâu của Thanh Cư được coi như tranh Đại Thừa gồm sáu bức, đầu

tiên thiên sư Thanh Cư vẽ có năm bức nhưng sau đó thiên sư Tự Đắc vẽ thêm bức thứ sáu. Trong bộ này, con trâu đầu tiên toàn màu đen, rồi trở trắng dần qua từng bức tranh, từ trên đỉnh đầu, rồi lan qua mình, cho đến chót đuôi. Trâu đen tượng trưng cho tâm si mê, chìm lấp trong lớp bùn lầy của vọng tưởng, dần dần qua công phu tu tập, gạn lọc được những lớp vỏ trần cấu bao bọc mà trâu đen trở thành trâu trắng, tượng trưng cho

chân tâm thanh tịnh. Đây là pháp môn tu tiệm theo giới định tuệ, xử dụng công phu theo từng nấc thang.

Bộ tranh chẵn trâu của thiên sư Quách Am Sư Viễn gồm mười bức, được coi như là tranh của Thiền tông, diễn tả xa hơn quá trình công phu của một hành giả từ lúc bắt đầu tu tâm cho đến khi giác ngộ viên mãn. Tiến trình của mười bức tranh có thể nói sơ lược như sau:



Bức thứ nhất: Mục đồng đi tìm trâu. Tìm trâu ở đâu? Chung quanh chỉ là rừng sâu núi thẳm, nẻo dọc đường ngang, mục đồng tìm kiếm mệt mỏi mà chỉ nghe tiếng ve sầu réo rắt.



Bức thứ hai: Thấy dấu vết trâu. Sau bao nhiêu công sức, mục đồng đi đến ven rừng bên nước, vạch cỏ ruồng cây, bỗng thấy dấu chân trâu hiện ra.



Bức thứ ba: Thấy thân trâu. Mục đồng đến nơi cảnh trí tươi mát, chim hót trên cành, nắng ấm gió hòa, bờ liễu xanh, thì ra trâu vẫn sừng sững ở đó mà không thấy.



Bức thứ tư: Bắt trâu. Mục đồng chụp lấy trâu, rồi xỏ mũi, cột cổ, đập đánh, canh chừng không để trâu xông ra, dững mãnh quyết thắng trâu.



Bức thứ năm: Chăn trâu. Lăn lăn trâu thuần tánh, mục đồng buông roi mà trâu vẫn đi theo như bóng với hình.





Bức thứ sáu: Cưỡi trâu về nhà. Mục đồng thông thả cưỡi trâu về nhà, miệng thổi sáo, ca hát líu lo, cả người lẫn trâu đều vui vẻ.

Nói về ý nghĩa từ bức thứ nhất đến bức thứ sáu, cũng là toàn bộ sáu bức tranh của Đại thừa, có thể tóm gọn như sau:

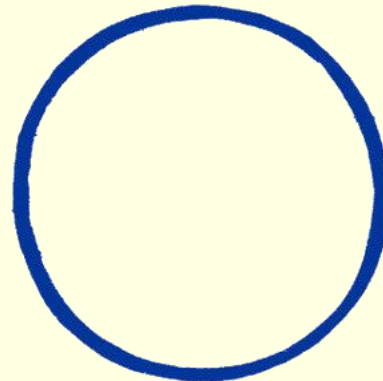
Con người sống buông lung theo vọng tưởng để rồi chìm đắm trong ngoại cảnh, tâm đi lạc hướng theo những cảm xúc mà không chủ động, không nắm bắt được nên không thoát được phiền não, một lúc nào đó tình ngộ muốn đi tìm lại tâm. Lúc đó như chú mục đồng đi tìm trâu, từ bao lâu nay để mất trâu, đến lúc đi tìm thì như lạc vào trong rừng rậm. Tìm tâm cũng như đi vào rừng rậm, trùng trùng lớp lớp vọng tưởng bao quanh không biết đâu là dấu vết của tâm. Thế nhưng sau bao công phu kiên trì, quen quán chiếu tâm rồi thì bắt đầu dần dần lìa được vọng tưởng, không còn bị vọng tưởng vây hãm như trước, khu rừng rậm của tâm đã quang đăng dần để biến thành cảnh giới an

vui với suối trong gió mát, chim hót hoa nở. Lúc đó mục đồng thấy trâu cũng như hành giả đã thấy được tâm, trong nhà Thiền gọi là Kiến Tánh, vì tâm cũng chính là tánh trong Thiền môn. Tuy nhiên, những tập khí, thói quen sâu dày xưa nay vẫn còn chưa dứt bỏ được, nên hành giả phải tinh tấn dũng mãnh thúc liễm con trâu tâm chưa thuần thực qua ngọn roi trí tuệ và sự thấy biết quang minh của Tánh Giác. Khi đã làm chủ được tâm rồi thì tâm không còn đi theo cảnh mà theo người, hay nói cách khác, người không còn chạy theo cảnh mà cảnh theo người, người và tâm đều an vui, vững chãi trong căn nhà ngũ uẩn của mình.

Tranh chăn trâu của Đại thừa tới đây là hết, nhưng tranh chăn trâu của Thiền tông còn đi xa hơn tới tận gốc rễ, với bốn bức sau:



Bức thứ bảy: Quên trâu còn người. Cỡi trâu về nhà rồi, việc đã xong, mục đồng quên trâu mà buông roi, nằm ngủ nhàn hạ không âu lo. Tâm đã định, nên hiện rõ gốc rễ của Tâm vốn là Không. Tâm không nên không còn vướng mắc, mọi phiền não tan biến. Tuy nhiên vẫn còn thấy có tướng mình, tướng người (tướng nhân, tướng ngã, tướng chúng sanh, tướng thọ giả).



Bức thứ tám: Người, trâu đều quên. Biểu hiện bằng một vòng tròn trống không, không thấy có trâu và người trong đó. Roi gậy, người trâu thấy đều tan biến. Đến đây hành giả đã lìa được mọi tướng, không còn thấy tướng mình, tướng người mà ở trong cái thấy biết vô tướng, vô ngã của trí huệ bao la Bát Nhã, không phân biệt trong ngoài. Đây là giai đoạn của sự chiếu kiếng ngũ uẩn thấy "Sắc tức thị Không."



Bức thứ chín: Trở về nguồn cội. Tới đây trong tranh lại hiện ra cảnh thiên nhiên chim bay, gió thổi, vớt lá rụng về cội, nước chảy về nguồn. Bao lâu nay nhọc công đi tìm, khi trở về nguồn cội thì thấy núi vẫn là núi, sông vẫn là sông. Từ “Sắc tức thị Không,” hành giả thấy “Không tức thị Sắc,” tuy ở trong Không nhưng vẫn thấy những hiện tượng trước mắt hiển hiện, sinh diệt, biến chuyển và tuần hoàn. Suối vẫn reo, nước vẫn chảy, giòng đời vẫn trôi như thế, tất cả đều bất biến trong sự chuyển biến, hằng thường trong sự vô thường.

*Trong am chẳng thấy ngoài vật khác
Nước tự mênh mông, hoa tự hồng*



Bức thứ mười: Thông tay vào chợ. Mục đồng từ nay đã biến thành nhàn đạo nhân đi vào chợ đời, cầm xâu cá, bầu rượu thành thời đi về nhà. Đi chân đất, ngực lấm bùn đất vẫn nở nụ cười, đói ăn mệt ngủ, không có gì phải tìm kiếm, không có gì làm cho mê hoặc, mọi sự đều được nhìn thấy trong thực tướng Như Như của chúng. Đó là cảnh giới của tâm Viên Giác, nhưng cũng là một cảnh giới rất bình thường của một con người bình thường. Đạo hiển hiện ngay trong cái đơn giản bình thường của đời sống hàng ngày. Không cần phải tìm bí quyết thần tiên ở nơi xa xôi nào, trong khắp pháp giới trước mắt những điều kỳ diệu vẫn hiển lộ tràn đầy.

*Bí quyết thần tiên đâu cần đến
Cây khô cũng khiến nở hoa lành.*

Mười bức tranh chần trâu cho ta thấy phần nào những nét chính trong quá trình của một hành giả từ bước khởi đầu đến giác ngộ, tuy nhiên ngôn từ giới hạn không thể nào diễn giải hết được ý nghĩa thâm diệu của những bức tranh này, mà phải có công phu tu tập mới thể nhập được. Nhưng xét cho cùng, chân lý vốn không phải là những gì xa xôi ở ngoài thế giới này, mà chính là những điều bình thường trong cuộc sống trước mắt. Chỉ vì tâm con người luôn luôn tìm kiếm, luôn luôn mong cầu, nên thường tạo ra cho mình những ảo ảnh, những mục tiêu xa vời, để rồi không thoát khỏi phiền não. Tổ Đạt Ma nói: “Đừng yêu sinh tử, cũng đừng ghét sinh tử”. Còn yêu còn ghét là còn chưa hiểu được sinh tử, và vẫn mãi chìm đắm trong biển khổ luân hồi. “Bình thường tâm thị Đạo,” trở về với bình thường là trở về với trạng thái tự nhiên, không còn vọng tưởng, không còn điên đảo – mưa đã tạnh, gió đã tan, mặt hồ lại trở về tĩnh lặng như muôn thuở, đó là trạng thái tự nhiên của hồ, như tâm không vọng tưởng là trạng thái tự nhiên của tâm. Hành giả thông tay vào chợ không chối bỏ đời sống thế gian, cũng không đắm mê theo cuộc thế, như chiếc thuyền có người lái trên giòng sông sinh

tử, dù qua bao khúc quanh gập ghềnh hay những lúc êm đềm chảy trôi, cũng vẫn ung dung đi tới trước, vì đã biết được chốn về.

Từ xưa đến nay, trong thế gian này có biết bao nhiêu người đã giác ngộ nhưng họ vẫn là con người bình thường, sống cuộc sống bình thường như tất cả mọi người. Các vị tổ nói: “Phàm nhân trở thành thánh nhân vẫn không đổi mặt, cá biến thành rồng vẫn không thay vẩy”. Chỉ khác một điều là người mê thì bị cuốn hút theo cảnh, còn người đã tỉnh mộng thì tuy ở trong cảnh nhưng vẫn lìa được cảnh.

Tìm lại được con Trâu tâm và làm chủ được nó tức là làm chủ được vận mệnh của mình vậy.

Diệu Huyền
(ngocbao.org)





NGƯỜI TRÌ PHÁP

(*Câu Chuyện Cuối Tuần*— bài viết hàng tuần của GDPT
do **NHÓM ÁO LAM** thực hiện)

TRANG GIA ĐÌNH PHẬT TỬ

Thưa anh chị em Lam Viên,
Nhân đọc chuyện “Người được ca ngợi” trong truyện cổ Phật giáo của Hòa thượng Minh Chiếu, tôi tự ngẫm lại, cười thầm một mình rồi viết lá thư này gửi đến các anh chị em đây.

Thời Phật tại thế, có một lão tăng ẩn tu trong rừng sâu, người đời thường gọi Ngài là Hòa thượng Nhất Cú vì Ngài chỉ biết duy nhất một câu kệ:

*“Sa môn nào với tư tưởng thanh cao,
tinh tấn tu trì trong sự tịch tịnh,
vị ấy sẽ được an tịnh,
thông suốt và không còn phiền não.”*

Trong những ngày bố tát, Ngài cũng chỉ đọc một bài kệ đó. Thế mà chư thiên trong vùng lại tán thưởng, hoan nghênh vang rền.

Một hôm cũng vào ngày bố tát, có hai vị tỳ kheo thông suốt tam tạng cùng đi với một tăng đoàn đông đảo ngang qua khu rừng mà Hòa thượng Nhất Cú đang ẩn cư. Hòa thượng vui vẻ ra nghinh đón và thỉnh cầu: “Thật là hiếm có được dịp quý hiền giả ngang qua

đây, xin quý Ngài hoan hỷ nán lại một buổi và xin quý Ngài đọc luật cho bản tăng và chư vị nơi đây nghe.”

Đoàn khách tăng ngạc nhiên vì ngoài Hòa thượng này ra, không còn có một ai khác. Vị tỳ kheo dẫn đoàn hỏi:

- Nhưng thưa thầy, ngoài thầy ra thì ở đây có thấy bóng dáng nào nữa đâu?

- Có đấy, vào những ngày tuyên giới khu rừng này vang dội tiếng hoan nghênh của Chư thiên.

Thế rồi tăng đoàn cũng phân tòa. Một vị tỳ kheo tuyên đọc giới luật, vị kia triển khai giảng rộng.

Nhưng chẳng có tiếng hoan nghênh nào cả. Đoàn khách tăng lấy làm lạ, Hòa thượng này có lắm cấm không?

- Có chư thiên nào đâu Hòa thượng?

Vị lão tăng cũng sửng sờ, vì sao lại khác hẳn mọi khi như thế?

Rồi Hòa thượng Nhất Cú bèn đọc lên câu kệ thường nhật, thì trong khu rừng lại vang tiếng tung hô của Chư thiên.



TRỞ VỀ MỤC LỤC



Thật là một điều kỳ lạ. Đoàn tỳ kheo trở về bạch Phật sự thể như vậy. Nghe xong đầu đuôi, Thế tôn dạy:

- Này các tỳ kheo, ta chưa bao giờ gọi ai là người thông suốt giáo pháp khi họ đã học nhiều, họ đã hiểu nhiều giáo pháp. Những kẻ nào chỉ biết có một câu mà hiểu thật chu đáo, hành trì thật miên mật mới gọi là người thông suốt giáo điển.

Thì ra thế! Thưa các anh chị em, tôi nhớ lại, có một lần đang trao đổi với một huynh trưởng đàn em vấn đề gì đó, lời qua tiếng lại, bất đồng ý nhau, rồi huynh trưởng này bảo: "Anh phải suy nghĩ lại đi!"

Câu nói có vẻ trích thượng làm tôi bực mình rồi. (Sau này, ngẫm lại thì có gì là trích thượng đâu? "Trích thượng" là do cái tâm cống cao của mình nổi lên lúc ấy). Nhưng cũng đã dừng lại đúng lúc!

Thấy anh im lặng, em lại làm hơn: "Quyết định cái gì cũng cho có lý đàn em mới nể..." Tôi nổi sung rồi đấy. Nhưng đã học rồi, đã thực tập rồi, đã dạy cho các em cách chuyển hóa cơn giận rồi!

Lời qua (mà) tiếng lại

Giải quyết chi đâu?

Sao không dừng lại

Kéo hồ (mà) thêm sâu!

Tôi im lặng theo dõi hơi thở. Cơn giận có lắng xuống thật.

Được thế, em mình lại bồi thêm: "Anh đã thấy cái sai của anh rồi chứ? Thấy sai anh mới im lặng, thẳng em này nói đúng không?"

Tôi tiếp tục nhấm câu hát:

Lời qua (mà) tiếng lại

Đưa ta tới đâu?

Sao không dừng lại

Mỉm cười nhìn nhau.

Nhưng không dừng lại được nữa, không mỉm cười nhìn đứa em ngây ngô của mình được nữa mà chỉ nhìn "bằng nửa con mắt."

Nộ khí trỗi lên, nổi trận lôi đình, tôi

không còn biết chuyển hóa là gì, quát cho một trận trời sấm. Em nhìn tôi sững sờ, có lẽ ngạc nhiên với thái độ của tôi lúc đó. Giá ngay bây giờ có tấm gương đang trước để nhìn cái mặt mình, chắc là hung tợn lắm, như một con quỷ chứ không giống con người chút nào! Nói thì hay lắm, dạy các em cũng "ngon lành lắm" mà tu thì "dở ẹt"!

Đúng thế thưa các anh chị em, nhiều khi mình cứ tưởng mình tu giỏi lắm rồi, làm thầy thiên hạ được rồi, nhưng tu hay không, có chư thiên rõ thôi. Thật sự, tu khó lắm chứ, đâu có dễ!

Tục ngữ Việt Nam có câu: "Khó nhất là tu tại gia, thứ nhì tu chợ, thứ ba tu chùa."

Trong gia đình nhiều khi cha con không hiểu ý nhau, con có suy nghĩ của con, cha có quan điểm của cha rồi chẳng hợp tính nhau. Vợ chồng cũng không chịu khó nhẫn nhịn nhau (thiếu tu) đâm ra lúng cụng. Cả hai đều là huynh trưởng thì còn biết dè dặt đôi chút không thì "dĩa bay", "tên lửa phóng" là chuyện thường. Làm sao, mọi thành viên trong gia đình đồng tu, hỗ trợ nhau tu mới êm đẹp được. Ở chợ, lại càng phức tạp hơn nhưng vì lâu lâu mới gặp lại một lần nên xếp vào loại khó thứ hai. Còn trong gia đình, chạm trán nhau hằng giờ hằng ngày! Tu chùa (chùa đây là chùa cổ nề nếp tu tập) vậy mà dễ vì có nề nếp, có luật nghi, có sách tấn nhau. Còn tu ở GDPT thì sao? Điều này ai cũng biết rồi, ai cũng thấy rõ rồi. Anh chị em mình đều đang tu ở GDPT đây, nhưng nó là thế đó. Còn chờ ở sự chuyên cần tiến tu ở mỗi chúng ta.

Mà tu ở GDPT đạt thì lại hỗ trợ cho mình tu "tại gia" dễ dàng, giúp chúng ta xây dựng hạnh phúc gia đình.

Cho nên trang thư này cũng chính là lời phát lồ sám hối của bản thân tôi trước quý anh chị lớn và trước cả đàn em của mình nữa.

Trong kinh Pháp cú Thế Tôn có dạy:

"Không phải vì nói nhiều

Mới xứng danh trì pháp

Những ai tuy nghe ít

Nhưng thân (1) hành đúng pháp

Không phóng túng, buông lơi

Mới xứng danh trì Pháp" (PC câu 259)

Xin thân ái chào tất cả anh chị em.

Một người anh

(trong BBT)

(1) Theo chú thích của thầy Thích Trí Đức trong bản dịch kinh Pháp Cú – Phật Học Viện Trung Phần xuất bản 1959: "thân đây là Namakayena, tức danh uẩn chứ không phải Rupakayena tức sắc uẩn, vậy đây có nghĩa là "tự mình (tâm) hành đúng pháp."

HOA ƯU ĐÀM CỦA GIÁO HỘI

*Chúc Mừng Tuổi Thọ
Trưởng Lão Hòa Thượng Thích Thắng Hoan*

THÍCH NỮ GIỚI HƯƠNG

NHÂN VẬT / SỰ KIỆN

Cách đây 10 năm, vào một buổi chiều mùa đông tuyết rơi trắng xóa bên ngoài khung cửa sổ của Chùa Phước Hậu (thành phố Milwaukee, tiểu bang Wisconsin), con đang chuẩn bị hành lý để chuyển trường học từ trường Cao Đẳng Milwaukee Area Technical College (Wisconsin) về trường Cao đẳng Riverside Community College (tiểu bang California) và con nhận được một cuộc điện thoại của Ôn.

Lúc đó từ Ấn Độ mới sang và tu học ở Wisconsin, nên con chưa biết quý Ôn trong Giáo Hội nhiều. Ôn tự giới thiệu là Hòa Thượng Thắng Hoan (Tịnh thất Viên Hạnh, San Jose, California), lý do

Ôn gọi vì Ôn khen cuốn "Luân Hồi trong Lăng Kính Lăng Nghiêm" (do con biên soạn năm 2008). Ôn đã nhật được cuốn này trong tủ sách Chùa Bát Nhã của Hòa Thượng Nguyên Trí. Ôn nói Ôn rất tâm đắc về Duy thức và nhiệt tình chia sẻ sự so sánh giữa Duy Thức và Lăng Nghiêm trên phone cho con nghe như sau:

"Lăng nghiêm phát huy mười kiến tinh (kiến tinh bất diệt, kiến tinh bất sanh, kiến tinh bất nhị...), dựa sáu căn làm căn bản bồ đề; tánh Phật hiển bày từ căn, vô phân biệt, thuộc bản thể..."

Duy thức phát huy về thức; tất cả hiện tượng thế giới, đại địa, cỏ cây, đất liền, núi sông, sơn hà... đều

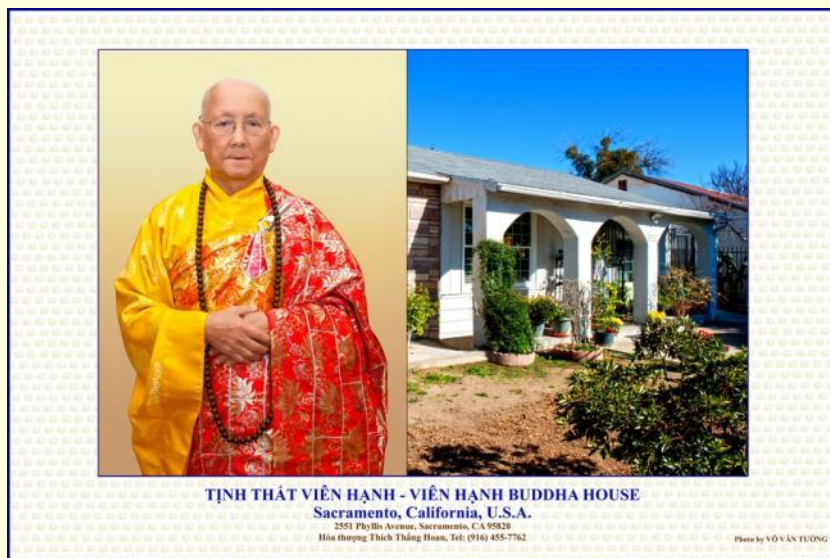
là giả "duy thức biến", thuộc hiện tượng giới... Năm thức là tâm pháp, tức là kiến phần của thức thứ tám, đầy đủ ba tánh (thiện, ác, vô ký), có khả năng giúp cho ý thức phân biệt rõ ràng gọi là tánh cảnh, thuộc hiện lượng (Tánh cảnh hiện lượng thông tam tánh). Đến thức thứ sáu mới có phân biệt, thuộc tỷ lượng, phi lượng..."

Ôn giảng huyền thuyên trên phone cho cô học trò nhỏ ở xa nghe một bài pháp so sánh giữa hai ranh giới: Duy Thức (tướng) và Lăng Nghiêm (tánh) là hai mà cũng là một, rồi cũng là hai (nhị, bất nhị...).... Đó là nhân duyên con được biết đến Ôn.

Ôn kính,
Sau này về California tu học, con đi nhập hạ và được Ôn cùng nhiều chư tôn thiền đức giảng dạy. Con mới được biết Ôn thuộc "top of top" (master mind) để lèo lái con thuyên giáo hội tại hải ngoại, chẳng những tại Hoa Kỳ mà làm cố vấn cả Liên Châu (Châu Âu, Châu Úc, Canada...).

Để làm một vị lãnh đạo rất khó. Lãnh đạo cho vài đệ tử xuất gia hay tại gia trong chùa cũng khó, lãnh đạo cho trăm chùa, ngàn chùa cũng khó, huống chi phải lãnh đạo cho cả giáo hội, châu và liên châu.

Ôn thông thạo tam tạng kinh điển (nhất là Duy Thức),



thuyết pháp, lưu loát, biện tài vô ngại... Ôn giản dị, hòa đồng, cởi mở, thân thiện và nhiều kinh nghiệm trong tu học cũng như lãnh đạo....

Tiếng nói của Ôn, ý kiến của Ôn có thể định hướng và đưa phương án tối ưu đem lại lợi ích chung.

Ôn là hiện thân của sự năng động, dẫn thân và truyền cảm hứng. Dù tuổi già sức yếu bệnh hoạn, từ chối retired (nghỉ hưu, nghỉ ngơi), Ôn vẫn từ bi chống gậy đi khắp các châu để giảng pháp, dạy học, dự lễ, khóa tu và hội hợp để gầy dựng giáo hội trong hiện tại và tương lai, để Phật pháp phát triển tại hải ngoại, để truyền cảm hứng tinh thần cho tăng ni và Phật tử... Không có lời nào để tả hết tấm lòng của Ôn đối với đạo, trong hoàn cảnh khó khăn tại hải ngoại này.

Ngày 01 tháng 01 năm 2021, là ngày chúc thọ mừng Ôn 94 tuổi, chúng con mừng vì Ôn trưởng thọ (hơn một số Chư Tôn Đức khác), nhưng bên cạnh đó, chúng con cũng lo... Hoa trong rừng rất nhiều, nhưng hoa ưu đàm rất



Hòa Thượng Thăng Hoan (ngồi cầm chuỗi) và TN Giới Hương (đứng đầu của hàng hai từ trái) tại trường hạ Phật Học Viện Quốc Tế, California, năm 2016

hiếm. Tâm (mind) rất nhiều, nhưng trí lãnh đạo (master mind) rất hiếm. Vì giáo hội, vì chúng con, kính tha thiết đánh lễ xin Ôn bảo trọng!

Kính tri ân Ni sư Quảng Tịnh và Chư Ni Chùa Phật Quang (San Jose) đang có phước duyên chăm sóc cho Ôn.

Kính tri ân Thượng Tọa Nguyên Tạng đã mời con viết bài và vì quý Ôn mà soạn Kỳ yếu.

Đôi dòng chữ của một người học trò, chút tấm lòng làm món quà nhỏ trong kỳ yếu Chúc thọ Ôn.

Kính chúc Ôn sống lâu trăm tuổi!

Kính lạy Ôn chứng minh và nhận cho chúng con được ân triêm công đức.

Nam Mô A Di Đà Phật.

Chùa Hương Sen, ngày 20 tháng 12 năm 2020

Thành tâm kính lễ,

Thích Nữ Giới Hương và chư Ni chúng
Huongsentemple@gmail.com

Thích Nữ Giới Hương đến thăm và chúc Tết Hòa Thượng Thăng Hoan tại Chùa Bát Nhã, California, ngày 16 tháng 02 năm 2020





CHĂN TRÂU

Chăn trâu là khổ, ai than?
Chăn trâu thư thái, khổ chẳng do mình
Lên đồi non, xuống bãi sình
Hân hoan dung thứ khổ đành bỏ đi...

HÂM

Đầu mùa gió lạnh se se
Ấm trà ấm đậm im nghe nhạc sầu
Hâm cho sôi nóng tình đầu
Mưa phùn nước đọng in màu trăng ma.

BÙI TIÊN SINH

Tuyết băng vô tận xứ kỳ
Hoành tung tan đóng giầu bày mộng lung
Tam thiên gác ngoài lưng bồng
Tiêu diêu tột đỉnh, tột cùng hạ sanh!

TRỢ

Mịt mù bụi bặm vô minh
Tuồng cười vỡ khóc xoay quanh tháng ngày
Buông thân, tạm trú kiếp này
Nợ nân sông phẳng vui đầy cho xong!

TÌNH TANG

Tình tang tính cách tính tình
Tính tang tình tính cách mình tình tang
Tính tình tính cách dọc ngang
Tình tang tính cách chuyên sang tính tình!

LÚC KHÔNG GIỜ

Chào nàng cô bé thuở xưa
Sen trong đồng nở bốn mùa ngát thơm
Thư tình, chuyện cũ cát gom
Về nhà tôi đọc lúc không giờ sầu.

LUẬN

Ngồi buồn luận ngữ luận ngôn
Luận xong đói bụng luận non luận già
Luận cho ấm thực thăng hoa
Luận ăn luận uống luận qua ngữ vùi.

TIỂU LIỆU PHÁP

Trượng phu cười nổi oan khiên
Quân tử cười cú phạt đền trả vay
Thánh nhân cười giữa vũng lầy
Có ai cười mỉm giữa bầy tiêu nhân?

BAY VÀ RƠI

Vút lên cao chín tầng trời
Tình ca vang vọng những lời yêu đương
Ái biệt ly khổ lệ tuôn
Tình rơi rớt rụng xuống vườn hoa khai.

thơ

MẶN ĐƯỜNG HỒNG

Những câu đối chữ Việt của CÔ HT. THÍCH THIÊN SIÊU

VĂN HỌC / NGHỆ THUẬT

01.

Sắc tướng vốn không, nương cảnh huyện độ
người mê muội;
Tử sanh nào có, mượn thuyền từ vớt kẻ trầm
luân.

(Phụng điệu Đức Tăng Thống Thích Tịnh Khiết,
chùa Tường Vân – Huế, 1972)

02.

Một chút giận, hai chút tham, lặn đạn cả đời ri
cũng khô;
Trăm điều lành, ngàn điều nhịn, thông dong tác
dạ rửa mà vui.

(Tặng Giảng đường Từ Đàm - Huế)

03.

Tánh lặng đất trời chung một cõi;
Tâm không trăng gió trải muôn phương.

04.

Biển ái lấp bằng, Tịnh độ đi về đâu mấy chốc;
Sông mê tát cạn, Niết-bàn an trú vốn không xa.
(Tặng tháp Thượng tọa Thiện Lộc, chùa Thuyền
Tôn-Huế)

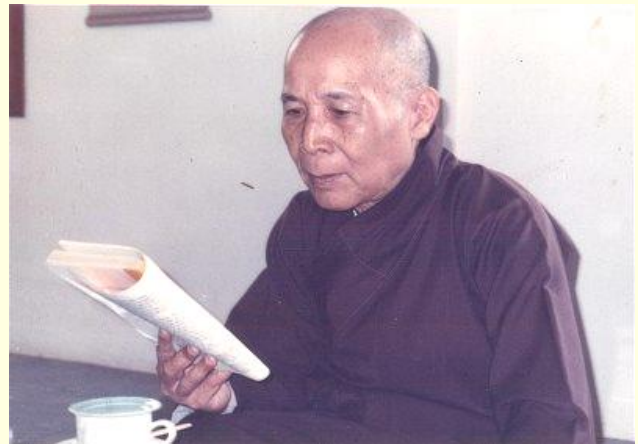
05.

Ngộ thấu nguồn chơn, tâm danh lợi trôi theo
dòng nước;
Rõ cùng lý đạo, niệm thị phi bay lẫn chòm mây.

06.

Cảnh Phật trang nghiêm, mỡ sớm gõ tan hồn
mộng ảo;
Cửa chùa thanh tịnh, chuông chùa ngân vọng
tiếng từ bi.

(Tặng chùa Kim Quang - Nha Trang)



07.

Lặng nhìn trăng sáng nước trong, đèn Bát-nhã
chiếu tan niềm tục;
Lắng nghe kinh vàng kệ ngọc, tiếng Từ bi gõ
thức tình thương.

(Tặng Khuôn hội Phật giáo Lăng Cô và Tây
Lộc – Huế)

08.

Trừ vọng tưởng, dứt mê tình, nhắm thẳng một
đường lên bờ giác;
Hết vô minh, sạch nghiệp chướng, giương cao
đèn tuệ vượt sông mê.

09.

Rũ sạch lòng trần, giọt nước cam lồ, rưới tắt
nã phiền chín cõi;
Mở tròn tuệ giác, soi đèn Bát-nhã, hiển bày
tướng hảo ba thân.

10.

Cá biết về nguồn thăm nghĩa cội;
Chim đầu xa tổ nhớ ơn cây.

11.

Tắc cỏ ngậm ngùi, hương khói tỏ lòng con cháu thảo;
Ba xuân thương nhớ, lớn khôn nhờ đức tổ tông hiền.

12.

Mắt Trí rạng ngời, đèn vô tận chiếu tan niềm tục;
Tay Từ tế độ, nước dương chi gội sạch lòng trần.

(Tặng chùa Giác Hải, Nha Trang)

13.

Cõi Ta-bà mê muội trăm luân, trông chuyển âm vang lời giác ngộ;
Cửa Tam quan tình thương rộng mở, chuông khua đồng vọng tiếng từ bi.

14.

Hiu hiu gió thổi đầu cành, không thấy, thấy không tùy mắt ngắm;
Vàng vạc trắng soi đáy nước, thật hư hư thật hỏi lòng xem.

(Tặng chùa Thanh Phước - Huế)

Chùa Từ Đàm Huế ngày nay



15.

Tiếng chuông Linh Mục vọng về đâu, sáu nẻo luân hồi chúng sanh mong tế độ;
Cội cỏ tông lâm đà ngã xuống, hai hàng mê ngộ đệ tử xót bơ vơ.

(Điều Hòa thượng Thích Đôn Hậu)

16.

Sạch phiền não, hết tham sân, cửa Phật đây rồi thôi chạy kiếm;
Phá si mê, trừ nghiệp chướng, đường trần đó mặc hết rong tìm.

17.

Cửa Không trống dậy mấy hồi, đọc kinh chú xưa tan mộng ảo;
Cõi Phật chuông đưa vài chập, niệm Nam mô xóa sạch não phiền.

18.

Lặng nhìn mây trắng núi xanh, hương giải thoát xông lừng cây cỏ;
Vẳng tiếng thông reo chim hót, gió từ bi thổi mát đất trời.

19.

Mây núi chập chùng, trăng Bát-nhã lồng soi vũ trụ;
Cỏ hoa tươi tốt, gió Từ bi thổi mát sinh linh.

20.

Đầy chùa đầy Phật, đầy mõ sớm chuông chiều,
nhân nhủ khách trần về nẻo giác;
Này trăng này gió, này kinh vàng kệ ngọc,
khuyên răn người tục bỏ lòng mê.

21.

Phật đạo có gì đâu ! thả chiếc thuyền Từ chờ kẻ
giác;
Pháp môn không kể xiết, khêu đèn Bát-nhã đón
người mê.

22.

Vô minh tham ái buộc ràng, đối cảnh sinh tình
thêm lụy tục;
Bát-nhã từ bi giải thoát, xem kinh mở trí rạng
lòng chơn.

23.

Đạo Tổ sáng hoài cỏ cây đượm nhuần mưa pháp;
Chùa xưa mới mãi cháu con tiếp nối đèn thiên.

24.

Dứt sạch mê tình, nhắm thẳng một đường lên bờ
giác;
Trừ không nghiệp chướng, giương cao đèn Tuệ
vượt sông mê.

25.

Cảnh Phật trang nghiêm, mõ sớm gõ tan hồn mê
muội;
Cửa chùa thanh tịnh, chuông chiều khua rã mộng
ba sinh.

26.

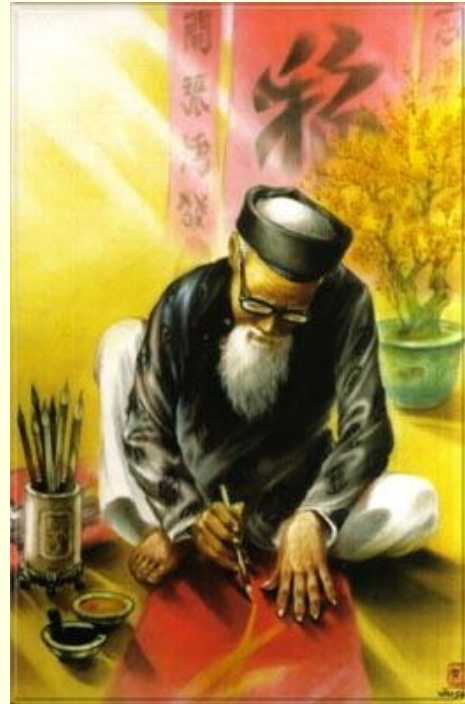
Không là sắc, sắc là không, chỗi buộc lông rùa
quét sạch ba ngàn thế giới;
Phật tức tâm, tâm tức Phật, mõ khua sừng thỏ
tĩnh hồn ức triệu sinh linh.
(*Đối thiên*)

27.

Lặng nhìn trăng sáng nước trong, đèn Bát-nhã
soi cùng vũ trụ;
Lặng nghe kinh vàng kệ ngọc, tiếng Từ bi dội
khắp non sông.

28.

Cõi Ta-bà mê muội trầm luân, trống chuyển âm
vang lời Giác ngộ;
Cửa Tam bảo đạo tình mở rộng, chuông khua
đồng vọng tiếng Từ bi.



29.

Mười hiệu Phật, vài câu kinh, đánh thức ngàn
năm mê muội;
Một hồi chuông, mấy nhịp mõ, gõ tan bao kiếp
trăm luân.

30.

Người nương pháp, pháp nương người, động
tĩnh theo duyên tiêu nghiệp cũ;
Phật tức tâm, tâm tức Phật, xưa nay chẳng khác
rõ lời chơn.

31.

Lòng mẹ tìm con xót xa, luân hồi đầy đoạ, trần
thế mây che, tác dạ Kiên Liên đau đớn bấy;
Ỗn Phật nhờ thầy tế độ, pháp chứng vô sanh,
Lặng già trăng hé, tâm lòng Bồ-tát nhẹ nhàng
thay!

32.

Cảm tác

Năm tháng phù sanh dệt kiếp người,
Cuộc đời như thể áng mây trôi;
Buông tay mộng huyền về theo Phật,
Chín phẩm đài sen ánh tỏa ngời.

(*Văn điệu hương linh thân mẫu của PT. Thái
Kim Lan*)

(Nguồn: quangduc.com)

FYODOR DOSTOEVSKY, '*Brothers Karamazov*' và *Chuyện Tiên Thân Đức Phật*

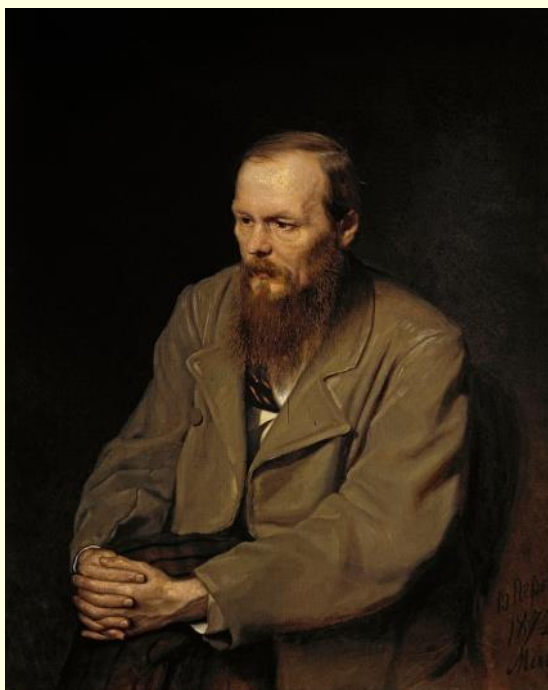
HUỲNH KIM QUANG

VĂN HỌC / NGHỆ THUẬT

Ngày 11 tháng 11 năm 2020 là sinh nhật thứ 199 năm của nhà văn và triết gia người Nga Fyodor Dostoevsky [sinh ngày 11 tháng 11 năm 1821]. Các tác phẩm văn học của ông đã khám phá tâm lý con người trong bầu không khí chính trị, xã hội và tâm linh bất an của xã hội Nga vào thế kỷ thứ 19, và liên hệ tới nhiều chủ đề triết học và tôn giáo, theo www.en.wikipedia.org

Các tác phẩm nổi tiếng nhất của ông gồm "Crime and Punishment" [Tội Ác và Hình Phạt - xuất bản năm 1866], "The Idiot" [Người Ngốc - xuất bản năm 1869], "Demons" [Ma Quỷ - xuất bản năm 1872], và "The Brothers Karamazov" [Anh Em Karamazov - xuất bản năm 1880]. Các tác phẩm của ông đã được đọc không những tại Nga mà còn khắp nơi trên thế giới và đã ảnh hưởng rất nhiều nhà văn và triết gia về sau như các nhà văn Nga Aleksandr Solzhenitsyn và Anton Chekhov, các triết gia Friedrich Nietzsche của Đức và Jean-Paul Sartre của Pháp và sự trỗi dậy của Chủ Nghĩa Hiện Sinh và Trường Phái Tâm Phân Học Freud. Các tác phẩm của ông đã được dịch sang hơn 170 thứ tiếng.

Đặc biệt, tác phẩm "The Brothers Karamazov" là cuốn sách cuối đời và nổi tiếng nhất của ông. Trong đó có nhiều điểm



Fyodor Dostoevsky qua bản vẽ của của Vasili Perov vào năm 1872. (www.en.wikipedia.org)

Fyodor Dostoevsky.

Cuộc đời nhà văn Fyodor Dostoevsky

Fyodor Dostoevsky sinh ra vào ngày 11 tháng 11 năm 1821 tại Moscow, nước Nga. Ông là người con thứ hai của Bác Sĩ Mikhail Dostoevsky và phu nhân Maria Dostoevskaya. Ông đã được nuôi dưỡng trong căn nhà của gia đình nằm trên đất của Bệnh Viện Mariinsky cho Người Nghèo, tại một quận nghèo ở bên rìa Moscow. Dostoevsky đã gặp nhiều bệnh nhân là những người ở dưới đáy của tầng lớp xã hội Nga khi ông chơi đùa tại các khu vườn của bệnh viện.

tương đồng giữa câu chuyện Anh Em Karamazov và các Câu Chuyện Tiên Thân Của Đức Phật trong Kinh Bản Sinh Asthramantha Jātaka, theo Bác Sĩ Ruwan M Jayatunge - đặc trách về Sức Khỏe Tâm Thần tại Bộ Y Tế Sri Lanka, cũng là giảng sư thỉnh giảng về Chấn Thương Hậu Chiến Tranh (PTSD) tại Đại Học Washburn University Kansas, York University Canada, Coatesville VA Medical Center tại Pennsylvania và Harvard University tại Cambridge, Massachusetts.

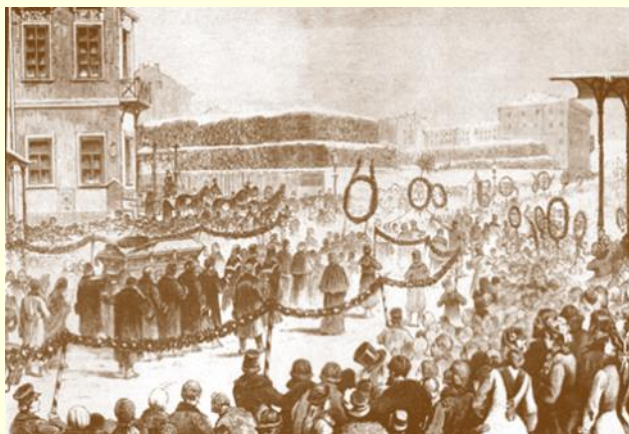
Chúng ta sẽ trở lại với vấn đề hấp dẫn này trong phần sau, nhưng trước hết hãy nói sơ qua cuộc đời của nhà văn

Dostoevsky đã làm quen với văn học ở tuổi rất trẻ. Từ lúc lên ba ông đã đọc các chuyện cổ tích, những chuyện tuổi thơ và các huyền thoại từ người vú em của ông là Alena Frolovna, một nhân vật ảnh hưởng đặc biệt trong sự giáo dục và tình yêu của ông cho các truyện hư cấu sau này. Khi ông lên bốn tuổi mẹ ông đã dùng Thánh Kinh để dạy cho ông đọc và viết. Cha mẹ ông đã giới thiệu cho ông nhiều loại văn học, gồm các nhà văn Nga như Karamzin, Pushkin và Derzhavin; tiểu thuyết Gothic như các tác phẩm từ nhà văn Ann Radcliffe; các tác phẩm lãng mạn của Schiller và Goethe; các chuyện anh hùng của Miguel de Cervantes và Walter Scott; và sử thi của Homer. Dostoevsky kể rằng trí tưởng tượng của ông đã được làm sống dậy bởi việc đọc truyện ban đêm do cha mẹ ông thực hiện.

Một vài kinh nghiệm tuổi thơ của ông đã xuất hiện trong các tác phẩm của ông. Khi một cô bé 9 tuổi bị hãm hiếp bởi một kẻ sau rượu, ông đã được yêu cầu đưa cha ông đến để chăm sóc cho cô ấy. Sự kiện này đã ám ảnh ông, và chủ đề về dục vọng của người đàn ông trưởng thành đối với một cô gái trẻ xuất hiện trong cuốn tiểu thuyết "The Devils," "The Brothers Karamazov," "Crime and Punishment," và những tác phẩm khác. Một sự kiện liên quan đến người hầu trong gia đình, hay nông nô, tại gia trang Darovoye, được ông mô tả trong tác phẩm "The Peasant Marey" rằng khi Dostoevsky còn trẻ tưởng tượng đang nghe tiếng chó sói trong rừng, Marey, người đang làm việc gần đó, đã an ủi ông.

Dù Dostoevsky có thể chất yếu đuối, cha mẹ ông đã mô tả ông như là người nóng nảy, cứng đầu, và táo bạo. Vào năm 1833, cha của Dostoevsky, là người rất sùng đạo, đưa ông vào trường nội trú Pháp và rồi vào trường nội trú Chermak. Ông được miêu tả là một người mơ mộng sống nội tâm và quá lãng mạn. Để trả tiền học cho ông, cha ông đã mượn tiền và làm thêm nghề y tư nhân. Dostoevsky đã cảm thấy lạc lõng giữa các bạn học thuộc giai cấp quý tộc tại trường ở Moscow, và kinh nghiệm này sau đó đã phản ảnh trong một số tác phẩm của ông, nổi bật nhất là cuốn "The Adolescent."

Ngày 27 tháng 9 năm 1837, mẹ của Dostoevsky qua đời vì bệnh lao. Tháng 5 trước đó, cha mẹ của ông đã gửi Dostoevsky và người anh em Mikhail tới thành phố St Petersburg để vào học miễn phí Học Viện Nikolayev Military Engineering Institute, buộc hai anh em phải bãi bỏ các môn học của họ để theo đuổi binh nghiệp. Dostoevsky vào học viện vào tháng 1 năm 1838, nhưng với sự giúp đỡ của những người trong gia đình, Mikhail đã bị từ chối cho nhập học vì sức



Trong tang lễ của Dostoevsky. (www.en.wikipedia.org)

khỏe và được gửi tới học viện tại Tallinn, Estonia, sau này được biết là Reval.

Dostoevsky không thích học viện, cơ bản bởi vì ông không có thích thú với khoa học, toán và kỹ thuật quân sự và sở thích của ông là vẽ và kiến trúc. Cá tính và sở thích của Dostoevsky làm cho ông không hợp với 120 bạn học: ông cho thấy sự can đảm và nhận thức về công lý mạnh mẽ, bảo vệ những người mới đến, tự liên kết với các giáo viên, chỉ trích tham nhũng trong các viên chức và giúp nông dân nghèo. Dù ông cô đơn và sống trong thế giới văn học của mình, ông được các bạn học kính trọng. Sự ấn tượng và thích thú của ông trong tôn giáo đã làm cho ông có biệt danh "Nhà Sư Photius."

Dấu hiệu về chứng động kinh của Dostoevsky có thể đã xuất hiện lần đầu khi nghe tin cha ông qua đời vào ngày 16 tháng 6 năm 1839, dù các báo cáo về chứng bệnh bất ngờ bắt nguồn từ các tác phẩm được viết bởi người con gái của ông mà sau này đã được phổ biến bởi nhà phân tâm học học Sigmund Freud, mà hiện nay được xem là không đáng tin cậy. Nguyên do chính thức về cái chết của cha ông là bị đột quỵ, nhưng một người láng giềng, Pavel Khotiaintsev, thì cáo buộc những người hầu của cha ông là kẻ giết người. Những người hầu này đã bị kết tội và đày đi tới Siberia, Khotiaintsev đã có thể mua được miếng đất trống. Những người hầu đã được tuyên bố trắng án, nhưng người anh của Dostoevsky là Andrei thì vẫn tiếp tục câu chuyện. Sau khi cha ông mất, Dostoevsky tiếp tục học, thi đậu và lấy bằng kỹ sư và cho phép ông sống bên ngoài học viện.

Ngày 12 tháng 8 năm 1843, Dostoevsky có việc làm là một trung úy kỹ sư và sống với Adolph Totleben trong một khu chung cư. Tác phẩm văn học hoàn tất đầu tiên của Dostoevsky là bản dịch cuốn tiểu thuyết "Eugénie Grandet" của Honoré de Balzac, được xuất bản vào tháng 6 và tháng 7 năm 1843 trong cuốn thứ 6 và thứ 7 của tạp chí

Repertoire and Pantheon, theo sau bởi nhiều bản dịch khác. Không có cuốn nào thành công, và việc kiệt quệ tài chính đã khiến ông quay sang viết tiểu thuyết.

Cuốn tiểu thuyết hoàn tất đầu tiên của ông là "Poor Folk" [Gã Nghèo] được ra đời vào tháng 5 năm 1845. Bạn của ông là Dmitry Grigorovich, người cùng sống chung ở chung cư lúc đó, đã lấy bản thảo cuốn tiểu thuyết này mang đến cho nhà thơ Nikolay Nekrasov, người đã khoe cuốn sách với nhà phê bình văn học nổi tiếng Vissarion Belinsky. Belinsky đã mô tả đó là "cuốn tiểu thuyết xã hội" đầu tiên của nước Nga. Cuốn "Poor Folk" đã được ra mắt vào ngày 15 tháng 1 năm 1846 trong Bộ Sưu Tập St Petersburg Collection và đã thành công về thương mại.

Dostoevsky cho rằng binh nghiệp làm hại sự nghiệp văn chương của ông, nên ông đã viết thư xin từ chức. Ngay sau đó ông đã viết cuốn tiểu thuyết thứ hai "The Double" [Một Cặp], đã đăng trên tạp chí Notes of the Fatherland vào ngày 30 tháng 1 năm 1846, trước khi được xuất bản vào tháng 2.

Sau khi cuốn "The Double" nhận được các phê bình tiêu cực, sức khỏe của Dostoevsky suy sụp và ông thường xuyên bị co giật, nhưng ông vẫn tiếp tục viết. Từ năm 1846 tới 1848, ông đã cho ra đời nhiều truyện ngắn đăng trên tạp chí Annals of the Fatherland, gồm các chuyện "Mr. Prokharchin", "The Landlady", "A Weak Heart", và "White Nights."

Các thành viên của hội Petrashevsky Circle đã bị tố cáo với Liprandi là một viên chức trong Bộ Nội Vụ. Dostoevsky bị cáo buộc đọc các tác phẩm của Belinsky, gồm "Letter to Gogol" bị cấm, và nhiều bản sao của cuốn này và nhiều tác phẩm khác. Antonelli, nhân viên chính quyền là người đã báo cáo nhóm này, đã viết trong tuyên bố của ông rằng ít nhất một trong những bài viết đã chỉ trích chính trị và tôn giáo Nga. Dostoevsky đã phản ứng lại những cáo buộc này và tuyên bố rằng ông đã đọc các bài viết chỉ "như là một tượng đài văn học, không hơn không kém." Ông nói rằng đó là "cá nhân và bản ngã con người" hơn là chính trị. Dù vậy, ông và đồng bọn "chủ mưu" đã bị bắt vào ngày 23 tháng 4 năm 1849 theo yêu cầu của Count A. Orlov và Tsar Nicholas I, là người lo sợ cách mạng giống như sự nổi dậy của Decembrist vào năm 1825 tại Nga và các cuộc Cách Mạng năm 1848 tại Châu Âu. Các thành viên bị giam tại Peter and Paul Fortress được canh giữ cẩn mật, là nơi nhốt những kẻ phạm tội nguy hiểm.

Vụ này đã được đem ra xử 4 tháng sau đó. Họ đã bị kết án tử hình bằng xử bắn và các tù nhân được đưa tới Cung Điện

Semyonov tại thành phố St Petersburg vào ngày 23 tháng 12 năm 1849 nơi họ bị chia ra làm nhiều nhóm mà mỗi nhóm 3 người. Dostoevsky đứng thứ ba trong hàng thứ hai, kế bên ông là Pleshcheyev và Durov. Vụ hành quyết vẫn ở đó khi một chiếc xe ngựa giao lá thư từ Sa Hoàng tới giam án.

Dostoevsky đã ở tù lao động khổ sai 4 năm tại nhà tù hình sự tại Omsk ở Siberia, theo sau là thời hạn phục vụ quân sự bắt buộc. Sau một chuyến đi bằng xe trượt tuyết 14 ngày, các tù nhân đã tới Tobolsk, một trạm tù. Tại Tobolsk, các thành viên đã nhận được thực phẩm và quần áo từ các phụ nữ của Hội Decembrist, cũng như nhiều bản sao của Tân Ước với một tờ giấy bạc 10 đồng rub bên trong mỗi bản sao. 11 ngày sau, Dostoevsky tới Omsk cùng với một thành viên khác của Hội Petrashevsky Circle, là nhà thơ Sergei Durov.

Được xếp loại là "một trong những tội nguy hiểm nhất," Dostoevsky bị cùm tay và chân cho đến khi ông được thả. Ông ấy chỉ được phép đọc Thánh Kinh Tân Ước. Thêm vào chứng động kinh, ông đã bị bệnh trĩ, xuống cân và "bị thiêu đốt vì sốt, run và cảm thấy quá nóng hay quá lạnh mỗi đêm." Đôi khi Dostoevsky đã bị chở tới bệnh viện, nơi ông đã đọc báo và các tiểu thuyết của Dickens.

Sau khi được thả ra tù vào ngày 14 tháng 2 năm 1854, Dostoevsky đã nhờ Mikhail giúp tài chính và gửi cho ông các cuốn sách của Vico, Guizot, Ranke, Hegel and Kant, theo Joseph Frank trong tác phẩm "Dostoevsky: The Stir of Liberation, 1860–1865."

Năm 1861 Dostoevsky đã xuất bản tác phẩm "The House of the Dead," dựa vào kinh nghiệm ở tù của ông được đăng trên tạp chí Vremya [Time], là cuốn tiểu thuyết đầu tiên kể về các nhà tù Nga.

Vào giữa tháng 3 Dostoevsky tới Semipalatinsk, nơi ông bị bắt buộc phục vụ trong Quân Đoàn Siberia. Ở đây ông đã làm quen với Trung Tá Belikhov. Trong lúc thăm Belikhov, Dostoevsky đã gặp gia đình của Alexander Ivanovich Isaev và Maria Dmitrievna Isaeva và ông đã yêu Maria Dmitrievna Isaeva. Họ kết hôn tại Semipalatinsk vào ngày 7 tháng 2 năm 1857. Vì không cùng giai cấp cưới hôn nhân của họ không có hạnh phúc, hơn nữa Maria đã khám phá ra ông bị bệnh động kinh nên khó thích ứng. Vào năm 1859 ông đã được trả tự do khỏi phải phục vụ quân đội bởi vì sức khỏe và được phép trở lại Nga gần Châu Âu. Trước tiên ông gặp lại người anh em lần đầu sau 10 năm xa cách và sau đó ông tới St Petersburg.

Cuốn "A Little Hero" mà ông đã hoàn tất trong tù đã được đăng trên tạp chí, nhưng

cuốn "Uncle's Dream" và "The Village of Stepanchikovo" thì đến năm 1860 mới được xuất bản. Cuốn "House of the Dead" đã được đăng trong Russky Mir (Russian World) vào tháng 9 năm 1860. Cuốn "The Insulted and the Injured" được đăng trong tạp chí Vremya mới.

Hai phần đầu của cuốn tiểu thuyết "Crime and Punishment" được đăng vào tháng 1 và tháng 2 năm 1866 trong tạp chí The Russian Messenger đã thu hút thêm cho tờ báo 500 độc giả mới.

Dostoevsky trở lại St Petersburg sau mấy chuyến đi thăm khắp Châu Âu vào giữa tháng 9 và các người bạn của ông đề nghị ông nên thuê một thư ký. Dostoevsky đã liên lạc với người viết tốc ký Pavel Olkhin từ St Petersburg và người này đã tiến cử học trò của ông là một cô gái 20 tuổi Anna Grigoryevna Snitkina. Cách viết tốc ký của cô đã giúp Dostoevsky hoàn tất cuốn "The Gambler" vào ngày 30 tháng 10, sau 26 ngày làm việc.

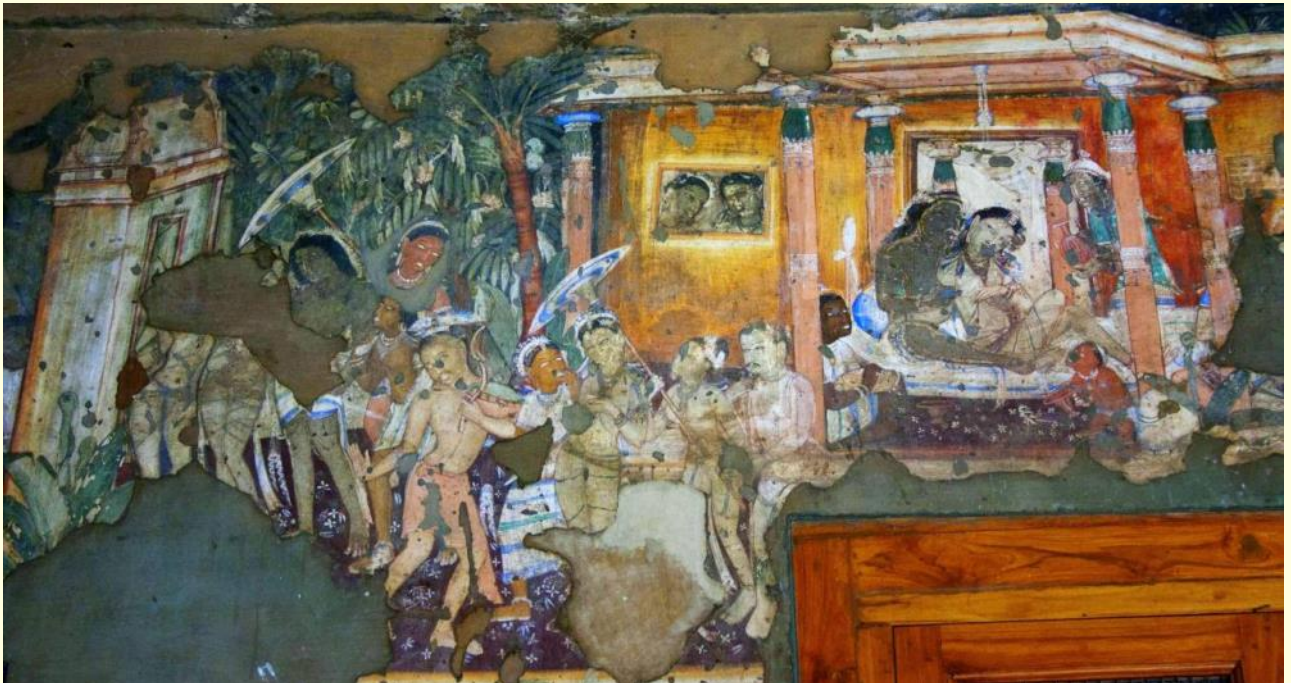
Vào ngày 15 tháng 2 năm 1867 Dostoevsky kết hôn Snitkina tại Nhà Thờ Trinity Cathedral ở St Petersburg. 7,000 đồng tiền rub mà ông có được từ cuốn "Crime and Punishment" đã không đủ để trả nợ, buộc Anna phải bán nữ trang của cô để trả. Họ đi du lịch ở Đức tới Berlin, Frankfurt, Darmstadt, Heidelberg và Karlsruhe. Sau đó họ tới Geneva. Tháng 9 năm 1867, Dostoevsky bắt đầu viết cuốn "The Idiot" và sau 23 ngày thì xong 100 trang đầu, nhưng

đến tháng 1 năm 1868 nó mới được đăng trên tạp chí The Russian Messenger. Người con đầu lòng của họ, Sonya đã được sinh ra tại Geneva vào ngày 5 tháng 3 năm 1868. Nhưng đứa bé đã chết vì sưng phổi 3 tháng sau làm cho Dostoevsky rất đau khổ và tuyệt vọng. Cuốn "The Idiot" đã viết xong vào tháng 1 năm 1869. Anna đã sinh đứa con gái thứ hai, Lyubov, vào ngày 26 tháng 9 năm 1869.

Gia đình Dostoevsky trở lại St Petersburg vào tháng 9. Cuốn "Demons" được viết xong vào ngày 26 tháng 11 và được xuất bản vào tháng 1 năm 1873 bởi "Công Ty Xuất Bản Dostoevsky," được sáng lập bởi Dostoevsky và vợ của ông.

Vào mùa hè năm 1876, Dostoevsky bắt đầu cảm thấy khó thở. Ông đến bác sĩ lần thứ ba và được cho biết ông có thể sống thêm 15 năm nữa nếu ông dọn tới một nơi khí hậu lành mạnh hơn.

Tháng 3 năm 1877 sức khỏe của Dostoevsky suy nhược hơn và ông đã bị động kinh 4 lần. Mùa hè năm đó, ông được bầu vào ủy ban danh dự của Hội Nhà Văn Quốc Tế Association Littéraire et Artistique Internationale, có các thành viên gồm những nhà văn tên tuổi như Victor Hugo, Ivan Turgenev, Paul Heyse, Alfred Tennyson, Anthony Trollope, Henry Longfellow, Ralph Waldo Emerson và Leo Tolstoy. Vào tháng 8 năm 1879, ông đã được chẩn đoán bị chứng khí thũng phổi ở giai đoạn đầu, mà bác sĩ tin là có thể kèm chế chứ không chữa lành được.



Hình vẽ minh họa về các Câu Chuyện Tiền Thân Của Đức Phật trong Hang Động Ajanta tại Ấn Độ. (<https://travelnew.tumblr.com>)

Dostoevsky đã mất 2 năm để viết bộ tiểu thuyết nổi tiếng của ông "The Brothers Karamazov," đã được đăng nhiều kỳ trên tạp chí The Russian Messenger từ tháng 1 năm 1879 tới tháng 11 năm 1880.

Vào ngày 25 tháng 1 năm 1881, trong khi tìm kiếm các thành viên của tổ chức khủng bố Narodnaya Volya ("The People's Will") là những người sắp ám sát Sa Hoàng Alexander II, mật vụ của Sa Hoàng đã thực hiện lệnh khám chung cư của một trong những người láng giềng của Dostoevsky. Ngày hôm sau, Dostoevsky bị xuất huyết. Vợ ông là Anna bác bỏ việc cho rằng cuộc truy tìm đã làm ông xuất huyết, nói rằng chứng xuất huyết đã xảy ra sau khi chồng bà cuối xuống nhặt cây bút bị rớt. Sau vụ xuất huyết khác, Anna gọi các bác sĩ là những người đưa ra chẩn đoán dỏm. Một vụ xuất huyết thứ ba xảy ra không lâu sau đó. Trong lúc nhìn các người con của ông trước khi chết, Dostoevsky yêu cầu rằng dụ ngôn về Đứa Con Trai Hoang Đàng sẽ được đọc cho các người con của ông nghe. Nói về ý nghĩa sâu xa của lời yêu cầu này được Joseph Frank trong tác phẩm "Dostoevsky. A Writer in His Time," diễn giảng rằng, "Đó là dụ ngôn về tội lỗi, hối hận, và tha thứ mà ông muốn để lại như là di sản sau cùng cho những người con của ông, và nó cũng có thể được nhìn thấy khi sự hiểu biết tối hậu của chính ông về ý nghĩa của cuộc đời ông và thông điệp của tác phẩm của ông."

Ông qua đời vào ngày 9 tháng 2 năm 1881 tại thành phố St Petersburg, Nga. Khi ông mất, thi thể của ông đã được đặt trên chiếc bàn, theo tập tục người Nga. Ông đã được an táng tại Nghĩa Trang Tikhvin tại Tu Viện Alexander Nevsky Convent, gần các nhà thơ mà ông hâm mộ, Nikolay Karamzin and Vasily Zhukovsky.

Niềm tin tôn giáo của Dostoevsky

Theo www.simple.wikipedia.org, Dostoevsky được sinh trưởng trong một gia đình học thức và sùng đạo. Các niềm tin tôn giáo đã thay đổi nhiều lần trong suốt cuộc đời ông.

James Townsend trong tác phẩm "Dostoevsky and His Theology," nói rằng qua phân tích về tư tưởng tôn giáo trong các tác phẩm "Crime and Punishment," "The Idiot," "The Demons," và "The Brothers Karamazov," cho rằng Dostoevsky giữ niềm tin Thiên Chúa Giáo chính thống ngoại trừ đối với quan điểm của về sự cứu chuộc tội lỗi. Theo Townsend, "Dostoevsky hầu như ôm lấy sự ăn năn hối lỗi trong cuộc đời này," trong đó con người đau khổ phải trả cho những tội lỗi của họ, hơn là giáo lý Thiên Chúa Giáo về sự cứu rỗi qua Chúa.

Trong khi đó, Malcolm Jones trong tác phẩm "Dostoevsky And The Dynamics Of Religious Experience," thì nhìn thấy các yếu tố Hồi Giáo và Phật Giáo trong niềm tin tôn giáo của Dostoevsky.

Colin Wilson trong tác phẩm "The Outsider," thì mô tả Dostoevsky như là một nửa vô thần đau khổ và một nửa Thiên Chúa Giáo.

"Anh Em Karamazov" và Chuyện Tiên Thân Đức Phật

Bác Sĩ Ruwan M Jayatunge, hiện đang làm việc tại Bộ Y Tế Sri Lanka (Tích Lan), cũng là giảng sư thỉnh giảng về chứng Chấn Thương Hậu Chiến Tranh (PTSD) tại nhiều trường đại học ở Mỹ và Canada như Washburn University Kansas, York University Canada, Coatesville VA Medical Center tại Pennsylvania và Harvard University tại Cambridge, Massachusetts, trong bài viết công phu "Fyodor Dostoyevsky's Brothers Karamazov and Asthramantha Jātaka Story" [Anh Em Karamazov của Fyodor Dostoevsky và Câu Chuyện Tiên Thân Đức Phật Asthramantha Jātaka] được đăng trên Blog <http://transyl2014.blogspot.com>, lý giải về mối tương quan đặc biệt giữa tác phẩm "The Brothers Karamazov" của nhà văn Dostoevsky và Câu Chuyện Tiên Thân Của Đức Phật được ghi lại trong Bản Sinh Truyện Asthramantha Jātaka Story. Bản Kinh này nằm trong Tiểu Bộ Kinh [Khuddaka Nikaya], là một trong những bộ kinh bằng tiếng Pali xuất hiện vào khoảng thế kỷ thứ 3 trước tây lịch của Phật Giáo Nam Truyền.

Trong "The Brothers Karamazov," Dostoevsky đã miêu tả sự phức tạp của tâm thức con người. Dostoevsky thâm nhập vào tâm thức con người và đương đầu với các vấn đề đạo đức và triết lý đã có ảnh hưởng lâu dài lên nền văn học của thế kỷ 20. Trong "The Brothers Karamazov," Dostoevsky đã khám phá bằng văn chương hay nhất về triết lý đạo đức tạo nên các quyết định sống và chết, sự hợp lý về trách nhiệm đạo đức, và đương đầu với tội lỗi và bổn phận.

Có nhiều tương tự giữa "The Brothers Karamazov" của Dostoevsky và các Câu Chuyện Tiên Thân Của Đức Phật đặc biệt là Chuyện Asthramantha Jātaka.

Các câu chuyện tiên thân được truyền vào Châu Âu vào cuối thời trung cổ từ những người Ả Rập và được dịch và truyền bá trong tất cả thứ tiếng chính thống, gồm Hy Lạp, Tây Ban Nha, Đức, Ý, Pháp và Anh.

"The Brothers Karamazov" và các Câu Chuyện Tiên Thân Asthramantha Jātaka đều mô tả sự luyến ái và dục lạc ở tuổi già vi phạm các tiêu chuẩn xã hội và đạo đức. Cả hai đều phân tích sâu xa các xung đột nội

tâm cho thấy khía cạnh đen tối nhất của tâm thức con người. Theo Dostoevsky, “không có lý do, chỉ có người tạo ra lý do; bên sau mỗi công thức hợp lý có một người tạo ra công thức; bên sau mỗi sự tổng hợp có người tổng hợp.”

Nhà văn học nổi tiếng của Sri Lanka là Martin Wicramasinghe D.Lit. tin rằng Dostoevsky có thể đã chịu một số ảnh hưởng bởi Chuyện Tiền Thân Asthramantha Jātaka để viết cuốn tiểu thuyết tâm lý triết học “The Brothers Karamazov.” Nhà văn học này cũng nói đến ảnh hưởng của các Câu Chuyện Tiền Thân Đức Phật đối với các nhà văn lớn như Victor Hugo, Oscar Wilde, Rudyard Kipling, Leo Tolstoy, v.v...

“The Brothers Karamazov” là truyện về những ganh đua cay đắng trong gia đình được viết theo hai cấp bậc: trên bề mặt nó là câu chuyện của một kẻ giết cha mẹ và người thân mà trong đó tất cả người con trai của người đàn ông sát nhân đều chia xé các mức độ khác nhau của tội đồng lõa nhưng, ở mức độ sâu xa hơn, nó là vở kịch tâm linh của sự xung đột đạo đức giữa niềm tin, ngờ vực, lý trí, và mong muốn tự do. Trong Câu Chuyện Tiền Thân Asthramantha Jātaka cũng có hai cấp độ có thể được tìm thấy: trên bề mặt, sự tích tụ của những khát khao tình dục theo sau sự quyến rũ và trên cấp độ thứ hai những thôi thúc giết người của một người mẹ già là người muốn giết đứa con trai của bà là người đã có quan hệ tình dục với người tập sự trẻ.

Chuyện Tiền Thân Asthramantha Jātaka thực tế là một vở kịch tâm linh của những xung đột đạo đức giữa tình mẫu tử, sự thôi thúc tình dục, niềm tin, sự nghi ngờ, lý trí, và các tiêu chuẩn xã hội.

Trong Chuyện Tiền Thân Asthramantha Jātaka, một bà già yếu đuối bị dụ dỗ bởi người tập sự trẻ để trắc lượng sự thôi thúc tình dục trong tuổi già. Sự quyến rũ được thực hiện với sự đồng tình của người con trai Bồ Tát của bà già và sau vài tháng bà già đồng ý giết đứa con trai của chính bà rồi có quan hệ tình dục với người tập sự trẻ. Vị Bồ Tát đang thực hiện cuộc trải nghiệm xã hội để cho thấy bản tính phá hoại của sự khát ái đối với người học trò của ông.

Người kể Chuyện Tiền Thân nhìn thấy lòng khát ái như là vấn đề sâu xa và sự khát ái dẫn tới chấp thủ. Trong Chuyện Tiền Thân này những xung đột nội tâm của người phụ nữ già và sự thôi thúc giết người được mô tả một cách phức tạp bởi người kể Chuyện Tiền Thân. Sau khi quyến rũ, sự thôi thúc tình dục của người phụ nữ già trở dậy như ngọn núi

lửa bùng nổ. Bà thấy người con trai của bà như là chướng ngại để thỏa mãn khát khao tình dục của bà. Rồi bà quyết định giết đứa con trai của mình.

Người chủ nhà cũ trong Brothers Karamazov và người phụ nữ già trong Chuyện Tiền Thân Asthramantha Jātaka có nhiều đặt tính giống nhau xét về thú vui nhục dục. Người kể Chuyện Tiền Thân mô tả tâm thức nặng về tình dục của người phụ nữ già giống như cách Dostoevsky mô tả tâm hồn dâm dục của người chủ nhà cũ.

Theo cuốn tiểu thuyết “The Brothers Karamazov,” người chủ nhà cũ Fyodor Pavlovich là một người đàn ông vô đạo đức ích kỷ, nghiện rượu và không sợ hoặc tôn kính Thượng Đế. Dostoevsky mô tả Fyodor Pavlovich như là con quỷ dữ. Fyodor có ba người con trai ngoài giá thú thứ tư tên là Pavel Smerdyakov làm người hầu cho ông.

Mithya (Dmitri), Ivan, Alyosha, và Smerdyakov trưởng thành xa cách nhau. Khi họ tụ tập tại thị trấn nơi Fyodor sống, câu chuyện bắt đầu từ đây.

Các Câu Chuyện Tiền Thân Đức Phật nêu bật sự vô thường, khổ đau và vô ngã. Các chuyện cũng cho thấy rằng sự đau khổ là một phần bình thường và không thể tránh khỏi của cuộc sống, bản chất của đau khổ được chấm dứt bằng cách con người đáp ứng với nó. Trong The Brothers Karamazov, Ivan Karmazov tin rằng không đúng vì có quá nhiều đau khổ trong cuộc đời này, và tin rằng không có gì có thể làm cho nó đúng. Kết quả là hẳn không còn cách nào khác ngoài việc từ chối tẩm về đến thế giới này, hay phản nộ với cuộc đời, có nghĩa là hẳn giận dữ với cuộc sống trong đó.

Dostoevsky có vẻ đồng ý rằng sự chán ghét mình của con người là không thể tránh khỏi. Tính không là tình trạng của con người mà cả Phật Giáo và Nietzsche đều đáp ứng. Người kể Chuyện Jathaka đã viết rằng sự chán ghét là một phần của đau khổ hay không thỏa mãn.

Dostoevsky nắm bắt Lý Thuyết Hiện Sinh Phật Giáo đặc biệt nguyên tắc Tánh Không (bản tính không có thực thể, không có tự tánh của tất cả mọi hiện tượng) là loại giải thoát nhận thức. Ông đã từng thảo luận về cách giải thích hư vô của khái niệm tính không. Dostoevsky thể hiện vai của Ivan Karmazov là người hư vô. Ivan tìm thấy không có ý nghĩa rõ ràng đối với cuộc đời của hẳn.



CHÚC MỪNG NĂM MỚI 2021

NĂM tròn xin tiễn tiết đông qua
MỚI đón xuân tươi đến mọi nhà
CHÚC tặng trên đời thêm chữ Hỷ
MỪNG vui khắp chốn cất lời ca
HẠNH dung lễ nghĩa ngời tâm ngọc
PHÚC lộc, công danh rạng ánh ngà
CHAN vui trống kèn, Lân hợp cảnh
HÒA đàn, tấu sáo rộn ràng ca.



(Internet: *Thích Nữ Giới Hương* sưu tầm)

WISHES IN THE NEW YEAR 2021

NEW YEAR comes to say goodbye to winter
WELCOME fresh spring to every home
WISHING you all gain more joy in life
CELEBRATING parties ring around the world
HAPPINESS and rituals are performed respectfully
MERIT will be collected with success
WONDERFUL sounds from horns, drums, and dragons
HARMONIOUS music greets the NEW YEAR.

(Nguồn: Internet; dịch tiếng Anh: *Thích Nữ Giới Hương*)



Thích và Ghét, Nhân và Quả

TOẠI KHANH

VĂN HỌC / NGHỆ THUẬT

Tất cả chúng ta trong đời sống chúng ta đều có thích và ghét. Đời sống quý vị từ lúc còn nằm ngửa tới lúc vào quan tài chỉ có thích và ghét thôi. Cái thích càng nhiều thì nó kéo theo nhiều vấn đề. Tại sao? Là cứ mỗi cái thích như vậy nó cộng thêm cái phước và tội trong đó. Mỗi ngày anh có tu tập các công đức không? Anh có bố thí, trì giới, tham thiền, phục vụ, nghe Pháp hay không? Khi mà anh có mấy cái đó mà cộng với cái thích thì đời sau sanh ra anh sẽ có những cái anh thích. Còn nếu anh thích tùm lum mà anh lại thiếu công đức thì đời sau anh sẽ đi về một cái chỗ thích hợp cho cái đũa thích tùm lum mà thiếu phước. Các vị có thấy mấy bà điên ăn mặc rách rưới mà cài hoa trên đầu không? Mấy bà cũng thích đẹp mấy bà mới cài hoa chứ. Nhưng mà do điều kiện tinh thần của bà nó có vấn đề cho nên nó ảnh hưởng đến cái thẩm mỹ của bà. Mấy bà điên lang thang đó chuyện đầu tiên là không có tiền cái đã. Rồi lại không tinh táo. Không tiền mà lại không tinh, cộng với cái thích đẹp thì nó ra vậy đó. Thấy chưa? Đó là chuyện trước mắt. Còn cái chuyện tại sao trong thế giới động vật các vị thấy thiên hình vạn trạng thì cứ vậy mà hiểu. Một bà điên, thứ nhất là phụ nữ thì thích làm đẹp trước cái đã. Trước hết mình phải nói giới tính trước. Mấy ông điên tôi thấy



cũng hiếm ông nào mà ghim hoa, cắm bông lên tóc. Hiếm lắm. Một là giới tính, hai là thích làm đẹp, ba là không tinh, bốn là không tiền. Bốn cái này cộng lại ra cái bà đó. Ở dưới thì teng beng, ở trên thì bà lấy mấy cái bông giả người ta vút ngoài nghĩa trang ghim đầy đầu hết. Đó là cái chứng minh cho quý vị thấy: Cái thích và cái ghét cộng với những điều kiện khác sẽ ra cái đó. Cho nên quý vị muốn biết mình kiếp sau như thế nào thì nhìn bây giờ mình đang ra sao.

*"Dục tri tiền thế nhân
Kim thân thọ giả thị
Dục truy lai thế quả
Kim thân tác giả thị"*

Muốn biết kiếp trước ta làm gì, nhìn ta bây giờ.

Muốn biết đời sau ta như thế nào, nhìn ta bây giờ.

Nhìn quả bây giờ biết nhân đời trước.

Nhìn nhân bây giờ biết quả đời sau.

Nó lớn chuyện lắm. Tôi nhắc lại, sống trong cõi dục là ta phải quây quần với năm dục. Mà đã quây quần với năm dục thì ta phải chấp nhận hai cái hệ lụy sau đây:

đó là thích và ghét trong năm dục. Và cái thích và ghét đó nó gắn liền với tội và phước. Tôi thích đủ thứ nhưng mà tôi lại có quá nhiều phước thì nó dắt tôi đi về một hướng nào đó. Tôi thích đủ thứ mà nó cộng với cái tội thì nó dắt tôi đi về một hướng khác. Rồi ghét cũng vậy. Đừng coi thường mấy cái ghét. Tôi ghét cái gì đó mà cộng với tội là người có tu. Thí dụ tôi ghét ồn lắm nhưng tôi là người có tu tập, đời sau tôi sẽ sanh ra những cái chỗ yên tĩnh, đẹp. Còn nếu tôi ghét ồn mà tôi không có tu hành thì tôi sanh ra làm mấy cái con động vật ở trong rừng sâu, núi thẳm, sâu xa.

Tôi vô trong rừng núi Thụy Sĩ, những vùng sâu vùng xa, trong mấy hốc đá tôi thấy mấy con sóc ở trong, quanh năm nó không thấy gì hết. Rồi có những con sóc nó ở phố, có những lúc nó ra ngoài Galeria bị xe cán. Thích yên tĩnh, không tu hành thì sẽ làm mấy cái con ở vùng xa xôi vậy đó. Thích yên tĩnh mà có tu hành sẽ về những cái vùng đẹp đẽ. Có nhiều cái nhà bên bờ hồ nhìn chết được, đẹp lắm. Có nhiều cái nhà người chủ hết phước làm chủ, không biết bao lâu họ không về, cửa đóng im lìm, mà mình nhìn cái đó mình mê thiệt là mê, nó hết phước làm chủ. Mà trong khi đó có bao nhiêu tỷ người sống chui rúc ở xóm ổ chuột. Quý vị gặp cái đó quý vị mới thấy nó đau. Bên Thụy Sĩ nó có

những cái bờ hồ nó đẹp như cõi tiên vậy. Có những cái nhà nằm ở vị trí vàng, cực kì đắc địa mà cửa cứ đóng im ỉm, mình nhìn thấy cửa bị hư mà, cửa sổ bị vỡ do gió nó thổi, lâu lắm không có người ở. Trong khi ở xứ nóng là chim, chuột, mèo hoang nó về nó ở. Thì những con chim, chuột, mèo hoang đó là những con mà kiếp trước nó rất thích sự yên tĩnh nhưng kiếp này nó không đủ phước để làm chủ, nó chỉ đủ phước, chỉ đủ cái nghiệp để nó vào sống trong ngôi nhà hoang đó thôi. Nó thích yên tĩnh mà nó không có phước. Còn người thích yên tĩnh mà có phước mới làm chủ được cái nhà đó. Thích bông hoa, cành lá, thơm, đẹp, mà có phước thì sanh làm chủ những cái hoa viên, làm chủ những khu vườn đẹp lộng lẫy. Còn thích bông hoa, chim cảnh mà không có phước thì sanh ra làm những con bướm lang thang trong những khu vườn của người khác. Chưa kể thỉnh thoảng còn bị người ta xịt thuốc sâu nữa. Thích ăn ngon mà có phước sanh ra làm người có lộc ăn. Thích ăn ngon mà không có phước sanh ra làm cái loài ăn tạp, gặm cái gì cũng ăn. Quý vị thấy con gà suốt ngày nó cứ bới hoài vậy đó, con heo suốt ngày cứ ủi hoài vậy đó. Nhất là heo. Sở dĩ tôi chọn hai con này là vì nó thuộc về Nam Bắc song tu, chạy mặm nó đều dùng được hết. Trùn nó cũng quất, cớm nó không có chề, đậu hũ mà có dính nước mắm nó cũng độ luôn. Nó là cái loài ăn tạp, gặm lằm. Rồi có những loại gấu ở bên Alaska, một năm nó theo hai hệ phái. Có mùa nó ra ngoài mấy con suối nó tát mấy con cá, nó tát bằng bàn tay của nó, nó dứt mấy con cá hồi. Rồi hết mùa cá, nó ăn nấm, nó vô trong rừng nó ăn nấm, nó ăn mấy côn trùng vậy đó. Cho nên là thích ăn ngon mà không có tu hành là làm những cái loại như vậy.

TẾT BÊN BỜ BIÊN GIỚI

*Tết đến quê người không én liêng
Ta đi, đi mãi, ngày một xa
Ngùi trông có quận mây vãn vũ
Dằng dặc niềm đau nỗi nhớ nhà.*

*Biên giới mệnh mang ngày một lạ
Lòng nghe quận thất đến xương da!
Bạn bè từ buổi tận hoang ấy
Sinh tử còn ai vậy gọi ta.*

*Ai gọi ai mà đi đi mãi
Chuyến xe đời dằng dặc phong ba
Xuân này, xuân nữa, xuân nào nữa
Biên giới nào ngăn nỗi xót xa.*

THÈM XUÂN

*Đêm nghe tiếng dế gọi buồn,
Dòng sông nước chảy xa nguồn từ đây.
Thèm xuân chiếc bóng hao gầy,
Vàng khô máy lá bay đầy mái hiên.*

*Người vẽ nốt kiếp truân chuyên,
Còn nghe day dứt một miền ấu thơ.
Cát bay đá chạy ai ngờ,
Lạc nhau một bước bơ vơ một đời.*

*Ta đi vào chốn mù khơi,
Mãi mê chiếc bóng cuối trời gian nan.
Vào chùa tìm chút bình an,
Lời kinh thôi cũng theo làn khói bay.*

*Trăm năm một thế gian này,
Bụi vô minh đã phủ đầy xác thân.
Thôi thì như áng phù vân,
Cho ta rũ kiếp phong trần rong chơi.*

*Mai sau về lại cõi người,
Hẹn nhau tìm lại nụ cười xuân xưa.*



thơ NGUYỄN THANH HUY

Vô thường là bài thơ đẹp

CƯ SĨ LIÊN HOA

VĂN HỌC / NGHỆ THUẬT

Lời tòa soạn: Cư sĩ Liên Hoa tên thật là Nguyễn Hà Minh, pháp danh Thiên Pháp, là một trong những cây bút gạo cội của nền văn học Phật giáo Việt Nam hiện đại; đặc biệt, ông là một hành giả mật-tông tinh tấn, miên mật suốt những năm tháng thăng trầm trong cõi vô thường. Ông từ trần ngày 28.02.2012 ở tuổi 62, để lại nhiều áng văn thơ thấm đẫm tình người, tình đạo; và nhiều bài dịch, khảo cứu giá trị về Mật-tạng và Phật giáo. Tưởng niệm ông, Chánh Pháp xin đăng lại nguyên văn một tùy bút thiết tha và thơ mộng của một hành giả đem đạo vào đời; đây có lẽ là những lời cuối cùng của ông, để “**kính tặng tất cả**” như lời đề tặng của ông khởi đầu cho bài viết này; đồng thời cũng xin tri ân sự đóng góp của ông đối với Phật giáo, với văn học, cũng như cảm ơn sự góp mặt của những người thân của ông đã thương yêu, trân trọng, chăm sóc ông trong cuộc sống tạm bợ vô thường này.

* Kính dâng tất cả mọi người mang tấm lòng, lý tưởng, tình yêu đi vào vô thường, huyền mộng với ước nguyện làm lợi lạc, giảm thiểu khổ đau cho con người...

* Thương tặng Diệu Tịnh, người bạn Đồi và bạn Đạo, với tình thương, lòng kham nhẫn đi bên cạnh săn sóc trong những ngày cuối đời của tôi.

* Thương tặng hai con, để hiểu và luôn luôn nuôi sống lý tưởng cùng Ba...

*Bên nắng hồng xưa cũ
Màu lam phủ chân đồi
đời người bao sương gió
niềm tin vẫn lên ngôi*

*Gió thức giấc sáng nay
sưởi ấm lòng ẩn sĩ
bên vô ngã vô thường
an nhiên cùng chánh pháp...*

Thành phố tôi đang cư ngụ, được hai ngày mưa trút xuống, làm mát rượi cả bầu trời, sau gần ba tháng hạn hán. Cây cối hình như đang cố vươn mình lên, sống lại, sau những ngày tháng dài thiếu nước, cỏ lá vàng khô, dù Thu chưa tới. Nạn cháy rừng đã lan



CƯ SĨ LIÊN HOA (1951—2012)

rộng ở nhiều nơi trong Tiểu bang, mấy chục ngàn mẫu rừng bị đốt cháy hoang tàn, trở trọi, ngay cả nhà cửa, trên một ngàn căn, nhiều nơi là di tích lịch sử, nhưng vẫn không cứu vãn được, gây nên thiệt hại trầm trọng, trong khi mà thời buổi kinh tế đang gặp nhiều khó khăn. Mưa đổ xuống đem lại sức sống cho mọi người, cây cối, làm khí trời trong tươi, mát mẻ hơn. Hình như mọi vật đều mở rộng trái tim, mọi khứu giác để thưởng thức, để gửi cho được mùi mưa đã bị thiếu vắng, chào đón cho những

ngày mới.

Tuy nhiên, chỉ mới có vón vện vài ngày mưa thôi, làm sao đủ đem lại sức sống tươi mát cho mọi người cùng cây cỏ, do hậu quả kéo dài, nhưng lại có nhiều người cảm thấy bị trở ngại vì những việc cần làm đã chuẩn bị, hay các tổ chức cho cuối tuần, sợ ảnh hưởng của cơn mưa làm gián đoạn những dự tính, nên thậm chí cầu mong cho đừng mưa nữa. Đó cũng là điều nghịch lý của đời thường, nhưng cũng đã có sự than vãn, mong được như vậy, mà vô tình quên đi biết bao nhiêu thảm cảnh đã và đang xảy ra do hạn hán. Nghĩ cũng vui cho những ước muốn của con người, chỉ vì mong cầu những gì ích lợi nhỏ bé của mình,

mà đôi khi lại quên đi tất cả. Cho nên, trong cuộc đời, nếu như mọi người chỉ cần chuyển tâm, ý thức và chấp nhận những hy sinh nhỏ nhoi của mình, cũng có thể làm cho biết bao nhiêu các cảnh khổ có thể giảm thiểu rất nhiều trên thế gian này. Đó là sự chuyển tâm hay là thay đổi cách nhìn, không còn bị đóng khuôn trong cái ngã nhỏ bé hạn hẹp, vì tất cả các pháp là như vậy: không có sự vật gì hiện diện, tồn tại độc lập, mà nương tựa lẫn nhau và cũng là tư tưởng của đạo Phật, chứng thực và nói lên sự tương duyên tương sinh của vạn pháp và các pháp vốn vô ngã.

Nhìn các hình ảnh của rừng cháy, thiêu rụi nhà cửa, hạn hán nổi lên sự nóng đốt, tiêu hủy, tàn phá... làm nhớ đến lời Kinh thường dạy: "*Một niệm sân hận vừa khởi, có thể tiêu hủy hết rừng công đức*". Lửa của ngoại giới có thể làm hư hại cho con người và vật chất, nhưng lửa của nội tâm trong những cơn giận dữ, tiêu hủy cả các rừng công đức, thiện nghiệp của con người được tích lũy trong cuộc đời và dẫn đến con đường nổi tiếp nhiều khổ lụy, luân chuyển, khổ đau. Nhưng, chỉ với cơn mưa, vàng, với giọt nước từ bị rơi nhẹ nhàng trên cái tâm đang hừng hực lửa, có thể làm dịu lại, làm mát rượi trái tim, làm cho niềm an lạc có mặt.

Nay, nắng lại lên rồi, hãy cười vui cùng tuế nguyệt, để nghe lại những ca khúc tự ngàn xưa vẫn réo rắt trong tâm, để vượt qua những chặng đường vô tướng "*gate gate paragate parasamgate*", để thành tựu "*svaha*". Con đường xưa của người cùng tử vẫn là trở về, trong niềm cô đơn tịch liêu, đơn độc, nhìn mây trắng lưng đồi, nghe lại gió heo mây thoảng dịu hương thơm kỳ diệu của tự tánh.

*đất trời đang thay áo
người khoác suit mây ngàn
ngàn năm lời tình tự
ngày vắng tỏ trăng vàng.*

Trong ngả gác, chiều sâu của tâm thức, nhìn rõ tận bờ sông vô thường, nghe lại lời Phật dạy: "*Các pháp như huyền*" mà lúc nào đó, hình như quên mất, để chạy theo thời gian, theo thị hiếu kêu gọi tâm buông lung. Mây trời thay áo, có gì là lạ chẳng, gió thổi theo mây, mây vờn mình qua gió, bỗng bệnh phiêu lãng, tụ lại là mây, tan đi là gió, có có không không, người vẫn ngàn xưa có cùng Phật tánh, an nhiên trong Pháp giới, có chẳng vì năm ngủ quên lối về, chợt giật mình thức giấc, thấy trăng vàng soi tỏ lúc nắng vẫn còn say, lúc ngày vắng, lúc tâm trong, không phải là các pháp vẫn thường "*bất sinh bất diệt*..." ư?

Sao đạo Phật hay nói về Vô thường, không có gì tồn tại mãi? Điều mà thường

trong, chúng ta lại sợ hãi khi nghe lập đi lập lại ngôn từ chân chất này, vì không ai muốn mất đi tất cả những sở hữu đang có. Nhà này của tôi, tài sản của tôi, thân tôi đây v.v... tất cả nằm trong bàn tay tôi, của chính tôi, và đang hiện hữu, tồn tại cùng tôi, thì làm sao nói là vô thường được. Chúng ta trốn tránh và tham chấp vào những pháp được cấu tạo bằng huyền hoá, duyên sinh và rồi đau khổ, vì không dám đổi diện thẳng vào Khổ đế.

*Ta bước chân thuở đó
hạt cát chuyển lời thơ
lăn tròn theo vòng xoáy
hai hàng tâm ngắm ngơ.*

Bước chân vẫn ung dung chạy theo vô thường của thuở nào đó khi nắm bắt được một số hiện hữu, để rồi lăn tròn theo vòng xoáy cát bụi, biến hình thay dạng; trốn tránh, phủ nhận để không dám nhìn sự thật, vì sự thật là Vô ngã. Đức Phật vì lòng thương con người nên chỉ rõ con đường Chân thật, tìm lại tâm mình trong những sóng gió khổ đau, biến đổi, mà tìm thấy được Chân thường trong Vô thường, không có nghĩa là hủy diệt tất cả mọi sở hữu, là bi quan, yếm thế... nhưng là để chuẩn bị tư lương cho cuộc trùng phùng, nhìn rõ chân tướng của Sự thật, để tránh khỏi đau khổ, buồn lo, do tham đắm, ái ngã.

Trong cuộc đời, chúng ta đã sinh ra, rồi lớn lên, trưởng thành, rồi già, rồi bệnh và còn một cánh cửa mở rộng, vì ai cũng phải đi tới, đó là cái chết. Cái gì có mặt trong ta, trong suốt khoảng thời gian gọi là dài cho một đời người, nhưng lại ngắn đối so với không thời gian, phải chăng là sự biến chuyển của thành trụ hoại không, là điều dĩ nhiên.

Chúng ta hoảng sợ trước những biến đổi quá nhanh của những hiện tượng ngoại giới, nên cần phải tân trang để bồi đắp, để kéo dài thời gian, hoặc nhân đôi lên, nhân nhiều lần hơn, để tích lũy, để tránh mất mát, tàn phai, úa tàn và để rồi, vẫn được chiêm nghiệm những được mất, vinh nhục, thịnh suy... trong cuộc đời. Đó là một thực tế của cuộc đời, không phải để mang lòng bi quan, chán nản, nhưng để nhìn rõ tường tận các pháp. Tiền tài, danh vọng, sắc đẹp, nhà cửa... thật phù du như sương rơi buổi nắng sáng, có đó mất đó, dù chúng ta cố bám víu, gìn giữ, và chính các pháp này lại gây nhiều đau khổ. Điều này, ai trong chúng ta cũng điều trải qua, kinh nghiệm được, nhất là hiện lúc có quá nhiều biến đổi xung quanh do môi trường, do thiên tai, nhân tai, do chiến tranh v.v...

Tìm các pháp hữu vi bên ngoài, chúng ta mang dấu vết của tàn tích khổ đau, dày xéo trên cuộc đời ngắn ngủi, vô thường, khiến

chúng ta tìm trở về chính bản thân của mình với cái thân được cấu tạo bởi năm uẩn, mong muốn được tồn tại mãi với thời gian... Trong Kinh, thường được nhắc nhở:

*"Các pháp từ duyên sinh .
cũng do duyên mà diệt.
Thầy tôi Bạc Tĩnh Thức
thường dạy điều như thế."*

*(Chư pháp tùng duyên sinh,
Diệc phục tùng duyên diệt.
Ngã Phật đại Sa môn,
Thường tác như thị thuyết).*

Điều này đánh mạnh vào tâm thức của mỗi con người để nhận thức đúng sự hiện sinh, hiện hữu của các pháp, tâm cũng như vật, đều là do duyên sinh. Có nhận thức đúng, chúng ta mới không khỏi bằng khuâng, đau khổ, lang thang đi tìm cho những vấn nạn của chính đời mình trong những hoang tưởng về sự sinh tồn miên viễn của các pháp giả hợp...

*vô thường nên rút lời thơ
chép thơ lại thấy vô thường đùa vui
làm sao lại hỏi vô thường
bài thơ nào chẳng từ vô thường rơi..*

Trong đạo Phật nói rằng: "*Phật pháp không lìa pháp thể gian*" (Phật pháp bất ly thể gian pháp). Khi các duyên sinh, khởi hiện, thành hình dù là tâm hay vật, qua dữ kiện đó, cũng nói lên được hình ảnh tương liên của các dữ kiện với những gì của đời thường, để mà giải thích, chỉ dẫn, nhận thức, hầu chuyển đổi tâm ý để cho cuộc sống có nhiều an vui, tối đẹp hơn, thay vì ôm chấp vào những gì chỉ là giả hợp và rơi vào khổ đau, do sự chấp trước.

Trái đất được hình thành do bởi nghiệp lực chung của tất cả mọi sinh vật cấu tạo nên, để là môi trường sinh sống và mỗi hữu tình đều có biệt nghiệp riêng lẻ... hiện nay, đang có vấn đề, nóng dần lên, gây nhiều thiên tai, lụt lội ở nhiều nơi trên thế giới. Điều đó biểu hiện tâm con người ngày càng xa lìa suối nguồn của Chân Tâm, thiếu chia sẻ, thiếu đời sống tâm linh, dù rằng cuộc sống văn minh hơn, tiến bộ hơn, đầy đủ nhu cầu vật chất hơn v.v... Có những vấn nạn mà con người phải đối diện, nhưng vẫn không có những đáp án cần thiết để có thể cứu nguy cho một số người từng vùng địa phương khổ nạn, hưởng chi là cho toàn thể nhân loại, cho con người trên trái đất này. Nếu những người thiếu bình tâm, nhìn cuộc diện thế giới, đôi khi bị quay cuồng theo vòng xoáy do tác động muôn đời của tham sân si, gây nên những khổ đau cho nhau và trong tận cùng



của mọi vấn nạn, chúng ta bắt gặp được hình ảnh vô thường có mặt trong tất cả các pháp.

Vẫn là điệp khúc được lặp lại, đời thật là vô thường, không có gì tồn tại mãi với thời gian, như trong Kinh Kim Cang nói: "*Phàm những gì có hình tướng đều là hư vọng*" (*Phàm sở hữu tướng, giai thị hư vọng*). Đây là điều thật hiển nhiên, rõ ràng vì mọi vật đều diễn biến, chuyển biến liên tục, có đó mất đó.

Trong lịch sử của nhân loại, đã bao nhiêu nền văn minh có mặt và biến mất, đã bao nhiêu quốc gia thành hình và bị hủy hoại, đã bao nhiêu con người có mặt trên trái đất này và đã ra đi, dù là Thánh nhân hay phàm tục, dù là người giàu sang phú quý hoặc nghèo nàn, tất cả không chừa một ai. Ngay những người thân thương của mình, ai cũng cầu mong cho được sống trường thọ, sống mạnh khỏe, nhưng nay thì ai còn ai mất. Ngay cả chính bản thân, cơ thể của mình, cũng không thể nào kiểm soát được, vì đến một lúc nào đó, cơ thể bỗng nhiên đổi tánh, gây nên bệnh hoạn, nay đau chỗ này, mai nhức chỗ kia, dù chúng ta không ai mong đợi.

Một buổi sáng soi gương, tôi ngạc nhiên khi nhìn trong gương, thấy một con người với hình hài xa lạ xuất hiện. Có phải là tôi chẳng, sau bao tháng tịnh dưỡng bệnh tình? Hay là một con người khác, vì có rất nhiều sự khác biệt... Một con người mà nhìn thật lâu, thật kỹ, cảm thấy chán vô cùng, không có chút xíu gì để có thể thương mến được. Ôi, cuộc đời trở nên thật đẹp, thật nhiều ý nghĩa hơn, phải chăng? Trong đời thường, tôi vẫn ước muốn tấm lòng mang ân đức Phật được trải rộng đến mọi người để cùng tắm mình trong

mưa Pháp, để làm giảm thiểu đi gánh nặng phong sương trên đôi vai đời xuôi ngược trong những ngày còn có mặt trên thế gian này ...

*tay ôm đoá hoa hồng
màu sắc hương tuyệt diệu
chấp tay dâng cúng Phật
ngọn gió vô tình qua*

*từng cánh hoa rải rác
bay đi về chốn nao
ta với tay gom lại
chỉ còn là bài thơ...*

Đoá hồng tươi đẹp trong cuộc đời dâng lên đức Từ Phụ, như một tấm lòng và dù gió có cuốn đi bao ước vọng, dù thời gian có làm mờ đi bao tấm lòng, nhưng trong cõi "sơ tâm" vẫn còn muôn vạn lời nói tình tự gom lại, kết thành những bài thơ, bài thơ của xương thịt trong nội tâm trở về với Tánh giác... Và dù có cảm khái khi cảm nhận rõ bốn đại: đất, nước, gió, lửa, từ từ rời bỏ trong sắc uẩn, để hỏi lại cùng ta trong ngày tháng...

*ồ hay da thịt đi đâu
ồ hay sao chỉ còn là bộ xương
may nhờ Chân tánh vẫn nương
nên chẳng còn lại nụ cười dễ thương...*

Dù da thịt có mất đi, dù đất nước trong bốn đại có làm hủy hoại hình hài, tiêu hao sức mòn những gì còn lại của cơ thể, tôi vẫn nương vào Chân Tánh để sống vui hồn nhiên, an bình trong từng tâm niệm, để có còn lại nụ cười, dâng tặng lại cuộc đời, vì nụ cười này thoát thai, sinh khởi từ những quán niệm về duyên sinh duyên diệt. Tôi đã từng quán chiếu về vô thường của các Pháp, nhưng nay là lúc thực nghiệm, thể nghiệm lại tất cả, không phải là những gì trừu tượng, trong tư tưởng, trong cảm xúc với các giả thiết mỏng lung, nhưng là những gì cảm nhận được trong từng ngày, từng giờ, trên từng sợi thịt biến chuyển của cơ thể mình.

Đó là bài học sâu sắc về duyên sinh, để nhận thức đúng ý nghĩa của cuộc đời, là những gì thấu triệt đến căn nguyên của của sự đối đãi của các Pháp, tìm đến Tánh Thể sâu thẳm của Tâm, của Thực tại mà Đại Thi Hào Nguyễn Du, người từng đọc nhiều Kinh Phật thốt lên rằng "Nhân liễu thử tâm nhân tự độ. Si tâm quy Phật, Phật sinh ma" (Tạm dịch: Người tự biết lòng mình thì người tự cứu. Si tâm quy Phật, Phật sinh ma) và để rồi, nhận ra được: "Tài tri vô tự thị chân kinh" (Tạm dịch: Mới biết rằng không có chữ là chân kinh).

Chân Kinh là vô tự, vì đó là sự sống.



Cuộc sống có mặt khi con người chào đời và cuộc sống sẽ chuyển hoá, khi con người đối diện đến cái Chết, đó là con đường đi chắc chắn, tất yếu của mọi sinh thể trên trần gian này. Sống để Chết và Chết để Sống. Có thể nói đó là quán niệm về cái Chết để cuộc sống có ý nghĩa đẹp hơn, vì không còn gì để lưu luyến, chấp thủ, mở rộng tâm cho hồn gió lồng lộng trong từng tâm thức, cho những nốt nhạc cuộc đời là điệu hương thanh khiết, cho những hướng tâm là hạt cơm thơm ngát trời Hương tích, cho vô lượng cõi Phật trụ trong mỗi hạt vi trần và vươn cao trên phương cao rộng, do sức nguyện ra đi. Người hành giả phải là người mở tâm, mở mắt sâu rộng để nhìn rõ con đường đi...

*buổi sáng nghe chim hót
màu xanh cỏ thấm vai
hạt sương vô tình rớt
sương mai bên lển cười*

*nhìn nhau, màu sương khói
hồn nhiên, nhật nguyệt vui
thường mở tâm nhìn lại
từng tràng thơ tuôn rơi...*

Chiến tranh đang tràn lan khắp mọi nơi, bao khổ cảnh đang thành hình dày xéo lên thân phận con người, muôn loài trên quả hành tinh xanh này. Giải pháp nào cho những nguy cơ có thể hủy diệt toàn thể nhân loại khi lửa tham-sân-si luôn luôn bùng cháy?

Đọc tin tức, được biết có một số quốc gia mà Bộ Giáo Dục đã chấp thuận cho áp dụng Thiền trong những lớp học, thật là một sự vui mừng, vì phải chăng, họ nhìn được căn nguyên của vấn nạn của con người. Chúng ta tha thiết mong mọi rằng, nếu có thể, thì "Năm Giới Chánh Niệm" của đạo Phật, được Thầy Nhất Hạnh biên soạn lại từ Năm Giới Cấm trong đạo Phật, cũng được cho phép tất cả học sinh ở khắp mọi nơi được học, từ lớp nhỏ đến lớp cao hơn, vì đây là ý nghĩa của cuộc sống, để chuyển hoá nội tâm, xây dựng con người an lạc, nhân bản và xây dựng xã

hội được thanh bình, giảm thiểu những khổ đau, bất hạnh... từ tinh thần đến vật chất, đóng góp cho nền văn minh của nhân loại, đó là:

- Ý thức được những khổ đau do sự sát hại gây ra, con xin học theo hạnh đại bi để bảo vệ sự sống của mọi người và mọi loài. Con nguyện sẽ không giết hại sinh mạng, không tán thành sự giết chóc và không để kẻ khác giết hại, dù là trong tâm tưởng hay trong cách sống hàng ngày của con.

- Ý thức được những khổ đau do lường gạt, trộm cướp và bất công xã hội gây ra, con xin học theo hạnh đại từ để đem niềm vui sống và an lạc cho mọi người và mọi loài, để chia sẻ thì giờ, năng lực và tài vật của con với những kẻ đang thật sự thiếu thốn. Con nguyện không lấy làm tự hữu bất cứ một của cải nào không phải do mình tạo ra. Con nguyện tôn trọng quyền tự hữu của kẻ khác, nhưng cũng nguyện ngăn ngừa kẻ khác không cho họ tích trữ và làm giàu một cách bất lương trên sự đau khổ của con người và của muôn loài.

- Ý thức được những khổ đau do thói tà dâm gây ra, con xin học theo tinh thần trách nhiệm để giúp bảo vệ tiết hạnh và sự an toàn của mọi người và mọi gia đình trong xã hội. Con nguyện không ăn nằm với những người không phải là vợ hay chồng của con. Con ý thức được rằng những hành động bất chánh sẽ gây ra những đau khổ cho kẻ khác và cho chính con. Con biết muốn bảo vệ hạnh phúc của mình và của kẻ khác thì phải biết tôn trọng những cam kết của mình và của kẻ khác. Con sẽ làm mọi cách có thể để bảo vệ trẻ em, không cho nạn tà dâm tiếp tục gây nên sự đổ vỡ của các gia đình và của đời sống cộng đồng.

- Ý thức được những khổ đau do lời nói thiếu chánh niệm gây ra, con xin học theo hạnh ái ngữ và lắng nghe để dâng tặng niềm vui cho người và làm vơi bớt khổ đau của người. Biết rằng lời nói có thể đem lại hạnh phúc hoặc khổ đau cho người, con nguyện chỉ nói những lời có thể gây thêm niềm tự tin, an vui và hy vọng, những lời chân thật có giá trị xây dựng sự hiểu biết và hòa giải. Con nguyện không nói những điều sai với sự thật, không nói những lời gây chia rẽ và căm thù. Con nguyện không loan truyền những tin mà con không biết chắc là có thật, không phê bình và lên án những điều con không biết chắc. Con nguyện không nói những điều có thể tạo nên sự bất hòa trong gia đình và



đoàn thể, những điều có thể làm tan vỡ gia đình và đoàn thể.

- Ý thức được những khổ đau do sự sử dụng ma túy và độc tố gây ra, con xin học cách chuyển hóa thân tâm, xây dựng sức khỏe thân thể và tâm hồn bằng cách thực tập chánh niệm trong việc ăn uống và tiêu thụ. Con nguyện chỉ tiêu thụ những gì có thể đem lại an lạc cho thân tâm con, và cho thân tâm gia đình và xã hội con. Con nguyện không uống rượu, không sử dụng các chất ma túy, không ăn uống hoặc tiêu thụ những sản phẩm có độc tố trong đó có một số sản phẩm truyền thanh, truyền hình, sách báo, phim ảnh và

chuyện trò. Con biết rằng tàn hoại thân tâm bằng rượu và các độc tố ấy là phản bội tổ tiên, cha mẹ và cũng là phản bội các thế hệ tương lai. Con nguyện chuyển hóa bạo động, căm thù, sợ hãi và buồn giận bằng cách thực tập phép kiêng cử cho con, cho gia đình con và cho xã hội. Con biết phép kiêng khem này rất thiết yếu để chuyển hóa tự thân, tâm thức cộng đồng và xã hội.)

Nguyện cầu xin tất cả những tôn giáo lớn của nhân loại, hãy đem những tinh túy, tinh hoa của đạo trên tinh thần hoà đồng, vị tha, giải thoát, ban vui cứu khổ... của tôn giáo đích thực, để giúp cho loài người chuyển hoá và giải thoát, vượt qua những vấn nạn do tham sân si, để đem lại Thanh bình và Hạnh phúc chân thực.

Cầu xin cho Giáo Pháp của đức Từ Phụ tràn lan khắp mọi nơi chốn, để giọt nước lành dương tưới tẩm bao ngọn lửa hận thù, đau khổ, bất hạnh của loài người, để cho muôn loài đều sống chan hoà trong Hạnh Phúc, trong đó có chúng ta và bao nhiêu thế hệ sau này...

người ôm một giấc phù du
đi vào sương gió, tình trong gọi là
nắng rơi vạn nẻo sơn hà
bước chân thuở đó vẫn còn thông dong

tay mừng giữ lấy bàn tay
chép kính vào chỗ chằng phai bụi đời
một mai, nắng rọi chân kinh
lời thơ còn đó, giữ đời cùng nhau...

Xin được kính dâng tất cả mọi người để chia sẻ với tất cả lòng quý kính và trân trọng.

Những ngày vào Thu
18.10. 2011

thơ

QUẢNG TÁNH TRẦN CẨM

mẹ và những ngày cuối năm

tôi thấy mẹ tôi bay từ tầng cao và bà nhả nha la đà không muốn chạm mặt đất. những ngày cuối năm mẹ xúng xính trong áo ấm và khăn quàng cổ. mẹ vẫy tay tôi như mọi khi và cũng như mọi khi tôi cất tiếng gọi mẹ. tôi nghĩ mẹ nghe tôi vì sau bao năm tôi vẫn ở trong quỹ đạo mẹ vẫn còn thấy mẹ lướt thướt vẫy tay từ tầng cao vào những ngày cuối năm. và tôi thấy mẹ tôi nhẹ rơi xoay vòng trong chuyển động chậm như chiếc lá từ tầng cao, thật cao một cõi khác — một cõi kỳ bí xa xăm.

những ngày cuối năm tôi thấy mẹ tôi bay từ tầng cao và bà lơ lửng trên mái ngói xanh rêu trộn màu xám khói của ngôi nhà nơi mẹ dọn về khi tôi chưa tròn ba tháng tuổi, nơi những tháng ngày cơ cực song hành cùng cuộc chiến dai dẳng liên tục chồng chất trên vai trên lưng mẹ. đó là nơi chốn mẹ ngậm ngùi nhìn những đứa con và cháu lớn lên rồi thất tán — đứa còn đứa mất đứa tận mù khơi. trong cái lạnh cuối năm tôi thấy mẹ tôi rơi tự do nhẹ như chiếc lông ngỗng từ tầng cao, thật cao một cõi khác tựa nỗi bất hạnh khôn nguôi.

hôm nay mẹ xúng xính trong áo ấm và khăn quàng cổ vẫy tay tôi rồi nhẹ nhàng đáp xuống miền ký ức đọng đặc tưởng như trầm tích một phần đời mịt mù xa vắng bông chóc tươm máu và nước mắt trong những ngày cuối năm.



tĩnh vật thì thầm

mẹ tôi ở đây —
nhưng mẹ tôi không ở đây —
mẹ trú ngụ một nơi khác
như tĩnh vật trầm tư
hộp bagel, vài thanh granola,
ba gói mì ăn liền,
ly merlot còn phân nửa, và
nhánh mai nở chậm
tôi đón nắng sớm ngập ngừng bên cửa sổ
dang tay hít thở mùi sương ẩm rạng đông
nhấn nha lắng nghe chuông gió nhỏ giọt
tĩnh vật thì thầm
mẹ bước vào
từng bước từng bước nhẹ thong dong
(cũng như mẹ ra đi)
không chút đắn đo nghi ngại
mẹ bước vào
một buổi sáng ngày xuân tha hương
tĩnh vật thì thầm
— mẹ về, mẹ đã về.

thời không tưởng

vẫn là một khoảng trống hẫng nghĩ đó chỉ là cái khoảng
trống hạn hẹp nằm giữa hai tai — à há cái khoảng
trống trần trụi nhìn hẫng với ánh mắt chằm biếm xen lẫn
hẫng học cố chấp hoàn toàn không chút thiện cảm.

hẫng quay lưng đi chậm về phía ngôi nhà có cửa màu
xanh nước biển lấp lánh đường như trong suốt vào
buổi rạng đông. vẫn tiếp tục theo hẫng luồn lách
không ngưng nghỉ là một khoảng trống hẫng nghĩ đó
vẫn là cái khoảng trống quá quắt không khoan nhượng
không dễ làm ngo không dễ thuyết phục.

và khi hẫng nhìn lại phía sau hẫng thấy hẫng đơn độc lững
thững trong khoảng trống vô định — cái khoảng trống
không còn ở giữa hai thái dương giờ đây vươn cao tỏa
rộng trùm khắp trước mặt sau lưng.

hẫng cúi đầu mãi miết bước trong cảm lặng đến khi
ngần mặt lên thì ánh sáng từ ngôi nhà cửa màu xanh
nước biển tắt ngúm tự bao giờ. khi gió bắt đầu
chuyển động hẫng nghe đau nhói bên hông và gáy.

trong trập trùng hẫng mang tranh tối tranh sáng của con
lốc xoáy hẫng nhìn hẫng chằm chập đôi khi mơ hồ không
nhận ra chính mình.



CẢ MÙA XUÂN HƯƠNG

*Như một dòng sông lặng lẽ trôi
Bốn mùa như thế... chuyện đầy vui.
Non xanh mây nổi hình vân cầu
Ráng đỏ chiều nghiêng giấc mộng đời*

*Dâu bể, hay chẳng thời gió loạn,
Luân thường, sao để cuộc rong chơi!
Câu thơ còn ướp tình muôn dặm
Là cả màu xuân của đất trời.*

*Xuân của đất trời, xuân của ta
Riêng đâu sắc cỏ với ngàn hoa!
Hiếu-Trung - cho vẹn đời sơn sắt
Nhân-Nghĩa - nào say chốn tháp ngà.*

*Lòng phẳng để lối về được phẳng
Lời ngoa nên mộng dệt thêm ngoa.
Giữa dòng áo lụa - xuân muôn bến,
Là cả mùa hương khắp mọi nhà.*

CHÚC TẾT

* Đến quý Phật tử, Đồng hương, quý thân hữu, văn thi hữu.

CHÚC lời hạnh phúc khắp gần xa
MỪNG vạn niềm vui đến mọi nhà.
NĂM mỗi năm tròn duyên phước nghiệp
MỚI lòng thanh thoát nở ngàn hoa.

VẠN điều lành dữ do tâm niệm,
SỰ việc vui buồn cũng chính ta.
NHƯ mạch nguồn xưa từ đạo đức,
Ý cầu toại nguyện được an hoà.

(Xuân Tân Sửu 2021)

BÓNG CẢ RỪNG XƯA

*Có cánh rừng xưa mùa rợp bóng
Mây ngàn về trắng nẻo trời xa.
Thậm sơn hun hút hồn u tịch,
Tiếng vọng vang cùng khắp cỏ hoa.*

*Muôn cây sừng sững dưới trời xanh
Và tiếng muông chim rộn khắp cành.
Có những đàn voi thong thả bước,
Bạt màu sương khói, nắng mong manh.*

*Có những êm đềm những sớm trưa
Hồn xuân về tận đỉnh giao mùa.
Trăng lên bóng dựng nghiêng đầu núi,
Sáng cả đường trăng hương gió lùa.*

*Thế rồi năm tháng có hay đâu
Theo dấu chiều hoang, bóng dãi dầu!
Rêu nhạt mờ sương hồn cô thụ...
Phai tàn bóng cả nẻo hoang vu!*

*Cây đã trơ cành, ngô lạnh sương
Chim ngàn bạt cánh, gió mưa tuôn.
Đàn voi năm cũ giờ đâu nhỉ!?
Hay đã tàn theo bao nỗi buồn...!*

*Đã mấy mùa qua, đời viễn xứ
Theo từng bước nhỏ bụi đường xa.
Vẫn nghe bóng cả rừng năm cũ,
Và cả hương rừng, hương cỏ hoa.*

thơ

MẶC PHƯƠNG TỬ

Sốt ruột tháng Giêng

NGUYỄN NGỌC TƯ

VĂN HỌC / NGHỆ THUẬT

Tết nhứt, người miệt miền tây xưa rày hay chưng mâm trái cây măng cầu, dưa, đu đủ, xoài mà đọc trại âm là một ước mơ: cầu vừa đủ xài. Mua được giống đu đủ vàng thì coi như cầu đủ vàng. Thay dưa bằng chùm sung một bước lên cầu xài sung. Năm nay người ta bày bán trái gọi là dư, nói gọi là vì những cây có tên rất rùng rinh là phát tài hay kim ngân lượng, đều không phải mở tên sơ khai của chúng. Trái dư này, biết đâu tui con nít quê xó nào kêu bằng trái chọi (không ăn được thì để chọi nhau chứ biết làm gì) nhưng thứ chỉ bày chơi đó thay đổi chắc nụi mâm quả Tết. Ước vọng trên đó giờ gọn lỏn như vậy: Cầu Dư.

Nó làm cho cái thế cầu vừa đủ xài cả trăm năm nay trở nên khiếm tốn, dù khái niệm "đủ xài" cũng đã là vô cùng. Mâm trái cầu dư trên bàn thờ mờ nhạt lòng thành, lẫn khuất sự tham lam, sự bất kính với vong linh người khuất mặt. Ông bà vốn bó miệng vì sung chất, đu đủ non, giờ chỉ biết ngồi ngó thứ trái lạ mà bọn người kia sợ chết đại không dám rờ. Thời của ngoại tôi, cúng vú sữa đầu mùa lên bàn thờ họ luôn chọn những trái chín ngon nhất. Bà ngoại tin người chết gì cũng biết, có lòng hay chỉ qua quýt họ đều hay. Mâm cúng thành kính xưa giờ nhuộm mùi đổi chác. Không phải ai đội hoa quả đến chùa cúng với tâm thế cho đi, chẳng cầu xin gì. Từ cầu no đủ cho đến cầu dư dả, trong

lòng tham tăng bậc có sự kiên nhẫn xuống thang.

Thời thế gì mà sốt ruột. Nhà hàng xóm lại đổi chiếc xe hơi đời mới. Thăng bạn học giờ là doanh nhân trẻ vào tốp mười cả nước. Cô bạn cùng sở làm vừa sắm túi Cucci. Ông anh bên vợ trúng số. Có hàng ngàn lý do để sốt ruột, nhấp nhồm sau cái quăng chỉ số đo chuyện mâm cơm có thịt hay không có thịt, độn khoai hay không độn khoai. Cơn khát này không phải chỉ giàu, mà phải giàu nhanh như thế thời gian chỉ dành cho những người biết chụp giật, kể cả chụp giật ơn phước của tổ tiên, thánh thần.

Nhìn cảnh người ta giẫm đạp lên nhau xin (hoặc cướp) lộc chốn đền chùa, nghi xứ sở gì mà hỗn mang, nhập nhoạng. Không phải vì đạo, vì sự thiêng liêng của đức tin mà người này đạp lên vai, lưng người khác. Trong đám đông cướp ấn đền Trần, hẳn có nhiều người miệt mài làm việc nửa đời mà con đường quan trường vẫn xa. Bạn bè có đứa nhiều tiền nên mua được ghế, có đứa con ông cháu cha nên được nâng đỡ, còn mình bơ vợ chỉ có cách đi xin ấn đền Trần. Như để nuôi một hy vọng. Biết có cày cục làm lụng cả đời thì sự thăng tiến vẫn lừ lừ chậm bước. Những vị trí phải đợi lâu hoặc không bao giờ người ta có được nếu chỉ nhờ vào sức của mình, trong một hệ thống thăng tiến

không mấy quan tâm tới khả năng làm việc.

Cái sự cuồng tín với những thứ xung quanh thánh thần (không phải với thánh thần), là hệ thống đức tin sụp đổ. Người ta không quên cái cầu có làm thì mới có ăn của ông bà dạy, nhưng nhìn lên họ nhìn thấy nhan nhản những kẻ chẳng làm gì mà vẫn phồn phở, vẫn ngồi trên trước. Nhìn xuống lại muôn trùng người tốt lẫn lộn mưu sinh, sống thua thiệt cả đời. Chỉ có một thứ thay đổi số phận con người: phép màu của thần thánh. Nhưng thần thánh chưa chắc công bằng, biết đâu lại chiều chuộng kẻ có tiền có quyền. Thôi cướp lấy cho chắc ăn. Chẳng có gì chắc chắn trong việc đứng chờ thì sẽ đến lượt mình như là đến tuổi sẽ nhận được số hưu.

Trong tờ giấy mà mấy chị đàn bà xúi nhau học thuộc lòng để khấn vái lúc đi chùa, bốn chữ gia đạo bình an đứng sau cùng, sau "làm một được hai, trồng một gặt mười..." Mấy chị, cũng như nhiều người khác, vào chùa không phải để cầu an. Bày giờ, lúc rập mình trước đức Phật là lúc tâm chúng sinh bất an nhất.

Chịu khó ngồi lâu nhìn tháng Giêng (không chỉ năm nay) thì sẽ thấy nó trở thành một lễ hội vợ vét khổng lồ. Kẻ vét hy vọng từ trời, kẻ vét túi khách hành hương, địa phương vét phí. Đứng ở đền chùa, thấy lòng người đang loạn lạc rõ ràng hơn bất cứ chỗ nào. Vỡ đê đạo đức, cháu vác dao rượt chém bà. Vỡ đê đức tin, lộc trời rủ nhau đi cướp. Mai kia không biết thêm hệ thống tinh thần nào đổ nữa đây, chính quyền nhìn thấy cảnh đền Trần mà không lo thì hơi lạ. Bởi chuyện ở sân đền là họ sốt ruột lắm rồi, đến nỗi giẫm đạp trên đồng loại, đức tin. Ai dám chắc sốt ruột đến thế thì thôi.

([Fb.com/nguyennhoc4](https://www.facebook.com/nguyennhoc4))

Mùa Xuân đi lấy gươm thần hay là Truyện thanh gươm với hai vị quan lang

DOÃN QUỐC SỸ

VĂN HỌC / NGHỆ THUẬT

Vua Đế Minh, cháu ba đời vua Thần Nông trong dịp đi tuần thú phương Nam có cho đánh một thanh gươm báu mà thường thường Ngài đeo luôn bên mình để phòng bất trắc. Một chiều kia, khi Ngài còn cách dãy Ngũ Lĩnh chừng mười dặm đường thì trời nổi cơn giông tố. Ngài cùng các bộ tướng phải vào một hang đá gần đây mà ẩn núp. Khi cơn giông tố tan, trời đã về chiều. Không gian như được rửa sạch, ánh nắng chiều vàng trong chiếu phủ lên rừng cây xanh mát còn lấp lánh trong mưa.

Vua truyền lệnh cho các bộ tướng hãy đóng trại nghỉ tạm đêm tại đó, rồi Ngài xách gươm báu ra ngồi tựa dưới một gốc cây cổ thụ lặng ngắm bóng chiều tà như một giải lụa mềm mỏng bị bàn tay vô hình nào kéo thu về chân trời.

Nhà vua thiu thiu ngủ. Chợt một con hổ xám từ khe suối gần đây nhô ra hung hăng xô tới. May sao có một bộ tướng đứng gần thấy vậy, nhảy xổ lại rút gươm báu bên mình đức Vua để kịp chống cự với mãnh thú. Nhà Vua bừng tỉnh. Bóng chiều cô tịch đã buông màn lên vạn vật tự

bao giờ. Tới khi Vua kịp định thần lại thì một đường gươm vung rộng lên cao, loáng hạ xuống, tiếp theo một tiếng gầm thê thảm: mãnh thú đã bị hạ thủ!

Để thưởng công, vua Đế Minh ban cho viên bộ tướng thanh gươm báu đó.

Hôm sau, khi tới dãy Ngũ Lĩnh, giữa cảnh núi cao rừng rậm, chim kêu vượn hót, Ngài gặp Vụ Tiên, kết duyên cùng nàng và hạ lệnh các bộ tướng hãy cùng cắm dinh trại lâu dài tại đây. Một năm sau, bà Vụ Tiên sinh ra Lộc Tục thì viên bộ tướng kia bị bạo bệnh chết, đồng thời thanh gươm báu bị mất tích, không biết về tay ai. Ít lâu sau, hề thấy viên bộ tướng nào bị hạ thủ, người ta mới biết chính viên đó trước đây đã chiếm được gươm báu. Như vậy, người ta chỉ thấy hút gươm báu mà không hề thực tìm thấy gươm báu bao giờ, bởi khi chủ nhân trước khi bị hạ thủ thì thanh gươm đã sang tay người chủ mới bí mật rồi.

Tới thời Lộc Tục được phong lên làm vua phương Nam xưng là Kinh Dương Vương đặt quốc hiệu là Xích Quỷ thì thanh gươm báu lưu lạc tới đâu thì người ta

không còn biết nữa và cũng ít ai nhắc tới.

Đến khi Kinh Dương Vương kết duyên cùng nàng Long Nữ, con gái Đổng Đình Quân sinh ra Sùng Lãm - tức vua Lạc Long Quân sau này - thì hình như gươm báu đã truyền từ tay quý tộc xuống tay binh dân bách tính.

Gươm đã rơi vào tay các người làm nghề chài lưới để chém thường luồng và các giống thủy quái khác.

Gươm đã rơi vào tay những người đi săn để chém thú dữ, trăn rừng v.v...

Gươm đã rơi vào tay những tên gian ác. Chúng dùng gươm để tàn sát người các bộ lạc khác mà cướp lấy những đản súc vật.

Cứ như vậy, gươm truyền từ tay này qua tay khác, từ đời này qua đời khác, trong khi đó dòng lịch sử vẫn chảy đều. Vua Lạc Long Quân lấy bà Âu Cơ. Rồi một số dân tộc Việt lại một dịp di chuyển mạnh về những quần đảo miền Nam và Đông Nam. Người con trưởng đức Lạc Long Quân được phong làm vua nước Văn Lang, xưng là Hùng Vương.

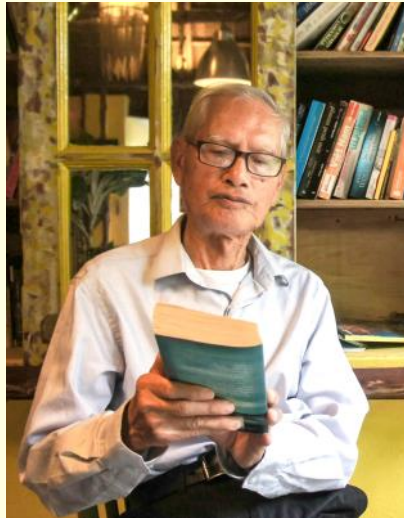
Gươm thiêng đã đầm máu nhiều, đầm máu ô trọc để đem lại thanh bình cũng có,

đắm máu vô tội để gây oán cừu cũng có. Đêm đêm trong vỏ gươm có thoát ra những tiếng gì, khi thì nhẹ như tiếng thở dài, khi thì mạnh như trận cuồng phong. Đôi khi vắng vắng như tiếng hồ gặm thê thảm trong rừng sâu khi bị hạ thủ, đôi khi như có tiếng sóng cuồng loạn vỗ vào mạn bờ lúc loài thủy quái bị xả ngang thân giữa dưới sâu; có lúc chợt nghe thấy tiếng cười sảng khoái của khách anh hùng nhưng lại có khi nghe thấy tiếng khóc than bị ai của dân hiền vô tội.

Từ đó thanh gươm biến thành một thứ khí giới vô cùng nguy hiểm. Nguy hiểm ở chỗ kẻ nào dùng đến nó thì hầu như bị hôn mê ám chướng, thà lòng con tim và sử dụng gươm thần như một lợi khí để đạt tới những đam mê đê hèn vị kỷ. Những kẻ sa vào vòng bất chính đó đều gặp những cảnh chết thảm thương, nhưng không vì thế mà cảnh tỉnh được những kẻ sau dùng nó. Hoặc giả, cũng có kẻ khi chưa có nó thì là người nhân nghĩa, đến khi có nó thì trong lòng giao động và nhân nghĩa chuyển màu, chẳng bao lâu lại hoàn toàn quay cuồng theo lòng dục mù quáng hết như kẻ trước, để rồi cũng tự kết thúc đời mình một cách thê thảm trong oán cừu, trong nguyên rủa của đồng loại.

Đến đời vua Hùng Vương thứ Bảy thì thanh gươm được một đạo sĩ mặc áo vàng giữ. Vị đạo sĩ đó hiện ở một hang núi thuộc bộ Lục-Hải (1). người đặt thanh gươm lên bàn thờ và ngày đêm cầu khẩn Trời Phật ban phúc lành, giải uất cho hồn gươm, cầu khẩn sớm xuất hiện những bậc thánh đức để sử dụng xứng đáng gươm thần, ngõ hầu mang lại hạnh phúc cho nhân gian.

Vua Hùng-Vương thứ bảy sinh được hai vị Quan-Lang (2). Vị Quan Lang trưởng được biết tin ấy trước, có ý



Nhà văn Doãn Quốc Sỹ

muốn lên đi lấy gươm về để sau sẽ nối nghiệp vua cha, giữ vững sơn hà xã tắc. Quan Lang trưởng biết rõ phía trước động đó có một thác nước. Về mùa hạ, mùa thu, sức nước đổ rất mạnh, không ai có thể qua được. Về mùa đông thì hơi núi toát ra một luồng khí lạnh buốt thấu xương bao trùm cả một vùng, sức người thường không sao kham nổi. Bây giờ đương tiết Thu, người phải đợi sang đầu xuân ấm áp, là lúc thác nước bớt mãnh liệt, dòng suối hẹp lại và sức nước cuốn yếu đi mới có cơ sang động được. Đầu mùa đông năm đó, người vâng lệnh vua cha làm lễ thành hôn với con gái một vị lạc hầu. Quan Lang trưởng cho người đem sừng tê, ngựa voi đến bờ biển bộ Ninh-Hải (3) tìm những phường lái vừa vượt biển từ phương Bắc tới để đổi lấy một tấm lụa vàng nuốt mang về may áo cưới cho ý trung nhân.

Chẳng bao lâu mùa xuân tới, hoa đào đua nở như muôn vàn nụ cười xinh thắm, trang điểm cả một vùng ba bốn dặm quanh Phong Châu. Nhìn về phía Sóc Sơn, những khu rừng mai đua nở để lộ ra những khoảng trắng lớn rung động,

trông xa như những con bướm khổng lồ đậu trên vòm lá xanh non của rừng xuân. Vị Quan Lang trưởng xin phép vua cha cho đi chơi quanh vùng trong ít ngày. Khi đã được phép, người thẳng đường đến bộ Lục Hải, tìm tới động gươm thần. Trước khi đi, người đã âu yếm nói với người đẹp mới cưới rằng: "Nàng hãy chờ ta, khi về chắc chắn sẽ có vật lạ."

Đến nơi, quả thấy thác ngàn trước động bột rầm rộ. Quan Lang trưởng lội qua dễ dàng.

Trời về chiều, nắng xuân vàng nhẹ, phủ nghiêng lên rừng cây xanh tươi, và trời xuân thì một màu xanh bát ngát.

Đứng trước bức tranh tuyệt mỹ của tạo hóa, thường thường con người có hai thái độ hoặc tỏ lòng ra để hòa với vũ trụ, hoặc thu vũ trụ lại để so sánh với lòng mình. Vị Quan Lang này theo thái độ dưới. Người thấy nắng vàng chiều xuân mong manh thì nghĩ đến tà áo lụa mà người đã may cho ý trung nhân. Nhìn trời xuân man mác, người thấy như kém bề sâu thăm thẳm nếu đem so với đôi mắt mỹ nhân.

Người theo đường hẻm leo lên cửa động. Một vị đạo sĩ râu tóc bạc phơ, có tia nhìn hiền dịu, mặc áo vàng ở trong động bước ra. Quan Lang trưởng tiến lên chưa kịp xưng danh thì vị đạo sĩ đã nói:

- Ta biết ngươi là vị Quan Lang trưởng đến đây muốn lấy thanh gươm thần. Nhưng ngươi có biết đã bao người xưa làm thiệt người và thiệt mình vì không đủ đức để sử dụng nổi thanh gươm đó chăng?

- Thưa đạo sĩ - vị Quan Lang đáp - tôi đã nghe nói nhiều đến những tai họa đó, nhưng tôi là dòng dõi vương giả, tôi sắp lên ngôi báu nên cần có thanh gươm đó để bảo toàn xã tắc, thiết tưởng

không còn điều gì nghi ngại nữa!

Đạo sĩ lắc đầu:

- Người nói người là dòng dõi vương giả sắp lên ngôi báu, sử dụng gươm thần là hợp lý, không có điều chi nghi ngại. Người quên rằng gươm thần chỉ cần bậc thánh đức sử dụng mà dòng dõi vương giả đâu đã là điều đảm bảo cho thánh đức?

- Xin đạo sĩ tin ở tôi, tôi sẽ dùng gươm đó gìn giữ bờ cõi Văn Lang. Đời Đức tiên hoàng của phụ vương tôi (4) đã có giặc Ân sang quấy nhiễu, may nhờ có anh nhi làng Phù Đổng cưỡi ngựa cầm roi sắt chỉ huy ba quân đánh tan giặc cướp nước. Đến đời phụ vương tôi trị vì trăm họ yên vui, giặc Ân không còn dám ngấp nghé, nhưng phương Nam giặc Hồ Tôn (5) rục rịch muốn đề binh xâm phạm Văn Lang. Bởi vậy xin đạo sĩ cứ trao cho tôi gươm thần đó, tôi nguyện dùng nó để bảo vệ giang sơn.

Đạo sĩ gật gù một lát rồi chậm rãi vuốt chòm râu bạc nhìn thẳng vào mắt Quan Lang và hỏi:

- Quan Lang hãy cho ta biết cái gì mỏng nhất thế gian này?

Ngẫm nghĩ một lát Quan Lang trả lời:

- Người phương Bắc thường vượt biển xuống buôn bán với người phương Nam ở các cửa biển thuộc bộ Ninh Hải, Cửu Chân và Hoài Hoan (6). Mới rồi, tôi có đem sừng tê, ngà voi đổi lấy một tấm lụa thật mỏng màu vàng mượt để may áo cưới cho người con gái mà tôi vừa thành hôn cách đây ba tháng. Theo ý tôi, có lẽ vật mỏng nhất trên thế gian này là thứ lụa đó.

Vị đạo sĩ lắc đầu, giọng đượm vẻ ngao ngán nói:

- Quan Lang người còn bạc đức lắm, chưa sử dụng được gươm thần đâu!

Rồi đạo sĩ quay vào trong động. Quan Lang vội theo gót quay vào ngay. Người thấy

trên bàn thờ một thanh gươm cổ, vỏ sắt bên ngoài đen, một màu đen uy nghi. Chuôi sắt có chạm một con thuồng luồng cuộn khúc, những khúc nổi lên thì bóng vì được cọ xát với tay cầm, những chỗ khắc sâu thì màu tối hơn nhưng không đen xỉn vì đây là thứ sắt đã luyện kỹ.

Quan Lang xin phép đạo sĩ rút thanh gươm ra khỏi vỏ để xem. Một luồng hào quang từ lưỡi gươm lành lạnh rờn rợn bốc lên như làn sóng gợn dưới ánh trăng khuya. Ngẫm nghĩa tằm ngần giờ lâu, rồi khi đã tra gươm vào vỏ, tay phải nắm chắc lấy đốc gươm, Quan Lang bỗng nhìn thẳng vào đôi mắt đạo sĩ và nói bằng một giọng cương quyết:

- Thưa đạo sĩ, tôi nhất định chiếm thanh gươm này để bảo toàn xã tắc.

Vị đạo sĩ điềm nhiên cười:

- Người bảo toàn xã tắc hay người làm xã tắc lao đao?

Quan Lang nhấn mạnh từng lời:

- Tôi sẽ bảo toàn xã tắc! Vị đạo sĩ về lạnh lùng:

- Được, nếu vậy thì người có thể mang gươm về.

Quan Lang vui mừng khôn xiết, đeo gươm vào mình và từ giả đạo sĩ trở về Phong Châu ngay chiều hôm đó. Trên đường về, thỉnh thoảng người lại rút gươm ra vung lên những đường loang loáng; những ai đứng ở xa sẽ thấy có những vòng hào quang khi cao, khi thấp và những cành cây cỏ thụ chợt rụng xuống như một quả chín.

Về tới cung, Quan Lang đem gươm ra khoe với mỹ nhân của người. Ngay đêm hôm đó, vua Hùng Vương thứ Bảy có đặt tiệc rượu thưởng xuân, hội họp đông đủ các Lạc hầu, Lạc tướng tại điện đối diện. Quan Lang để vợ sang dự, còn mình nói

thác là vừa đi xa về mệt, xin phép Vua cha cho được nghỉ ngơi đêm đó. Nhưng rồi khi tiệc rượu bên điện dứt vua bắt đầu thì Quan Lang cũng xách gươm ra vườn thao diễn. Người mãi mê với đường gươm loang loáng dưới đêm trăng mãi đến khuya mới về phòng. Người ngủ, gối gươm bên đầu giường. Tiếng cười nói của các Lạc hầu, Lạc tướng uống rượu thưởng xuân mơ hồ vọng lại. Chợt tiếng cười nói chập chờn đó như biến thành tiếng thở dài, rồi tiếng rú của gió gào ngàn, tiếng vang của thác đổ sủi bọt trắng xóa. Người thấy hiện ra trước mắt một thành đá bị nước xói mòn, rồi từng khối... từng khối... lung lay... rầm rộ theo nhau nhào xuống vực thẳm. Cảnh núi lở thật là hùng vĩ, nhưng cũng thật là ghê rợn. Rồi tiếng hổ gầm thê thảm làm rung chuyển cả một khoảng rừng núi âm u, rồi một khúc thuồng luồng bị chém xà, lặn lộn vật vờ khiến sóng nước từ dưới sâu ngấu sủi lên như nước sôi và vỗ vào thành núi bờ biển một cách giận dữ căm hờn. Có tiếng cười sang sảng, có tiếng khóc ni non, có tiếng nấc nghẹn ngào uất ức.

Quan Lang vùng dậy, mắt trừng trừng nhìn về phía trước. Người thấy lâu đài, thành quách như bò lổm ngổm quanh mình. Người quờ tay tìm thanh gươm ở đầu giường thì thanh gươm vẫn nguyên chỗ cũ. Người vội rút gươm ra khỏi vỏ, một luồng ánh sáng lạnh bốc vụt lên cao rồi tan vào hư vô như vệt sáng của vì sao lạc. Người cúi nhìn thì thấy lưỡi gươm vẫn còn và ánh thép vẫn lạnh lạnh, rờn rợn bốc lên. Người xách gươm vùng chạy ra hiên, lâu đài thành quách đã đứng yên. Phía đối diện, người thấy rõ trên đỉnh đồi có một lâu đài nguy nga tráng lệ. Xung quanh lâu đài có những cây cỏ thụ cành lá rườm rà, lại có mấy cây đào,



cây mai hoa nở. Ánh sáng thoát ra từ lâu đài là một thứ ánh sáng kỳ diệu khiến Quan Lang đứng xa mà vẫn nhìn thấy rõ không sót mảy may tất cả những vật trong đó. Ánh sáng đem lại tầm mắt người hình ảnh một chiếc ngai vàng cao rộng, chạm trổ thật tinh vi. Phía trước ngai vàng có một chiếc kỷ bốn chân quỳ cũng dát vàng Chóị lọi. Trên chiếc kỷ đó có đặt một thanh gương vỏ vàng, chuôi khắc một con rồng mà hai mắt là hai viên ngọc bích.

Bỗng bức màn cửa bên trong lâu đài rung động. Một bàn tay ngọc thò ra vén lên, rồi cả thân hình người ngọc xuất hiện. Đó là một trang tuyệt thế giai nhân, tóc như mây, da trắng mịn, đôi mắt huyền thăm thẳm. Nàng mặc áo lụa màu xanh, thứ lụa mỏng và mịn đến nỗi chỉ nhìn từ xa mà Quan Lang cũng thấy một cảm giác mát rượi chạy trong người. Mỹ nhân bước ra, dáng người uyển chuyển, vé mặt tươi cười. Bức màn lại hé, rồi một mỹ nhân khác xuất hiện cũng với vẻ đẹp chim sa cá lặn như vậy nhưng mặc áo lụa bạch. Rồi lại một mỹ nhân nữa mặc áo màu hoa đào. Ba đôi mắt thăm thẳm của ba trang tuyệt thế giai nhân cùng chiếu về phía Quan Lang và Quan Lang thấy chiếc ngai vàng, chiếc kỷ vàng cùng thanh kiếm vàng nạm ngọc đều như xô nghiêng, run rẩy.

Chính người cũng cảm thấy mình run rẩy, lao đao, đôi chân cơ hồ muốn khuỵu xuống. Sức nhớ trong tay mình còn cầm thanh gương báu, người vung lên. Một luồng ánh sáng lóe ra, giòng máu như bùng tỉnh để lại chạy mạnh trong huyết quản và trí tuệ Quan Lang trở lại tưng bừng.

Người nghĩ thầm: "Ta sẽ xông lên tòa lâu đài, chiếm toàn bộ ngai vàng và ba người đẹp."

Thế là người khoa gương tiến lên. Chợt các cây cổ thụ như biết chuyển động chạy ra ngăn đường. Người vung gương, đường gương mạnh ngọt phập vào thân cây. Mỗi lần một cây đổ gục, người lại mang máng nghe như có tiếng ai vang vang bên tai. Người vẫn tiến lên gần lâu đài, các cây cổ thụ vẫn chuyển động, đường gương của người càng mạnh, chợt một cây nhỏ chuyển tới chặn đường. Ô, người thấy như đó là cây mai thì phải, nhưng sao mai lại màu vàng? Mà hoa vàng làm sao lại nở nhiều đến nỗi như phủ kín khắp cành cây. Người dừng tay gương mà không nỡ chém, nhưng vẫn tiến bước. Cây hoa mai vàng không chịu. Nó lùi ra xa, lấy đà để lao mình lại, khí thế vô cùng mãnh liệt. Người vội đưa ngược lưỡi gương. Một tiếng kêu như lụa xé vang lên, đồng thời hoa vàng

tung lên cao rồi là tả rụng xuống như muôn ngàn xác bướm. Quan Lang chợt cảm thấy trong lòng xúc động. Nhưng chưa kịp nhìn xuống coi thân mai đổ gục ra sao, người bỗng giật mình vì có tiếng cười đầu dây. Khi ngẩng nhìn lên, người thấy trên nóc lâu đài lừng lơ một đám mây xám bên trong thấp thoáng những bóng ma, áo quần tơ tã, đầu tóc rũ rượi đương ôm nhau, vừa nhảy múa vừa nhìn người cả cười. Cả giận, người cầm vỏ gương ném vèo lên. Đám mây xám như loảng ra, những bóng ma tán loạn biến theo. Vỏ gương không thấy rơi xuống mà đám mây trong khoảnh khắc đã tụ lại xám hơn vì bóng ma hiện lên đông hơn trước. Không dẫn đo, Quan Lang phóng thật mạnh cả thanh gương lên, đường gương vút nhanh như một tia chớp. Bóng mây chợt biến hẳn và người thấy tí trên từng mây vị đạo sĩ áo vàng giơ tay ra đỡ gương, từ từ tra vào vỏ, rồi đi như bay về phương Bắc.

Quan Lang ôm mặt bàng hoàng, một lát sau, tâm trí hình như trở lại bình tĩnh, người buông tay ra nhìn quanh thì chao ôi, một cảnh đau thương ngoài sức tưởng tượng hiện ra trước mắt: tòa lâu đài vòi vọi không còn, Quan Lang thấy mình đứng giữa gian phòng tiệc thưởng xuân của Đức Vua cùng các Lạc hầu, Lạc tướng. Ba người con gái mặc áo lụa hồng, xanh, trắng đang gục vào cây ba vị Lạc tướng và khóc sướt mướt. Dưới chân trước mặt người là thấy một người con gái mặc áo vàng. Người bàng hoàng đau đớn khi nhận ra đó chính là người vợ mới cưới của mình. Vua cha còn đứng yên như pho tượng đá kia, vé mặt căm hận vô bờ. Các Lạc hầu, Lạc tướng nhìn người như muốn xông vào ăn sống nuốt tươi cho hả. Duy có vị Quan Lang thứ là nhìn người với đôi mắt tràn ngập tình thương xót xa. Ngay

trước mặt người là một vạc than hồng rực mà Đức Vua thường cho đốt giữa phòng như thể để xua khí lạnh mỗi khi có tiệc vui thâu đêm.

Một ý nghĩ vụt qua trong trí và người quyết định ngay.

Đưa mắt một lần cuối cùng nhìn Vua cha, nhìn em, nhìn xác vợ và các Lạc hầu, Lạc tướng còn đứng quanh đó, rồi nhanh như chớp người lao mình vào vạc lửa. Những tàn than tung lên thành những hoa lửa rực rỡ như đêm hoa đăng.

o o o

Sau đêm khủng khiếp mà vị Quan Lang trưởng trong cơn mê sáng vung gươm chém chết vợ cùng năm viên Lạc tướng rồi tung gươm ra phía ngoài để sau cùng tự kết thúc đời mình vào vạc lửa, Đức Vua âu sầu khôn xiết. Ngay vừa lúc xảy ra tai nạn, Ngài có sai các Lạc tướng ra ngoài tìm thanh gươm lạ nhưng không ai thấy một dấu vết gì.

Hai năm qua... Đức Vua đã già lắm, Ngài cho vời vị Quan Lang thứ và tỏ ý đến mùa Xuân năm tới sẽ làm lễ truyền ngôi cho. Vị này tâm với Vua cha rằng người đã từ lâu được biết ở một động núi thuộc bộ Lục Hải có một vị đạo sĩ giữ một thanh gươm thần đúc từ thời vua Đế Minh. Người lại trình với vua Cha sang đầu xuân sẽ đến động xin thanh gươm báu đó về rồi mới lên ngôi để lãnh trọng trách giữ vững sơn hà.

Vua cha gật đầu ưng thuận và đầu xuân năm đó vị Quan Lang thứ lên đường. Trước khi đi, người có vào đền đức Phù Đổng, dâng hương lên bàn thờ vị anh nhi của dân tộc.

Khi người tới thác ngàn cửa động thì trời cũng đã về chiều. Người đưa mắt lạng nhìn màu nắng vàng trong phủ lên cả một khoảng non sông cẩm tú. Người ngược nhìn lên cao thấy cả một bầu trời xanh bát ngát. Lòng bồi

hồi, một tình thương yêu mệnh mỏng như nước triều dâng lên tràn ngập cả tâm hồn. Người thấy thương mến vô cùng đám dân hiền là anh em đồng bào với người kia; họ đã cùng nhau chia ngọt sẻ bùi trên mảnh đất gấm vóc này gồm từ phương Bắc, bộ Lục Hải và chạy dài tới xuống tới bộ Việt Thường, Bình Văn phương Nam (7). Một ý chí cương quyết bảo vệ lấy non sông ấy, bảo vệ lấy những dân lành ấy, bỗng chảy mạnh trong huyết quản khiến người cảm thấy tâm hồn rưng rưng một niềm tươi vui mạnh như nhựa xuân dâng lên búp lá, man mác dịu hiền như trời xanh ngợp nắng vàng.

- Quan Lang, người đến lấy gươm thần?



XUÂN VIỄN XỨ

*Thêm một mùa Xuân chốn viễn phương
Nhớ về quê cũ trắng canh trường!
Tháp xưa chuông sớm luôn vang tiếng
Chùa cũ trầm khuya mãi ngát hương.*

*Thi hứng gọi tình ghi mấy khúc
Văn nguồn khơi ý thảo vài chương
Thả hồn theo tuyết rơi song vắng
Viễn xứ lòng người rộn luyến thương.*

thơ

TÂM MINH NGÔ TẶNG GIAO

Vị Quan Lang giật mình khi nghe câu hỏi. Thì ra người mãi suy nghĩ không biết rằng mình đã tới cửa động và câu hỏi vừa rồi là của một vị đạo sĩ mặc áo vàng, râu tóc bạc phơ với tia nhìn hiền dịu, đứng đứng ngang cửa động như có ý đón người. Người cúi đầu thi lễ rồi nói:

- Thưa đạo sĩ, dịp đầu xuân này tôi sẽ được

Vua cha truyền cho ngôi báu. Nhận thấy nước Hồ

Tôn phương Nam ngập ghé muốn tràn cõi bờ Văn Lang, nên trước khi thọ phong, tôi đến đây ngỏ ý xin đạo sĩ ban cho thanh gươm thần Ngài giữ.

Đạo sĩ gật đầu mà rằng:

- Thanh gươm vào tay Ngài thì tôi không có điều gì

e ngại, nhưng trước khi trao gươm tôi dám xin hỏi một câu: theo ý kiến ngài thì cái gì mỏng nhất trên thế gian này?

Vị Quan Lang trẻ tuổi đưa mắt nhìn ra phía ngoài xa cửa động. Ánh chiều nhẹ và vàng trong màu hổ phách, lê thê như giải lụa thu về chân trời. Người đáp:

- Thưa đạo sĩ, nếu tôi bóc được ánh nắng chiều kia thì chắc là tôi đã có được một vật mỏng nhất trên thế gian này.

Đạo sĩ cất tiếng cười sảng khoái tỏ vẻ hài lòng lắm và mời Quan Lang thứ vào động.

Trước khi trao gươm cho vị anh quân tướng lai đó, đạo sĩ còn ân cần dặn:

- Quan Lang, Ngài nên nhớ: muốn trị giặc nước, muốn trị những mầm phản trắc lẫn trong đám dân lành thì phải có gươm làm uy thế, nhưng Ngài chỉ nên dùng nó làm hình thức giữ vững uy thế thì hơn, xin đừng ham dùng nó vào cuộc đâm chém tàn bạo kéo bị lạc nẻo theo vết xe đổ của những kẻ vũ phu khát máu.

Vị Quan Lang nhất nhất vâng lời, giơ tay nhận gươm cúi đầu lạy tạ vị đạo sĩ, rồi xuống động trở về Phong Châu.

o o o

Sau khi mang được gươm thần về, Quan Lang thứ đem đến trình vua cha, kể lại lời đạo sĩ căn dặn. Đức Vua vui mừng khôn xiết, cho đây là điềm lành, rồi lập tức làm lễ truyền ngôi cho con.

Vị Quan Lang thứ lên ngôi báu tức là Vua Hùng Vương thứ Tám. Tuy có thanh gươm, nhưng Ngài vẫn cho sứ đi giao hiếu với các nước lân cận, phương Bắc với các nước Bách Việt khác, phương Nam với nước Hồ Tôn. Các nước này cảm lòng thành thực của nhà vua cũng cho sứ sang Văn Lang tỏ tình giao hảo. Dân chúng nơi nơi



sống trong cảnh thanh bình. Tiếng ca của trai gái vang khắp đồng nội của ruộng Lạc xa gần.

Hầu hết những vị vua con cháu Đức Hùng Vương thứ Tám trước khi lên ngôi, đều đã được truyền cho cách nuôi căn bản Thiện trong lòng để sử dụng gươm thần. Thanh gươm thần, dưới thời những vị vua đức dày một lòng thương dân yêu nước đó, không thấy thoát ra những tiếng thở dài hay những tiếng hổ gầm sóng vỗ. Và khi các Ngài rút gươm ra khỏi vỏ, ánh hào quang long lanh một vẻ đẹp kỳ thú. Đến đời Hùng Vương thứ 13 thì lai lịch thanh gươm đó thất truyền. Và sau này, tới khi cháu Thục Vương là Thục Phán đem quân đánh chiếm nước Văn Lang, không biết rằng Vua Hùng Vương thứ 18 có còn giữ được thanh gươm báu của các tiên đế để lại cho không mà sao lại thua chạy,

đến nỗi phải nhảy xuống giếng tự tử?

(trích từ tác phẩm "Sợ Lửa" của nhà văn Đoàn Quốc Sỹ, Sáng Tạo xuất bản năm 1956)

Ghi chú:

- 1) Lục Hải: Nước Văn Lang ta hồi đó chia làm 15 bộ. Bộ Lục Hải tức là Lạng Sơn bây giờ.
- 2) Quan Lang: Thời đó con trai Vua là Quan Lang, con gái Vua là Mỵ Nương.
- 3) Ninh Hải: tức Quảng Yên bây giờ.
- 4) "Phụ vương tôi": tức Vua Hùng Vương thứ Sáu.
- 5) Giặc Hồ Tôn: tức Chiêm Thành.
- 6) Ninh Hải, Cửu Chân và Hoài Hoan: tức Quảng Yên, Thanh Hóa và Nghệ An.
- 7) Việt Thường, Bình Văn phương Nam: tức Quảng Bình và Quảng Trị.

THÊM MỘT NGÀY, HỌC VÔ CÙNG

*Thêm một ngày bạc râu tóc
nhảm từng chữ gió vô thường
trang sách cũ mỗi gân cốt
nghe thiên cổ lạnh buốt xương.*

*Học vô cùng tâm như nắng
soi khắp cõi chiều rất vàng
đêm Niết bàn vui tịch lặng
ngày Bồ Tát hạnh curu mang.*

*Thêm một ngày đi rất mỏi
từng bước tâm từng bước thiên
ngôi bên sông, xem mây nổi
thấy không ta, thấy không thuyền.*

*Học vô cùng hạnh như đá
không tham ái, không giận hờn
xây vô lượng cầu huyền hóa
đưa khắp cõi người qua sông.*

*Thêm một ngày tai mắt yếu
tâm bất hoại sáng như gương
lời Thầy dạy năm xưa hiểu
không một pháp, tâm bình thường.*

*Học vô cùng hạnh như núi
tâm bất động, bão ngàn khơi
tận đỉnh cao khơi dòng suối
chở từ bi tắm muôn người.*

*Thêm một ngày thân cùng tử
muôn kiếp rồi lạc muôn nhà
ngay tâm này Kinh vô tự
Niết bàn tâm chưa từng xa.*

*Học vô cùng hạnh như gió
không từ đâu, không về đâu
nghe sinh diệt từng hơi thở
không hoan hỷ, không ưu sầu.*

*Thêm một ngày nhìn gió nghiêng
nhẫn nhẫn nhẫn tắm vô thường
bạn ghé hỏi chuyện muôn kiếp
có nụ cười, có vô ngôn.*

*Học vô cùng tâm chư Phật
trắng đầu núi, hạnh viễn ly
chứng vô ngã, như thị pháp
không một tâm, thế mới kỳ.*

thơ PHAN TẤN HẢI

01/1/2021



SUY NGHIỆM LỜI PHẬT: PHE PHÁI, TRANH CHẤP BỜ VÌ ĐÂU?

Quảng Tánh

ĐẠO PHẬT TRONG ĐỜI SỐNG

Chuyện bắt đầu từ việc môn đệ của Ni-kiền Tử tranh chấp, đấu đá, triết hạ lẫn nhau sau khi bậc tôn sư của họ vừa qua đời. Thực tế ngày nay, các chuyện đại loại như thế vốn cũng không lạ.

Điều đáng ngạc nhiên là vào thời Chánh pháp, một Sa-di sơ cơ học đạo đã bắt đầu để ý đến việc này, một Tỳ-kheo trưởng thành như A-nan lại đặc biệt lưu tâm đem thưa hỏi Thế Tôn. Có lẽ bấy giờ trong Tăng, mầm mống của phe phái và tranh chấp cũng đã xuất hiện nên nhân chuyện người trước mắt, Tôn giả A-nan đã trình lên Thế Tôn để lo cho chuyện nhà về sau.

"Một thời, Phật ở tại nước Ca-duy-la-vê, trong khu rừng của Ưu-bà-tắc Miến-kỳ, cùng với chúng Đại Tỳ-kheo 1.250 người.

Bấy giờ, có Sa-di Châu-na, ở tại nước Ba-ba, sau an cư mùa hạ, cầm y bát, đi lần đến nước Ca-duy-la-vê, trong vườn Miến-kỳ; đến chỗ A-nan, cúi đầu lễ dưới chân, rồi đứng sang một bên, bạch A-nan rằng:

- Có Ni-kiền Tử trong thành Ba-ba, chết chưa bao lâu, mà các đệ tử của ông đã chia làm hai phe. Họ tranh chấp nhau, trực diện mắng chửi nhau, không còn phân biệt trên dưới; tìm tòi khuyết điểm của nhau, ganh đua kiến thức với nhau rằng: Ta có thể biết điều này; người không thể biết điều này. Hành động của ta chân chính, còn người là tà kiến. Người đặt cái trước ra sau; để cái sau ra trước; điên đảo, thác loạn, không có phép tắc. Những điều ta làm thật là vi diệu. Những điều người nói thì sai lầm.

Người có điều gì nghi ngờ, cứ hỏi ta. Bạch Đại đức A-nan, bấy giờ, những người thờ Ni-kiền Tử trong nước này nghe những tranh tụng như vậy sinh lòng chán ghét.

A-nan nói với Sa-di Châu-na:

- Ta có điều muốn bạch Thế Tôn. Người hãy đi với ta, trình bày Thế Tôn về sự việc này. Nếu Thế Tôn có răn dạy điều gì, chúng ta hãy cùng phụng hành.

Rồi thì, Sa-di Châu-na sau khi nghe A-nan nói bèn cùng đi theo đến chỗ Thế Tôn. Sau khi cúi lạy dưới chân Thế Tôn, bèn đứng sang một bên. Lúc bấy giờ, A-nan bạch Thế Tôn rằng:

- Sa-di Châu-na này, sau an cư mùa hạ ở nước Ba-ba, cầm y bát, đi lần đến đây. Sau khi đánh lễ dưới chân con, nói với con rằng: Có Ni-kiền Tử trong thành Ba-ba,... Bấy giờ, những người thờ Ni-

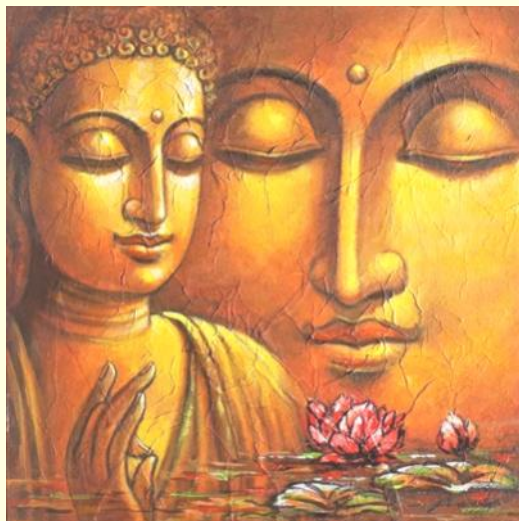
kiền Tử trong nước này nghe những tranh tụng như vậy sinh lòng chán ghét.

Thế Tôn nói với Châu-na:

- Quả vậy, Châu-na, trong phi pháp ấy không có gì đáng để nghe. Đó không phải là những điều được nói bởi bậc Chánh đẳng Chánh giác. Cũng như ngôi tháp đổ nát, khó có thể bôi màu. Kia tuy có thầy, nhưng thầy đều ôm giữ tà kiến. Tuy có pháp, nhưng pháp đều không chân chánh, không đáng để nghe theo, không có khả năng xuất ly, không phải là những điều được nói bởi Bậc Chánh đẳng Chánh giác. Cũng như ngôi tháp đổ nát không thể bôi màu vậy."

(Kinh Trường A-hàm, kinh Thanh tịnh, số 17 [trích])

Đức Phật nhân việc tranh chấp của môn



đệ Ni-kiên Tử đã thẳng thắn chỉ ra rằng, nguyên nhân gốc rễ của tranh chấp là tuy có thầy nhưng do mỗi người đều “ôm giữ tà kiến”, tuy có pháp mà “không chân chánh, không có khả năng xuất ly”. Chính vì nhận thức sai lệch, hiểu biết không chính xác về những lời dạy của bậc thầy, chấp thủ quan điểm của mình cho là đúng nhất là nguyên nhân sâu xa dẫn đến tranh cãi, tranh chấp. Mặt khác, việc ứng dụng hành trì giáo pháp của bậc thầy vào thực tiễn đời sống không có kết quả an lạc, không có khả năng vượt thoát các dính mắc, xa lìa mọi cảm dỗ nên dẫn đến tranh chấp đầu đá lẫn nhau.

Hình ảnh “ngôi tháp đổ nát, khó có thể bôi màu” đã cho thấy sự tiên lượng chính xác của Thế Tôn về sự phân ly, chia rẽ của đại chúng ở tương lai. Thế nên, để thiết lập hòa hợp như nước với sữa thì mỗi người cần phá bỏ chấp thủ tà kiến, tôn trọng sự thật và học cách chấp nhận nhau. Nhất là, cần phát huy những giá trị và lợi ích thiết thực của pháp hành (Bát Thánh đạo) để chuyển hóa, nhẹ nhàng, thông dong không bị ràng buộc. Tháo gỡ được hai nút thắt căn bản này thì những tranh chấp, tranh đấu sẽ được loại trừ dần và hướng đến hoàn toàn chấm dứt.



HÒN QUÊ MÁY MÙA

*Sài Gòn tét rộn ràng sao
Muôn ngàn hoa giữa biết bao hội hè
Dập dìu chợ búa ngựa xe
Chợt lòng chạnh nhớ hồn quê mấy mùa*

MỘT CỎI THÊN THÊN

*Tôi từ muôn dặm về đây
Em từ một cõi tháng ngày không tên
Giang hà một cõi thên thên
Tết về lòng nhớ mộng mênh tình đời*

SẮC XUÂN NGUỒN CỘI

*Xuân sang hoa nở trắng đồng
Người vui rong ruổi giữa giòng ngân ngơ
Này em tét những đợi chờ
Sắc hương ngút ngát bốn bề giang san
Một trăm con bướm rộn ràng
Vỗ đôi cánh mỏng địa đàng xôn xao
Em xa có quận năm nào
Mà nghe tét những lòng nao nao lòng
Phù hoa phổ hội hoài mong
Sắc xuân nguồn cội một dòng biếc xanh
Em vui trảy hội về thành*

...

NÓI CHÀO NGUYÊN XUÂN

*Này con bướm mộng hoa vàng
Sắc hương đã dậy rộn ràng xuân sang
Giang hà một cõi thên thên
Tôi xa phố thị lỡ làng nhớ thương
Vàng hoa nở giữa con đường
Tết về có quận dễ thường quên sao?
Này em má đỏ hoa đào
Chúc nhau mình lại nói chào nguyên xuân
Người xa lòng những băng khuâng
Một ngày nguồn cội vẫn ngân ấy thôi!*

...

thơ DU TÂM LÃNG TỬ

Mùa Xuân

và *Phẩm Tùng-Địa-Dũng-Xuất* trong *Kinh Diệu Pháp Liên Hoa*

HUỆ TRÂN

VĂN HỌC / NGHỆ THUẬT

Trong không gian mênh mông của vườn kinh điển Đại Thừa, Diệu Pháp Liên Hoa là đóa hoa vi diệu nhất mà chính Đức Thế Tôn đã ca ngợi không hết lời trong hai mươi tám phẩm, hoàn tất Bốn Kinh. Đóa hoa đó rất khó thấy, khó gặp vì hoa chỉ nở khi đủ thuận duyên về mọi phương diện. Phải đúng thời, đúng nơi và người dự thính phải tương đối có đủ sự kính tin và trí tuệ thì hoa kia mới nở.

Khi xưa, tại Pháp Hội Linh Sơn trên núi Linh Thứu trước

đại chúng muôn nghìn Trời, Người, đủ mọi thành phần cấu hội mà Ngài Xá Lợi Phất, đại diện chúng hội, phải ba lần thành khẩn cầu xin mới được Đức Thế Tôn chấp thuận giảng nói những phương tiện bí yếu thượng thừa của Chư Phật.

Sau lần thuyết giảng đó, muôn người, muôn loài, tâm đủ khẩn thiết và đức tin ngời lại tham dự, đều tuý căn cơ mình mà lãnh hội ý kinh, tin nhận mà đạt vô biên phước lành; trong khi năm ngàn người, đứng lên

xá Đức Thế Tôn rồi cùng nhau xuống núi. Họ nghĩ rằng những pháp được nghe Phật dạy trước đây, họ đã biết, đã hành, và tin rằng như vậy đã đủ để được giải thoát, không phải biết thêm pháp nào thâm sâu hơn nữa!

Vạn hữu cứ lặng thầm chuyển hoá, xã hội muôn loài cứ tuý thuận đổi thay nhưng những lời từ kim khẩu Đức Thế Tôn chỉ dạy trên đỉnh núi Thứu khi xưa thì dường như ngày càng rõ nét trong xã hội muôn loài.



[TRỞ VỀ MỤC LỤC](#)



Những hành giả chí thành trì tụng Diệu Pháp Liên Hoa đều có thể cảm nhận phần nào, sự thị hiện của Chư Phật, Chư Bồ Tát ở từng phẩm, suốt hai mươi tám phẩm, với những lời Đức Thế Tôn chỉ dạy trong Tôn Kinh.

Những pháp sư giảng Kinh Đại Thừa thường nhắc đại chúng là muốn thâm nhập nghĩa kinh, phải học bằng tinh thần Bản-Môn (bình diện tuyệt đối) mới tránh khỏi ý nghi, vốn là chướng ngại khi bước vào thế giới Đại Thừa.

Trong thế giới Tịch-Môn (bình diện tương đối), chúng sanh có Đức Phật Thích Ca Mâu Ni bằng xương, bằng thịt, có xuất xứ, dòng dõi rõ ràng; nhưng sau khi Ngài đạt tìm được đạo cả, hướng dẫn chúng sanh giác ngộ, thoát khỏi tù ngục vô minh thì đồng thời chúng ta cũng có một Đức Thế Tôn trong thế giới Bản-Môn vì Ngài đã vượt ra ngoài không gian và thời gian.

Vì thế, nếu chúng ta dùng ý niệm của giới hạn bình thường, sẽ khó chấp nhận được những gì không còn ở trong thế giới bình thường.

Khoa học giải thích thế nào về nhục thân Lục Tổ Huệ Năng vẫn còn nguyên vẹn trong thế giới già, sau hơn một năm Ngài viên tịch?

Nói sao cho hợp lý về sự tái sanh của các vị Lạt Ma khi những sự việc cụ thể cho thấy nơi những vị được nhận ra là vị tái sanh, đều phù hợp

với những gì thân thuộc để lại, từ vị tiền kiếp?

Những người được xem là "thần đồng" về các bộ môn khác nhau, có tình cờ chỉ là những trí tuệ quá xuất sắc không, hay đây là nối tiếp những dở dang ở kiếp nào?

Rất nhiều hiện tượng nhân loại đã thấy là có thật nhưng lý trí không giải thích được, để rồi chỉ còn niềm tin vào sự nhiệm mầu.

Với Diệu Pháp Liên Hoa, sau "phẩm Tựa" giới thiệu cảnh trí Pháp Hội Linh Sơn trên núi Linh Thứu thì "phẩm Phương Tiện" kế tiếp được coi là cương lĩnh của kinh Diệu Pháp Liên Hoa vì trong phẩm này, Đức Thế Tôn ân cần nhắc nhở thính chúng, đây là những bí yếu cực kỳ thâm diệu của các Đức Như Lai, không thể chỉ suy lường phân biệt mà có thể hiểu được. Nhưng với đại bi tâm của các Đức Như Lai là Khai, Thị, Ngộ, Nhập, Phật tri kiến cho chúng sanh vô minh nên các Ngài đã lập ra vô số phương tiện, vô lượng nhân duyên, thí dụ, mà diễn nói các pháp.

Hành giả biết căn cơ còn yếu kém nên thường tự nhắc phải lắng tâm, tĩnh lặng, kính tin, trước khi đọc tụng Diệu Pháp Liên Hoa mới có cơ may thâm nhập được phần nào ý kinh.

Hôm nay, sau công phu sáng, khi thiền hành quanh khu chung cư, hành gia sững sốt khi thấy hoa vàng rực rỡ trên những bờ cỏ ven con suối nhân tạo.

Đây là hoa thủy tiên, loài hoa hiến tặng hương sắc khi mùa Xuân tới. Đây không phải lần đầu được chiêm ngưỡng, nhưng sao phút giây này hành giả không thể dẫn được niềm xôn xao cực kỳ rúng động trước thảm hoa vàng tươi vừa bừng nở từ lòng đất!

Hôm qua, cũng thiền lộ này mà không thấy gì. Có lẽ

nụ hoa tuy nhú lên nhưng cỏ xanh và lá xanh che khuất; và bây giờ, ánh nắng ban mai như chiếc đũa thần gỡ nhẹ để muôn nụ nở hoa! Ngàn đoá hoa vàng tươi từ lòng đất vừa thoát vượt lên, cùng bừng nở, như chưa từng có chu kỳ của hạt mầm, của kết nụ!

Hành giả không biết đã đứng lặng bao lâu trước muôn hoa, với niềm xúc động mỗi lúc mỗi dâng cao... Tối sát na mà trái tim không còn sức ôm giữ cảm xúc là lúc thâm tâm oà vỡ âm thanh sấm sét của 4 chữ "**Tùng Địa Dũng Xuất**"!

Hành giả ngồi xuống bên bờ suối, nghe tự đáy lòng thốt thức thâm niệm: Nam Mô Diệu Pháp Liên Hoa Kinh.

Nam Mô Diệu Pháp Liên Hoa Kinh.

Nam Mô Diệu Pháp Liên Hoa Kinh

Niềm xúc động cực kỳ khi bất chợt nhìn thấy ngàn hoa, đã vừa được giải toả.

Thì ra đây là hình ảnh tương đồng với phẩm "Tùng Địa Dũng Xuất" trong kinh Diệu Pháp Liên Hoa mà hành giả đang trì tụng. Trong phẩm thứ 15 này, ngoài bí yếu thâm sâu qua hành trạng các Đức Như Lai từ vô lượng kiếp, đây còn là một hoạ phẩm vô cùng linh động và rực rỡ sắc mầu.

Khi các vị đại Bồ Tát ở cõi nước khắp muôn phương tới dự pháp hội, nghe Đức Thế Tôn nghiêm minh xác định Diệu Pháp Liên Hoa là tạng bí yếu của các Đức Như Lai, hết lòng gìn giữ, chẳng vọng tuyên nói nếu không hội đủ duyên lành, các vị Đại Bồ Tát bèn chấp tay làm lễ, bạch Đức Thế Tôn, xin được nhận trọng trách rộng nói kinh này, sau khi Đức Phật diệt độ.

Nghe thế, Đức Thế Tôn đã trấn an các vị đại Bồ Tát là các vị không cần bận tâm hộ trì Pháp Hoa Kinh vì đã có chúng đại Bồ Tát, số đông bằng sáu muôn số cát sông

Hằng vẫn thường hằng gìn giữ và hộ trì tôn kinh này rồi.

Khi Đức Thế Tôn vừa dứt lời thì tam thiên đại thiên thế giới cõi ta-bà, đều rung nứt. Đồng thời, từ dưới lòng đất, vô lượng muôn ức vị Bồ Tát vọt ra. Thân các Ngài đều sắc vàng rực rỡ, đủ 32 tướng tốt cùng ánh sáng toả chiếu khắp muôn phương. Đại chúng dự hội chưa từng được thấy cảnh huy hoàng bi tráng như vậy; lại còn được nghe thuyết giảng đây chính là các đệ tử mà Đức Thế Tôn đã giáo hoá từ vô lượng vô biên tiền kiếp.

Đây cũng là phẩm mà người đọc tụng phải đặt hết thân tâm vào thế giới Bản Môn, để cùng với thính chúng tại pháp hội Linh Sơn khi xưa, tin lời xác quyết của Đức Thế Tôn, tin nơi thọ mệnh vô sanh bất diệt của các Đức Như Lai mà nhận được sự thị hiện của vô biên vị Bồ Tát Tùng-Địa-Dũng-Xuất, như từ dưới đất chợt bước ra với đại bi tâm là dùng mọi phương tiện, tùy duyên ban vui cứu khổ chúng sanh.

Từ khai sinh lập địa, nhân gian cõi Ta-bà như chưa từng dứt tạo nghiệp nhưng đồng thời vẫn từng được giải nghiệp; như chưa từng dứt khổ nhưng đồng thời vẫn từng được cứu khổ. Bằng không thì nhân gian, vạn hữu này đã không thể tồn tại.

Do đâu nghiệp không dứt tạo, khổ không dứt mang mà vẫn tồn tại?

Ồi, phải chăng vô lượng vô biên Bồ Tát Tùng-Địa-Dũng-Xuất, đệ tử của Đức Thế Tôn chưa từng vắng mặt gia hộ?

Kiểm điểm bao tai hoạ từ quốc độ này tới quốc độ kia, từ thiên tai này tới nhân tai kia, không nơi nào mà khi nguy nan không có những bàn tay đưa ra để cứu mang, ôm ấp kẻ hoạn nạn.

Bồ Tát tùy duyên, như hạnh Quan Âm mà hoà đồng cứu giúp.

Hạnh phúc thay, khi cảm nhận được, để thấy thân phận con người không quá cô đơn, vì Chư Bồ Tát luôn

thị hiện nơi cùng khổ.

Những hàng cây trụi lá mùa thu, những thân gỗ khẳng khiu mùa đông vẫn đứng mãnh đứng đó vì phải chăng chúng biết, rồi mùa Xuân sẽ tới!

Và quả thật, mùa Xuân đang tới.

Muôn đoá thủy tiên từ dưới lòng đất vọt lên, mang thông điệp của năng lực, của sự che chở, sự gia hộ từ vô lượng Bồ Tát Tùng-Địa-Dũng-Xuất trong kinh Diệu Pháp Liên Hoa tới chúng sanh khổ lụy.

Trong dòng lệ của những còn, mất, hơn, thua năm cũ, vạn hữu đang cùng đón Xuân mới với chung niềm tin yêu, hy vọng ...

Nam Mô Pháp Hoa Hội
Thượng Phật Bồ Tát
Nam Mô Pháp Hoa Hội
Thượng Phật Bồ Tát
Nam Mô Pháp Hoa Hội
Thượng Phật Bồ Tát

Huệ Trân

*(Tào-Kê tịnh thất –
Thủy tiên đầu Xuân)*



Truyện cực ngắn

HOÀNG LONG

VĂN HỌC / NGHỆ THUẬT



THẮP LÊN MỘT NGỌN ĐÈN

Như khi về thăm lại những chốn cũ đã hoang liêu trong đêm tối mịt mùng, chỉ cần thắp lên một ngọn đèn là bao nhiêu kỷ ức xa xưa quay trở về trong hiu hắt. Những tiếng cười đùa, những ly rượu cạn, những khuôn mặt người và cả nỗi dịu êm của sự chở che đều trôi qua mắt, chỉ còn dư âm, dư ảnh và chút dư tình trong trí nhớ mờ hồ xa xăm. Người lữ khách lại quay bước đi để lại sau lưng một vùng tối tăm tĩnh mịch, của quá khứ, của ước mơ, của những nỗi niềm xa xưa vụng dại. Anh quay về chỗ trú ẩn của mình. Một cái hang nhỏ, vài quyển sách cũ, chút ít thức ăn và nước uống. Anh nằm dài trên giường nghĩ ngợi. Thế giới ngoài kia giống bão tới bờ, bao lần cầm đèn soi đi ra tìm kiếm điều gì đó đều thấy tất cả tối tăm, cõi trường dạ triền miên vô tận. Những tòa thành lạnh lùng sừng sững như núi cao trông cũng thật lẻ loi dưới tiếng sấm sét thét gào của định mệnh. Thân phận con người chỉ như thứ đồ chơi bị vắn xoay trong tay ai khác. Anh nằm im trong hang sâu, chỗ bình yên duy nhất của mình và trú ẩn. Trong nỗi tịch liêu, anh mơ hồ nghe tiếng nước róc rách chảy. Thanh âm nhỏ bé thật mơ hồ như thể là ảo giác. Nhưng vì không có việc gì làm, cũng chẳng có nơi nào để đi, anh bật dậy, thắp

một ngọn đèn, đi đến chỗ đáy hang thám thính. Tiếng nước ngày một rõ hơn. Anh lấy cái xẻng bắt đầu đào bới, tìm kiếm niềm vui trong lao động, và sự an ủi của niềm hy vọng. Vách đất sụp xuống và một khung trời bất ngờ mở ra. Anh lóa mắt trước ánh sáng, choáng váng trước sự rộng rang an lành. Cây xanh, chim hót, hoa nở suối reo, trời xanh bát ngát. Một chốn đào nguyên ngay giữa lòng hang sâu. Thế mà bấy lâu nay mình không biết. So với niềm vui và sự an bình nơi đây, những phần thưởng mình đi tìm kiếm nơi thế giới bên ngoài đâu có là gì. Không cần phải mang theo đèn đóm nữa, ánh sáng nơi này bao la. Không cần dự trữ thức ăn nước uống, nơi đây tất thảy đủ đầy. Anh tìm đến một thảm cỏ xanh mượt dưới gốc một cây xanh, ngả người nằm xuống nghe tiếng nước chảy chim kêu. Giấc ngủ bình yên tự nhiên tìm đến. Chưa bao giờ anh có một khoảng thời gian tuyệt vời đến vậy. Cuối cùng thì ngọn đèn mà ta mang theo không phải để soi tỏ thế giới mà để soi sáng chính bản thân mình, qua bao nhiêu vách đất của u mê, bao nhiêu lối rẽ ngoằn ngoèo của hang động ký ức mà tìm vào chốn đào nguyên của bản thể. Đâu có chốn an trú nào vững bền và đáng tin cậy hơn ở chính thân tâm ta?

ĐÁO BÌ NGẠN

Phải mất ba mươi năm anh mới qua được bờ bên này, nơi chốn anh ngưỡng vọng suốt thời tuổi nhỏ. Đứa bé chân tay lấm lem bùn đất, suốt ngày chơi với châu chấu chuồn chuồn nhìn về phía bên kia bờ sông với bao nhiêu tòa nhà cao tầng tráng lệ mà cho đó là chốn thiên đường. Chỉ cách có một bờ sông mà khác biệt biết bao nhiêu. Bờ bên này chỉ toàn những ngôi nhà tranh lụp xụp với ruộng lúa, bờ lau và đầm lầy với những cây bạc hà mọc dại. May mà còn có bướm bướm chuồn chuồn bay lượn để thấy được chút gì nên thơ. Chân anh suốt ngày lội bùn dưới ánh nắng gắt gay. Cái mơ ước được một lần qua bên kia sông ngày càng ám ảnh. Đứa trẻ đó lớn lên, đi học, ra đời chịu bao nhiêu trắc trở cuối cùng cũng vượt qua được bờ bên kia. Ba mươi năm qua, đứa trẻ ngày nào trở thành một ông chú trung niên và bờ bên kia đã trở thành bờ bên này. Từ trên tầng mười sáu của một cao ốc sang trọng sát bờ sông, mỗi đêm vẫn có người nhìn về bờ bên kia để nhớ lại thời tuổi nhỏ. Năm tháng và những đổi thay đã cho anh thấy bờ bên này không phải là thiên đường như mình tưởng mà còn có nhiều sự khắc nghiệt riêng. Nhưng anh chưa bao giờ nuối tiếc. Anh luôn phấn đấu hết sức mình

và anh vẫn luôn là chính anh. Đứa bé ngày nào vẫn nằm trong anh trọn vẹn. Chỉ khác là đối với đứa trẻ ngày xưa, bên này sông nơi anh đang cư ngụ chính là thiên đường ngưỡng vọng còn đối với anh, thời tuổi nhỏ ngày xưa lắm lem bùn đất mới chính là thiên đường. Một thiên đường đã mất, chỉ còn trong ký ức neo giữ lại giữa những ngày tháng phù du. Bên này cũng chính là bên kia, bên kia cũng chính là bên này, Ta bà chính là Tịnh độ, mê ngộ tức thì Niết Bàn. Khác nhau chỉ ở tâm thức và tầm nhìn mà thôi. Chúng sinh mê lắm luôn tìm cách qua sông đến bờ giác ngộ. Những kẻ giác ngộ như bậc Bồ Tát lại nhìn ngược về phía bờ mê để thấu cảm nỗi khổ đau quần quại của kiếp người. Đó cũng là một dạng sơ tâm để nhắc nhở chính mình về kiếp đời đã trải, để càng thêm động lực mà cứu độ chúng sinh. Bờ bên kia và bờ bên này vì thế mà luôn cần thiết. Dù rằng sau tất cả, bờ bên này cũng chính là bờ bên kia trong dòng chảy bất tuyệt của dòng sông hiện hữu, muôn đời cũ kỹ mà cũng muôn đời tươi mới thanh tân.

VƯỢT THOÁT

Sau bao nhiêu năm, anh quay trở lại với tinh thần tuổi trẻ. Thứ nhiệt huyết muốn phá hủy và dựng xây, đập đổ hoang tàn và tái tạo hư vô đã dẫn lối tuổi trẻ, đưa anh đến những chân trời suy tưởng không thể nào ngờ. Dĩ nhiên đi cùng với phần thưởng luôn là sự trừng phạt. Anh chấp nhận dù có chút khiên cưỡng chối từ. Bây giờ sau mấy mươi năm nhìn lại, những ngôi sao dẫn phai nhạt, thần tượng cũng lu mờ, chỉ riêng ngọn lửa là

còn lại. Chính ngọn lửa mới là đáng kể. Ngôi sao nào cũng mang trong mình ngọn lửa hồng hoang và để trao truyền tiếp nối đến những ngôi sao khác. Ngọn lửa tâm tư đó cháy bùng vượt qua ngôn ngữ, qua quốc gia mà kết nối tình nhân loại để chúng ta có tương giao với nhau trên bờ cõi bát ngát của bầu trời tư tưởng, chia sẻ về thân phận con người. Ngày trẻ, anh muốn vượt qua ngôn ngữ, được ý quên lời, mong muốn ngón tay chỉ trăng để nhìn thẳng vào sự thật, và chỉ duy có sự thật mà thôi. Dần dà anh hiểu được rằng, mọi chuyện không thể nào đơn giản như thế và không nên đơn giản hóa mọi chuyện như thế. Chúng ta tư duy bằng ngôn ngữ thế nên đầu tiên phải bám chắc chắn vào khung ngôn ngữ, cố gắng học tập cách diễn đạt tương giao tinh tế nhất bằng ngôn ngữ để truyền đạt được thông điệp của chính mình. Ta đọc ngôn ngữ của kẻ khác cần trọng để có thể hiểu cho đúng ý tha nhân để chia sẻ những tâm tình đồng điệu. Một thời gian dài sau khi đã hiểu nhau bằng ngôn ngữ và qua ngôn ngữ thì lúc đó một cử ánh mắt, một cử chỉ tay phác họa cũng đã đủ rồi. Thi ca gợi tả vài dòng đối với người cùng chia sẻ tầm nhìn sẽ gợi ra cả một chân trời bát ngát hiện sinh. Và vượt lên trên điều đó nữa thì chỉ còn sự im lặng mênh mông mà thảng hoặc tiếng gà cất lên giữa trưa thanh vắng đủ gây một cơn chấn động. Đó là dấu ấn của cõi không lời. Lúc đó ngôn ngữ đã hoàn thành sứ mệnh của mình và những ngôi sao bắt đầu tàn

lụi. Nhưng những ngôi sao sẽ sống tiếp ra sao? Nó sẽ phải nhớ rằng trong mình đã từng có một ngọn lửa, và ngọn lửa đó chưa bao giờ mất đi mà đã hóa thân thành ngôn ngữ để chuyển giao tiếp nối. Những ngôi sao rút dần vào cõi im lặng vì lời cần nói đã nói, việc cần làm đã làm. Những ngôi sao già chia sẻ niềm vui thầm lặng của mình với các thánh nhân. Thực ra cõi im lặng không lời đó lại là một thứ siêu ngôn ngữ mà những ngôi sao già nua đang từng ngày học hỏi để có thể hiểu đời xưa và đón chờ ngày mai. Và như thế cuối cùng chúng ta sẽ không bao giờ thoát được tầm lưới của ngữ ngôn, điều ràng buộc con người chúng ta và làm cho cuộc đời chúng ta có ý nghĩa. Và như thế anh có thể sống lại hàng ngày và sống đúng với tinh thần tuổi trẻ, học hỏi, thoát ly và lại tiếp tục học hỏi siêu ngôn ngữ của một tầng trời tư tưởng mới.



thơ

HIỀN NGUYỄN

VỀ ĐÂY EM TRẤY HỘI NON SÔNG

Mùa xuân ơi!
Hân hoan lắm lòng người
Lặn sóng an hòa lan toả khắp đất trời
Sắc hương muôn hoa nở
Em xinh tươi rạng rỡ.
Ở muôn nơi
Dù đi đâu
Cũng không quên lên chùa lễ Phật

Khói hương trầm phảng phất
Mùi quá khứ ngàn đời nổi lên hiện đại.
Hồn dân tộc
Trong màu cờ ngũ sắc phất phơ bay
Bóng dáng ngôi chùa trầm mặc mà bình yên chi lạ
Người về nương tựa vượt qua.
Này em! mùa xuân đến rồi đi,
Dòng đời không ngừng biến động
Lẽ vô thường từng khoáng khắc diệt sanh
Xuân dân tộc từng qua nhiều thử thách
Tết trận năm nào hiển hách chiến công
Miếu đền thiêng con cháu Lạc Hồng .
Về đây em! trẩy hội non sông
Một sớm mùa xuân hoa trắng nở tràn đồng
Lòng tưởng nhớ về tảo mộ tô tông
Mùa xuân ơi!
Mãi mãi muôn đời mà vẫn thanh tân.

MÙA XUÂN SON SẮC VĨNH HẰNG

Tuyết
Phơ phất
trắng cung trời
Lòng lay lắt lăm
nhớ người viễn phương!
Rộn ràng
Tết ở cố hương
Mình còn lã đẵng dặm trường mãi mê.
Mười ngàn dặm vẫn chưa hề
Tâm tư vẫn nhớ bốn bề xuân xưa
Bao giờ mình lại đón đưa?
Bao giờ người hồi
Xin thưa bao giờ?
Ngoại quan đâu dám hững hờ
Vẫn luôn thao thức có ngờ chi chẳng?
Mùa xuân son sắc vĩnh hằng
Năm rồi năm
vẫn dải đàng đôi nơi.
Mình xa
Góc bể chân trời
Nhớ mùa xuân
nhấn
một lời nước non
Mai vàng
Pháo đỏ
Gót son
Em vui trẩy hội giữa con đường này.
Đất trời ngan ngát hương bay
Mình mơ một sớm xuân say hội làng
Sân chùa phảng phất khói nhang
Bên đình hát bội rộn ràng biết bao.
Em xinh má đỏ hoa đào
Lúng la lung liếng nói chào người đứng
Mùa xuân có quận tưng bừng
Mặc đời dâu bể chưa từng nhạt phai
Một mai em nhé
một mai!
Mình về tết
lại cầm tay
xuân thì

THỜI GIAN-Ý THỨC

Thích nữ Tịnh Quang

TƯ TƯỞNG PHẬT HỌC

Trước hết, thời gian vật lý là khách quan và tồn tại bên ngoài tâm trí con người và là một phần của thế giới tự nhiên, thứ hai, thời gian tâm lý chủ quan và có sự tồn tại phụ thuộc vào ý thức.

Thời gian không có hình thái nhưng thời gian cũng là hiện tượng. Các hiện tượng được xác lập bởi ý thức nên thời gian cũng được cho là hiện hữu. Các nhà Triết học đương đại đều thống nhất quan điểm về hai tính năng của thời gian: Thời gian vật lý (những hiện tượng xảy ra trong thế giới tự nhiên) không qua sự tham dự của ý thức và thời gian tâm lý (thời gian của ý thức). Bergson (Triết gia ảnh hưởng tư tưởng Phật giáo) cho rằng thời gian phụ thuộc vào ý thức, nó chỉ tồn tại trong ký ức của chúng ta, thời gian là sự vận hành và tạo tác chứ không gì khác (Time is invention and nothing else Henri Bergson).

Theo định nghĩa của khoa học hiện đại, thời gian trong một giây trôi qua trong 9.192.631.770 sự tuần hoàn của bức xạ được phóng ra bởi sự chuyển đổi giữa hai cấp độ của nguyên tử Caesium 133. Điều này có thể tương đương với nhất 'Sát-na' (khoảnh kṣaṇa / 刹那) của Phật giáo.

Thời gian đơn giản là có thể phát hiện, và có thể thay đổi đo lường được (trong vũ trụ). Để đo bất cứ điều gì bạn phải có điểm khởi đầu, hoặc là zero, và điểm bạn đang đo. Nếu không có sự thay đổi ở bất cứ đâu trong một hệ thống, không có sự khác biệt giữa điểm bắt đầu tùy thuộc và bất kỳ điểm nào khác thì không có cách nào để đo thời gian. Hãy nhớ từ Toán học và Vật lý rằng Delta t, là sự thay đổi theo thời gian. Vì vậy, nếu Delta t = 0, thì sự giải phương trình thời gian (t), bạn có được t = 0. Vì vậy, nếu không có thay đổi, không có thời gian để có thể đo lường.

Như thế cấu trúc của con người dễ thấy sự thay đổi và tan rã. Thời gian và sự tồn tại vật chất chỉ là một thể giới tạm như một khúc dạo đầu cho trải nghiệm bất tận về cuộc sống vĩnh cửu.

Triết gia Immanuel Kant và Gottfried Leibniz (đồng quan điểm Phật giáo) cho

rằng thời gian không đề cập đến bất kỳ loại 'vật chứa' nào mà các sự kiện và vật thể 'đi qua', cũng không phải bất kỳ thực thể nào 'trôi chảy' mà đó là một phần của cấu trúc trí tuệ cơ bản (cùng với không gian và số) mà chính con người sắp xếp và so sánh các sự kiện. Như thế, thời gian không phải là một sự kiện cũng không phải là một điều, và do đó, bản thân nó không thể đo lường được và cũng không thể di chuyển được. Và vì không thể xác định và di chuyển, dĩ nhiên thời gian chính là Ý thức.

Các sự kiện xảy ra xung quanh chúng ta hay trên thế giới, hay chỉ là những suy nghĩ chúng ta có, dường như được sắp xếp theo một cách nào đó. Một cái luôn xảy ra sau cái kia. Một số sự kiện dường như xảy ra cùng một lúc nhưng hầu hết chúng ta có thể





sắp xếp rõ ràng những gì chúng ta có thể gọi là chuỗi sự kiện nhân quả. Tất cả các sự kiện bị ảnh hưởng trực tiếp hoặc gián tiếp bởi sự kiện A mà chúng ta nói là trong tương lai A. Tất cả các sự kiện đã ảnh hưởng trực tiếp hoặc gián tiếp đến A được cho là trong quá khứ của nó. Đối với tất cả những gì chúng ta biết, các sự kiện không thể là cả trong quá khứ và tương lai của một sự kiện khác. Nhân quả dường như tạo thành một chuỗi. Thật ý nghĩa khi gắn nhãn các sự kiện trong chuỗi nhân quả bằng các con số, trong đó một sự kiện nằm trong tương lai của một sự kiện khác sẽ có số lượng cao hơn. Số ghi nhãn này chúng ta gọi thời gian; thời gian của sự kiện này đồng thời với nhiều sự kiện khác.

Và Làm thế nào chúng ta phân biệt được nguyên nhân và kết quả? Phân biệt quá khứ với tương lai? Điều gì xác định hướng của thời gian? Một câu trả lời của các nhà vật lý điển hình sẽ là quy luật thứ hai của nhiệt động lực (the second law of thermodynamics), điều này dĩ nhiên là bị cắt ngắn, chưa được giải quyết, nhưng nó rõ ràng có liên quan đến sự không thể đảo ngược của một số sự cố. Ví như một số thủy tinh có thể rơi xuống đất và vỡ tan nhưng chúng ta (hầu như) sẽ không bao giờ quan sát được một loạt các mảnh vỡ nổi lên từ mặt đất tự lắp ráp thành một tấm kính. Điều này có thể được kết nối với dòng thông tin trong các quy trình ngẫu nhiên, nhà toán học gọi đó là quá trình lọc tự nhiên của không gian xác suất của một quá trình ngẫu nhiên, hay là quá trình 'vô ký' của Ý thức.

Sự liên quan đến thời gian là không gian tiến triển hoặc dường như tiến triển. Chúng ta có một khái niệm nào đó về 'nhanh' và 'chậm', nhưng nó xuất phát từ đâu? Để hiểu điều này, người ta phải xác định một cách để đo thời gian bằng cách sử dụng đồng hồ. Một cái đồng hồ là làm những gì tương tự lặp đi lặp lại hoài. Chúng ta gọi

hai đồng hồ là 'đồng bộ hóa', khi các tỷ lệ tương đối mà thao tác thực hiện công việc của chúng (tích tắc) là giống nhau cùng một thời gian. Bây giờ chúng ta thấy rằng thế giới có rất nhiều đồng hồ được đồng bộ hóa, bao gồm cả cơ thể của chúng ta, đó là nơi mà khái niệm của chúng ta về tốc độ di chuyển bắt nguồn.

Nếu đem con người so sánh với đá, dĩ nhiên đá sống lâu hơn con người, đá vốn là tử vật, còn chúng ta là hoạt vật nên có sinh diệt tương tục. Nếu tàng thức (A-lại-gia) không tiếp nhận chủng tử, sự hoạt động của năm ấm lập tức bị đình chỉ, không có dấu hiệu của sinh mạng, sắc thân chỉ giống như hư vọng.

Ngũ uẩn giống như cơ khí nhơn, đều là do thức A-lại-gia khống chế. Nếu như kho dự trữ của tàng thức không có tài nguyên và nhiên liệu luôn luôn cung ứng thì cơ chế vận chuyển sẽ đình chỉ. Nếu công tắc của dòng điện ý căn không kích hoạt, nguồn tài liệu cũng không thể vận chuyển đến cơ thể, thân năm ấm không thể vận hành.

Sắc thân không khác gì hư vọng, không có một điểm chân thật tính, sự tồn tại của hiện tượng chỉ dưới con mắt bệnh, mê hoặc nhân tâm mà thôi. Nên thời gian là ý thức, nếu rõ được được như thế là rõ được thời gian.

Chúng ta sống trong thế giới của ý thức, hẳn nhiên, thời gian được xác lập bởi ý thức. Trong các kinh văn Phật giáo, thời gian được nhắc đến song song với các khái niệm đối với hiện tượng thay đổi. Hiện tượng hằng chuyển (tạm gọi là vô thường) và tâm hành trên sự chuyển động của hiện tượng đó, và 'khổ' coi như xuất hiện: "chấp trước (các hiện tượng) là gốc rễ của khổ đau" (upadhi dukkhassa mūlanti_Majjhima Nikāya/Devadaha Vagga).

Phật giáo cho rằng nếu không có duyên khởi (ngã+pháp), sẽ không có khái niệm về thời gian. Nhân duyên liên quan đến thời gian chứng minh điều kiện không ổn định và hay thay đổi của sự vật (由假說我法有種種相轉_唯識三十頌); như thế, thời gian không tồn tại riêng biệt với những điều kiện độc lập, thời gian chỉ là một khái niệm được phát minh bởi ý thức từ việc cảm nhận quá trình trở thành của các pháp. Từ kinh nghiệm của ý thức, chúng ta cho rằng có sự tồn tại của thời gian thực sự. Theo Abhidhamma (Narada Maha Thera), thời gian là khi một ý thức (niệm) của chúng ta sinh khởi đi qua ba giai đoạn, giai đoạn đầu tiên được gọi là sự xuất hiện hoặc nguồn gốc (uppada), giai đoạn thứ hai là sự thay đổi hoặc phát triển (thiti) và giai đoạn cuối cùng là chấm dứt hoặc giải thể (bhanga). Thời



gian là một ý thức được theo sau bởi một ý thức khác. Quá khứ đã biến mất; tương lai vẫn chưa đến; ý thức, sự vật chưa bao giờ đứng yên nên không có quá khứ, hiện tại và tương lai (过去心不可得现在心不可得未来心不可得_金刚经) ngoài sự tồn tại của khái niệm khoảnh khắc thời gian, khoảnh khắc đang trở thành.

Như thế, khái niệm ở trên dòng chảy của thời gian liên tục nên nó không thực thể. Con nước trước và con nước sau không phải một. Chấp rằng khái niệm, quan điểm của 'tôi' hay dính tới 'tôi' là một nhận thức sai lầm về thực tại thời gian; Phật nói: người chấp trước đối với tri giác và quan điểm, là kẻ cứ lang thang trong thế gian mãi tạo nên những sai lầm (Saññaca ditthiñca ye aggahesum Te ghaṭṭayantā vicaranti loketi_Magandiya Sutta). Trên dòng chảy thời gian, nếu chúng ta không gác những tri giác và quan điểm, những kinh nghiệm cá nhân tham gia, chỉ đứng bên ngoài 'chiếu kiến' hiện tượng một cách khách quan, chúng ta mới có khả năng trải nghiệm trực tiếp

với thời lượng ở nơi trực quan sinh động liên tục của không gian. Nơi căn thân khí giới, đối với thanh sắc, cảnh tượng mà không làm chấp, phân biệt thì tất cả đều là không hoa thủy nguyệt, sao có thể phiền não vì chúng (根身器界一切镜相,皆是空花水月,迷著计较,徒增烦恼_六祖神奇预言).

Thời gian tồn tại như một trật tự khi chúng ta thấy năm tháng, chu kỳ sinh lão bệnh tử... như là thời gian thực hữu, nhưng cái mà ta gọi là 'hiện tại (món quà) ta có' là ở trong quá khứ của ta và trong tương lai của ta. Trong quá khứ của ta, bởi vì khoảnh khắc mà ta đang nói đã xa ta (chuyển động); trong tương lai của ta, bởi vì khoảnh khắc này đang diễn ra trong tương lai; đó là tương lai mà ta đang có, và ta có thể khắc phục hiện tại không thể phân chia được; yếu tố vô cùng của đường cong samsara thời gian, đó là hướng của tương lai nó sẽ chỉ ra. Như thế, thời gian mà chúng ta đang nói, đang có thực sự nó không có ở bây giờ, nó là thể tính của quá khứ và đi về tương lai, nên sự giải thoát thực sự chính là không trụ, không trụ ở hiện tượng, không trụ

ở ý thức mới có thể nhận ra được rằng vạn pháp vốn là thể tánh nhất như (依無住本, 立一切法無住之本本乎無住, 若能徹住則萬法一如_佛果園悟真覺禪師心要). Thể tánh của thời gian là nhất như, như thế, không thể qua lăng kính ý thức vắn vẹo, chấp trước, sở hữu, xác định đối với ba thời rồi phát sinh khổ lạc. Kinh ghi: "Ai đối với quá khứ, hiện tại, và vị lai mà không đắm không chấp thì ta gọi là Brahmin-Người cao thượng (yassa pure ca paccha ca majjhe ca natthi kibcanaj, akibcanaj anadanaj tam ahaj brumi brahmanaj_DP 421).

Pháp giới được tạo nên bởi tư tưởng (应观法界性, 一切惟心造_華嚴經). Trong pháp giới mà không khởi động niệm khi kiến sắc văn thính, đó là người không bị sự chi phối của thời gian. Khi ý thức được tập trung, thuần tịnh, sự trống rỗng của ý niệm như cánh đồng quang đãng trong một đêm trăng sáng, chúng ta có thể thấy rõ ánh trắng tâm vốn chưa hề bị tác động của trần cảnh và thời gian chi phối, chỉ một vắng thanh tịnh (一切众生皆自空寂, 真心无, 本来自性清淨_禪源諸詮).

Thích nữ Tịnh Quang



XUÂN TÂN SỬU

*Giã từ Canh Tý đón Xuân sang
Tân Sửu mong sao thắm đẹp nhàn
Dịch họa mau qua trời nắng ấm
Tai ương chóng hết cửa nhà an
Nơi nơi cảnh vật tươi màu sống
Chốn chốn nhân sinh nhuận phúc ân
Kinh tế vươn lên đời sáng đẹp
Thanh bình thịnh trị mở thêm trang.*

thơ

TRÚC NGUYÊN THÍCH CHÚC HIỀN

(cảm đề, California, 8-12-2021)



Vô thường và thường qua bài kệ Cáo Tật Thị Chúng

THÍCH NỮ AN TRÍ

VĂN HỌC / NGHỆ THUẬT

Bài thơ Ngài phú chúc cho môn đồ trước giờ thị tịch là bài học lớn cho chúng ta về tinh thần giác ngộ của Đạo Phật, về lẽ sống vô thường của con người và cảnh giới chung quanh. Đồng thời, Ngài cũng biểu thị cho đệ tử thấy rõ giá trị của kiếp người hoàn thiện với đầy đủ ý nghĩa sống phụng sự an lạc, lợi ích cho quần sanh đến hơi thở cuối cùng, đem ánh sáng Chân-Thiện-Mỹ truyền đạt, chuyển hóa, ý thức trước cuộc sống nhân sinh.

Dòng đời luôn trôi chảy mãi, những gì đã qua đi không bao giờ trở lại, trên dòng sông miền mạn bất tận đó con người luôn đối diện với hoàn cảnh mới mẻ. Quá khứ là những gì đã qua làm cho con người nuôi tiếc nhớ thương, vị lai là những ảo tưởng mơ hồ. Còn hiện tại là cái ngăn ngại nhất mà con người luôn bỏ quên vì mãi tìm cầu ở tương lai hay tiếc thương cho quá khứ. Chúng ta không biết rằng hoàn cảnh xung quanh ta luôn thay đổi từng sát-na. Trăng tròn rồi khuyết, hoa nở rồi tàn. Có cuộc hội ngộ nào mà không có sự chia tay? Mỗi nhịp tim lên xuống đều liên quan đến sự hiện thành và tiêu tán của kiếp người mà sự sống chết chỉ là sương mờ giữa bình minh rạng rỡ. Nhận chân cuộc đời là vô thường huyền hóa tạm bợ, Mãn Giác Thiền sư đã khai thác toàn diện luật vô thường để đề ra một quan niệm sống, một ý chí hành động trước sự thịnh suy của cuộc đời qua thi kệ "Cáo Tật Thị Chúng".

*"Xuân đi trăm hoa rụng,
Xuân đến trăm hoa cười,
Trước mắt việc đi mãi,
Trên đầu già đến rồi.
Chớ bảo Xuân tàn hoa rụng hết,
Đêm qua sân trước một cảnh Mai".*

Bằng một phong thái an nhiên tự tại, vừa Thiền sư, vừa thi nhân, với một cảnh mai, một mùa Xuân, một mái đầu, Thiền sư đã cho chúng ta thấy sự đến, đi và trở lại của con người trước sự sống, cái chết, vô thường và thường vốn không hai.

*"Xuân đi trăm hoa rụng
Xuân đến trăm hoa cười".*

Xuân đến, xuân đi theo luật tuần hoàn của vũ trụ. Xuân có một, nhưng tùy quan niệm, tâm tư, hoàn cảnh, hay nói chung, tùy nghiệp thức của mỗi người mà cảm nhận về Xuân khác nhau. Theo thường tình của thể nhân, có kẻ vui mừng hờ hờ khi tết đến xuân sang, cũng có người lo sợ tiếc nuối lúc xuân tàn:

*"Xuân đang tới nghĩa là
xuân đang qua
Xuân còn non nghĩa là xuân*

sẽ già

Và xuân hết nghĩa là tôi cũng mất".

(Xuân Diệu)

Hoặc thất vọng u sầu khi nghĩ đến xuân:

"Tôi có chờ đâu có đợi đâu

Mang chi xuân đến gợi thêm sầu?"

(Chế Lan Viên)

Với tâm hồn nhạy bén, chứng kiến cảnh đổi thay của vạn vật, những thi sĩ đa sầu đa cảm thường than thở xót thương cho số kiếp phù du của muôn loài.

Trái lại, dưới mắt Thiền sư, cõi lòng đã rũ sạch cỏ, không và mặc nhiên với thị phi, nhân ngã, các Ngài nhìn mùa xuân với hương tâm trí tuệ. Đối với các Thiền sư, mùa Xuân là miên viễn, là hằng hữu giữa lòng thực tại. Chân Không Thiền sư đã có một mùa xuân đại thể sống động đánh thức chúng ta:

"Xuân đi cứ ngỡ xuân tàn

Hoa dù nở rụng tiết xuân vẫn là".

(Thơ văn Lý Trần tập 1, trang 302)



Mùa xuân không đến không đi nếu cõi lòng chúng ta gột sạch những nỗi phiền. Ngược lại, nếu cuộc sống nội tâm chúng ta chưa trong sạch, cái nhìn chưa thấu đáo, và sự hiểu biết còn điên đảo ngược xuôi thì chúng ta sống bất an trong từng ngày, từng giờ, thì làm sao có được một mùa xuân miên viễn? Cho nên, muốn có một mùa xuân miên viễn xinh đẹp thì chúng ta phải luôn phản chiếu lại với chính mình và thật sự giác ngộ. Vì chỉ có giác ngộ chúng ta mới an hưởng một mùa xuân an lạc. Chỉ có trí tuệ giác ngộ mới khai thác và mở được cánh cửa bí ẩn của mùa xuân mà vua Trần Nhân Tông đã bộc lộ:

*“Thuở bé chưa từng rõ sắc không
Xuân về hoa nở rộn trong lòng
Chúa xuân nay bị ta khám phá
Trái chiếu giường thiền ngấm mặt
hồng”.*

(Thơ văn Lý Trần, tập 2 trang 463).

Khi chúng ta đã tìm hiểu rõ ràng những bí ẩn của nàng Xuân và tâm chúng ta lắng dịu những vọng tưởng lao xao của ngã chấp, lúc ấy chúng ta sẽ dạo lên khúc nhạc Thiền để cùng các Thiền sư vui bước song hành đón một mùa xuân miên viễn.

*“Trước mắt việc đi mãi
Trên đầu già đến rồi”.*

Trong cuộc sống, con người thường dễ bị chi phối mất định hướng, chao đảo, sợ hãi trước những quy luật của vô thường. Bởi vì trên thế gian này có ai dám bảo đảm là mình trẻ mãi không già, mạnh hoài không đau, sống hoài không chết? Điều đó là không. Bởi vì ngay cả khoa học cũng phải công nhận rằng trong một giờ đồng hồ có hàng ngàn tế bào trong thân người bị hủy diệt và đồng thời sanh trưởng. Qua sự đào thải của các tế bào đã đưa chúng ta từ trẻ đến già, từ già đến chết.

Trong KINH LĂNG NGHIÊM có một đoạn Đức Phật hỏi vua Ba Tư Nặc về lẽ sống chết. Vua bạch với Đức Phật rằng:

- Bạch Đức Thế Tôn! Cái thân vô thường của con đây tuy chưa chết, nhưng hiện tiền nó tàn tạ dần, tàn tạ trong từng ngày, từng giờ, từng phút, từng giây, từng sát-na một, khác nào như lửa đốt thành tro, cháy dần cho đến phút tiêu tàn.

Thậm chí, thân mạng con người chỉ vòn vẹn trong một hơi thở ra vào, nếu một hơi thở ra mà không trở lại thì ngàn năm vĩnh biệt. Trong KHÓA HƯ LỤC, vua Trần Thái Tông đã nói:

*“Xuất tức nan kỳ nhập tức
Kim triều bất bảo lai triều”.*

Nghĩa là : “Thở ra khó mong hít vào, sống ngày nay khó bảo đảm được ngày mai”.

Vì biết rõ điều này cho nên Mãn Giác



Thiền sư đã chọn thời tiết nhân duyên hợp lý nhất là lúc mình bệnh và sắp từ biệt cuộc đời để chỉ bày giáo hóa môn nhân. Đối với người học Phật, sự sanh tử là lẽ thường. Con người sanh ra có sống rồi chết là quy luật tất yếu. Nhưng trong cái thân vô thường này lại tiềm ẩn cái toàn tịnh toàn chơn. Cho nên hai câu cuối của bài thơ Ngài đã nói:

*“Chớ bảo xuân tàn hoa rụng hết
Đêm qua sân trước một cành Mai”.*

Cành Mai nở vũng vàng an nhiên thanh tịnh trong đêm đông giá rét là biểu lộ chơn tâm thường trú, nó đứng ngoài sanh diệt lục thức. Cành mai lộng lẫy giữa đêm trường giá lạnh nhắc cho ta cái pháp thân Phật tánh thanh tịnh đứng ngoài mọi khái niệm không gian và thời gian. Cho nên hôm nay, ngày mai, sống hay chết, sanh hay diệt v.v... đều ứng hợp với nguyên lý tất định, đâu khác gì một làn khói lung linh mờ ảo, chẳng đáng để cho ta lưu tâm. Nếu chỉ duyên niệm vui buồn xuất hiện thì dòng sông phẳng lặng kia bắt đầu gợn sóng.

Do đó, sống là phải biết đưng niệm hiện tiền, không bị cảnh làm nhiễm, cũng không bị âm thanh sắc tướng dẫn nhập, thì dòng sông tâm tưởng muôn đời là dòng sông bất tuyệt. Ngài đã đánh tiếng chuông cảnh tỉnh cho những ai còn chìm đắm trong cảnh đời ảo mộng để rồi nhận chịu dòng sanh tử niệm niệm chuyển lưu. Do vậy khi niệm khởi biết là huyền, tùy pháp huyền mà làm thì không bị nó trôi buộc. Nhận rõ chân tướng nhất như của tướng duyên sanh vô ngã cho nên không sợ hãi trước mọi biến động, mọi tình huống, mà luôn giữ được trạng thái an nhiên tự tại. Muốn được vậy thì phải có thiền định quán sát, vận dụng trí tuệ chơn chánh để không rơi vào thế gian trí; vì trí thế gian không lý giải nổi thật tướng của các pháp nên sanh ra vọng tưởng điên đảo. Khi tâm trí ta không còn chi phối bởi những dao động trước các pháp, thì lúc ấy ta đã nắm vững nguyên lý “thực tại tuệ giác”. Nhận thấy rằng tự tánh của ta và vạn pháp vốn rất trong sáng, vắng lặng hồn nhiên và dung thông tất

cả. Tất cả đều trôi chảy, chẳng có gì ngưng đọng để ta phải bám víu ngập ngừng. Nó như một dòng sông mà ta phải hòa mình vào để lắng nghe từ bên trong nhịp sống đang trôi chảy không cùng. Nếu ai biết trở về với nguồn sống nơi mình thì có thể hóa giải được tất cả mọi ràng buộc, khổ đau. Phải nhìn thấy rằng: Sóng phiến não của tâm thức chẳng phút giây nào ngưng nghỉ, nó cuốn trôi viên bảo châu vô giá của chúng ta và đẩy tất cả vào biển sanh tử. Do vậy chúng ta phải thấy được thật tướng của các pháp, để từ đó không còn chấp đắm vào cảnh duyên bên ngoài, vượt ra những vọng cầu sở chấp. Những ý niệm sanh diệt không còn trong tâm thức thì đạt được trạng thái chơn thường, chơn lạc. Vì thế mà cuộc sống, đối với cái nhìn của Thiên sư tự nhiên đầu vào đây. Ví như: "Muôn sao hướng Bắc, nước về Đông", không có gì phải bận lòng. Trạng thái nhất tâm ở điểm cao là sự trở về với cái sống toàn diện cho chính mình. Vấn đề đáng nói là việc loại trừ những tạp loạn đã len vào địa hạt tâm linh. Đó là tinh thần chủ đạo đúng pháp, từ hiện tượng để tìm về bản thể, từ sự tướng để tìm về lý tánh, từ những sinh hoạt hữu hình tìm về an trú cõi tâm linh.

Tóm lại, bài thơ Ngài phú chúc cho môn đồ trước giờ tịch là bài học lớn cho chúng ta về tinh thần giác ngộ của Đạo Phật, về lẽ sống vô thường của con người và cảnh giới chung quanh. Đồng thời, Ngài cũng biểu thị cho đệ tử thấy rõ giá trị của kiếp người hoàn thiện với đầy đủ ý nghĩa sống phụng sự an lạc, lợi ích cho quần sanh đến hơi thở cuối cùng, đem ánh sáng Chân-Thiện-Mỹ truyền đạt, chuyển hóa, ý thức trước cuộc sống nhân sinh:

*"Vạn pháp bởi duy tâm
Vọng trần nên thức biến
Ngộ đạt lý vô thường
Bồ - để chơn thị hiện".*

XUÂN SỚM

*Chim kêu riu rít đỉnh màn
Gà tranh giọng gáy dậy vang xóm làng
Non xanh phủ khắp xuân sang
Hoa nào khai nhụy hương ngàn ngát bay
Am tranh chẳng khép xưa nay
Mây chen hương tỏa xuân lay giấc nồng
Á em đã đến tận trong
Khe sâu biển vắng một lòng đầy xuân.*

thơ LÃNG NGUYỆT



Truyện cực ngắn

STEVEN N.

VĂN HỌC / NGHỆ THUẬT



TẾT PHƯƠNG NGOẠI

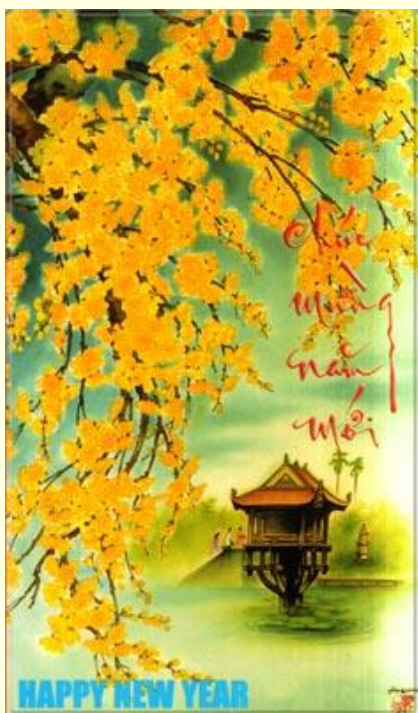
Trời rét căm căm, nước đóng băng, tuyết bay lất phất, chạnh điện nhỏ và không đủ ấm nhưng Phật tử vẫn tề tựu đông đủ. Thầy cầm nén nhang định ra sân tế trời đất trước giờ giao thừa, đệ tử thấy vậy nói:

- Sự phụ già rồi, trời lạnh lắm, để con làm cho!

Thầy cười hiền từ:

- Thầy còn làm được, khi nào làm không nổi thì lúc ấy con thay thầy.

Phật tử cảm động, nhiều người trìu mến nhìn theo, đúng mười hai giờ, pháo nổ đi đùng, mọi người lễ Phật và tưởng nhớ về tổ tiên cố thổ, cũng có Phật tử xin chữ, hái



lộc. Thầy bày trang giấy hồng khai bút:

*Đêm ba mươi sư phụ
niêm hương bạch Phật cáo
yết tôn sư tế tổ tiên trời đất*

*Sáng mồng một đệ tử
phát lộc đồng hương liễu tri
đại chúng tưởng dân tộc
quốc gia.*

BA CỤ

Chùa mới lập chừng hai mươi năm, vốn là ngôi nhà nhỏ sửa lại làm chùa. Thầy nhiệt tâm gây dựng và hoằng pháp, Phật tử cũng phát tâm hộ trì Tam Bảo. Chùa có ba Phật tử lớn tuổi nhưng luôn luôn hăng hái trong việc tu học cũng như công quả, thầy tán thán và thường lấy đó làm gương cho mọi người:

- Đời người ngắn ngủi, thế sự vô thường, quý Phật tử nên tranh thủ tu học để tạo tư lương, nếu lỡ có bề gì thì ra đi cũng có chút phước huệ.

Tuy cùng là đi chùa nhưng cũng có những Phật tử cứ mang những việc sân si mê muội tử chính trị xã hội vào chùa, gây thị phi không ít. Thầy nhẹ nhàng khuyên:

- Quý Phật tử cẩn thận, đừng để sân si bào mòn phước huệ.

Ngày Tết cổ truyền lại về, miền ôn đới xa xôi vọng về cố quận, thầy viết câu đối khuyến tấn đại chúng:

*Cụ thiện đức cụ pháp
hành cụ nhị nghiêm tứ cụ đa
viên mãn*

*Thiếu thị phi thiếu giải đãi
thiếu tam độc ngũ thiếu đại
cát tường.*

TA DIỆT CON TA

Hai đoàn quân đối địch xông vào chém giết lẫn nhau, sát khí ngút trời, bên nào cũng cho mình chính nghĩa và phải tiêu diệt cho bằng được bên kia. Giờ hưu chiến, tướng sĩ bên này khẩn cầu:

- Chúng con lâm trận, sống chết trong phút giây, cầu xin thượng đế ban phước lành bảo hộ chúng con, cho chúng con thêm sức mạnh để tiêu diệt quân thù.

Cũng thời gian ấy, quan binh bên kia khẩn nguyện:

- Thượng đế vĩ đại toàn năng, chúng con đang chiến đấu với kẻ thù, xin ngài giúp chúng con tiêu diệt bọn chúng.

Lời cầu nguyện của hai bên bay cao bay xa, thượng đế buồn rầu bảo với các thiên thần:

- Hai bên đang say máu tàn sát lẫn nhau, con của ta xin ta giúp tiêu diệt những đứa con của ta! Ôi những đứa con điên đảo vô minh.

SĨ

Sau khi in vài cuốn sách, bạn bè chúc mừng y thành thi sĩ hay văn sĩ chỉ đó. Y vẫn ngờ nghệch như thằng ban khi, vợ y thì cười cười:

- Người ta làm bác sĩ, nha sĩ, ca sĩ, nghị sĩ... vợ con nở mặt nở mày, ông làm thi sĩ chỉ tổ toi cơm lại còn thêm

ân oán với đời!

Y không tranh cãi với vợ,
lặng lẽ bỏ đi, miệng lầu bầu:

- Sĩ gì thì sĩ, quan trọng phải có liêm sĩ, cho dù có là nhân sĩ, du sĩ, trảng sĩ, quân sĩ, kẻ sĩ, xuất sĩ, tu sĩ... thậm chí liệt sĩ, tử sĩ.

Đêm về khuya, y ngủ mê nói sảng:

- Thi sĩ, văn sĩ tuy phù phiếm nhưng bọn ấy cũng có kẻ để lại cho đời những giòong chữ hay, lưu lại ngày sau. Bọn sĩ kia tuy danh cao lộc lớn nhưng liệu có chi để lại cho đời.

Sáng ra y đọc thấy mảnh giấy vợ để trên bàn:

Hàn sĩ nằm mơ giữa ban ngày

Bất tài vô tướng ngỡ rằng hay

Thiên hạ trăm nghề sao chẳng chọn

Chữ nghĩa mà chi khổn lắm thay!

BẰNG GIẢ

Gần cuối năm, những tưởng Tết này chơi lớn, nào ngờ các quan bị một võ to. Kẻ nào đó ghen ăn tức ở tung hô lên: "Cả ngàn cái bằng giả được cấp bởi đại học..." Triều đình lúng túng không biết xử lý ra sao, dân chúng thì chẳng ngạc nhiên, bọn họ vẫn kháo nhau: "Các quan mua đủ thứ ấy mà, mua ghế, mua danh, mua tước, mua dâm, mua đường, mua án... giờ mua bằng cũng chẳng có gì lạ!" Kẻ khác lại cười ruồi: "Tểu thế, sao chỉ có ngàn? Phải nhân lên vài mươi lần như thế mới phải." Một vị làm lớn có lẽ còn chút lương tâm nhưng nhanh nhẩu đoán:

- Phải nghiêm trị, phải trong sạch hoá quan lại, nhất định phải công khai tên người mua bằng!

Sau khi tuyên bố lời ấy, chừng non tháng thì thiên hạ thấy ông ta khăn gói lặng lẽ về vườn. Bấy giờ dân mạng mìa mai:



- Lời thật chơi bằng giả không thọt cũng què.

Đã thế người ta truyền nhau câu đối:

*Lộng giả thành chơn
ngôi cao lộc cự mua bằng
bám ghế*

*Hắc bạch bất minh đồng
cân đầu máu giả học leo
cao.*

KHÔNG NHỀ CHỈ BIẾT ĂN

Không biết vận hạn thế nào mà năm nay dân chúng điều đứng quá, thiên tai lẫn nhân tai hoành hành ghê gớm, nào là mưa bão, xả đập, xả hồ, đất lở, biển chết, sông khô, ô nhiễm cả đất trời... Dân các nơi thương đồng loại, tự động đứng ra quyên góp cứu trợ. Nhiều ông lớn ở triều đình thấy thế toan tính ra luật cấm dân làm từ thiện, một vị đập bàn quát:

- Cấm, cấm ngặt! Chúng nó bơi gio trát trấu vào mặt triều đình, chả nhẽ triều đình chỉ biết ăn mà không biết làm à?

Sở tiền dân quyên góp lớn quá, động lòng không ít kẻ quyền thế. Một bà làm to trên bộ cười nhạt:

- Tiền quyên góp nhiều quá, nhưng liệu có biết quản lý không? Hãy giao cho bộ của tôi, để chúng tôi lo.

Dân chúng lẫn dân mạng cười sảng sặc:

- Giao trúng cho ác à?

Sau nghe dân mạng đồn đại, ông kẹ ấy nói nhỏ

với bà chẳng: "Nhìn chúng phen này, kéo chúng lôi thêm tích hậu trường ra thì chết bỏ bu."

ĐƯỜNG NÀO CŨNG VỀ PHỐ WALL

Thời dịch bệnh lan tràn, xã hội đình đốn, kinh tế suy thoái, nghề Nails cũng ngất ngư con tàu luôn. Dân nails dạo này đổ xô đi học và chơi chứng khoán, khổ nổi tiếng Anh không rành, tin tức kinh tế - xã hội không nhạy bén, hiểu biết thị trường không bao nhiêu... vì vậy cứ mười người chơi thì hết tám người thua. Mồ lăm bầm một mình:

- Đừng thấy người ta ăn khoai mà vác mai đi đào!

Bạn mồ cũng chơi chứng khoán, không biết y có trúng mảnh gì không mà mặt mày rất tỉnh, nói như thánh phán:

- Muốn chơi chứng khoán thì phải thường xuyên theo dõi tin tức tài chánh, kinh tế, chính trị... cập nhật giá cả từng phút, ấy là chưa nói đến vấn đề phải nhạy bén với việc làm giá của các công ty...

Mồ không góp ý, chẳng cãi đúng hay sai. Một hôm bạn bè xúm lại nhậu đồng đều, mồ từng từng nói:

- "Đường nào cũng về La Mã" xưa rồi điếm! Thời đại hôm nay thì: Đường nào cũng về phố Wall.

STEVEN N
Georgia, 01/2021

XE LÊN QUÁN ĐỐC

Xe lên quán đốc chiều sương,
Tà huy bóng ngã bên đường dặm cao.
Bốn bề hoang vắng cỏ lau,
Tre rìng nghiêng ngã một màu hoang sơ.

Xe dừng quán tối bơ vơ,
Đường trong mái chéch bóng mờ có ai?
Lão bà áo rách hai vai,
Vội vàng quạt bếp châm vại cành khô.

Chiều tàn lẳng xuống hư vô,
Cụ ơi áo rách đã bao tuổi đời?
Ngày xưa tan biển mất rồi,
Trên vai cụ đó kiếp người bao xa?

Cụ hâm cho bát nước trà,
Tôi ngồi ẩm dạ nhìn ra quãng đường.
Gập ghềnh quán đốc chiều sương,
Trong tôi hóa kiếp mùi hương giang hồ.

Cụ bảo tôi cứ ngồi chờ,
Dặm xa con cụ rìng sâu sắp về.
Góc nhà con muỗi vo ve,
Lão bà, con muỗi và tôi cùng chờ.

Quán nghèo gian tối xác xơ,
Cả ba cùng đói bếp tro than hồng.
Dặm xa se thắt đáy lòng,
Quê hương tôi đó bụi hồng tà huy.

Muôn phương giông ruổi tôi đi,
Dáng quê hương đó còn gì trong tôi?
Giang hồ thế đó kiếp người,
Chiều sương quán đốc hôm nay tôi về. Bỗng

nghe tiếng động bên hè,
Hình như con cụ đã về rìng sâu.
Củi khô một bó trên đầu,
Hóa ra thiếu phụ bạc màu áo thô.

Dắt theo đũa bé xanh xao,
Trên lưng một túi khoai đào còn dây.
Con đũa cho ngoại bọc khoai,
Đi vào chào bác, rửa khoai ngoại làm.

Trước nhà khe suối lom khom,
Bóng già nghiêng xuống lưng còm tóc sương.
Bơ vơ quán đốc bên đường,
Nghìn năm tuổi tác quê hương tôi gầy.

Vo ve con muỗi đầu dây,
Quanh tôi chỉ thấy thân gầy héo khô.
Ráng hồng rặng núi nhấp nhô,
Rừng tre trở gió rì rào sương tan.

Lấy que chơi lớp tro tàn,
Mặt người thiếu phụ lửa than ánh hồng.
Tóc mai ướt đầm sương rìng,
Mồ hôi đọng lại trên lưng áo mòn.

Lão bà bước đến lom khom,
Vùi trong bếp lửa tro tàn mớ khoai.
Hai người ngoảnh lại nhìn tôi.
Trong gian nhà tối bốn người nhìn nhau.

Đũa bé hai mắt thụt sâu,
Chiếc khăn rách nát quần đầu rét run.
Bếp hồng tí tách lửa than,
Quanh tôi chiều xuống bạt ngàn sương đêm.

Lão bà bới lớp tro đen,
Khoai vùi cụ gắp lên bàn cho tôi.
Đôi lòng ghen củ khoai bùi,
Thế rồi nước mắt tình tôi hai dòng.



Tranh Hoang Phong

thơ

HOANG PHONG

Bùi Giáng: Cái Được Thấy Là Khổ Đé

NGUYỄN GIÁC



VĂN HỌC / NGHỆ THUẬT

Nhiều lời Đức Phật dạy trong kinh điển có thể được nhìn thấy qua nhà thơ Bùi Giáng.

Toàn thân Bùi Giáng chính là Khổ Đé hiển lộ qua cái được thấy. Tương tự, với Tập Đố.

Nụ cười của Bùi Giáng chính là Đạo Đố hiển lộ an lạc qua cái được thấy. Tương tự, với Diệt Đố.

Bùi Giáng đùa giỡn ca ngâm với lời lời ẩn nghĩa chính là điệu chỉ tâm không dính mắc của Kinh Kim Cang, hiển lộ qua cái được thấy và cái được nghe.

Bùi Giáng đi đứng nằm ngồi giữa phố như không một nơi để tới chính là điệu chỉ sống với cái Như Thị của Kinh Pháp Hoa, hiển lộ qua cách thõng tay vào chợ.

Bùi Giáng viết xuống chữ nghĩa xa lìa có/không, dốt bặt đúng/sai, để viết xuống là gửi vào tịch lặng bờ kia chính là điệu chỉ gương tâm rỗng rang của Bát Nhã Tâm Kinh.

Đó là hình ảnh nhà thơ Bùi Giáng trong tâm tôi nhiều thập niên qua.



Bùi Giáng là nhà thơ, là dịch giả, là nhà bình luận văn học. Ông sinh ngày 17 tháng 12/1926 tại huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam; từ trần ngày 7 tháng 10/1998 (thọ 71 tuổi) tại Sài Gòn. Như thế, vài tuần nữa là tròn hai mươi năm nhà thơ Bùi Giáng qua đời.

Bản thân tôi, khi còn là một cậu học trò lớp Đê Lục (bây giờ là lớp 7) đã say mê đọc Bùi Giáng. Tôi đọc đi đọc lại những cuốn Bùi Giáng viết về Bà Huyện Thanh Quan, về Chinh phụ ngâm và Quan Âm Thị Kính, về truyện Kiều và truyện Phan Trần, về Tản Đà Nguyễn Khắc Hiếu, về Chu Mạnh Trinh, và về một số người khác.

Trong đó, khi ra đề bài cho học sinh trung học, Bùi Giáng từng hỏi, thí dụ tương tự như (tôi chỉ nhớ lơ mờ, không nhớ chính xác): vào vườn Tao Đàn chơi, em sẽ nói gì nếu tình cờ gặp thi sĩ Chu Mạnh Trinh; nếu phải biện hộ cho Hoạn Thư về những hành vi đối với nàng Kiều, em sẽ nói gì... và vân vân.

Lúc đó, tôi hình dung rằng Bùi Giáng phải là một nhà giáo hàng ngày trang phục nghiêm túc, phải mang kính trắng, phải đi xe đạp hay xe mô-bi-lét, sáng đi chiều về tại một trường trung học nào đó ở Sài Gòn; hay, khác đi, hẳn phải là một nhà văn ngồi hàng ngày ở nhà xuất bản. Lúc đó, tôi muốn tìm mua hết các sách về văn học của Bùi Giáng, thế là nhiều lần tôi đi xe đạp tìm địa chỉ nhà xuất bản Tân Việt – lúc đó, ghi sau bìa sách giảng văn – nằm gần Tân Định trên đường Phan Đình Phùng (hay Phan Thanh Giản?), một con đường xuyên từ Chợ Lớn tới Tân Định. Lần nào đi ngang cũng thấy cửa đóng, mà trông không có vẻ gì như nhà xuất bản hay nhà in, chỉ nhìn như nhà dân thường, mà phải là giai cấp trung lưu trở lên.

Sau nhiều lần đi ngang, một lần tôi liều mạng, tới gõ cửa. Một người đàn ông mở cửa, nhìn tôi ngạc nhiên, nói rằng đây không phải nhà xuất bản nào hết, cũng không có thầy giáo nào tên Bùi Giáng trong nhà. Thế là cậu học trò lúi thủi, phóng lên xe đạp, biến mất với lòng thất vọng, tiếc là mình tới địa chỉ đó trễ mất nhiều năm. Và rồi nhiều năm sau, khi lên bậc Đại học, qua lại trong các sân trường Văn Khoa, Vạn Hạnh... gặp nhiều cuốn sách khó hơn, cả thơ và bình luận triết học, của Bùi Giáng, mới biết rằng ông là một nhà thơ bụi đời, ăn mặc dị thường, được nhiều người cho là điên, thường mang túi xách rách rưới y

hết truyện kể về Tế Điền Hòa Thượng, thường tới lui Đại học Vạn Hạnh và các sân chùa. Lòng tôi vẫn suy nghĩ rằng, một nhà bình giảng văn học cực kỳ sắc bén như ông, hiển nhiên từng dòng thơ không thể nào cạn cợt như người đời thường.

Một lần tới quán cà phê Năng Mới trước khuôn viên Đại Học Vạn Hạnh, tôi được các bạn chỉ một người đi lang thang trên đường Trương Minh Giảng và nói đó là nhà thơ Bùi Giáng.

Thế đó, ngó Bùi Giáng là thấy Khổ Để liền. Tôi nghĩ, hóa ra, Kinh Phật không khó hiểu tí nào.

Và rồi, ông mỉm cười với mấy tên sinh viên đang ngồi bên các ghế thấp hè phố. Thế đó, nụ cười Bùi Giáng đã hiển lộ Đạo Để, tràn ngập an lạc. Tôi nghĩ, không ngờ Kinh Phật được tuyên thuyết ngay giữa phố chợ như thế.

Niềm an lạc khi nhận ra Tứ Diệu Đế lúc đó lan khắp toàn thân của tôi, toàn thân mát rượi. Nhưng mình không hiểu hết mọi chuyện. Lúc đó, lại quay sang bàn chuyện học thi với các bạn. Nhiều thập niên sau, tôi mới từ từ nhận ra ba đời chư Phật không lìa đâu xa, ẩn nghĩa đang nằm ngay trong đời thường quanh mình. Thịnh thoảng, tôi lại tìm đọc thơ của ông, đôi khi lại vẽ ông. Và bây giờ, với lòng biết ơn, xin viết về ông.

*

Xin mời đọc toàn văn bài thơ sau trong thi tập Bài Ca Quần Đảo (1973) của Bùi Giáng, để thấy nửa đầu là Khổ/Tập Để, nửa sau là Diệt/Đạo Để:

Có lẽ (I)

*Người nằm ngủ thấy gì
Thấy rất nhiều nắng lạ
Những chùm bông rất xanh
Có lẽ bông là lá
Người nằm ngủ thấy gì
Chẳng thấy gì hết cả
Ngài thử nằm ngủ đi
Đừng hỏi gì hết cả*

Bài thơ trên có thể làm người học Phật giật mình, vì gợi nhớ một bài kinh. Bài thơ chia làm hai phần: phần đầu nói về giấc ngủ có mộng, thấy nắng, thấy hoa và lá; phần sau là giấc ngủ không mộng. Đức Phật có ít nhất hai bài kinh giải thích về giấc ngủ có mộng và không mộng.

Trong Kinh SN 10.8 (Sudatta Sutta), khi Sudatta hỏi Đức Phật ngủ đêm qua nơi vườn và được trả lời, bản Anh dịch Sujato, dịch như sau:

*A brahmin who is fully extinguished
always sleeps well.*

*Sensual pleasures slide off them,
they're cooled, free of attachments. (1)*

DỊCH:

*Một bậc phạm hạnh đã hoàn toàn tịch
diệt
luôn luôn ngủ ngon.
Niềm vui ái dục biến mất [trong tâm] rồi,
họ tịch lặng thanh lương, xa lìa mọi dính
mắc.*

Kể tiếp, tới Kinh AN 3.35 (Hatthaka Sutta), kể rằng lúc đó Đức Phật đang cư ngụ trong một vườn cây simsapa, dưới mặt đất là gập ghềnh dấu chân bò trong khi tuyết rơi, gió lạnh, Hoàng Tử Hatthaka xứ Alavi tới thăm, hỏi rằng Đức Phật có ngủ ngon không. Đức Phật nói rằng ngài ngủ ngon. Hatthaka thắc mắc rằng vì sao có thể ngủ ngon trong khi trời lạnh, mặt đất gồ ghề.

Đức Phật nói, bản dịch Bodhi, trích:

*He always sleeps well,
the brahmin who has attained nibbāna,
cooled off, without acquisitions,
not tainted by sensual pleasures.(2)*

DỊCH:

*Vị đó luôn luôn ngủ ngon,
bậc Phạm hạnh đã thành tựu Niết bàn
đã tịch lặng thanh lương, không còn gì
để tìm
và không nhiễm gì bởi niềm vui ái dục.*

Có phải Bùi Giáng luôn luôn ngủ ngon, ngay cả trên hè phố gập ghềnh? Chúng ta không rõ. Nhưng, bất kỳ ai trong cõi này cũng đều biết rằng không tỉnh cờ mà chúng ta có giấc ngủ không mộng. Phải tu ráo riết lắm, phải tu thậm thâm lắm, mới ngủ không mộng.

*

Bài thơ Mắt Buồn của Bùi Giáng cũng có phong cách tương tự bài thơ nêu trên, cũng hai phần: với nửa đầu bài thơ là Khổ/Tập hiển lộ qua các hình ảnh ba cõi bất an như: hao mòn, chiêm bao, náo động, bão giông, khóc đêm, triền miên trời; với nửa sau là Diệt/Đạo, ly nhất thiết tướng, buông bỏ toàn bộ [sắc thanh hương vị xúc pháp]... để rồi trở về hiện tại [bây giờ], tự quán sát với mắt trí tuệ [riêng đối diện tôi], khởi tâm Bồ tát đi vào cõi này để kham nhẫn mắt lệ từ bi [khóc người một con]. Bài thơ dị thường này toàn văn như sau.

Mắt buồn

*Đậm khuya ngắt tạnh mù khơi (Nguyễn
Du)*

Bóng mây trời cũ hao mòn
 Chiếm bao nào động riêng còn hai tay
 Tắm thân với mảnh hình hài
 Tắm thân thể với canh dài bão giông
 Cá khe nước cống lên đồng
 Ruộng hoang mang khóc đêm mông một
 giêng
 Tạ từ thảng chạp quay nghiêng
 Âm trang sử lịch thu
 triển miên trôi

Bỏ trắng gió lại cho
 đời
 Bỏ ngang ngựa sóng
 giữa lời hẹn hoa
 Bỏ người yêu bỏ bóng
 ma
 Bỏ hình hài của tiên
 nga trên trời
 Bây giờ riêng đối diện
 tôi
 Còn hai con mắt khóc
 người một con.

*

Một bài thơ khác cũng có thể làm các Phật tử giật mình. Nhan đề "Chào Nguyên Xuân" tức khắc gợi tới hình ảnh của an lạc, của ánh sáng tuệ giác, của một pháp vô vi, không do tạo tác mà nên [nguyên = vốn sẵn, là sinh diệt]. Đó là Niết Bàn. Bài thơ chờ theo một nỗi buồn man mác, khi nói về lẽ vô thường [tóc xanh phai màu], về con đường [sinh tử luân hồi], về bờ nước [gương tâm] vốn vô ngã nhưng lại hiện lên bóng ta và bóng người [chấp có ta, có người], có năm ngón nhỏ phơi bày bóng con [bàn tay có 5 ngón, là pháp hữu vi, có già chết; còn bóng con là pháp vô vi, không thấy được nhưng không lìa hữu vi mà có], có Khổ Đế với khóc đời bạc mệnh, nhưng nơi tịch lặng của Niết Bàn hể nói nữa là sai... Bài thơ lạ lùng này, toàn văn như sau.

Chào Nguyên Xuân

*Xin chào nhau giữa con đường
 Mùa xuân phía trước miên trường phía
 sau*

*Tóc xanh dù có phai màu
 Thì cây xanh vẫn cùng nhau hẹn rằng.*

*Xin chào nhau giữa lúc này
 Có ngàn năm đứng ngó cây cối và
 Có trời mây xuống lần la
 Bên bờ nước có bóng ta bên người*

Xin chào nhau giữa bàn tay

*Có năm ngón nhỏ phơi bày bóng con
 Thưa rằng những ngón thon thon
 Chào nhau một bận sẽ còn nhớ nhau*

*Xin chào nhau giữa làn môi
 Có hồng tàn lệ khóc đời chứa cam
 Thưa rằng bạc mệnh xin cam
 Giở vui bất tuyệt xin làm cỏ cây*



*Xin chào nhau giữa bụi
 đây
 Nhìn xa có bóng áng mây
 nghiêng đầu*

*Hỏi rằng: người ở quê
 đâu?*

*Thưa rằng: tôi ở rất lâu
 quê nhà*

*Hỏi rằng: từ bước chân ra
 Vì sao thấy gió đàn xa
 dậm dài?*

*Thưa rằng: nói nữa là sai
 Mùa xuân đang đợi bước
 ai đi vào*

*Hỏi rằng: đất trịch chiêm
 bao*

*Sá gì ngẫu nhĩ mà chào
 đón nhau*

*Thưa rằng: ly biệt mai
 sau*

*Là trùng ngộ giữa hương
 màu Nguyên Xuân.*

*

Tới đây, là một bài thơ rất ngắn, nhan đề Bao Giờ. Bài thơ ông làm chỉ ghi lại những cái được thấy đang trôi chảy trong dòng thời gian vô thường, mà không hề đưa ra đánh giá hay tư lường [cái được thấy: chì đen, chếp thơ, tường trắng, lá lục hồng, than hồng, đốt, từng phút từng giờ]. Và rồi, Bùi Giáng so sánh việc ông làm thơ y hệt như cười và khóc bằng quơ [tôi cười tôi khóc bằng quơ], và hỏi rằng độc giả có nhận ra ẩn nghĩa không [cố ngờ chi không].

Chúng ta dễ dàng nhớ tới bài Kinh Bahiya Sutta, nơi đó Đức Phật dạy cho ngài Bahiya pháp tức khắc xa lìa tam giới [không với đó, không trong đó] và do vậy, giải thoát:

"Bahiya, ông nên tu tập thể này: Trong cái được thấy sẽ chỉ là cái được thấy; trong cái được nghe sẽ chỉ là cái được nghe; trong cái được thọ tưởng sẽ chỉ là cái được thọ tưởng; trong cái được thức tri sẽ chỉ là cái được thức tri... thì rồi Bahiya, ông sẽ không là 'với đó.' Nay Bahiya, khi ông không là 'với đó,' thì rồi Bahiya, ông sẽ không là 'trong đó.' Nay Bahiya, khi ông không 'trong đó,' thì rồi Bahiya, ông sẽ không ở nơi này, cũng không ở nơi kia, cũng không ở chạng giữa.

Thế này, chỉ thế này, là đoạn tận khổ đau.”
Bài thơ Bao Giờ của Bùi Giáng toàn văn như sau.

Bao Giờ

*Bằng bút chì đen
Tôi chép bài thơ
Trên tường vôi trắng*

*Bằng bút chì trắng
Tôi chép bài thơ
Trên lá lục hồng*

*Bằng cục than hồng
Tôi đốt bài thơ
Từng phút từng giờ*

*Tôi cười tôi khóc bằng quơ
Người nghe người khóc có ngờ chi không.*

*

Trong nhiều năm qua, người viết trong những lúc rảnh rỗi, đã vẽ nhà thơ Bùi Giáng vì lòng kính mộ, vì lòng biết ơn. Trong đó có một tấm tranh trao tặng nhà văn Đào Hiếu năm 2014, khi vị tôn túc trong làng văn này từ VN sang chơi Quận Cam, ghé nhà thăm. Đó là tấm vẽ bằng mực Tàu trên giấy trắng, tấm duy nhất có bộ ria kiểu Hitler cho ngài Bùi Giáng.

Hôm nay, xin gửi hết 8 tấm tranh lên mạng, không giữ bản quyền, để bất kỳ ai cũng có quyền sử dụng. Nét vẽ vụng về, không hiển lộ được Khổ Đế (hướng gì là Đạo Đế), nhưng như thế đã là tận lực.

Những dòng chữ này và các nét vẽ này xin trân trọng cúng dường một nhà thơ lớn, và cũng là người tự thân hiển lộ được Tứ Diệu Đế.

Nguyễn Giác

GHI CHÚ:

- (1) Kinh SN 10.8: <https://suttacentral.net/sn10.8/en/sujato>
- (2) Kinh AN 3.35: <https://suttacentral.net/an3.35/en/bodhi>

Thơ xướng-họa

Ý ĐÔNG

*Bút pháp bên trời chợt hoá mây
Ý tung vân vũ, gió ngàn bay
Vàng về lá nắng, mưa như sắt
Lạnh phủ cành đêm, nguyệt trở gầy
Lối cỏ, hương thiên, lan mây nẻo
Hiên không, bóng núi, lừng ngàn Tây
Trần ai thánh thót, tình sương nước
Tiếng hạc sa đông, giếng cổ đầy!*

Thiền Sư MINH ĐỨC TRIỀU TÂM ANH

(Huyền Không Tự - Huế)

Bài Họa

BÚT NỞ HOA

*Mười năm thoáng chớp tựa như mây
Hồn chữ chưa mòn, mực vôi bay
Lời kệ: Chân Như vô sở trú
Câu kinh: Bát Nhã sắc phai gầy
Rồng bay Thư Pháp thời Đông Tấn (*)
Phượng múa hài hòa pha nét Tây
Nhuần nhuyễn tay nâng thân bút nhẹ
Hoa Tâm rộ nở... Ý khơi đây.*

KIỀU MỘNG HÀ

Jan 08th 2021

(*) Vương Hy Chi: Thánh tổ Thư Pháp thời Đông Tấn.



Thiền HaiKu

Sumurai

Một nhát, Sumurai
Chém phiền não, đoạn ly sanh tử
Xuân bất diệt - Như Lai.

Pháp Vũ

Sa mạc nắng chói chang
Hành giả đi về phía mặt trời
Xoè hứng mưa pháp rơi.

Tĩnh - Động

Mặt hồ thu tĩnh lặng
Bên dưới nổi lên cơn ba đào
Nước động? Sóng động? Tâm!

Hạnh Ngộ

Chín năm ngộ đá, chờ
Một cánh tay đứt giữa tuyết rơi
Tâm đã được an rồi.
Gặp nhau còn nhớ lời chào Chân Như.

Mơ Ước

Xin nổi khắp tinh cầu
Một vòng tay nhân ái
Để cho bao ngang trái
Không còn chỗ dung thân

Xin vọng tiếng chuông ngân
Cho hồn tan phiền não
Để không còn mưa bão
Rơi trong cõi lòng người

Xin hái nụ xuân tươi
Kết thành trang cổ tích
Để tiếng cười khúc khích
Thay tiếng khóc thê lương

Xin hát khúc yêu thương
Gọi tình đầy bác ái
Từ bi luôn tồn tại
Giữa thế cuộc thăng trầm.

thơ **DIÊU LINH**



Mùa xuân, hoa và thiếu nữ

VŨ THẾ NGỌC

VĂN HỌC / NGHỆ THUẬT

Trên bìa sách báo Việt Nam xuất bản trong dịp Tết, người ta thấy hầu hết là tranh ảnh có hình hoa hay hoa và thiếu nữ. Mùa xuân là mùa của muôn hoa khai nở, cho nên mừng xuân thì có hình ảnh của hoa là điều dễ hiểu, nhưng hình ảnh thiếu nữ thì không dễ hiểu lắm, vì vậy bài viết này cố gắng thử tìm một lý giải cho hình ảnh thiếu nữ cho tranh ảnh ngày xuân và Tết.

Sau mùa thu rụng hết lá là đến cả mùa đông tuyết phủ cho đến mùa xuân tuyết tan và cây cối mới bắt đầu sống dậy đâm nụ ra hoa. Cho nên hình ảnh thời gian đến với con người là ngày Tết là ngày đầu của mùa xuân nên trăm hoa đua nở là "sự thật tự nhiên" một chân lý không thể khác. Nhưng cái "chân lý không thể khác" này thật ra chỉ là chân lý tự nhiên của thời gian khi chúng ta còn sống gắn chặt với thiên nhiên và không gian của tốc độ ngựa chạy. Với tri thức nhỏ bé của con người, những "chân lý tự nhiên" này chỉ bắt đầu trở nên một thách thức khi chúng ta tiến đến không gian rộng lớn hơn với kiến thức về thời gian chỉ là một phóng ảnh của sự vận hành của trái đất quanh mặt trời trong thái dương hệ, và không gian được tính bằng vận tốc âm thanh thay vì sức ngựa chạy. Chưa nói đến vấn đề thúc bách của khoa học ngày nay khi lý thuyết về *Quantum Entanglement* của vật lý lượng tử đang mở ra một chân trời mới về nghiên cứu chuyển động, khi người ta hiểu được thời gian và không gian chỉ còn là các khái niệm tương đối và giới hạn ở vận tốc ánh sáng không còn là cái tuyệt đối. Chỉ cần nói cụ thể là, với kỹ thuật khoa học hiện nay, người ta đã có khả năng làm cây trở hoa bất cứ trong thời gian nào, và ngay khi trời còn đang đổ tuyết ngoài kia thì chỉ cần lên máy bay

uống chưa xong một tuần trà, chúng ta đã có thể xuống máy bay "mặc áo mỏng" đi dạo mà ngâm "xuân du phương thảo địa". Thành ra cái lễ "chân lý tự nhiên" *mùa xuân hoa nở* trước mặt chúng ta không phải là đương nhiên, là chân lý vĩnh cửu như ta tưởng.

Nhưng như vậy là chúng ta cũng phủ nhận cả cái không khí mùa xuân hoa bướm xôn xao *có thật* trước mắt kia chẳng? Luận sư Long Thọ đã chỉ dạy cho chúng ta từ gần hai ngàn năm trước: "Chúng ta phải chấp nhận cả hai giá trị của chân lý quy ước của thế gian và chân lý trên bình diện tối cao. Người không biện biệt được sự khác biệt của hai chân lý này cũng không thể tiếp cận được chân lý thâm sâu của sự thật"¹. Cái nhìn thấu thị vượt thời gian của Long Thọ từ gần ngàn năm trước thật đáng sợ, khi chúng ta biết rằng ở Tây phương cả mấy trăm năm sau đó người ta vẫn còn tin tưởng mặt đất phẳng (trên trời cao là của thượng đế và dưới đất sâu là địa ngục). Cho nên chúng ta thấy các bậc cao sĩ "thượng thừa thiên" của chúng ta thì đều như Long Thọ, thấy được cái không cùng, thường trụ của không thời nhưng cũng không phủ nhận thế giới tự nhiên của không gian và thời gian giữa tương quan của con người và thiên nhiên, của chủ thể và thế giới tình cảm sắc màu sum la vạn tượng của con người đang sống trong thế giới tương đối của họ. Nhưng tự tại trước mọi biến dâu vô thường luôn luôn là những thách thức mà ta thường gọi là chứng ngộ, thì không phải là sự gặp gỡ vô tình. Trúc Lâm đầu đà phải đến khi về già mới tìm thấy tự tại an trụ trong vô thường xuân hạ thu đông "nay đà khám phá chân xuân điện, dựa tay trên thiên bảng ngồi trên nệm cỏ mà ngắm hoa xuân rơi rụng":



*Niên thiếu hà tăng liễu sắc không
Nhất xuân tâm tại bách hoa
trung.
Nư kim khám phá đông hoàng
diện,
Thiên bản bồ đoàn khán trụ
hồng.*

Tuổi trẻ chưa từng hiểu sắc không, Xuân sang lòng tại vạn hoa hương. Nay đã khám phá chân xuân diện, Nệm cỏ ngồi yên ngắm trụ hồng.

Kinh nghiệm tự tại kết quả của tu chứng, không dễ gặp gỡ, cho nên chúng tôi vẫn còn nhớ câu thơ của Lê Nghi, người bạn thi sĩ áo nâu vô danh với thiên hạ nhưng rất được thân hữu thi nhân như Phạm Thiên Thư, Bùi Giáng, Trụ Vũ trọng thị, trong một bài thơ ngày xưa "Mùa thu thường trụ trên tà áo xanh." Với cái nhìn "thấu thị trong sát-na" của thi nhân, nhà thơ chợt thấy thường trụ trên lễ biển dâu vô thường. Vô thường ở đây là tà áo xanh, là hình ảnh của một thiếu nữ nào đó chứ không phải là thảm cỏ xanh của đất trời vào xuân.

Hình ảnh thiếu nữ ở đây là một thực tại. Đường như thực tại đó cũng phảng phất trong hai câu đầu bài thơ của Trúc Lâm đầu đà.

Và đến đây dường như chúng ta đã thấy cái cầu nối giữa đời thay vô thường của mùa xuân của ngàn hoa với lễ miên viễn của không gian thường trụ, trong hình ảnh của người thiếu nữ.

Cũng nên hiểu, trong tất cả các nền văn minh trên trái đất này, từ các hình vẽ nguệch ngoạc thời hang động hay các đồ đất ban sơ chúng ta còn giữ được cho đến các tranh tượng siêu hình lập thể hiện đại, hình ảnh người đàn bà, đặc biệt là hình ảnh người đàn bà có bầu, luôn luôn là hình ảnh mang ý nghĩa sự sống và thanh bình như hài nhi yên ổn trong bụng mẹ. Vì thế sự sống không chỉ là giao điểm của quá khứ không còn và tương lai chưa đến, mà còn là sự sống không cần điểm đứng (vô sở trụ). Cho đến khi nhu cầu nghệ thuật biểu trưng cao hơn, người đàn bà được cách tân thành người thiếu nữ trẻ hơn đẹp hơn.

Vì vậy hình ảnh người thiếu nữ không chỉ có trong hình tượng của mùa xuân, mà rõ ràng hơn là biểu tượng của sự sống, của một



Mặt Trời - Đinh Trường Chinh

Cùng Là Mặt Trời

*Buổi sáng mặt trời lên
Chia thành nhiều nhánh nhỏ
Nhánh anh và nhánh em
Cùng soi nhân gian tỏ*

*Nhánh mặt trời hùng đở
Lung linh trên cánh hoa
Hai ta trên cánh hoa
Mà chẳng hề thấy mặt*

*Nhánh mặt trời chân thật
Soi sáng cả thế gian
Hai ta cùng có mặt
Lại chẳng gặp một lần*

*Nhánh mặt trời thật gần
Đưa tay lên sẽ gặp
Hai ta là mặt trời
Lại chưa hề gặp nhau*

*Cùng từ ánh mắt trời
Gặp rồi nhưng chẳng biết
Lang thang từ bao kiếp
Đến bao giờ cho xong*

*Thôi đừng lang thang nhé
Rời ta sẽ gặp nhau
Gặp nhau rồi sẽ biết
Ta chưa hề tách rời*

thơ **TRỊNH GIA MỸ**

nổi bình yên, một kết nối của thế giới chủ quan hữu hạn đối thay và thế giới khách quan nơi vắng bóng mọi khái niệm không gian và thời gian. Điển hình gần hơn và rõ hơn là trong thi ca, hình ảnh người thiếu nữ luôn luôn mang ý nghĩa của hy vọng, của sự sống trước mọi tận tụy đổi thay của chiến tranh của lịch sử. Ở đây tôi chợt nhớ hình ảnh thiếu nữ mơ hồ trong bài thơ của Hàn Mặc Tử, một bài thơ hay nhất về Huế. Bài thơ bay bổng đến thiên thu vì hình ảnh người thiếu nữ *không thực có* trong thơ.

*Sao anh không về chơi thôn Vĩ?
Nhìn nắng hàng cau, nắng mới lên,
Vườn ai mướt quá xanh như ngọc
Lá trúc che ngang mặt chữ điền.²
Gió theo lối gió, mây đường mây
Dòng nước buồn thiu, hoa bắp lay...
Thuyền ai đậu bến Sông Trăng đó,
Có chở trăng về kịp tối nay?
Mơ khách đường xa, khách đường xa,
Áo em trắng quá nhìn không ra...
Ở đây sương khói mờ nhân ảnh,
Ai biết tình ai có đậm đà.*

Một bài thơ khác nói nhiều hơn về hình ảnh người thiếu nữ. "Nhiều" nhưng cũng "sương khói mờ nhân ảnh" vì người làm thơ là một khách lạ có đầu quen biết gì ai, kể cả một mối tình nào đó: Hình ảnh thiếu nữ trong thơ chỉ là một nổi bình yên một chốn nghỉ ngơi đi về. Nhưng chính hình ảnh phiêu hốt của người thiếu nữ như một lẽ tồn tại trong không gian mơ hồ của nổi tàn tạ biển dâu của một thành phố kỷ lệ trong ngày tháng chiến tranh thua ấy, đã làm nên cái hồn của bài thơ. Bài thơ có tựa là "Còn một chút gì để nhớ" của Vũ Hữu Định do Phạm Duy phổ nhạc thật đơn giản đến dễ dãi vì ông phù thủy âm nhạc này thấy ngay hồn nhạc đã có sẵn trong thơ. Bài "Phố núi cao" nổi tiếng đến độ có người thuộc từ điệu của bài thơ hơn là biết đến cái thành phố núi mù sương ấy. Và sự thật khi bản nhạc trở nên danh tiếng đa số vẫn không biết đến tên tác giả bài thơ. Mà tác giả cũng là một trường hợp đặc biệt. Đúng như lời tác



giả, anh chỉ là khách lạ vô danh, và cũng như lời của các nhà thơ Kim Tuấn Vũ Hoàng "chuyên trị Pleiku" tự than "Hắn, một tên khách lạ, thế mà chỉ có vài câu thơ đã nằm trọn trời đất của Pleiku." Các ông bạn của tôi có lẽ đã mơ hồ thấy được hình ảnh người thiếu nữ chính là linh hồn của bài thơ như Phạm Duy đã thấy, để phù phép làm bài thơ thành một sự sống trong cuộc chiến buồn thảm, một thành tựu *duyng như cố thực* trong một thế giới mơ hồ sương khói hắt hiu.

*"phố núi cao phố núi đầy sương
phố núi cây xanh trời thấp thật buồn
anh khách lạ đi lên đi xuống
may mà có em đời còn dễ thương
phố núi cao phố núi trời gần
phố xá không xa nên phố tình thân
đi dăm phút đã về chốn cũ
một buổi chiều nào lòng bỗng băng
khuâng
em Pleiku má đỏ môi hồng
ở đây buổi chiều quanh năm mùa đông
nên mắt em ướt và tóc em ướt
da em mềm như mây chiều trong
xin cảm ơn thành phố có em
xin cảm ơn một mái tóc mềm
mai xa lắc bên đôi biên giới
còn một chút gì để nhớ để quên."*

Chú thích:

1. "Vì chúng sinh, chư Phật đã dùng hai chân lý để thuyết pháp. Một là chân lý thông thường (tục đế), hai là chân lý tuyệt đối (đế nhất nghĩa đế). Người không nhận ra chỗ khác biệt của hai sự thực này, thì không thể hiểu được ý nghĩa chân thực của Phật pháp sâu xa. Nếu không nương theo tục đế thì không chứng được ý nghĩa của Chân đế. Không chứng được nghĩa của Chân đế, thì không chứng đắc giải thoát" Trung Quán.

2. Hơn 70 năm mà vẫn còn người hiểu lầm "mặt chữ điền" là mặt vuông. Thật ra "mặt chữ điền" là khuôn "mặt trái xoan" khuôn mặt đẹp nhất. Trong hội họa cổ có tám khuôn mặt theo chữ viết (Vương Dịch bát cách): chữ điền 田 (mặt trái xoan bầu dục), chữ quốc 國 (mặt hình vuông), chữ do 由 (mặt nhọn, trên nhỏ dưới to), chữ mục 目 (mặt dài), chữ dụng 用 (mặt trên vuông, dưới to), chữ phong 風 (mặt có quai hàm bạnh ra), chữ thân 申 (mặt trên gầy dưới nhọn) và chữ giáp 甲 (mặt trên vuông dưới gầy). Tôi đã có dịp nói với GS Bửu Ý về tám chữ này trong dịp gặp anh ở Huế nhân hội thảo về Léopold Cadière.

(Nguồn: thuvienhoasen.org)

Hoàng Diệu và Em

NGUYỄN VĂN SÂM

VĂN HỌC / NGHỆ THUẬT

Cuối năm 1963 tôi được bổ nhiệm về trường trung học Hoàng Diệu Ba Xuyên (Sóc Trăng ngày nay) với tư cách giáo sư dạy giờ vì là dân Đại Học Văn Khoa Sài-gòn. Cầm Sự Vụ Lệnh trên tay, leo lên chiếc xe đồ cọc cách chạy hàng mấy trăm cây số về nhiệm sở đầu đời, qua 2 chuyến bắc bờ xa mùt mắt... Chiếc xe *lôi đạp* bỏ tôi xuống con hẻm sau lưng trường, ngôi nhà mái ngói rêu xưa, nơi thầy bạn đang dạy nơi đây ở trọ... Vài ngày ở đây tôi gặp và biết thêm Hưởng Toán, Sơn Lý Hóa, Thiên Nhạc, Thiện Vẽ.. Tất cả đều là những ông Thầy còn trẻ. Buổi tối theo bạn bè ra Cầu Quay uống cà-phê, ngắm trời đêm. Tình lý buồn hiu với những ngọn đèn đỏ quạch dọc theo đường Hai Bà Trưng, nhìn xuống dòng sông nước đục ngầu... Một tuần chờ trường xếp thời khóa biểu, tôi phụ trách vài

lớp không đi thi: 2 đệ tam, 2 đệ ngũ.. Đêm nằm nghe tiếng tắc kè kêu não ruột, thêm nản lòng khi nghĩ đến chặng đường hun hút sắp tới những lúc đi-về. Sài-gòn xa lắc xa lơ. Có lẽ lúc đó tôi chưa gặp em. Mà em đang ở đâu vậy? Chắc là đang nhảy dây, bung thun, đánh dĩa ở một sân trường tiểu học nào đó trong tỉnh lỵ này...

Rồi sự đời đổi thay đột ngột khi tôi có quyết định về dạy ở trường Nguyễn Đình Chiểu Mỹ Tho. Lại khăn gói đến một nơi cũng chưa từng biết. Hoàng Diệu không để lại trong tôi nỗi nhớ nhưng nào, trừ lòng ray rứt vì lời hứa với thầy bạn HT rằng mình sẽ dạy chung trường với hẳn...

Dòng đời cứ thế lôi tôi trôi bồng bềnh theo những biến động của xã hội. Cuối năm 75 lang thang ở Sài Gòn, tình cờ được biết em khi cùng anh bạn cũ ghé

thăm cô học trò ruột của hẳn. Căn phòng chật hẹp nghèo nàn, em mới lên thành phố đi làm với đồng lương ít ỏi và nỗi khát khao được vào Đại Học. Ngồi nghe 2 thầy trò nhắc về Sóc-trăng, về Hoàng Diệu, em ríu rít kể về lũ bạn bè nghịch như quỷ sứ, về thị xã chứa đựng cả trời kỷ niệm tuổi thơ... Mắt em rưng sáng, nụ cười em rộn rã hồn nhiên. Và cũng chính đôi mắt đó như rưng rưng khi kể về cuộc sống hiện tại. Em nói về ước mơ cháy bỏng, về ưu tư trước khó khăn buổi giao thời... Ra về tôi mang theo nụ cười có 2 cái răng thỏ to đùng của em, mang theo tuổi trẻ khát vọng đầy ắp lý tưởng em vừa truyền chuyển sang. Tôi chợt thấy mình cần cố trước mạch sống dâng trào của thế hệ mới...

Dòng đời lại cuốn phăng tôi đi xa xứ, 10 năm, 20 năm biệt. Thỉnh thoảng gửi thư về thầy bạn cũ, tôi hỏi thăm cô học trò nhỏ bây giờ ra sao, hẳn âm ở âm ử: Có tin từ Sóc-trăng nói em vượt biên, rồi ở tù và chết mất xác ở đâu đó! Dấu chấm than buồn hiu kết thúc thân phận nhỏ nhoi ở tuổi đôi mươi tuyệt vời nhất, tôi thẫn thờ mỗi khi nghĩ đến em, khuôn mặt rạng rỡ với nụ cười hồn nhiên răng thỏ, dáng gầy yếu mảnh mai mà chí khí ngất trời xanh...

Rồi như truyện cổ tích, cô Tấm trong trái thị chợt hiện ra, cuộc hội ngộ bất ngờ sau khi em họp mặt trong nhóm cựu học sinh Hoàng Diệu năm 2003. Hai mươi



Trường Hoàng Diệu Sóc Trăng ngày nay(photo: baosoctrang.org.vn)

tám năm sau! Cú điện thoại của người bạn đã khiến tôi hăm hở bay về, ngọt ngào như lần gặp em đầu tiên, không hẹn hò báo trước, cũng 2 ông thầy với cô học trò trong căn nhà nhỏ xíu nghèo nàn ở vùng ngoại ô Thủ Đức. Em cũng lảng xảng nấu cơm đãi khách, cũng nói cười ríu rít nhưng đôi mắt hằn sâu nỗi buồn phiền mệt mỏi của những năm tháng tù đày. Em đã không còn là em cách đây gần ba thập niên. Gặp lại Thầy, chỉ động lại trong em ký ức về Hoàng Diệu của em, về thầy cũ, về bạn bè lớp học khóa 68-75, về những con đường có cái tên rất thơ rất nhạc mà em và bạn bè đã gọi. Đường Giao Hạ hai hàng phượng đỏ rực bên hông dinh cũ, đường Hoàng Thị ngập lá vàng lúc chớm Thu... Em đưa tôi xem những tấm ảnh vàng ố cũ mèm, bạn bè thời đi học, ai cũng ngây thơ, dễ thương cách gì, khung cảnh trường Hoàng Diệu với những cây cồng cổ thụ rợp mát, có hồ sen ở giữa sân trường... Những kỷ niệm học trò thân thiết mà dư âm còn mãi đến bây giờ. Qua bao nhiêu năm tháng đổi thay mà em vẫn khư khư ôm giữ cuốn album ngã màu với cả trời thương nhớ, nuối tiếc... Em kể lần đầu tiên về thăm lại Sóc Trăng sau mười mấy năm trôi sông lạc chợ, xa vắng quê nhà, đến gõ cửa từng người bạn cũ, ai cũng dang tay đón em bằng tất cả thân tình chờ đợi. Bạn bè chờ em đến cổng trường, đứng tần ngần ngoài cửa lớp, nhìn những tà áo dài trắng thấp thoáng, những gương mặt hồn nhiên ngây ngô giống mình ngày trước... Em đã bật khóc nức nở như chưa bao giờ được rơi nước mắt. Nhà em trong con hẻm nhỏ đã đổi chủ, Ba Mẹ em qua đời khi không có em bên cạnh. Phố chợ náo nhiệt hơn, đường Giao Hạ cây trơ cành trụi lá, gốc phượng già không đủ sức



Trường trung học Hoàng Diệu, Sóc Trăng, 1968

trở bông để cho lũ học trò những vần thơ ngẫu hứng. Bạn bè tứ tán khắp nơi, đứa còn đứa mất, có người thành đạt và cũng có kẻ lang thang... Thời gian đằng đẵng với biết bao biến cố đau thương dồn dập đời em, vậy mà em vẫn đứng dậy, vững vàng, tự tin như chưa bao giờ vấp ngã, chưa bao giờ gặp bất hạnh. Khi nghĩ về em lúc này tôi nhớ tới câu thơ của ai đó "...và chắc thế em ơi - em vẫn sống!" Một lần nữa tôi lại cúi đầu cảm phục em, em đã kiên cường ở lại để chứng kiến

những nghiệt ngã đau lòng, trong khi tôi bỏ nước ra đi...

Như một kết thúc có hậu, lần đầu tiên em làm cô dâu. Cô dâu ở tuổi năm mươi! Hôn lễ do bạn bè cùng nhau tổ chức, ấm cúng và cảm động. Hoàng Diệu tuổi trẻ của em đứng đó không xa, đang chúc mừng hạnh phúc muôn màng, em hồn nhiên rạng rỡ giữa bạn bè, tưởng như quá khứ xót xa chưa từng dẫm lên cuộc đời em, dúi vào em những bất hạnh ngút ngàn, đốt tan hoang tuổi trẻ của người thiếu nữ mới bước vào đời...



Trường trung học Hoàng Diệu, Sóc Trăng, 1972 (photo: hungviet.org)

CẢM HỨNG TỪ PHỤ NỮ PHẬT GIÁO

Tiểu Lục Thần Phong trích dịch

NHÂN VẬT / SỰ KIỆN

NI SƯ AYYA KHEM

Ilse Kussel, sinh năm 1923 tại Berlin nước Đức. Cha mẹ bà là người Do Thái. Ilse Kussel với pháp danh Ayya Khem là người phụ nữ tiên phong mang Phật pháp đến phương tây. Bà là người mạnh mẽ, bộc trực và giỏi hùng biện, vừa là một thiện sư và là một giáo viên hoàn thiện. Bà sớm nhận thấy sự bất bình đẳng giới tính ở nhiều tự viện Theravada, những nữ tu ở các tự viện này chỉ có nấu ăn và giặt giũ. Bà vận động cho những nữ tu quay trở lại với Phật đà (ngầm hiểu là tu, thọ giới, hành hoạt bình đẳng như nam tu sĩ). Bà là tác giả của nhiều cuốn sách và là một trong những thành viên sáng lập hội Sakyadhita.

Năm 1938, cha mẹ bà đã bỏ trốn khỏi nước Đức và di chuyển đến Trung Hoa. Năm bà hai mươi hai tuổi, kết hôn với ông Johannes, người này hơn bà những mười bảy tuổi. Sau khi Cộng Sản thống trị Trung Hoa, bà và chồng lại di chuyển đến nước Mỹ. Ở đây bà đã sanh đứa con thứ hai. Bà đã sớm nhận thấy sự bất hoàn thiện (cuộc đời) và lao vào nghiên cứu nhiều đường lối tâm linh khác nhau. Người chồng của bà không thông cảm và không chia sẻ gì với bà, điều đã dẫn đến việc họ ly dị. Bà ẵm đứa con trai còn nằm nười di chuyển đến Rancho La Puerta thuộc Tecate – Mexico. Bà nghiên cứu triết học Essnes (một trường phái triết học, tu khổ hạnh của người Do Thái cổ đại, thế kỷ thứ hai trước công nguyên) với giáo sư Edmun Skekely. Ở đây bà kết hôn lần thứ hai, người chồng này tên Gerd, cả gia đình nhanh chóng trở thành những người ăn chay. Bà đã thực hiện như thế cho đến lúc lâm chung.



Ni sư Ayya Khem (1923—1997)

Trong nhiều năm gia đình bà đã thực hiện ba chuyến du hành viếng thăm các nước: South America, New Zealand, Australia, Pakistan và cuối cùng định cư lại ở Sydney - nước Úc. Ở đây bà nghiên cứu và tu học với thiện sư Phra Khantipalo, bà đã nghiên cứu sâu và tiến xa. Ayya Khema lại di chuyển đến

San Francisco để nghiên cứu thực hành thiền tại trung tâm thiền San Francisco Zen Center và bà đã làm việc cho Tassajara Zen Mountain Center trong ba tháng. Khema đến Burma để nghiên cứu thiền với các thiện sinh của U Ba Khin trong ba tuần.

Năm 1978, bà thành lập thiền viện Wat Buddha Dhamma ở trong rừng thuộc New South của xứ Wales và cung thỉnh thiện sư Phra Khantipalo làm trụ trì (viện chủ).

Niềm ước ao trở thành một tỳ kheo ni đã đưa bà đến Thailand, Burma, Sri Lanka. Bà nghiên cứu tu học với nhiều vị thầy và thiện sư Naranda Thera

đã đặt cho bà pháp danh Ayya Khem.

Năm 1983, trong một chuyến quay trở lại Sri Lanka, bà đã gặp lại sư phụ, hoà thượng Matara Sri Nànaràma của trung tâm Nissarana Varaya. Người thầy này là người truyền cảm hứng cho bà tham gia dạy thiền jhana. Ở tại đây bà đã không có cơ duyên tốt để thọ nhận truyền thụ đầy đủ theo truyền thống Theravada để trở thành một tỳ kheo ni. Sau đó, vào năm 1988 bà đã được truyền thọ đầy đủ để trở thành tỳ kheo ni theo pháp môn Fo Guang Shan tại tu viện His Lai, một tu viện vừa mới thành lập và theo truyền thống Phật giáo đại thừa Trung Hoa (Mahayana).

Ayya Khema là người tổ chức cuộc hội thảo quốc tế đầu tiên về phụ nữ Phật giáo

vào năm 1987. Sau đó bà đã chỉ đạo thành lập hiệp hội phụ nữ Phật giáo quốc tế Sakyadhita International Association.

Năm 1989, bà trở về Đức và bắt đầu giảng dạy ở trung tâm Buddha Haus thuộc thành phố Munich. Theo lời tự thuật thì bà mắc phải căn bệnh ung thư vú từ năm 1983, đây là một nỗi bất hạnh khổ đau. Năm 1993 bà đã trải qua cuộc phẫu thuật cắt bỏ vú, trong năm tuần lễ hồi sức ở bệnh viện, nhiều lúc tưởng như đã cận kề cái chết. Nhờ các bác sĩ ở đây, tình trạng sức khoẻ của bà đã tiến triển tốt đẹp nhanh. Trong một lần trả lời phỏng vấn, bà đã tỏ bày quan điểm suy nghĩ tích cực của quá trình này.

Ni sư Ayya Khame trú hời thờ cuối cùng vào ngày 2/11/1997 tại trung tâm Buddha Haus thuộc Uttenbuhl (một phần của ngôi làng Oy-Mittelberg) thuộc nước Đức. Bà ra đi sau khi chiến đấu với căn bệnh ung thư vú trong mười bốn năm. Tro cốt của bà được lưu giữ ở bảo tháp (Stupa) thuộc trung tâm Buddha Haus.

Những bài báo về phụ nữ Phật giáo có ý nghĩa lấp đầy những khoảng trống quyền lực, đại diện và tạo ra một nền tảng cổ xúy cho tâm tử, phục hồi nữ quyền, bình đẳng giới tính, công bằng trong đạo Phật cũng như trên toàn thế giới. Người phụ nữ, giới đồng tính, nhi căn cũng như những người nghèo có tiếng nói cũng như vai trò rất yếu trong đạo Phật.

(Dịch từ nguyên bản tiếng Anh trên trang web: www.bodhicitta-monastery.com Bodhicitta Monastery là một thiền viện tịch tĩnh và một ngôi làng có truyền thống văn hoá nữ quyền và công bằng xã hội)

NI SƯ MYOKEI CAINE – BARRETT

Tôi sinh năm 1951, tại Tokyo Nhật Bản. Tôi vốn lớn lên từ một gia đình quân nhân. Chúng tôi đã từng nhiều năm sinh sống ở Okinawa, Germany, El Paso và Texas.

Đạo Phật là chỗ dựa của cuộc đời tôi, đạo Phật đã giúp tôi hiểu được lẽ thật của cuộc đời và đã cung cấp những phương pháp thực hành của niềm tin để hành xử với lẽ thật đó. Tôi đã học được sự buông bỏ quá khứ, không vọng tưởng ở tương lai. Đạo Phật đã dạy tôi biết chỉ có ở tại ngay đây và chính phút giây hiện tại.

Lần đầu tiên bất ngờ biết đến đạo Phật vào khoảng năm 1963, sau ba mươi sáu năm thực hành, tức năm 1990. Những câu hỏi trong đầu tôi và sự quan tâm đã khiến tôi rời bỏ Sokha Gakka International. Tôi đã thật sự đủ khả năng để liên lạc với Nichiren Shu vào năm 2002 và bắt đầu được huấn luyện ở cả



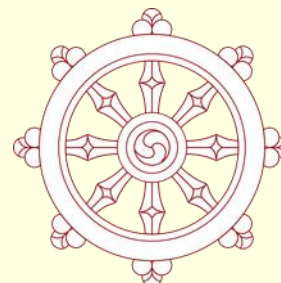
Ni sư Myokei Caine—Barrett

hai nơi, Postlan (Oregon) và Nhật Bản để trở thành một tu sĩ. Năm 2007, tôi đã thọ phong và được giao phụ trách làm công việc đứng đầu cũng như hướng dẫn ở Nichiren Buddhist Shanga, Houston – Texas và cũng như ở Myoken-Ji temple.

Tôi đã hoạt động (hướng dẫn thiền) ở trong tù. Tôi hướng dẫn cả tổ hợp tăng già và cá nhân trong toàn bộ hệ thống nhà tù của Texas. Tôi cũng còn làm việc cho nhà chờ chết (nơi những người bệnh nặng chờ chết) và chương trình chữa trị cho cựu chiến binh Healing Warrior Heart. Hiện nay tôi là thủ tọa (bishop) trong dòng Nichiren Shu của vùng Bắc Mỹ.

Sensei (Thiền sư) Myokei Caine – Barrett là người phụ nữ tôn quý đầu tiên có nguồn gốc Nhật lai châu Phi và cũng là người phụ nữ phương Tây duy nhất đã thọ phong và trở thành tu sĩ ở dòng tu Nichiren Shu. Bà là một nữ tu thường trực và thầy hướng đạo ở Myoken – Ji Temple, ngôi nhà Nichiren Buddhist Shanga của Texas. Bà là người thầy tôn quý trên toàn nước Mỹ, vừa là nhà hoạt động nữ quyền, công bằng xã hội và chủng tộc.

(Dịch từ một bài đăng trên Lion's Roar)



NÓI VỀ CÁI CHẾT

Nào ta hãy nói về cái chết
hãy nhẹ nhàng và thận trọng
đừng làm đau lằn nữa những vết thương
từ lâu đã chắt chứa trong lòng ngực

Hãy nói về những bông hồng không bao giờ nở
về những quán trọ đồ nát thiếu vắng tình yêu
về tiếng chuông đặc quánh trong những buổi chiều
sương
những sân bay nơi thế giới trở nên đui mù
trên hàng thông mùa xuân đang say ngủ
trong óc kẻ ngu tình yêu đương xây tổ.

Hãy nói về những chuyến tàu đến và đi trong đêm
về tiếng rền inh ỏi của phi cơ trên biển máu
tiếng thét hoang dại của thiếu phụ mất chồng
tiếng khóc của trẻ thơ bị cướp đi bầu sữa
tiếng la hét của đàn ông vừa mất vợ
tiếng bom rơi vỡ nát trên đầu
tiếng đạn khô đục xuyên qua trán
tiếng thở dài trầm đục trong sương sớm
tiếng súc vật kêu trong mưa
tiếng mẹ nguyện cầu trong bếp
tiếng cha khóc trong mộ
tiếng anh em gọi nhau trên cầu.

Những tiếng đó trào ra từ miệng tôi
mỗi khi tôi cất giọng nói
những tiếng đó siết chặt lòng ngực tôi
mỗi khi tôi thở dài trong mệt mỏi.

Nhưng ta sẽ trở lại sự lãng mạn ban đầu
khi dòng suối đục ngầu bởi một chiếc lá
kẻ xa lạ vừa băng qua cánh sa mạc già
hạt máu đen trên cổ con thiên nga
và bông sen trên bàn tay đối đáp.

Vào mỗi buổi chiều
không thần thánh
không vinh quang
trong hoàng hôn của loài người
khi bóng tối lao tới cắn xé ánh ngày
một lần nữa ta hãy nắm chặt tay
đối diện với sự thật!

ĐỂ NÓI

để nói nửa sự thật
ta cần nuốt trôi nửa phần đá
và phải biết chắc rằng nó sẽ không làm ta rách
cuồng họng

để nói trọn sự thật
ta cần đôi mắt với bầy đàn chó sói
và phải biết chắc là ta không đi một mình dưới
trăng

để sống với sự thật
ta cần giữ thăng bằng
trên cây cầu Tự Do
bắc qua vực thẳm vô hình của nỗi sợ hãi.

TỰ DO

Có những kẻ khoác lác về Tự Do
cho nó là đứa trẻ có thể ẵm trong tay
là chiếc giày có thể xỏ chân vào
là sợi dây thắt chặt một chiếc cổ
là con dao bén làm thịt một thiên tài

Tự Do là con chó không đuôi
hay cái đuôi đã bị cướp mất !?
Tự Do là thanh sắt trong hỏa ngục
hỏa ngục của hờn căm!?

Có những kẻ cho nó là đôi tay vậy máu
là con mắt nghiêng nhìn bóng hình sự thật
là con chữ sai khiến một dòng sông
là cánh đồng sinh ra tên đồ tể
là thiên thần hiện ra trong ngày tận thế
là kẻ thù của tuyệt vọng và bất công
là chúa tể của công minh và ánh sáng

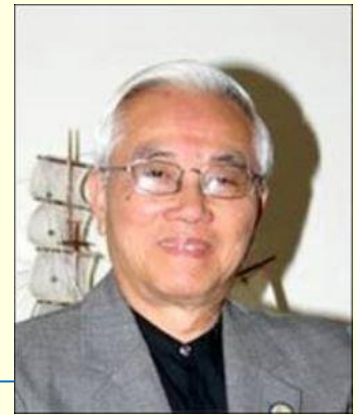
Đừng nói về Tự Do
hãy im đi nếu có thể
nó là cái vỏ của Công Lý
là cơn ác mộng của Lý Trí
trong đất nước điêu linh
nó là Tình Yêu
là Hy Vọng
và là ngôi sao
chìm trong biển máu!

thơ PHÁP HOAN

DINH DƯỠNG VỚI LÃO HÓA

Bác sĩ Nguyễn Ý-Đức

Y KHOA PHỔ THÔNG



Dinh dưỡng đúng hoặc sai có ảnh hưởng rất lớn tới toàn bộ cơ thể con người, từ tinh thần tới thể chất, từ chức năng các cơ quan nội tạng cũng như ngoại vi.

Hãy so sánh một người thiếu dinh dưỡng với một người ăn uống đầy đủ. Một bên thì hồng hào, đầy sinh lực, yêu đời. Bên kia thì ốm yếu, gầy còm, chậm chạp. Thiếu dinh dưỡng kinh niên thì làm sao có năng lượng để sống lâu, chẳng khác chi ngọn đèn cạn dầu, tắt lụi dần dần.

Cho nên biết ăn để mà sống lâu là cả một nghệ thuật. Các cụ ta vẫn nói "*Bệnh tùng khẩu nhập*". Bệnh gây ra do những thực phẩm mà ta đưa vào miệng, những thực phẩm quá nhiều hoặc quá ít từ số lượng tới phẩm chất.

Vậy thì ăn như thế nào để vừa khỏe mạnh, vừa sống lâu?

Khi ăn, không phải chỉ để no bụng cho hôm nay, tuần này mà cần nhớ là ăn cho mai sau, cho sức khỏe của những năm sắp tới.

Từ khi nằm trong lòng mẹ, sự dinh dưỡng đầy đủ đã có tác dụng tốt cho khi sanh ra và lớn lên.

Thói quen ăn uống tốt từ tuổi nhỏ, món ăn mà ta tiêu thụ bây giờ có nhiều ảnh hưởng tới sự ta sẽ sống bao lâu và những năm sống đó sẽ mạnh yếu ra sao.



Nhiều người thắc mắc rằng có một chế độ ăn uống mẫu mực, chung cho mọi người không: một chế độ mang lại sức khỏe tổng quát, sức chịu đựng với bệnh hoạn và tri hoãn tuổi già.

Câu trả lời sẽ là không có. Nhưng có một số nguyên tắc, một số hướng dẫn mà ta có thể áp dụng để đạt được điều ước muốn.

1. Ăn vừa phải

Ăn vừa phải, đúng với nhu cầu, đừng nhiều quá, ít quá. Các cụ ta vẫn khuyên là nên ăn "*ba phần đói, bảy phần no*" là tốt hơn cả, khỏi nặng bụng, lên cân.

Nhu cầu thực phẩm cũng thay đổi tùy từng người, tùy cấu trúc cơ thể to nhỏ, khi làm việc, khi nghỉ ngơi. Con người thường có khuynh hướng ăn quá nhiều, bất cứ lúc nào, coi bao tử như một thùng chứa. Thế là béo phì, tiểu đường, suy tim mạch, giảm tuổi thọ trời cho. Lên cân vừa phải vào tuổi 60 có thể chấp nhận được vì đó là diễn tiến bình thường, nhưng "*mập mạp*" quá không bao giờ là dấu hiệu của sức khỏe.

2. Cân bằng

Thực phẩm cần có sự cân bằng giữa các chất dinh dưỡng cần bản. Không nhất thiết là phải cân bằng ở mỗi bữa ăn, mà có thể trong ngày, trong tuần... Các chuyên gia dinh dưỡng vẫn khuyên nên theo tỷ lệ 30% béo, 15-20% đạm, 45-50% *carbohydrat*.

3. Đa dạng

Đừng sở thích chỉ phối hoàn toàn việc chọn lựa món ăn, mà cần phải lưu ý đến việc ăn nhiều món ăn khác nhau. Mỗi một thực phẩm có chất dinh dưỡng với công dụng riêng mà những món khác không có và không thay thế được. Bỏ quên một chất dinh dưỡng nào đó quá lâu sẽ đưa tới thiếu dinh dưỡng.

Sau đây là vài hướng dẫn về việc sử dụng các chất dinh dưỡng:



a. Chất đạm

Đạm gồm có nhiều các amino acid, trong đó có một số cơ thể không tự tổng hợp được và phải do thực phẩm cung cấp. Đạm động vật có hầu hết các amino acid. Thực vật có thể thiếu một vài loại nhưng khi ăn nhiều rau trái khác nhau ta sẽ bổ sung đầy đủ. Khi sử dụng đạm động vật, chúng ta cũng cần lưu ý:

- Thịt bò, heo, cừu thường có nhiều béo;
- Thịt gà, gà tây ít hơn nếu bỏ da;
- Cá tốt hơn nữa, tôm hơi nhiều cholesterol;
- Sữa, trứng, pho mát loại ít chất béo thì tốt hơn;
- Sữa chua giảm cholesterol.

Hạn chế các món chiên rán. Hấp, nướng bỏ lò tốt hơn.

b. Chất béo

Cơ thể rất cần chất béo, nhưng nhiều quá thì lại có nguy cơ gây bệnh. Vì thế, cần để ý hạn chế ở mức vừa phải khi ăn, nhất là các chất béo bão hòa.

Chất béo tạo ra nhiều phản ứng oxy hóa ở tế bào, sản xuất nhiều gốc tự do. Các gốc tự do này đưa tới nhiều hư hao cho tế bào và được coi như là một trong những nguyên nhân gây ra bệnh tim mạch, tiểu đường, một vài bệnh ung thư cũng như sự lão hóa...

c. Carbohydrat

Carbohydrat gồm hai nhóm chính là tinh bột và đường, có nhiều trong bánh mì, cơm, rau và trái cây. *Carbohydrat* là nguồn cung cấp năng lượng chính cho não bộ. Trong cơ thể, chất dinh dưỡng này được chuyển hóa thành đường glucose. Theo tập quán lâu đời của nhiều dân tộc Á Đông thì carbohydrate trong cơm gạo là nguồn lương thực chính.

d. Chất xơ

Có nhiều trong rau trái cây. Khi thiếu

chất xơ, ta thường hay bị táo bón, viêm túi ruột, bệnh túi mật, tăng nguy cơ ung thư ruột già.

Chất xơ giúp giảm cholesterol trong máu, đại tiện dễ dàng. Nhưng dùng quá nhiều có thể gây đầy bụng, giảm hấp thụ sắt, kẽm, calcium

đ. Đường

Do sự hấp dẫn của vị ngọt nên có rất nhiều người ăn quá số lượng mà cơ thể cần.

Đường trắng không cung cấp các acid amin và sinh tố cho sự dinh dưỡng mà chỉ cho năng lượng. Khi được cung cấp quá nhiều, năng lượng thừa sẽ chuyển thành ra mỡ béo, dẫn đến béo phì.

Tiêu thụ nhiều đường cũng gây sâu răng, làm tăng nguy cơ mắc bệnh tiểu đường khi tuổi lên cao, làm tăng cholesterol và bệnh tim mạch...

e. Muối ăn

Muối ăn là thành phần quen thuộc và không thể thiếu trong hầu hết các bữa ăn. Nhưng ăn nhiều muối quá có thể bị huyết áp cao. Thường thì chúng ta ăn nhiều hơn nhu cầu cần thiết của cơ thể để thỏa mãn khẩu vị, và như vậy là buộc thận phải hoạt động nhiều hơn để bài tiết lượng muối thừa. Khi điều này thường xuyên xảy ra, thận sẽ suy yếu, hư hao.

g. Sinh tố và khoáng chất

Sinh tố và khoáng chất rất cần thiết cho cơ thể, nhưng điều đó không có nghĩa là việc bổ sung các chất này bao giờ cũng tốt cho sức khỏe. Trong thực tế, một người khỏe mạnh áp dụng chế độ dinh dưỡng cân bằng, đa dạng thì không cần uống thêm sinh tố và khoáng chất. Người ăn chay thuần túy rau trái có thể cần dùng thêm sinh tố B12; phụ nữ có thai cần thêm sắt, folate.

Một số sinh tố như sinh tố *C, E, Beta carotene* hiện nay rất phổ biến. Nhiều người dùng vì tác dụng chống oxy hóa, nhưng nên tránh dùng liều lượng quá cao.

h. Nước

Nước rất cần cho hầu hết các chức năng của cơ thể. Nước điều hòa thân nhiệt, chuyển trở chất dinh dưỡng và dưỡng khí tới tế bào, thu thập chất phế thải để bài tiết ra ngoài. Nước cũng là chất đệm cho các khớp xương và bảo vệ các bộ phận.

Nhu cầu nước của cơ thể được thỏa mãn khi ta uống khoảng 8 ly nước mỗi ngày. Khi uống ít hơn mức này, cơ thể vẫn hoạt động nhưng nhiều biện pháp "tiết kiệm nước" sẽ được cơ thể áp dụng dẫn đến giảm khả năng huật động và phát triển bình thường.

Có nhiều loại nước ống để cung cấp nước hàng ngày cho cơ thể. Sữa là nguồn cung cấp nhiều nước mà lại kèm theo nhiều calcium, đạm, sinh tố... Nên dùng sữa đã loại

bỏ bớt chất béo.

Các loại nước ngọt có nhiều đường và chất hơi, nên cần giới hạn. Nước ép trái cây, nước khoáng thiên nhiên ...đều là các thức uống tốt.



4. Thực phẩm có tác dụng chống lão hóa

Sau đây là tóm tắt một số thực phẩm mà kinh nghiệm cho là có thể làm chậm sự lão hóa. Một số thực phẩm này chủ yếu là có chứa những chất chống sự oxy hóa (*anti oxidant*). Đây là chất có khả năng ngăn chặn các gốc tự do (*free radical*), nguồn gốc của tiến trình oxy hóa các tế bào và là một trong nhiều nguy cơ đưa đến lão suy.

1. Thực phẩm có nhiều Beta-Carotene (tiền tố sinh tố A) đều từ gốc thực vật như dưa, hồng qua, ớt đỏ, khoai lang, đu đủ, ớt cay, cà rốt, xoài, bí ngô, cải xanh lục... Dưa hấu, quýt, trái bơ, bắp su, dâu, cam đào, cà chua... chứa một lượng beta carotene ít hơn nhưng cũng là nguồn cung cấp không kém quan trọng.

2. Thực phẩm có sinh tố B 5 (*pantothenic acid*) có khả năng vừa chống gốc tự do vừa hạ cholesterol, chống ô nhiễm, bảo vệ gan. Sinh tố B6 có nhiều trong men, gạo lức, hạt bí ngô, hạt mè...

3. Sinh tố C là chất chống oxy hóa rất tốt và có trong trái cam, chanh, dâu, cải lá xanh lục, cà chua, su lơ xanh lục, khoai tây, khoai lang...

4. Sinh tố E có nhiều trong mầm lúa mạch, đậu nành, bắp su, su lơ xanh lục, các loại cải có lá xanh lục. Theo nhiều nhà nghiên cứu, sinh tố E làm chậm tiến trình lão hóa và làm trẻ con người.

5. Thực phẩm chứa nhiều calcium gồm có sữa gạn bớt mỡ, đậu phụng, sữa chua gạn mỡ, quả óc chó, phở mắt, hạt hoa hướng dương, đậu nành, các loại đậu khô, cá mòi đóng hộp (ăn cả xương), các loại cải xanh lục, cá hồi, su lơ xanh lục...

6. Khoáng chất iodine có trong tảo bẹ,

hành, hải sản, đa số cải xanh lục...

7. Khoáng chất sắt có nhiều trong sò hến, quả hạch, đào sấy khô, các loại đậu, thịt tươi không mỡ, măng tây, gan, mật mía, trứng, bột yến mạch (oatmeal)...

8. Mầm lúa mạch, cám, cá tuna, hành, cà chua, su lơ xanh lục chứa khoáng chất selenium.

9. Thực phẩm giàu chất đạm gồm có: cá tươi hoặc đông lạnh, tôm cua, sữa gạn mỡ, sữa chua gạn mỡ, thịt gà (đút lò hay nướng), thịt cừu, thịt bò lọc bỏ bớt mỡ, hạt cây hướng dương, hạt bí ngô, đậu phụng rang, bơ đậu phụng không pha đường hoặc muối.

10. Trái cây chống lão suy gồm có: quả kiwi, nho đen Hylạp, hồng qua, đu đủ, các loại quả thuộc giống cam quýt, dâu ổi, đào lông, quả xuân đào (nectarine) dưa hấu. Những loại quả này có lượng sinh tố C rất lớn.

Ngoài ra còn phải kể đến những loại quả có chứa *bioflavonoisd*, một chất chống oxi-hóa mạnh, như: quả mơ (apricot), nho, dâu đen, quả anh đào (cherry), quýt, bưởi cam...

Kết luận

Để trì hoãn sự lão hóa, con người đã thử qua nhiều cách khác nhau. Có những phương thức phải tốn nhiều tiền, có những loại thuốc có thể mang tới kết quả, cũng có những nghiên cứu với nhiều hứa hẹn.

Nhưng phương thức mà mọi người có thể áp dụng được, có kết quả chắc chắn mà lại ít tốn kém. Đó chính là áp dụng một chế độ dinh dưỡng đúng đắn, hợp lý, cân đối, đa dạng kết hợp với sự vận động, rèn luyện thể lực.

Bác sĩ Nguyễn Ý Đức M.D.
www.bsnguyenyduc.com



Thời Gian Không Chờ Đợi Ai

(Phóng tác theo kinh Đại Bát Niết Bàn)

THÍCH NỮ HẰNG NHƯ

VĂN HỌC / NGHỆ THUẬT

Dù Đức Phật đã là một bậc Vô thượng chánh đẳng giác, nhưng Ngài cũng là một con người như bao nhiêu người khác nên không tránh khỏi nạn sanh lão bệnh tử trong đời này. Là một vị Sa-môn khiêm tốn, Đức Phật đã chọn nơi nhập diệt của mình ở một làng mạc xa xôi hẻo lánh, đó là làng Kushinagar, nơi có liên hệ mật thiết đến cuộc đời tu hành của Ngài trong một kiếp xa xưa. Tuy đã chuẩn bị như thế, nhưng những ngày tháng cuối cùng của Ngài vẫn là những ngày tháng làm việc không ngừng nghỉ. Mặc dù tuổi già sức yếu, nhưng Đức Phật không ngần ngại đi bộ trên những con đường chập chùng xa vắng, lên đèo xuống dốc, băng rừng vượt suối... cùng với vị đệ tử hầu cận thân mến là Đại Đức Ananda đến các làng lân cận thăm hỏi và truyền dạy những bài học sau cùng cho các đệ tử của Ngài.

Trong thời gian này, các đại đệ tử của Đức Phật đã lần lượt trước sau tịch diệt. Hai vị đại đệ tử Xá-Lợi-Phất và Mục-Kiền-Liên là hai cánh tay đắc lực, giúp Phật lo trong, lo ngoài cho giáo đoàn. Bây giờ chỉ còn một mình Đại đức Xá-Lợi-Phất. Ngay cả Đại đức La-Hầu-La và Đại đức ni Da-Du-Đà-La cũng không còn ở dương thế.

Đại đức Ananda buồn rầu mỗi khi chứng kiến cảnh ra đi

của các bạn đồng tu, hoặc khi được tin các đệ tử tại gia của Đức Phật, ngày một ra đi nhiều hơn. Những lúc buồn rầu nhớ nhung như vậy, Đại đức thường hay hỏi han Đức Phật xem những vị này đi về đâu sau khi mệnh chung. Chẳng hạn như hôm nay, khi Đức Phật cùng với đại chúng Tỷ kheo trên đường hoằng hoá dừng lại tại làng Nadika, nơi có Tỷ kheo Salha và các cư sĩ qua đời trước đó. Kỷ niệm thân thương lại trở về khiến cho Đại đức Ananda không đành được xúc động, đã ngồi xuống một bên Đức Phật mà hỏi rằng:

- Bạch Đức Thế Tôn, con nhớ sư huynh Salha đã mệnh chung ở nơi này. Không biết sư huynh đã

được sanh về cõi nào rồi? Hậu thế và tâm trạng của sư huynh con ra sao? Xin Ngài mở lượng hải hà nói cho con biết!

Đức Phật đang dõi mắt nhìn quang cảnh xung quanh, nghe Đại Đức Ananda nhắc đến Salha, Ngài nhớ lại dáng người đệ tử ấy trong chiếc y vàng, vẻ mặt hiền hoà, lúc nào cũng chăm lo tu học, rồi trả lời:

- Nay Ananda, Tỷ-kheo Salha đã diệt tận các lậu hoặc, tự giác chứng đạo. Tâm và tuệ của thầy ấy đã được giải thoát.

- Bạch Đức Thế Tôn, còn cư sĩ Cấp-Cô-Độc, ông ấy đã được sanh về cõi trời, rồi làm gì trên ấy?

- Thầy Ananda, thầy nhớ là trước khi mệnh chung ông



Cấp-Cô-Độc đã chứng quả Nhất Lai. Sở dĩ ông ấy được sanh về cõi trời, là nhờ phước đức to lớn đã tạo ra trong đời này. Ông ấy sẽ là một vị trời cho đến khi nào hưởng hết phước thì trở lại đời này một lần nữa, tiếp tục con đường tu hành và sẽ diệt được hết mọi khổ đau.

Nghe Đức Phật nói như vậy, Đại đức Ananda chấp tay trước ngực xá một xá, rồi đưa mắt nhìn những hàng cây đong đưa trước gió dưới cơn nắng gay gắt. Trong đầu của Đại đức lại xuất hiện hình bóng Tỳ-kheo ni Sundari Nanda, vốn là em bà con của Đức Phật và Đại Đức, một công nương lá ngọc cành vàng, cũng từ bỏ cuộc sống sang giàu trong cung điện thì phát xuất gia. Không biết bây giờ công nương phiêu bạc nơi nào. Không dẫn được. Đại đức lại chấp tay xá Phật hỏi:

- Bạch Đức Thế Tôn, Tỳ-kheo ni Nanda lúc còn sống hành trì rất siêng năng, không biết sau khi mệnh chung, Sư nữ sanh về cõi nào?

Đức Phật nhận nại trả lời câu hỏi người thị giả:

- Tỳ-kheo ni Nanda đoạn trừ được những ham muốn thấp hèn, không oán ghét, không mê muội, không lo âu buồn phiền, cũng chẳng hoài nghi chánh pháp... bằng cách tự mình tu tập phát huy trí tuệ làm giảm suy những khát vọng mạnh mẽ đó... cho đến khi tâm của ni sư an trú trọn vẹn trong Tứ Niệm Xứ. Khi mệnh chung ni sư hoá sanh về Thiên giới, từ đó nhập Niết Bàn không trở lại đời này nữa!

Đại đức Ananda thở nhẹ, cảm thấy trong lòng thật dễ chịu. Đại đức nghĩ Đức Phật thật là một nơi nương tựa êm đềm tin cẩn nhất trên đời này của Đại đức. Bất cứ chuyện gì Đại đức muốn tìm hiểu, Đức Phật đều vui lòng giải đáp, giúp cho Đại đức thấu triệt được nhiều điều.

Như vậy là cô em trong dòng họ của Đức Phật và Đại đức đã chứng quả Niết Bàn, sẽ

chẳng còn chịu cảnh luân hồi nữa. Mô Phật, Đại đức mừng cho ni sư Nanda, rồi tự nghĩ đến phận mình. Không biết sau này con đường tu tập của mình ra sao? Nghĩ như vậy, rồi Đại đức lại tiếp tục tò mò nhớ đến những vị khác đã ra đi trước mình như Kakudha, Kalinga và nhiều cư sĩ khác nữa... Đại đức muốn hỏi thăm Đức Phật nhưng lại thôi!

Độc được những ý nghĩ của Đại đức Ananda, Đức Phật mỉm cười bao dung rồi chậm rãi nói:

- Nay Đại đức Ananda, thầy muốn biết nữ cư sĩ Sujata, người đã dâng sữa và thức ăn cho Như Lai trước khi Như Lai thành đạo, và các cư sĩ Kakudha, Kalinga, Nikata, Bhadda, Subhadda... bây giờ ra sao phải không?

- Mô Phật! Bạch Đức Thế Tôn, đệ tử thật làm phiền Ngài!

- Như Lai có thể nói cho thầy biết là các vị này cũng như ni sư Nanda, họ hoàn toàn an trú trong tâm như, nên được hoá sanh, từ đó nhập Niết Bàn, không còn trở lại đời này nữa... Có hơn chín mươi tít nam cư sĩ mệnh chung tại nơi này, họ đã diệt trừ ba kiết sử, làm giảm thiểu tham, sân, si chứng quả Nhất Lai, sẽ trở lại đời này một lần nữa rồi diệt tận khổ đau... Cũng có hơn năm trăm cư sĩ mệnh chung ở Nadika này, chứng được quả Dự Lưu, nhất định không còn đọa vào ác đạo, nhiều kiếp sau này sẽ đạt được chánh giác.

Đại đức Ananda chấp tay thưa Mô Phật, rồi ngập ngừng chùng chùng như muốn hỏi nữa, nhưng không dám lên tiếng. Đức Phật đưa ánh mắt từ bi nhìn Đại đức rồi nhẹ nhàng khuyên nhủ:

- Nay Đại đức Ananda, thầy đừng thắc mắc những chuyện không đáng phải thắc mắc nữa! Thật không

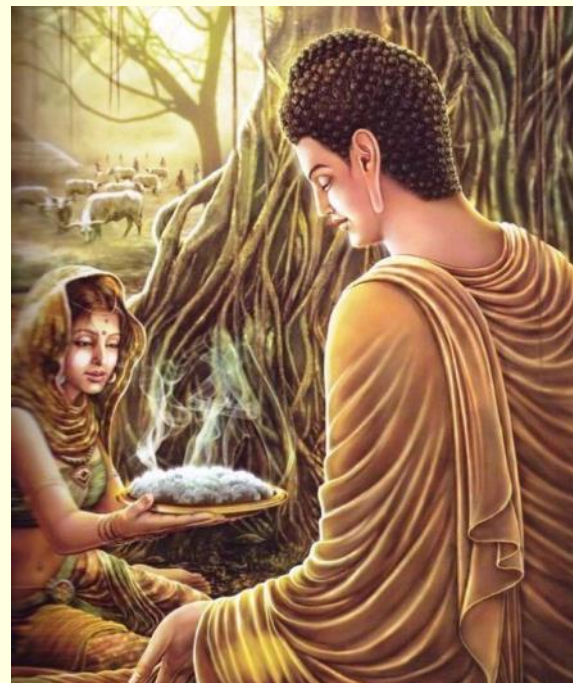
có gì lạ về việc con người sanh ra rồi phải chịu cảnh mệnh chung. Nhưng mỗi lần có người mệnh chung hoặc nghĩ ngợi đến vấn đề mệnh chung thì thầy buồn rầu rồi lại hỏi Như Lai về quả chứng tu hành của họ.

- Mô Phật... đệ tử thực sự nhiều lần đã làm phiền Đức Thế Tôn.

- Thôi được, Như Lai sẽ dạy cho thầy làm sao chứng đạt được Chân Lý, để các thầy có thể biết trước và tự nói với mình rằng: *"Ta sẽ không còn tái sanh vào địa ngục, bàng sanh, ngạ quỷ, những cảnh phiền não, tội lỗi và thấp hèn nữa. Ta đã nhập lưu, không còn rơi trở lại con đường ác, và sự chứng ngộ cuối cùng chắc chắn sẽ được bảo đảm"*.

Đức Phật nói tiếp:

- Nay thầy Ananda, thầy hãy lắng nghe và ghi nhớ, Như Lai sẽ vì thầy giảng về *Gương Chánh Pháp*. Gương Chánh Pháp là gương lành của những người đệ tử dốc lòng học đạo. Muốn thành tựu đạo quả sau này, trước hết người cầu đạo cần phải có niềm tin vững chắc, cũng như lòng kính trọng ba ngôi Tam Bảo. Có tin tưởng kính trọng thì người ấy mới nỗ lực



tu tập theo Chánh pháp. Ba ngôi Tam Bảo đó là Phật, Pháp, Tăng. Kính trọng ba ngôi là như thế nào? Đó là họ đặt trọn niềm tin và suy nghĩ về những ân đức của Phật như là một "*bậc A-La-Hán, Chánh Đẳng Giác, Minh Hạnh Túc, Thiên Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhơn Sư, Thế Tôn, Phật*". Họ cũng tin tưởng rằng Giáo Pháp của Đức Phật đã được Ngài: "*Khéo giảng dạy, truyền bá đầy đủ, khuyến khích sự suy nghĩ tìm tòi, có hiệu năng tức khắc đưa đến Niết Bàn, để mỗi người tự học hỏi, tu tập, khai thác tìm hiểu cho chính mình*". Họ cũng đặt trọn vẹn niềm tin nơi Đức Tăng, tức tin tưởng vào Giáo Hội Tăng Già bởi vì: "*Các đệ tử xuất gia của Như Lai có đức hạnh hoàn hảo. Các vị ấy tu hành trong bốn niêm: Chân chánh, Chân trực, Chân trí và Chân tịnh. Các vị ấy là những vị Tỷ-kheo đã thành đạt bốn đạo và bốn quả Thánh nên là phước điền vô thượng ở thế gian, là bậc xứng đáng thọ lãnh sự cúng dường.*"

Sau khi giảng về Gương Chánh Pháp cho Đại đức Ananda, Ngài đi đến kết luận:

- Thầy Ananda nên biết những vị đệ tử cao thượng như trên là những người tu tập có phẩm hạnh thích hợp với chư Phật. Phẩm hạnh của họ hoàn toàn trong trắng, không bị một chút ô nhiễm. Phẩm hạnh mà các bậc thượng trí luôn luôn tán dương. Người đạt được phẩm hạnh cao quý trên không bao giờ bị khát vọng trần tục vương vấn làm hoen ố. Phẩm hạnh thuận chiều đưa đến tâm định sáng suốt, biết được những gì sẽ xảy đến cho mình mà không phải cầu tìm nơi người khác. Khi nào thầy Ananda và đại chúng chứng đạt được Pháp Kính này thì các thầy mới thật là những đệ tử cao thượng của Như Lai. Các thầy có thể biết

trước được các thầy sẽ đi về đâu sau khi xả bỏ thân phàm ở đời này.

Đại đức Ananda chăm chú nghe lời giảng dạy của Đức Phật. Thầy phát tâm kính trọng ba ngôi Phật, Pháp, Tăng một cách nghiêm chỉnh. Khi Đức Phật vừa dứt lời, Đại đức xoay người quỳ ngay ngắn đánh lễ thật sâu trước mặt Đức Phật.

Đức Phật nhìn Ananda rồi ban bảo:

- Thôi... từ giờ trở đi thầy Ananda chớ hỏi Như Lai những câu không có ích cho việc tu tập của thầy nữa. Thầy nên trau dồi tinh tấn thêm để đạt được đạo nguyện!

Đại đức Ananda cúi rạp người hứa sẽ hết sức nỗ lực tinh cần.

Buổi tối, thầy trò đều nghỉ tại nơi đây. Sau khi chăm sóc và đưa Đức Phật vào trong nhà rồi. Đại đức ra ngoài sân ngồi. Thầy nhớ lại những chuyện xảy ra trên núi Linh Thứu mấy tuần trước. Không hiểu tại sao Thầy cảm thấy quyến luyến thương mến ngọn núi này vô chừng. Những ngày trú ngụ ở trên núi Linh Thứu là những ngày êm đềm có nhiều kỷ niệm đối với cuộc đời khất sĩ của thầy hơn những nơi khác. Từ khi được giáo đoàn để cử làm thị giả cho Đức Phật, thầy có dịp chứng kiến tận mắt, được nghe tận tai, những lời vàng ngọc tràn đầy tuệ giác, cũng như những hành động biểu lộ lòng từ bi thương xót muôn loài của Đức Thế Tôn.

Theo suy nghĩ riêng tư của Đại đức Ananda thì Đức Phật là một bậc Toàn Giác hoạt động tích cực và nhiệt thành có một không hai trên thế gian này. Suốt ngày, lúc nào thầy cũng thấy Đức Phật luôn bận rộn với công việc hoằng pháp. Ngoài thời gian rất ngắn cần giải quyết các nhu cầu cá nhân như thọ trai, tắm rửa, giặt giũ ...

chương trình hoạt động của Đức Phật được sắp xếp thật khít khao.

Đời sống nội tâm của Đức Phật là tham thiền nhập định, chứng nghiệm hạnh phúc thoát tục. Còn đời sống bên ngoài của Ngài là hướng dẫn, nâng đỡ phẩm hạnh của chúng sanh trong nhân gian.

Nhờ cận kề với Đức Phật ngày cũng như đêm, nên Đại đức Ananda biết được những việc làm của Đức Phật rất rõ ràng. Mỗi ngày vào lúc mặt trời chưa mọc, Đức Phật dùng tuệ nhãn quan sát thế gian, xem có ai cần Ngài tế độ. Nếu thấy có người cần hỗ trợ tinh thần thì Ngài hoan hỷ đến để dẫn dắt người ấy con đường tu tập vào chánh đạo. Bình thường Đức Phật đi bộ, nhưng đôi khi Ngài cũng dùng phép thần thông bay trên không trung. Đại đức đã từng thấy Đức Phật đến với những người hư hèn bạo ngược giết người không góm tay Angulimāla hay con quỷ dạ xoa ác độc để hoá độ họ. Cũng có những người tâm đạo nhiệt thành như cô bé Visakha, nhà triệu phú Cấp-Cô-Độc hay các bậc thiên trí như anh em kết nghĩa Xá-Lợi-Phất và Mục-Kiền-Liên tìm đến xin thọ giáo nơi Ngài.

Trong khi tế độ thế gian, nếu không có ai thỉnh mời trai tăng thì Đức Phật tự mình ôm bình bát đi khất thực trên các nẻo đường bất kể sinh lầy hay khô ráo, lúc đi một mình, khi với chúng tăng. Một vị giác ngộ được hàng vua chúa trọng vọng tôn sùng kính nể, một vị Thiên Thệ được hàng người trời khắp cõi... khấu đầu đánh lễ mỗi khi đến trước mặt. Vậy mà vị đó lại im lặng khiêm cung đứng trước cửa từng nhà, không thốt một lời để thọ lãnh vật thực bử thí của những người có tâm trong sạch, rồi trở về nơi trú xứ. Đức Phật đã làm như vậy từ khi Ngài còn trẻ cho đến bây giờ Đức Phật đã tám mươi tuổi. Mặc dầu đau ốm

bất thường nhưng Đức Phật vẫn đi khất thực như vậy.

Đức Phật thọ thực trước Ngọ. Sau đó Ngài thuyết một bài pháp cho chư vị Tỷ kheo nghe. Sau thời pháp, Đức Phật ban lễ quy y Tam Bảo, truyền ngũ giới, và nếu có vị đệ tử nào đạt đến trình độ tịnh thần đầy đủ, Ngài chỉ dẫn những bài học cao hơn, rút ngắn con đường giải thoát cho họ. Buổi trưa Đức Phật quay về tịnh thất. Không biết Đức Phật có chủ ý gì hay không mà lúc nào Đại đức cũng thấy Ngài nằm nghiêng mình bên mặt. Đức Phật không bao giờ nằm lâu. Chỉ nằm hoặc mười phút là Ngài thức dậy nhập Đại Bi định. Lúc này là lúc Đức Phật phóng tuệ nhãn quan sát thế gian theo dõi những chuyển hoằng pháp khắp nơi của các vị Tỷ-kheo. Các đệ tử của Ngài có người đang đi vào rừng sâu vắng vẻ hành thiền. Cũng có các vị đi vào làng mạc để tế độ quần sanh. Nhiều vị đệ tử ở xa khác có những thắc mắc không thông giải được thì Ngài dùng thần thông bay đến hoằng giảng rồi trở về tịnh thất.

Vào buổi chiều, thiện tín khắp nơi đến nghe Đức Phật

giảng Pháp. Với Phật nhãn, Ngài nhìn vào khuynh hướng và tâm tánh của mọi người trong cử tọa để thuyết Pháp. Mỗi người nghe dù tánh tình và quan niệm dị biệt đều có cảm tưởng rằng bài Pháp của Đức Phật đặc biệt dành cho mình. Đối với người thuộc hạng trung bình, Đức Phật giảng về lợi ích của hạnh bố thí, khuyên họ nên giữ giới luật để khi thác sanh về cõi trời hưởng hạnh phúc. Với những người tiến bộ hơn, Ngài đề cập đến mối nguy hại của thú vui vật chất và hạnh phúc của sự khước từ, sự thoát ly. Với những vị đã đạt đến mức cao hơn thì Ngài giảng về pháp Tứ Diệu Đế. Trong trường hợp hiếm hoi như Angulimala kẻ mê muội những tay vào máu đến chín trăm chín mươi chín lần, thì Ngài dùng oai lực thần thông để ảnh hưởng đến tâm và sau cùng làm lễ xuất gia cho hẳn.

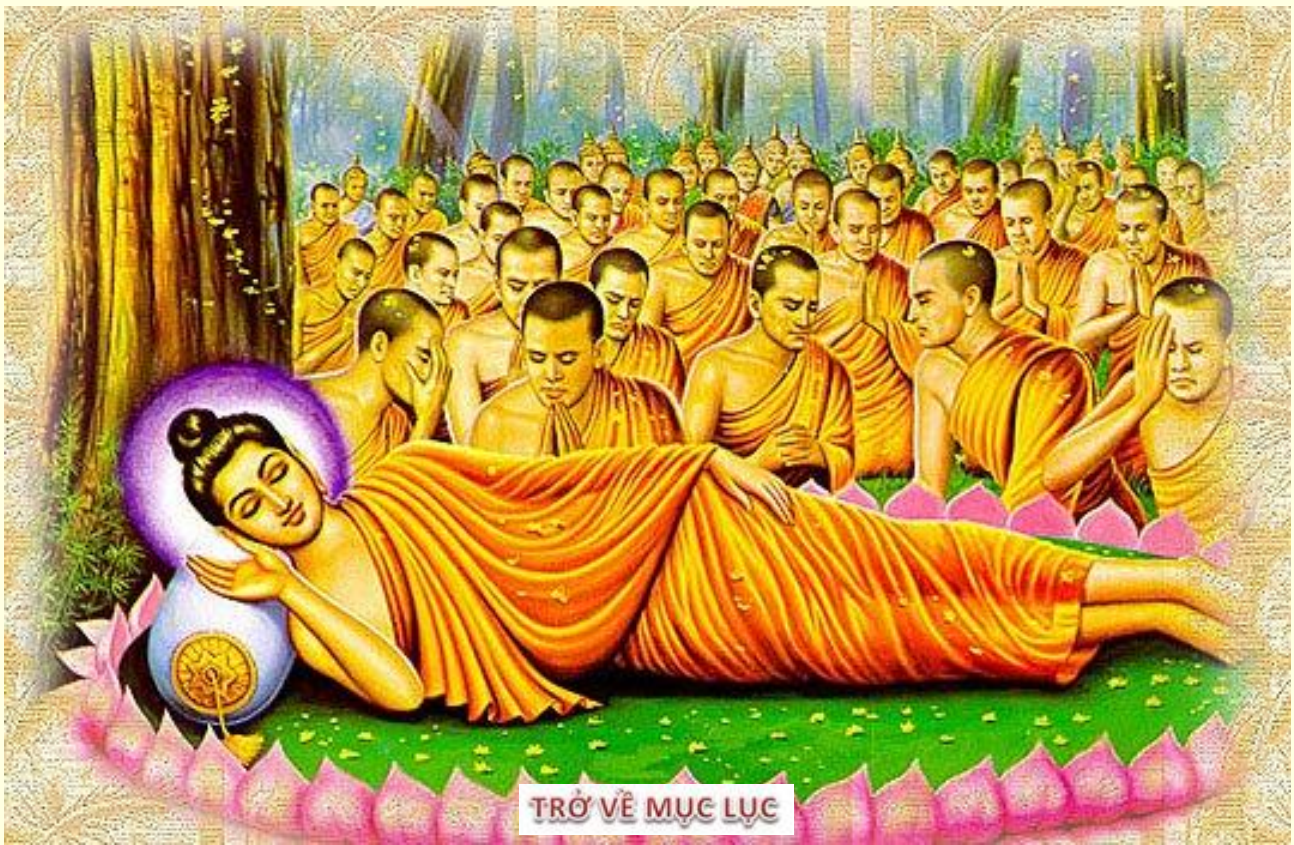
Tối đến canh đầu, từ sáu đến mười giờ đêm, Đức Phật dành khoảng thời gian này để giải đáp và soi sáng những thắc mắc về giáo pháp của các vị Tỷ-kheo sống bên cạnh Ngài.

Canh giữa, từ mười đến hai giờ khuya, là giờ các chư thiên là những chúng sanh mà mắt người phàm không thể trông thấy. Họ từ các cảnh trời xuống hầu Phật để được nghe Ngài giảng pháp.

Canh cuối cùng trong đêm từ hai giờ khuya đến sáu giờ sáng, được chia làm bốn phần. Phần đầu, từ hai đến ba giờ Đức Phật đi kinh hành. Từ ba đến bốn giờ, Ngài nằm định thần nghiêng về phía tay mặt. Từ bốn đến năm giờ, Ngài nhập Đại Bi định rải tâm Từ đến khắp nơi làm êm dịu tâm trí của tất cả chúng sanh. Sau đó bằng Phật nhãn, Ngài lại quan sát thế gian xem ai cần tế độ. Những người đạo hạnh và những người cần đến Ngài dù ở xa thế mấy, Ngài cũng nhận ra và mở lòng bi mẫn tự ý đến hỗ trợ tinh thần cần thiết cho họ.

Trọn cả ngày, Đại đức Ananda được biết Đức Phật luôn bận rộn với nhiệm vụ đạo đức như thế. Đức Phật chỉ ngủ có một tiếng đồng hồ và ngày nào cũng như ngày này cho đến hôm nay Đức Phật đã tám mươi tuổi rồi, Ngài vẫn làm việc đều đặn như vậy.

(mời xem tiếp kỳ sau)



TRỞ VỀ MỤC LỤC

NHỮNG VIÊN THUỐC BỌC ĐƯỜNG

(Phần 7, Chắp Tay Lạy Người)

Nguyễn Minh

ĐẠO PHẬT TRONG ĐỜI SỐNG

Kinh *Pháp Bảo Đàn*, phẩm *Cơ duyên* có ghi lại chuyện ngài Pháp Đạt, xuất gia từ năm 7 tuổi, chuyên trì tụng kinh *Pháp Hoa*. Lần đầu tiên tìm đến lễ bái Lục tổ Huệ Năng, khi lễ lạy đầu không sát đất. Tổ sư thoáng nhìn đã biết Pháp Đạt trong tâm có chút kiêu mạn, liền gạn hỏi. Pháp Đạt nói: "Tôi tụng kinh *Pháp Hoa* đã được ba ngàn lượt!"

Tụng kinh đến ba ngàn lượt, cho dù mỗi ngày tụng được trọn một bộ (cả thầy có 7 quyển, 28 phẩm) thì cũng phải mất đến khoảng 10 năm liên tục! Như vậy, ắt hẳn phải thuộc lòng văn kinh; và thọ trì kinh vẫn được như vậy đã có thể nói là rất chí thiết. Nhưng thái độ chưa đủ chí thành khi lễ lạy Tổ sư và câu trả lời đây tự mãn như trên lại chứng tỏ vị tăng này chưa nhận hiểu và thực hành được theo đúng nghĩa kinh! Vì như chúng ta vừa đề cập trên, chỉ riêng một phẩm *Thường Bất Khinh Bồ Tát* cũng đã dạy ta những điều hoàn toàn ngược lại với thái độ ấy, huống chi là đã thọ trì được trọn vẹn cả bộ kinh?

Thế nhưng, chúng ta đừng vội xem thường ngài Pháp Đạt. Kinh *Pháp Bảo Đàn* cũng ghi rõ là chỉ sau một lần đối thoại trong hôm đó, ngài đã nhận hiểu được những lời dạy của Lục tổ, khai mở được trí tuệ và trở thành một trong những vị danh tăng của thời ấy. Liệu có mấy ai trong chúng ta ngày nay có thể sánh được với năng lực tu tập và nhận hiểu như ngài?

Vấn đề cần lưu ý ở đây là, ngay cả khi có được sự nỗ lực hành trì rất mãnh liệt và chí thiết như ngài Pháp Đạt: xuất gia từ năm lên bảy, tụng đọc kinh *Pháp Hoa* đến ba ngàn lượt... nhưng vẫn chưa diệt hẳn được tâm chấp ngã! Điều đó cho thấy rằng một nhận thức chân thật về bản ngã không phải là điều

có thể dễ dàng và nhanh chóng đạt đến.

Câu chuyện thứ hai tôi muốn đề cập ở đây là chuyện về Quốc sư Ngô Đạt, được nhắc đến trong lời tựa sách *Tử bi thủy sám pháp*.

Ngài Ngô Đạt là danh tăng vào đời nhà Đường của Trung Hoa, khi chưa là Quốc sư đã từng chăm sóc một vị tăng mang bệnh ghẻ lở, toàn thân hôi hám. Sau khi lành bệnh, trước lúc chia tay vị tăng ấy có dặn ngài về sau nếu gặp khổ nạn hãy đến tìm ông ta ở núi Cửu Lũng, Bành Châu, thuộc tỉnh Tứ Xuyên.

Thời gian sau, ngài Ngô Đạt nhờ có đạo hạnh cao thâm, uyên bác kinh điển nên được vua Đường Ý Tông cử cùng kính trọng, quyết định tôn ngài làm Quốc sư. Trong một buổi lễ vô cùng long trọng, vua thỉnh ngài ngồi lên tòa trầm hương cao quý nhất trước sự cung kính lễ bái của chính nhà vua cùng với đông đảo thần dân và quan viên

lớn nhỏ trong triều đình. Ngay khi ấy, ngài Ngô Đạt liền khởi lên một ý niệm rằng: "Chỉ có ta mới được nhận sự cung kính đến như thế này!" Ngay khi đó, ngài thấy trong người khó chịu, choáng ngất. Đến chừng tỉnh lại thì nơi đầu gối đã mọc ra một cái ghẻ vô cùng đau nhức.

Đó là một cái ghẻ rất kỳ lạ, có hình dạng như một mặt người. Cái ghẻ ấy khiến ngài đau nhức không sao chịu nổi, mà biết bao danh y được mời đến cũng đều bó tay không sao chữa trị được. Cuối cùng, ngài nhớ đến lời dặn của vị tăng năm xưa, liền tìm đến núi Cửu Lũng. Quả nhiên gặp được vị tăng ấy.

Vị tăng dạy ngài pháp sám hối và dùng nước suối nơi ấy để rửa cái ghẻ. Nhưng ngay trước khi ngài khoác nước rửa, cái ghẻ bỗng



cất tiếng nói như người và nhắc lại mỗi thâm thù từ một kiếp xa xưa giữa ngài với nó. Trải qua nhiều kiếp sống theo đuổi nhưng kẻ thù này không thể ra tay, chỉ vì ngài luôn tu tập nghiêm cẩn, giữ gìn theo giới hạnh cao quý nên nó không đủ sức làm hại ngài. Chỉ đến lúc ngài được mời lên tòa trầm hương, thoáng một niệm sinh tâm kiêu mạn, kẻ thù mới nhân dịp đó mà ra tay, khiến ngài phải chịu khổ sở vì cái ghê oan nghiệt. Sau khi thành tâm sám hối và dùng nước suối nơi ấy rửa qua cái ghê, ngài mới được lành lặn như xưa.

Ngài Ngô Đạt nhân chuyện này mới soạn ra bộ Tứ bi thủy sám pháp, là một bản văn sám hối rất hay, lưu truyền mãi đến ngày nay. Pháp sám hối mà ngài đề cập trong bản văn chính là dùng nước từ bi để rửa sạch mọi oan nghiệt, oán thù, giống như ngài đã từng sám hối và nhờ nước suối nơi ngọn Cửu Lũng mà rửa sạch oán thù trong quá khứ.

Điều tôi muốn nhấn mạnh ở đây không phải là câu chuyện ly kỳ được truyền tụng qua nhiều đời về Quốc sư Ngô Đạt, mà chính là cái tâm kiêu mạn mà ngài đã khởi sinh trong chốc lát khi được thọ nhận sự cung kính lễ bái cúng dường. Trong chúng ta, liệu có mấy ai dám sánh với Quốc sư Ngô Đạt về công phu tu tập cũng như đạo hạnh cao thâm? Vì thế, khi đối mặt với những tác động chi phối của tâm chấp ngã, không thể không hết lòng cẩn trọng.

Bài học muốn thuở được rút ra từ câu chuyện của ngài Ngô Đạt chính là mối tương quan giữa sự tu tập và ngoại cảnh. Một chú sa-di mới tập tễnh vào chùa, bất cứ ai cũng có thể sai khiến được, sẽ có rất ít nguy cơ sinh lòng kiêu mạn, vì chú tự biết là mình chẳng hơn ai trong môi trường mới. Tuy nhiên, sau một thời gian dài tinh tấn tu tập, dần dần trở thành một vị cao tăng thạch đức thì thái độ của mọi người chung quanh tất yếu cũng thay đổi, ngày càng bày tỏ sự cung kính nhiều hơn. Và như vậy, công phu tu tập càng cao, giới hạnh càng nghiêm cẩn, kiên thức càng thông tuệ, thì người ta càng nhận được nhiều sự cung kính và xưng tụng. Điều đáng sợ là, trong khi những sự cung kính và xưng tụng đó hoàn toàn xứng đáng đối với người có tài năng và đức hạnh, thì đồng thời nó cũng là liều thuốc có tác dụng ru ngủ sự tinh tấn đồng thời khởi dậy và nuôi lớn tâm kiêu mạn, trở thành một cái bẫy cực kỳ nguy hiểm mà bất cứ ai trong chúng ta cũng đều rất dễ rơi vào.

Tiến trình này cũng diễn ra tương tự trong cuộc sống thường ngày của mỗi chúng ta, nhưng dường như rất ít người nhận biết. Những khi cơ hàn lam lũ, tình nghĩa đệ huynh, bằng hữu thường gắn bó như keo

sơn, luôn thương yêu tôn trọng lẫn nhau; nhưng đến khi thành đạt, nắm trong tay nhiều của cải, quyền lực, người ta lại rất thường trở nên xa lạ, nhạt nhẽo tình cảm với người khác. Đó là vì "cái ta" của mỗi người luôn lớn lên theo tỷ lệ thuận với giá trị của bản thân mà họ nhận biết được trong mối quan hệ với những người chung quanh. Càng được người khác tôn trọng, cung kính thì "cái ta" càng được nuôi lớn hơn, và "cái ta" càng lớn lên thì người ta sẽ có một cái nhìn khác hơn đối với mọi người quanh mình, thường là thiếu tôn trọng và rất dễ xem thường người khác.

Nếu như người tu hành dễ rơi vào cái bẫy của sự tôn kính lễ lạy, thì những kẻ thế tục cũng có cái bẫy của tiền tài và quyền lực. Bởi nhìn chung thì những thứ ấy đều khiến cho người khác phải bày tỏ sự phục tùng, cung kính đối với ta, và điều đó tất yếu sẽ làm cho sự kiêu căng ngả mạn vốn có của ta càng phát triển, cho đến khi nó khống chế hoàn toàn và biến ta thành một con người khác hơn so với trước đó.

Vì thế, khi ta bắt đầu bước vào con đường đạo thì mục tiêu trước mắt chỉ đơn thuần là học hỏi và tu tập, sao cho có thể dẹp bỏ dần những thói xấu và hoàn thiện bản thân mình. Nhưng khi sự tu tập của ta đạt nhiều thành tựu thì vấn đề bắt đầu thay đổi. Một mặt, ta thường tự hào với những kết quả mà mình đã có được với sự tinh tấn nỗ lực, nhất là khi những kết quả ấy nổi bật hơn so với nhiều người khác; mặt khác, ta cũng dễ dàng nhận ra là những người quanh ta bắt đầu bày tỏ sự ngợi khen, tán thán hay thậm chí là nể phục, tôn kính đối với ta, vì họ cũng thấy được những thành tựu mà ta đã đạt được.

Cho đến đây thì mọi việc vẫn diễn ra hoàn toàn hợp lý và tất yếu, bởi những gì ta có được là xứng đáng, vì chúng được tạo ra





từ những nỗ lực chân chánh và đúng hướng của bản thân ta. Thế nhưng, nếu ta không có sự tinh táo để nhận biết được nguy cơ tiềm tàng vào lúc này, thì khả năng rơi vào cái bẫy kiêu mạn sẽ ngày càng lớn hơn. Nói cách khác, nếu muốn tiếp tục vững tiến trên đường tu tập thì ngay vào lúc này ta phải biết tinh táo để nhận ra ngay mọi khuynh hướng thay đổi đang chớm xuất hiện trong tâm thức.

Ta cần nhận hiểu một cách đúng thật hơn về sự tôn kính mà mọi người chung quanh đang dành cho ta. Lấy ví dụ, khi ta tu tập đúng theo lời Phật dạy và được nhiều người tôn kính, thì sự tôn kính đó rõ ràng có được là nhờ vào đức Phật, người đã vạch con đường cho ta đi theo. Khi ta giảng giải giáo pháp và được nhiều người tôn kính, thì sự tôn kính đó là hướng về giáo pháp, vốn do đức Phật truyền dạy chứ không phải do ta nghĩ ra. Nếu biết suy nghĩ như thế, ta sẽ chế ngự được tâm kiêu mạn ngay từ khi nó vừa chớm phát ra.

Mặt khác, nếu ta đạt được nhiều thành công, thậm chí là những kết quả phi thường, khiến mọi người quanh ta đều ngưỡng mộ và tôn kính, thì thật ra những điều đó cũng không phải chỉ riêng mình ta mà có thể đạt được. Điều tất yếu là ta phải có sự giúp sức của nhiều cộng sự, có sự thuận lợi đến từ nhiều yếu tố liên quan... Nếu không, ta không thể đạt được bất kỳ kết quả nào dù là rất nhỏ. Khi nhận thức về sự việc một cách đúng thật và toàn diện như thế, ta sẽ không thấy tự mãn một cách thái quá về những thành tựu của mình. Nhờ đó, ta sẽ chế ngự được tâm kiêu mạn.

Nhưng nếu thiếu sự suy xét tinh giác và nhận thức đúng đắn, ta sẽ rất dễ dàng rơi vào con đường tuột dốc vì ngã mạn, thay vì là tiến bộ. Do sự cung kính lễ bái của người khác, ta thường thấy mình trở nên quan trọng, tài đức hơn người, và có vẻ như những người khác không ai có thể sánh bằng ta

được... Thậm chí mỗi khi có ai đó bày tỏ thái độ thiếu cung kính hoặc tôn trọng không đúng mức đối với ta, chẳng hạn như chỉ tán tụng sơ sài hơn những người khác hoặc xưng hô bằng những danh xưng không hợp ý ta, ta rất dễ sinh ra phiền não, bực dọc...

Không những thế, khuynh hướng này sẽ ngày càng phát triển. Sự cung kính lễ bái hoặc tán thán ngợi khen của người khác có tính chất tương tự như những liều thuốc kích thích, muốn giữ được tác dụng thì ngày càng phải tăng liều mạnh hơn, nhiều hơn. Nếu như lần đầu tiên được khen ngợi ta có thể hài lòng với một mức độ nào đó, thì về sau những lời khen tương tự như thế sẽ không còn làm ta thỏa mãn nữa. Ta cần đến những sự ca ngợi, tán tụng có mức độ mạnh mẽ hơn, và ta cũng khát khao, thèm muốn nhiều hơn đối với những sự ca ngợi, tán tụng như thế...

Và khi đã rơi vào căn bệnh ngã mạn, đã "nghiện nặng" đối với sự phục tùng và tôn xưng, kính trọng của người khác, ta sẽ dễ dàng đánh mất đi sự sáng suốt và trung thực vốn có trước đây của mình. Ta thèm muốn được người khác xưng tụng, ngợi khen, đến mức không ngần ngại đưa ra những đòi hỏi như thế. Thậm chí ta có thể đòi hỏi hoặc gợi ý người khác nhiều hình thức khác hơn nữa để bày tỏ sự kính trọng đối với ta, như viết văn thơ ca tụng, như tôn xưng ta trước đám đông, hoặc phải bày tỏ sự tôn kính tuyệt đối những lời ta nói ra, hay thậm chí dựng cả tượng đồng để vinh danh ta càng tốt... Nói chung, đó là một con đường tuột dốc cực kỳ nguy hại và không có điểm dừng!

Mặt khác, hệ quả của căn bệnh trầm kha này là ta sẽ luôn tìm mọi cách để che giấu những khuyết điểm hay lỗi lầm của mình, vì ta rất sợ những điều đó sẽ khiến ta mất đi sự tôn kính. Trong khi việc mắc phải một số lỗi lầm hay sai sót là chuyện rất bình thường đối với mọi con người khi chưa đạt đến sự giác ngộ hoàn toàn, thì đối với ta lại là điều không thể chấp nhận được. Đó chính là vì ta đã nuôi dưỡng "cái ta" lớn lên quá mức, và "cái ta" đó không cho phép ta tự mình hạ thấp hay bộc lộ sự thua kém trước người khác, ngay cả khi đó là sự thật. Than ôi! Ta có ngờ đâu chính khuynh hướng thiếu trung thực, che giấu lỗi lầm như thế sẽ làm cho tâm trí ta ngày càng mê muội hơn nữa, đánh mất đi khả năng trực nhận chân lý cũng như hoàn thiện chính bản thân mình.

Thật ra, trong cuộc sống thì những thay đổi theo khuynh hướng như trên thường rất dễ được mọi người quanh ta nhận ra, nhưng bản thân ta lại không mấy khi tự nhận biết! Chính vì tâm chấp ngã đã làm cho ta trở nên thiếu sáng suốt và luôn nhìn sự vật quanh ta qua một lăng kính biến đổi nhằm thỏa mãn

đòi hỏi của nó. Với cách nhận thức biến đổi sự việc theo hướng đó, ta dễ dàng nhận ra và thậm chí là thường xuyên khuyết đại những khuyết điểm, lỗi lầm của người khác, vì điều đó giúp ta cảm thấy mình tốt đẹp hơn, cao quý hơn so với họ. Ngược lại, ta không thể nhận ra hoặc không muốn nhận ra những khuyết điểm, những yếu kém hoặc lỗi lầm của chính bản thân mình, vì điều đó sẽ làm suy giảm sự tốt đẹp của ta đối với người khác, sẽ khiến ta cảm thấy bị tổn thương.

Nếu so sánh với câu chuyện về Bồ Tát Thường Bất Khinh trong kinh Pháp Hoa, ta sẽ dễ dàng nhận ra hai khuynh hướng tác động trái ngược nhau. Trọng khi sự chân thành tôn kính và lễ bái người khác có thể giúp ta điều phục tâm ý, phá trừ chấp ngã, vững vàng trong sự tu tập, thì tất cả những hình thức ngợi khen, xưng tán hay lễ bái mà người khác dành cho ta lại có tác dụng hoàn toàn ngược lại, dễ dàng nuôi lớn tâm chấp ngã và đẩy ta vào một sự suy thoái về đạo đức lẫn tinh thần.

Điều đáng chú ý nhất ở đây là, tiến trình đó luôn diễn ra một cách âm thầm, chậm chạp nhưng vô cùng mạnh mẽ, khiến cho ta thậm chí không nhận biết được là mình đang dần thay đổi vì chịu sự tác động của nó!

Nhưng nói như vậy không phải là đổ lỗi cho những sự ngợi khen, xưng tán hay cung kính lễ bái... Trong thực tế, những người có tài năng, đức độ thì tất nhiên rất xứng đáng để được ngợi khen, xưng tán... Và mỗi chúng ta cũng cần thiết phải chân thành biểu lộ sự tôn kính, ngợi khen đối với những người có tài năng, đức độ hơn ta, vì điều đó sẽ giúp ta phát khởi tâm hướng thiện mạnh mẽ hơn, sẽ nỗ lực tinh tấn nhiều hơn để hoàn thiện chính mình.

Vấn đề ở đây là, mỗi khi nhận được sự ngợi khen, xưng tán từ người khác, ta phải luôn có sự tỉnh giác, tự giữ mình; luôn phải nhận biết rằng những lời khen ngợi đó sẽ dễ dàng trở thành những viên thuốc ngủ bọc đường nếu ta thiếu sự tỉnh giác. Và thật ra thì chỉ khi có thể tỉnh táo nhận biết được như vậy, ta mới thật sự xứng đáng với sự ngợi khen, xưng tán hay lễ bái của người khác.



HÀNH HƯƠNG NGÀY XUÂN

*Lăng đăng hương xuân khắp muôn phương
Viên mãn đông quân giác miên trường
Tâm xuân bát ngát cùng vũ trụ
Hồn xuân âm áp với ánh dương
Vạn vật an lành chào ngày mới
Hoa xuân sắc thắm đón mười phương
Xuân đến xuân đi bao lần tuổi?
Thường xuân thâm đạo lý Vô-Thường.*

thơ **TUỆ NHA**

TRANH CHẶN TRÂU THIỀN TÔNG

CỦA “ZEN MOUNTAIN MONASTERY”

Tâm Minh Ngô Tăng Giao

TƯ TƯỞNG PHẬT HỌC

(Trích từ “**PHẬT DẠY LUYỆN TÂM NHƯ CHẶN TRÂU**”
của Soạn giả: *Tâm Minh Ngô Tăng Giao, DIỆU PHƯƠNG* xuất bản 2010)

Mười bức “Tranh Chặn Trâu” trong phần này là của họa sư Nhật Bản Gyokusei Jikihara, vẽ vào năm 1982 nhân một cuộc thăm viếng thiền viện Zen Mountain Monastery ở Mount Tremper, New York, (Hoa Kỳ). Họa sư vẽ để tặng thiền viện.

Các bài thơ tụng thời nguyên gốc của thiền sư Quách Am viết vào thế kỷ thứ 12. Thơ tụng được chuyển dịch ở đây bởi Kazuaki Tanahashi và John Daido Looi, sau đó được nhuận sắc bởi Daido Looi để mong tạo lập ra những hình ảnh và ẩn dụ cho thêm giống với phong cảnh núi sông ở quanh thiền viện Zen Mountain Monastery. Thiền sư Daido Looi là người lãnh đạo tinh thần và là tu viện trưởng của thiền viện này.

Thiền sư Daido Looi cho biết:

“Con đường đưa đến giác ngộ là một cuộc hành trình tâm linh để khám phá ra cái bản chất thật, cái chân tính của chúng ta. Nhưng chính ra thời ngay từ lúc khởi đầu chẳng có cái gì để cho chúng ta thỏa đạt được cả. Ngay từ khởi thủy chúng ta đã hoàn hảo và tròn đầy, chúng ta không thiếu chi hết. Trong suốt cuộc hành trình tâm linh, khi tham gia rồi trải qua những sự tu luyện đặc biệt chúng ta chỉ tự mình kiểm nghiệm và thực chứng cái sự toàn thiện đó mà thôi.” ... “Trong những ngày học Thiền, tôi và tất cả các học viên khác đều thật sự muốn biết xem mình đã thành tựu được



Jikihara Gyokusei (1904-2005)

những gì và mình sẽ phải trải qua những bước thử thách gì nữa trong thời gian tới. Vì lý do đó tại tu viện của chúng tôi, chúng tôi đã hoạch định ra một chương trình huấn luyện có vẻ hơi độc đoán nhưng rất hữu ích, dựa vào một loạt những tranh vẽ từ thời Trung Quốc cổ xưa. Đó là “Mục Ngư Đồ”. Tranh minh họa sự phát triển tinh thần của một học viên kể từ lúc mới bắt đầu bước học tập để điều luyện tâm ý, cho tới khi hoàn tất việc huấn luyện...”

Thiền sư Daido Looi kể lại là ở bên Nhật Bản nếu một người muốn học võ thuật thời phải tìm thầy. Học viên sẽ được mặc đồng phục và thắt một cái đai màu trắng. Trong suốt thời gian tập luyện, theo truyền thống cái đai trắng này không được mang giặt. Sau nhiều năm sử dụng đai này sẽ bẩn đi và chỉ có thể được gọi là “đai đen”. Khi học viên tốt nghiệp cũng là lúc được vinh danh là “võ sĩ đai đen”. Sau này tại Tây Phương khi học viên học tập võ thuật người ta cũng muốn đánh dấu từng bước tiến bộ của học viên và do đó nường theo cái đai đen của Nhật Bản thời xưa mà đặt thêm ra các loại “đai vàng”, “đai xanh”, “đai nâu” v.v... thêm vào cái “đai trắng” của người học viên mới khởi đầu học võ và “đai đen” của người học viên đã được huấn luyện thuần thục.

Thiền sư Daido Looi kết luận:

“Bộ tranh gồm mười bức của thiền sư Quách Am là bộ tranh được dùng tới nhiều

nhất. Tại tu viện, chúng tôi dùng những tranh này và những vần thơ của thiền sư Quách Am... Theo tôi thời người ta huấn luyện tốt hơn khi họ được biết rõ ràng về từng bước tiến bộ mà họ đã thành tựu được"... "Mười bức tranh chặn trâu và những bài thơ kèm theo là một loạt những bảng chỉ đường. Đối với một số người thời mười bức tranh đó rất hữu ích. Đối với một số người khác thời mười bức tranh đó có thể trở nên những chướng ngại. Xin đừng để những bức tranh chặn trâu đó trở thành những cái ngăn trở bạn. Hãy sử dụng chúng để soi sáng con đường đạo của bạn. Rồi hãy buông bỏ những tranh đó đi."

Phải chăng khi buông bỏ không cần dùng đến "mười bức tranh chặn trâu" cũng chính là giai đoạn mà hành giả đã qua tới bờ bên kia rồi, cần chi mang vác theo "chiếc bè" nữa...!

Mười bức tranh chặn trâu và lời tiếng Anh trong phần kế tiếp sau đây được trích dẫn trong cuốn sách nguyên bản là "PATH OF ENLIGHTENMENT" Stages in a Spiritual Journey (được xuất bản bởi Zen Mountain Monastery, Mt. Tremper, NY, 1999.)

Phần tiếng Anh đã được soạn giả chuyển ngữ sang tiếng Việt.



1. SEARCHING FOR THE OX

Vigorously cutting a path through the brambles,
you search for the ox;
Wide rivers, eternal mountains, the path seems
endless.
With strength depleted,
and mind exhausted, you cannot find it.
There is only the gentle rustle of maple leaves,
and the cicadas' evening song.

1. TÌM TRÂU

*Xông xáo mở đường xuyên qua các bụi cây gai dại
bạn tìm trâu;
Sông rộng lớn, núi trùng điệp, đường mòn hầu
như vô tận.
Với sức suy nhược,
và trí kiệt quệ, bạn không tìm thấy trâu.
Chỉ có tiếng xào xạc nhẹ của lá phong,
và tiếng ve kêu vang lúc chiều về.*



2. FINDING TRACES OF THE OX

Along the river, deep within the forest,
You find the traces;
Leaving behind the fragrant grasses,
You study the subtle signs.
The tracks, suddenly as clear as the distant sky,
Lead you into the endless mountains.
There is no place to hide.

2. TÌM THẤY DẤU VẾT TRÂU

*Dọc theo dòng sông, thăm sâu trong rừng,
bạn tìm thấy các dấu vết;
Bỏ lại các đám cỏ thơm ở phía sau,
bạn quan sát các dấu vết tinh tế.
Các lối đi thình lình sáng tỏ như bầu trời ở xa,
Đưa bạn vào trong những núi non vô tận.
Không có chỗ nào ẩn núp được.*



3. SEEING THE OX

The song of the yellow oriole
echoes in the forest.
Warm sun, gentle breeze,
willows green along the shore.
The ox has no place to turn
In the brambles.

3. THẤY TRÂU

*Tiếng hát của chim vàng anh
vang lên trong rừng.
Mặt trời ấm áp, làn gió nhẹ êm,
liễu xanh dọc theo bờ.
Chú trâu không có đường nào xoay trở
trong các bụi cây dại.*



4. CATCHING THE OX

Through extraordinary effort
You seize the ox.
Still, its will is forcefull,
And its body spirited.
Sometimes it runs high into the mountains,
other times it disappears into the mist.

4. BẮT TRÂU

*Nhờ những cố gắng phi thường
bạn nắm giữ được trâu.
Tuy nhiên ý chí của trâu còn sinh động,
và thân trâu còn mãnh liệt.
Đôi khi nó chạy lên cao vào trong núi,
có lúc nó biến đi vào trong sương mù.*



5. TAMING THE OX

The whip and tether cannot be put aside
Or the ox may wander into mud-filled swamps.
When patiently trained to trust, it becomes gentle
and can be unfettered.
Then, freely,
it follows your way.

5. CHẪN TRÂU

*Không thể cất roi và dây đi
Kẻo trâu có thể chạy càn
vào trong những vùng đầm lầy ngập bùn.
Khi được kiên nhẫn huấn luyện để tạo tin tưởng,
trâu trở nên nhu hòa và có thể khỏi bị buộc ràng nữa.
Lúc đó, tự do,
trâu theo gót bạn trên đường.*



6. RIDING THE OX HOME

Following the winding road
you ride the ox home.
The sound of your rustic flute
Pervades the evening haze.
Each note, each song: feeling unbounded.
Beyond lips and mouth.

6. CƯỚI TRÂU VỀ NHÀ

*Đi theo những con đường ngoằn ngoèo
bạn cưỡi trâu về nhà.
Thanh âm ống sáo mộc mạc của bạn
vàng lên trong sương chiều.
Mỗi một nốt nhạc, mỗi một ca khúc: tình cảm vô tận.
Vượt ra ngoài giới hạn của môi và miệng.*



7. FORGETTING THE OX

Astride the ox, you reach home.
Now at rest, the ox is forgotten.
With the bright sun high in the sky,
you are in blissful repose.
Whip and tether are abandoned
behind the thatched hut.

7. QUÊN TRÂU

*Cưỡi trâu, bạn về tới nhà.
Giờ đây yên nghỉ, người ta quên trâu.
Với ánh mặt trời trong sáng ở cao trên bầu trời,
Bạn ngồi nghỉ trong hạnh phúc tột đỉnh.
Roi và dây được cất đi
sau túp lều tranh.*



8. TRANSCENDING THE OX

Whip, tether, self, and ox
all have merged, no traces remains.
The vast blue sky cannot be reached by thoughts;
how can a snowflake abide in a raging fire?
Having reached home,
you are in accord with the ancient way.

8. KHÔNG CÒN TRÂU

*Roi, dây, người và trâu
tất cả đều đã hợp nhất, không dấu vết chi lưu lại.
Bầu trời xanh rộng lớn không thể vươn tới được bằng tư
tưởng;
Làm sao mà một bông tuyết có thể tồn tại trong ngọn lửa
dữ dội?
Về tới nhà,
bạn hợp với đạo tổ tông.*



9. RETURNING TO THE SOURCE

Having returned to the source,
effort is over.
The intimate self sees nothing outside,
hears nothing outside.
Still, the endless river flows tranquilly on,
the flowers are red.

9. TRỞ VỀ NGUỒN CỘI

*Trở về nguồn cội,
nỗ lực đã xong xuôi.
Cái bản ngã thiết thân không còn nhìn thấy chi ở bên
ngoài,
không còn nghe thấy chi bên ngoài
Chỉ còn dòng sông vô tận vẫn lặng lẽ chảy xuôi,
các bông hoa thời đỏ.*



10. ENTERING THE MARKETPLACE

Entering the marketplace
barefoot and unadorned.
Blissfully smiling, though covered with dust
and ragged of clothes.
Using no supernatural power,
You bring the withered trees spontaneously into bloom.

10. VÀO CHỢ

*Vào chợ,
chân đất và không chải chuốt.
Cười hạnh phúc, mặc dù lấm bụi
và áo quần rách rưới.
Không dùng đến thần lực,
Bạn khiến cho các cây khô héo chợ bưng nở hoa.*



TRÁY HỘI NƯỚC NON

Thưa rằng
xuân sắc rạng ngời
Gió mưa qua
hắn muôn đời vẫn xanh
Ngày xuân
về với ngọn ngành
Lòng hoan hỷ quá một cành vàng mai
Thướt tha tà áo lụa dài
Đạp trên cỏ biếc gót hài thắm son
Em vui trẩy hội nước non
Miếu đền rêu phủ vết mòn tháng năm
Hồn tiên tổ tự xa xăm
Linh thiêng hiển hiện khói trầm phát phơ
Lòng lay động lắm hồn quê
Năm rồi năm lại bốn bề xuân sang
Rập rền lân múa rộn ràng
Phố phường rộn rã xóm làng phi phong
Này em nguồn cội phương Đông
Truyền thừa một thuở cha rồng mẹ tiên
Nước non một giải ba miền
Mái chùa thấp thoáng cửa thiền khói hương
Mùa xuân vĩnh viễn con đường...

MỪNG XUÂN

Tạ ơn chư Phật ba đời
Trong ngoài cố quận đất trời thanh tân
Hỷ hoan xuân vẫn thật gần
Hoàng Hoa hội để mấy lần trùng lai

VỪA ĐƠM BÔNG

Người đi rong ruổi bốn mùa
Hoa đào hoài vịnh đã vừa đơm bông
Người vui trong cõi bụi hồng
Mùa xuân bất tận người không thấy người

MÙA BẤT TẬN

Hạ nêu ngày mừng bầy
Em bảo thật nhanh thay
Thế là xong ngày tết
Như gió thoảng mây bay

Tôi cười, em khờ thế
Tết có hết bao giờ
Không đi cũng chẳng đến
Hiện hiện từ ý thơ

Tết đất trời rạng rỡ
Vỗ về tình con mơ
Tết lòng mình muôn thuở
Vẫn đẹp nét nguyên sơ

Em thướt tha thanh vận
Đạp trên cỏ mùa xuân
Đỏ tươi gót chân trần
Mắt biếc mùa bất tận

THƯA RẰNG ĐÃ QUÊN

Rót ly vang đỏ chúc mừng
Mấy mươi năm lẻ đã từng vậ sao
Ừ thì chẳng đón đưa nhau
Thưa rằng quên đã từ lâu lắm rồi.

thơ **TIÊU LỤC
THẦN PHONG**



Tiếng rao hàng

HẠNH THUẬN

VĂN HỌC / NGHỆ THUẬT

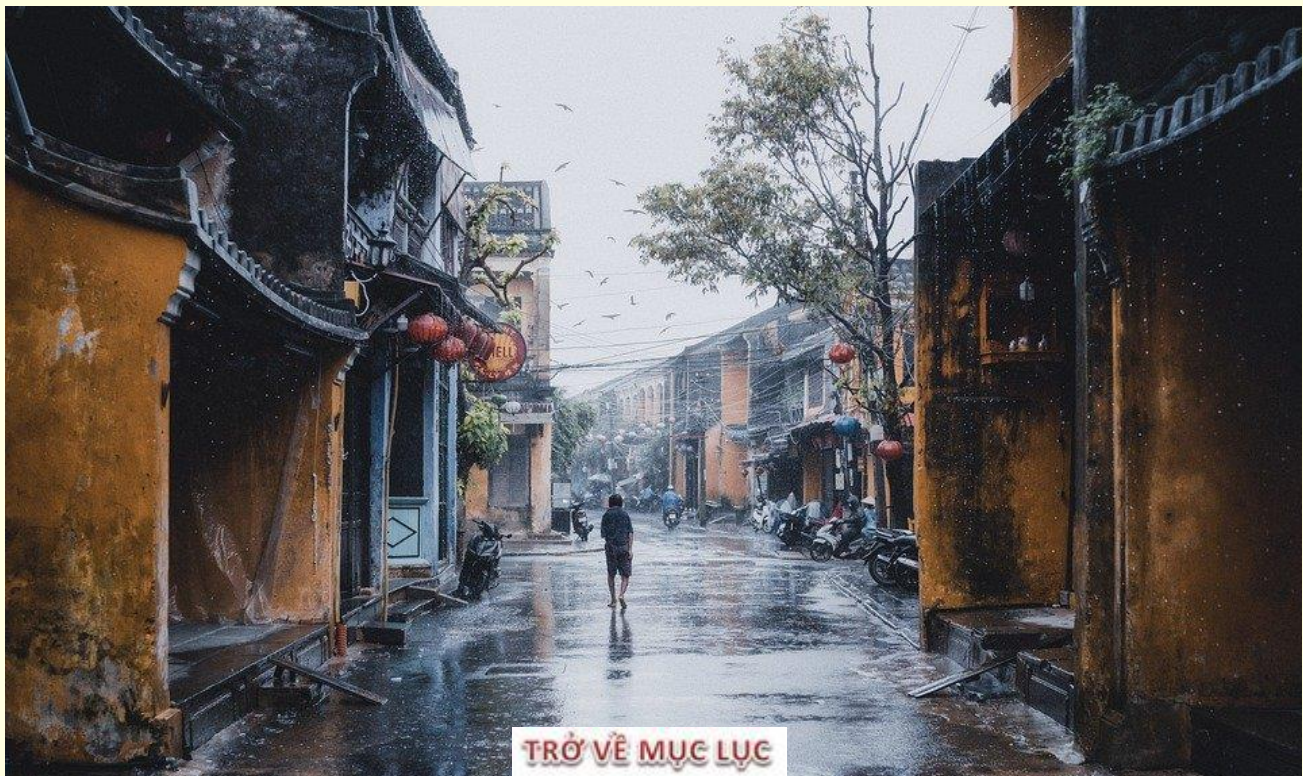
Tiếng rao hàng ở mọi thời đều có thể làm ta mỉm lòng, cay mắt. Nó đi vào thính giác của mọi người như lời mời gọi nức nở, thiết tha làm ta ít nhiều thông cảm với tâm trạng của những người dân lao động giải nắng dầm mưa, mong bán được hàng để có cái ăn cái mặc cho bản thân, cho gia đình.

Đôi khi, tiếng rao hàng từ một nơi xa, vọng từ dưới thấp lên khu nhà trệt cao, có thể gây nhầm lẫn: "Xôi đâyyyyy!" mà nghe thật thảng thốt như là "Cô ơiiiii...!" Mỗi khi nghe tiếng rao buổi sớm hay trong đêm của người bán xôi, bánh mì, hột vịt lộn... tôi lại chạnh lòng nhớ lại thời thơ ấu. Ngày ấy, Mẹ chúng tôi thường dạy các con, bằng cách này hay cách khác, phải biết "thương kẻ khó", là những người kém may mắn hơn mình trong cuộc đời. Giữa lúc trời đổ mưa to bên

ngoài, chúng tôi đã quây quần trong căn phòng ấm áp của Ba Mẹ... thế nào cũng được nghe Mẹ hát ru cậu em út bằng bài hát về người bán bánh mì: *"Mưa đông rơi từng cơn trong gió rét mướt. Có những em chưa từng vui sướng nô đùa. Đi lang thang lạnh lùng trong gió rét mướt. Bán bánh mì kiếm tiền về nuôi mẹ cha. Nào ai vui sướng ấm cùng no. Nhìn bao em ấy lòng xót chắng?"* Dù đã được nghe rất nhiều lần, chị em chúng tôi lúc nào cũng lắng thính, nghiêm chỉnh lắng nghe. Cô em áp út luôn miệng nói: "Tôi nghiệp em bé bán bánh mì quá!" Có đứa còn đưa tay quẹt nước mắt. Lúc đó, đầu óc tôi bỗng liên tưởng đến hình ảnh em bé bán hàng rong đang co ro ở hiên nhà ai một tối lạnh vì mưa.

Bây giờ, tiếng rao hàng cũng thưa dần, nếu không

muốn nói đã biến mất. Thậm chí, người ta còn dùng cả loa thâu sẵn để rao hàng, nghe nhức đầu nhức óc! Nhất là từ khi con người phải đối diện với vấn nạn Covid, cộng với những tiện ích của công nghệ thông tin, việc rao hàng, quảng cáo các mặt hàng đã nhan nhản xuất hiện trên mạng xã hội... Người ta chỉ cần lựa chọn rồi với thao tác đơn giản là bấm con trỏ, mà không cần phải di chuyển, món hàng sẽ đến với họ một cách nhanh chóng, thuận tiện. Người ta nói "Ôn cố tri tân", nhắc chuyện cũ để biết chuyện mới (vui hơn). Mà sao lòng vẫn thấy buồn: người xưa đã khổ mà người dân hiện nay cũng chưa thật sự được ấm no! Tôi luôn thấy ái ngại, thương cảm khi vẫn còn những người bán hàng rong hằng ngày một nắng hai sương, cố gắng mời mọi người mua hàng với giọng rao tha thiết đến náo lòng.



[TRỞ VỀ MỤC LỤC](#)

HOA ĐÓM GIỮA HƯ KHÔNG

*Hồn độn tồn sinh buồn thảm thiết
Chuyện đời máu lệ xót xa thay!
Túy khách cuồng nhân hoài trần trở
Vấn thoát chưa ra cõi mộng này*

*Rời bỗng hốt nhiên liền thấu thị
Vỡ bùng tan hết những đa mang
Nguồn tâm sâu thẳm nguyên sơ hiện
Chuyển hóa làm mê thấy rõ ràng*

*Buông xuống niềm đau từ vạn kiếp
Là xả nghìn thu dứt mật mùng
Nghiệp mệnh điều linh trăm thống hối
Trút sạch trong lòng nhẹ thung dung*

*Mới hay điên đảo vô minh nọ
Chỉ vì chấp thật cái ta thôi
Cái ta huyền hóa như hoa đốm
Ồ lên một tiếng dội vang trời.*



LÒNG NHƯ NƯỚC

*Giữa hồn vang mãi tiếng thơ
Hoài ngân nga vọng từng giờ phút trôi
Sóng xô vỗ dưới chân đời
Biển xanh cát trắng chẳng phôi pha gì*

*Mỗi ngày trên mỗi bước đi
Bồng tênh lên xuống đều tùy thuận qua
Đến đâu cũng nhẹ huyền hòa
Như sương khói quyện lời ca hát này*

*Trùng trùng muôn dặm đó đây
Vẫn luôn thể hiện diễn bày pháp không
Không là chi hết xuôi dòng
Nguồn vi diệu ấy chảy trong veo thường.*

TRÀ THƠ

*Sớm tinh mơ lặng trầm ngòi độc ẩm
Rớt giọt sương đây ly gió muôn trùng
Trộn lẫn nắng nghìn thu trong một cốc
Trà thi ca ta thương thức vài chung*

*Chiều nguyên vẹn nghe đây hồn sâu lắng
Chén trà xanh thanh đạm khói vờn hương
Hương vị đó có trời cao biển rộng
Quyện hòa nhau màu nhiệm quá diệu thường*

*Một tách trà chứa càn khôn vũ trụ
Đủ tương phùng cả sông suối ngàn khơi
Mời em nhẹ nhẹ nhàng cùng ta uống
Chung trà thơ vô lượng nghĩa không lời.*

thơ

TÂM NHIÊN



Hai mảnh xuân

TÔN NỮ THANH YÊN

VĂN HỌC / NGHỆ THUẬT

Ngọc Khánh chào đời khi mẹ sớm goá bụa ở tuổi hai mươi hai. Cha của Ngọc Khánh, một người hầy còn trai trẻ, đã bỏ mình vì chứng sốt rét ác tính. Ngày ấy cha mẹ Ngọc Khánh là hai thanh niên thành thị đầy nhiệt huyết, đi theo lý tưởng xây dựng Tổ quốc sau ngày hoà bình thống nhất. Họ gặp nhau trong hàng ngũ thanh niên xung phong khai hoang một vùng rừng núi. Ngọc Khánh là kết quả của tình yêu đầu đời tinh khôi của họ. Tình yêu xanh màu áo thanh niên xung phong, xanh màu cây núi lá rừng. Họ đã báo cáo với đơn vị và được tán thành việc kết hôn, chờ ngày xuất ngũ sẽ đưa nhau về quê nhà xây tổ ấm. Nhưng, tai ương đã đổ xuống hạnh phúc của họ. Chứng kiến cảnh chồng vật vã với cái chết đau trên giường bệnh ở trạm xá nông trường, người vợ trẻ đã ngất xỉu trong vòng tay đồng đội đứng quanh đó. Cái bào thai trong bụng đã có được hình tượng con người, được cấp trên xét đến hoàn cảnh đặc biệt nên cho phép xuất ngũ trước kỳ hạn, cô gái thanh niên xung phong ấy trở về thành phố chờ ngày sinh con, gởi lại núi rừng năm mộ đơn sơ của một người, gởi lại nông trường một thửa xuân thì đầy khát vọng tin yêu nhưng cũng đầy gian lao đau khổ...

Ngọc Khánh được sinh ra trong thời kỳ thiếu ăn thiếu mặc. Ông bà nội mất sớm, các cô các chú đều phải tự lực

cánh sinh không thể cứ mang ai. Ông bà ngoại và cậu Sơn nhận thêm phần khoai sắn độn và ăn rau ăn mắm để mẹ Ngọc Khánh ăn miếng cơm trắng, con cá miếng thịt cho có sữa nuôi đứa con sơ sinh. Ngọc Khánh vừa tám tháng tuổi, mẹ phải làm theo ca tại nhà máy sợi. Ngọc Khánh bé bỏng nào có biết gì sự xa cách. Cơn khát sữa làm bé khóc ngằn ngặt đòi mẹ, bà ngoại phải dứt vào miệng cháu thứ nước cháo loãng nhạt nhẽo. Mẹ đang phải làm việc kiếm đồng lương nuôi con.

Với tinh thần của một người vượt khó, mẹ đã làm việc hết sức mình, cố gắng nhiều sáng kiến hiệu quả cho nhà máy, mấy năm liền đạt danh hiệu Lao động Tiên tiến rồi Chiến sĩ thi đua, được đề bạt làm quản đốc

phân xưởng. Mỗi khi nhận được tiền thưởng (thời điểm ấy tiền thưởng không nhiều), mẹ dành hết để mua sữa mua cam cho Ngọc Khánh. Có tấm vải được mua theo tiêu chuẩn mỗi dịp lễ tết, mẹ đều dành may áo quần cho Ngọc Khánh. Quanh năm mẹ ra đường với áo quần đồng phục công nhân của nhà máy phát cho, về nhà thì đắp đổi mấy bộ đồ cũ sờn. Bằng nghị lực, sự bươn chải, tính cần kiệm, mẹ nuôi Ngọc Khánh lớn dần lên. Được cấp một căn hộ hai phòng ở khu nhà tập thể, hai mẹ con rời khỏi căn nhà thân yêu của ông bà ngoại, lúc này cũng đã đông chật từ khi cậu Sơn lấy vợ sinh con. Dọn đến nơi ở mới, chỉ có hai mẹ con hủ hỉ với nhau. Mẹ đến tìm các cô các chú, xin được tấm ảnh chân dung của cha Ngọc Khánh, đem về lồng vào khung kính



và thiết một bàn thờ giản dị trên một chiếc kệ gỗ. Bấy giờ, Ngọc Khánh mới được biết mặt mũi cha của mình qua tấm ảnh đã trở nên thiêng liêng. Cha như là hư vô, như là ảo ảnh mờ lung đối với Ngọc Khánh, chỉ mẹ là hiện thực, hữu hình. Mẹ vừa là cái nóc vừa là trụ cột. Đôi vòng tay của mẹ tựa như đôi cánh ấp ủ và nâng đỡ đời con mình lên phía trước. Ngọc Khánh quen sống như vậy, trong cái bóng mát yêu thương của mẹ.

Cuộc sống đổi mới đã thay da đổi thịt cho mọi cuộc đời. Mức sống của mọi người được nâng cao dần, ăn no mặc đủ không còn là tiêu chí để ra mà là ai cũng thích và đang được ăn ngon mặc đẹp. Trong căn hộ nhỏ của hai mẹ con Ngọc Khánh cũng có những thay đổi làm cho cuộc sống tươi đẹp lên. Mức lương của mẹ bây giờ đã được tính hàng triệu, mẹ còn bày một hiệu tạp hoá ngay trước cửa để kiếm thêm thu nhập. Mẹ dành cho Ngọc Khánh những gì thời thanh xuân mẹ ao ước mà không có: một chiếc xe đạp mini, những bộ đồ tây đẹp để diện phố với bạn bè... Mẹ là một phụ nữ có thiên chức sinh sản mang khiếu thẩm mỹ của một nghệ sĩ tạo hình. Mẹ đã cho Ngọc Khánh một hình vóc, nhan sắc mà các thiếu nữ mong muốn, các chàng trai trầm trồ, tuy rằng mẹ chỉ có khuôn mặt nhìn cũng dễ ưa và chiều cao cơ thể trên mức trung bình. Ngọc Khánh mang vẻ đẹp của người cha. Có lẽ hình ảnh người yêu đầu in sâu và nổi nhớ nhưng của mẹ, đã đúc nên cái khuôn khi mẹ hoài thai Ngọc Khánh. Có lần Ngọc Khánh kêu lên như vừa phát hiện:

- Mẹ ơi, sao con chẳng giống mẹ một tí nào!

Mẹ kéo vai Ngọc Khánh đến trước chiếc kệ thờ:

- Con không nhận ra là con giống ai sao?

Ngọc Khánh nhìn bức di

ảnh. Nhìn chăm chú từng nét của mắt, mũi, môi và cằm rồi "ừ ừ" vì nhận ra cái huyết thống di truyền của người đã khuất để lại cho mình. Ngọc Khánh nhận ra cha mình đẹp và yêu cha hơn.

- Mẹ ơi, mẹ yêu ba con lắm phải không? Sao mẹ không lấy ai khác làm chồng?

Câu hỏi thừa thãi của Ngọc Khánh rơi vào sự thình lảng của mẹ. Ngọc Khánh không đoán được tâm sự của mẹ. Trong mắt mẹ, Ngọc Khánh chưa đến lúc để chia sẻ với mẹ nỗi niềm bao năm mẹ âm thầm mang lấy.

Ngọc Khánh bước vào độ xuân thì phơi phới... Cô đã biết nuôi tóc cho dài ngang lưng. Đôi má đã biết ửng đỏ nhạy cảm trước ánh nhìn của các chàng trai. Khuôn ngực đã nhô lên đầy sức sống trẻ trung, gợi cảm, trước mặt Ngọc Khánh là màu xanh, chung quanh là màu hồng. Thế giới tình cảm của cô mang màu sắc vạn hoa. Để ý con gái mình thường kể chuyện về một chàng trai tên Vũ, mẹ Ngọc Khánh đã nói:

- Có dịp nào con nên mời Vũ đến nhà mình, cho mẹ biết mặt với. Mình có nhà cửa hẳn hoi, đừng gập gờ hện hò ngoài đường, nha con.

- Mời đến nhà... con chỉ sợ mẹ la rầy thôi.

- Làm sao mẹ lại la rầy!? Tình cảm của con thì mẹ phải quan tâm... có điều...

- Có điều sao hả mẹ?

- Con yêu hơi sớm đó.

Ngọc Khánh phì cười.

- Không phải là con đã yêu đâu, mẹ ơi.

Mẹ Ngọc Khánh dài giọng:

- Thôi đi cô, yêu rõ ràng ràng ra rồi còn không phải!

Mẹ chọn ngày Ngọc Khánh tròn mười tám tuổi, bày ra một buổi tiệc nhỏ. Ngọc Khánh chưa bao giờ tổ chức sinh nhật tại nhà nên

cứ phập phồng hồi hộp. Đã quen với kiểu sinh nhật học trò diễn ra vui nhộn trong quán cà phê nào đó, nên Ngọc Khánh thấy buổi tiệc này là trang trọng. Mẹ đã dành sự trang trọng đó cho cái có lần đầu biết mặt đứa con trai mà con gái mình đã rung động. Ngoài một số bạn bè thân thiết cùng lớp của Ngọc Khánh, Vũ đã đến góp mặt với buổi tiệc khá vui vẻ. Khi con gái giới thiệu, mẹ đã như soi vào mặt Vũ. Bàn tiệc đủ người, mẹ tươi cười bước ra đường loanh quanh đâu đó ngoài xóm. Tiệc tàn, bạn bè về hết, còn Vũ ngồi lại bên Ngọc Khánh. Mẹ lẳng lẳng vào bếp rửa đồng chén bát rồi đi vào buồng nằm trằn trọc với bao suy nghĩ không nói ra với ai được. Mẹ ngủ thiếp đi từ lúc nào. Sáng ra, vừa mở mắt mẹ quay sang bên cạnh, nhìn thấy gương mặt Ngọc Khánh hồn nhiên và ngời sáng. Lòng mẹ bồi hồi niềm hạnh phúc vì biết con gái mình đang hạnh phúc.

Vũ là sinh viên năm thứ ba, khá chững chạc và tự tin. Ngọc Khánh gặp Vũ trong Tuần lễ hành động vì môi trường do Thành đoàn tổ chức cho sinh viên và học sinh trung học các trường tham gia. Vũ đã từng yêu và từng thất vọng. Bây giờ, Vũ là mối tình đầu ngọt ngào của Ngọc Khánh. Xuất hiện ở nhà Ngọc Khánh thường xuyên hơn, Vũ trở thành một điều làm thay đổi không khí trong căn hộ của đàn bà con gái. Ngọc Khánh vui tươi hơn, linh hoạt hơn với những cảm xúc, đam mê mới lạ trong con người mình. Mẹ lẳng lẽ hơn, cô độc hơn mỗi khi Ngọc Khánh dành thời gian và tâm trí cho người con trai kia. Khi đôi bạn trẻ ngồi bên nhau trên chiếc ghế dài, dạo đầu bằng những lời thăm hỏi vu vơ để kéo dài cuộc tình tự lữa đôi thời gian buổi tối, mẹ nhường phòng khách làm không gian thơ mộng cho



con. Mẹ ở trong buồng, bật tivi lên coi phim truyền, hoặc tắt đèn lên giường nằm. Mỗi lúc nhìn quanh, những bức tường như nén mẹ với tâm sự riêng của mẹ trong không gian gò bó, quạnh quẽ. Từng giây của thời gian đi đều nhịp cây kim quay tròn trên đồng hồ. Với đôi bạn trẻ đang còn điều nấn ná nín giữ thì thời gian đi nhanh. Với thao thức miên man của mẹ thì thời gian trôi chậm. Căn phòng bên ngoài sáng ánh đèn neon có hai người trẻ. Căn buồng bên trong mờ tối với ngọn đèn quả ớt màu xanh, có một người đàn bà đầu đã già cỗi... Ngọc Khánh và Vũ không thể biết rằng trong căn buồng tối, mẹ thường đứng nhìn qua hàng gạch thông gió trở trên bức tường ngăn giữa buồng ngủ và phòng khách. Mẹ từng nhìn thấy bàn tay to bè của Vũ mân mê bàn tay nuột nà thon thả của Ngọc Khánh rồi đưa lên môi hôn. Bàn tay ấy cũng vuốt ve làn tóc mượt mà của Ngọc Khánh. Mẹ nhận xét Vũ là một thư sinh có đôi bàn tay vững chãi của một người đàn ông. Mẹ từng nhìn thấy cánh tay rần rỏi của Vũ quàng sau

bờ vai nhỏ của Ngọc Khánh. Mẹ từng nhìn thấy Ngọc Khánh nghiêng mái đầu tựa lên vai Vũ, đôi mắt khép lại để mê. Mẹ theo dõi những lần như vậy, gập lại hình ảnh của mình một thời đã lâu lắm khiến trái tim mẹ xao xuyến bồi hồi. Rồi, đến khi nhìn thấy đôi tình nhân khăng khít trong nụ hôn say đắm ngất ngây, mẹ đã tuôn dài hai dòng nước mắt, bèn chui vào mùng và tự nhủ lòng: Đây là lần cuối cùng và sẽ không bao giờ mình nhìn trộm chúng nó nữa.

- Mẹ thấy Vũ được, rất dễ thương. Mẹ mong là hai đứa chân thành và tôn trọng nhau. Mẹ cho phép con đi chơi với Vũ, miễn là đừng về khuya quá.

Mẹ nói như vậy riêng với Ngọc Khánh. Với riêng Vũ, mẹ nói:

- Cháu không cần phải chói sáng hay thông minh nhạy bén, thậm chí cả lịch sự, chỉ cần cháu trung thực. Bác tin cậy ở cháu, mong rằng cháu biết giữ gìn sự trong trắng của Ngọc Khánh.

Khi nói văn hoa như vậy, mẹ đã phải lựa lời sau nhiều

đần đo suy nghĩ. Tự xưng bằng bác, mẹ đã tự cười mình phải già trước tuổi bốn mươi vì trách nhiệm với tương lai con gái.

Từ nhiều năm nay, mẹ không phải làm việc theo ca nữa. Sau giờ hành chính trở về nhà, mẹ có Ngọc Khánh chăm nom bữa ăn. Buổi tối mẹ sang chơi bên nhà hàng xóm hoặc đọc báo coi phim, thỉnh thoảng có bà con, bạn bè đến đón đi ăn giỗ, ăn tiệc. Như vậy, đã đủ niềm vui cho mẹ chưa?... Tối hôm đó, Vũ đến đón Ngọc Khánh đi chơi. Mẹ vắng nhà từ lúc chiều chưa thấy về. Ở trường về, Ngọc Khánh nhận được mẫu giấy đặt sẵn trên bàn: "Mẹ có việc phải đi. Con cứ ăn cơm, đừng để phần mẹ. Hôn con." Chờ lâu sốt ruột, Ngọc Khánh khoá cửa lại mà đi. Đôi bạn trẻ ngồi trên chiếc xe máy lướt qua những đường phố dài sáng trưng ánh đèn và dập dìu người xe. Chợt, Vũ kêu lên:

- Kia em, hình như ai chờ mẹ vừa ngược qua tụi mình!

- Đâu anh!? Anh quay xe lại đi, coi thử phải không?

Vũ lách đầu xe chạy vòng lại quãng đường cũ. Cách chừng năm mét, cả hai cùng nhận ra mẹ ngồi phía sau một người đàn ông trên chiếc xe máy chạy thật chậm rãi. Tay mẹ ôm bên hông người ấy. Mẹ vừa nói gì và cười rất tươi. Chiếc váy đầm mới may mẹ vừa khoe với Ngọc Khánh hôm qua, đã được diện cho buổi hẹn hò hôm nay. Ngọc Khánh bám vào vai Vũ, khẽ khàng:

- Thôi mình đi, anh! Để cho mẹ tự do.

Chiếc xe của đôi bạn trẻ quay ngược lại. Chiếc xe kia vẫn chạy thẳng trên đường.

Tôn Nữ Thanh Yên

thơ

DIỆU VIÊN

THIÊN NHIÊN

*Thiên nhiên sông núi hải hồ
Bức tranh cẩm tú điểm tô cõi trần*

*Cảnh sông núi thơ trời khéo tạc
Thành bức tranh tuyệt tác không lò
Trời xanh, mây trắng lững lờ
Bình minh soi sáng biển hồ bao la
Ngắm phong cảnh tuyết trần hoa gấm
Chim trên cành riu rít hót ca
Suối reo róc rách gần xa
Lòng khe, đỉnh núi cỏ hoa xanh rờn
Nhớ như bướm lượn vườn bông
Tùng bầy trắng, tím, nâu, hồng đẹp ghê!
Dưới đồng bằng, rẫy nương bát ngát
Cánh đồng chiêm lúa gạo ê hề
Bí bầu, rau trái xum xuê
Đầy cành bưởi chín, táo, lê thơm lừng
Mênh mang trời đất vô cùng
Ta chỉ là một hữu tình nhỏ nhoi
Thiên nhiên nuôi sống muôn loài
Thành tâm cảm tạ, đất, trời, chúng sanh.*

NHỆ NHƯ TƠ

*Làn hương thoang thoang nhẹ như tơ
Vời vợi không gian ngát bến bờ
Sương sớm kết thành muôn chuỗi ngọc
Chiều vàng buông xuống đẹp như mơ
Theo dòng cổ nguyệt hoa lồng bóng
Lạc lối thiên thai khách ngẩn ngơ
Nghiêng ngả đào hoa vương mãi tóc
Người tiên, kể tục chuyện tình thơ.*

GỬ CÁC BẠN HIỆN NƠI HẢI NGOẠI

*Nhớ bạn tâm giao gửi mấy hàng
Cali mong bạn có ngày sang
Ôn bao kỷ niệm nơi quê cũ
Thung lũng xem hoa nở rộn ràng*

*Cali đất rộng thênh thang
Xuân về nắng ấm thanh nhàn tiêu dao
Tuyết tan thác đổ ào ào
Tạo nên điệp khúc rì rào suối trong
Thuyền con len lỏi xuôi dòng
Trên đường xe vẫn thong dong dậm dài
Ngắm nhìn non nước đó đây
Thông ngàn bát ngát, vườn cây hàng hàng
Đồi vàng cỏ trái mênh mang
Núi xanh, mây trắng vắt ngang lưng chừng
Bên đường hoa nở tung bừng
Đủ màu ngũ sắc, trúc, tùng nhạc reo
Xe quanh quanh lượn ven đèo
Lên cao, xuống thấp uốn theo thạch kiều
Xứ người cảnh vật mỹ miều
Càng xem cảnh đẹp càng nhiều nhớ thương
Hương về quê mẹ viễn phương
Lòng dâng nên mối tơ vương u hoài!...*

THƯỜNG XUÂN

*Kính mời thi hữu dạo vườn Xuân
Người đẹp bên song vẫn đợi chờ
Già-trẻ vui vầy Xuân bất tận
Trên cành chim hót đón Xuân sang.*

*Nàng thơ vui ngắm cảnh thanh tân
Xương họa cùng nhau góp mấy vần
Rượu nhạt, tình nồng thêm gắn bó
Vườn trần hoa nở đủ màu tươi
Cụ già chín chực còn vui Tết
Trẻ mới mười lăm cũng thưởng Xuân
Bốn mùa xuân-hạ luôn thay đổi
Nhìn xem cơ tạo mãi xoay vần!*

*Mỹ quốc Xuân này kém vẻ tươi
Dịch bệnh lan tràn khắp nơi nơi
Người còn kẻ khuất ôi đau đớn
Mong sao Covid chóng tiêu đời!*

HÌNH BÓNG CON TRÂU QUA CA DAO-TỤC NGŨ PHẬT GIÁO VIỆT NAM

Tâm Không Vĩnh Hữu



VĂN HỌC / NGHỆ THUẬT

“Con trâu là đầu cơ nghiệp.” Với một nước nông nghiệp như nước ta, hình ảnh con trâu nặng nề lắm rồi, kèn cồng cục mịch luôn gắn bó với những cánh đồng thửa ruộng, thân thiết với bao người nông dân chân lấm tay bùn, và gắn gũi với lũ trẻ mục đồng thường nghêu ngao bài hát quen thuộc “Ai bảo chăn trâu là khổ, chăn trâu sướng lắm chứ!”... Không chỉ như thế, trâu cũng đã từng gắn bó với cuộc đời một vài danh nhân lịch sử như Đinh Bộ Lĩnh, Đào Duy Từ... Đối với nền văn học nước nhà, con trâu còn có cái công rất lớn trong việc làm phong phú ngôn ngữ, nhất là trong ca dao- đồng dao-tục ngữ.

Riêng đối với Phật giáo, có lẽ ai là người am hiểu, hay đang nghiên cứu học hỏi Phật pháp đều cũng đã biết đến hình ảnh con trâu mang tính tượng trưng cho cái Tâm (Chơn Tâm) được biểu hiện nổi bật trong bộ “Thập mục ngữ đồ”(mười bức tranh chăn trâu) mang cả hai khuynh hướng Đại Thừa và Thiên Tông. Trâu cũng góp mặt trong những câu ca dao- tục ngữ Phật giáo Việt Nam, nói vậy tức là đang muốn nói đến những câu có liên quan đến Tam Bảo (Phật-Pháp-Tăng), cũng có thể là những câu có liên quan đến giáo lý của đức Phật- Phật Pháp- bao gồm cả

sự vật, sự kiện, đề tài... Phật pháp vô biên. Phật pháp uyển chuyển nhiệm mầu. Vì vậy, chúng ta sẽ nhìn thấy, nắm bắt được những câu mang đậm đạo vị của Pháp Phật về đạo hiểu, về nhân quả luân hồi, về nghiệp dĩ nhân duyên, về kiết hung thiện ác, về chánh đạo và cả những gì phản nghịch lại chánh đạo diễn ra trong cuộc đời sống động đầy hi vọng ái ố bị dục lạc ...

“Trai thời trung hiểu làm đầu”, hai chữ Trung và Hiểu đã khiến cho những đấng tu mi nam tử phải gặp những khổ ải ghê gớm để vượt qua, hồng tìm đến với mộng trung nhân mà xây đắp dết thù tình duyên của mình:

*Ngó lên trời thấy cặp cu đang đá
Ngó xuống biển thấy cặp cá đương đua
Anh về lập miếu thờ vua
Lập trang thờ mẹ, lập chùa thờ cha
Anh về anh bán gốc đa
Bán cặp trâu già mới cưới dựng em!*

Lập miếu, lập trang, lập chùa, hay bán cặp trâu già thì còn có thể làm được nếu như nhà giàu có nứt đổ vỡ vách. Nhưng còn cây đa, loại cây được xem là giống cây bồ đề thuần túy Việt Nam, bồ đề lại mang tính thiêng liêng gắn gũi với đạo Phật, vậy mà thách chàng bán cả gốc đa, thì quả là thử thách gian nan. Nói thì nói vậy, thách thì thách vậy, nhưng trong tâm khi đã thấm nhuần đạo lý, hiểu rõ “nghiệp dĩ nhân duyên” thì không còn xem trọng vật chất vô thường hay của cải phù vân, cũng không còn phân biệt giàu nghèo hèn sang, nên mấy chàng hãy yên chí lắng nghe:

*Số giàu tay trắng cũng giàu
Số nghèo chín đụn mười trâu cũng
nghèo!*

*Phải duyên phải kiếp thì theo
Thân em có quản khó nghèo làm chi
Chữ nhân duyên thiên tải nhất thì*



Giàu ăn, khó chịu, lo gì mà lo!

Đúng vậy. Lo gì mà lo. Đói thì ăn, khát thì uống, mệt thì nghỉ, “đổi cảnh vô tâm mạc vấn thiên” là hạnh phúc rồi! Vì vậy, các đấng mày râu đừng có đại mà động khẩu mở lời hỏi những câu rặt mưu mô tính toán làm cho đạo nghĩa bay đi:

*Hỡi cô cắt cỏ đồng màu
Chăn trâu cho béo, làm giàu cho cha
Giàu thì chia bầy chia ba
Phận em là gái được là bao nhiêu?*

Cuộc đời là một giấc mộng dài, có đó mất đó, nhiều đó liền ít đó, thậm chí đang vàng vun bạc đống trong phút chốc lại trống rỗng trắng trơn:

Chín đụn mười trâu, chết hai tay cặp lổ đít.

Hà cố gì phải chạy theo tiền tài danh vọng, lao đầu vào cuộc cạnh tranh để tìm kiếm vinh hoa phú quý? Nào có sướng bền ấm lâu, thân tâm an lạc? Chi bằng biết “thiếu dục tri túc”, hạn chế ham muốn, biết đủ biết dừng, để với bớt cái khổ lo toan mưu tính hằng ngày:

*Trâu ta ăn cỏ đồng ta
Tuy rằng có cụt nhưng mà cỏ thơm!*

Được bao nhiêu thì thọ hưởng bấy nhiêu, có gì xài nấy, tội đại chi mà cứ ước muốn vượt quá tầm tay, nằm mộng giữa ban ngày, để rồi khi giật mình thức giấc phải bàng hoàng trước sự thật:

*Ba vợ, bảy nàng hầu
Đêm năm chuông trâu, gối đầu bằng chổi.*

Ảo vọng. Ảo cảnh. Ảo ngay trong cuộc đời ảo. Thôi thì biết thân biết phận, hãy dốc tâm dốc sức của chính mình, tự đi bằng đôi chân của mình, không nhờ vả phiền hà ai, đó cũng là lời chỉ dạy của giáo lý nhà Phật về chánh tinh tấn:

*Nghé ơi ta bảo nghe này
Nghé ăn cho béo, ghé cày cho sâu
Ở đời khôn khéo chi đâu
Chẳng qua cũng chỉ hơn nhau chữ Cần!*

Siêng năng, chuyên cần, cần cù nhẫn nại với chánh nghiệp, ắt có ngày gặt hái những kết quả tốt đẹp. Miễn là đừng “biến chất thoái hoá” thành hạng người:

Đầu trâu mặt ngựa
Những hạng người đó dường như chỉ có ở cõi Diêm Phù, chắc chẳng ai thích làm



Ngưu Đầu- Mã Diện dưới âm phủ, nhưng cũng đã có nhiều kẻ tự mình “hoá kiếp” cho mình ngay ở kiếp hiện tiền bằng sự vong ân bội nghĩa:

*Rõ là phản phúc đầu trâu
Ăn cơm nhà Phật đốt râu thầy chùa!*

Là Phật tử, làm gì thì làm, nói gì thì nói, nhưng chớ phạm vào giới “vọng ngôn vọng ngữ” mà mang tiếng:

*Thật thà cũng thể lái trâu,
Yêu nhau cũng thể nâng dâu mẹ chồng!*

Giữa cuộc sống đời thường, khi nói đến quan hệ giữa mẹ chồng và nàng dâu trong gia đình, là chạm đến một mối rối rắm như tơ vò, đủ thứ chuyện sẽ xảy ra chung quy cũng bởi “khẩu nghiệp nặng nề”:

*Trâu bò ở với nhau lâu, quen chuông quen chổi
Người ở với nhau lâu, inh ỏi đủ điều.*

Nhưng mối quan hệ này tuy rất nhạy cảm rối rắm, mà cũng rất thiêng liêng nếu như nghe được câu này:

*Chàng dữ thì em mới rầu
Mẹ chồng mà dữ, giết trâu ăn mừng!*

Mẹ chồng mà dữ thì nàng dâu mới nên người, mới biết lo canh cánh mà giữ “tam tông” (tại gia tông phụ, xuất giá tông phu, phu tử tông tử) và tứ đức (công, dung, ngôn, hạnh), còn không thì cũng giữ gìn “tam quy-ngũ giới” cho xứng đáng con nhà Phật. Mẹ chồng mà hiền lành nhân hậu, lúc nào cũng buông xả tha thứ, độ lượng khoan dung thì mấy nàng dâu sẽ rủ nhau mà nhảy vào vòng vô minh, để cho “tam độc” tham sân si quẩn lầy cuộc đời:

*Một nhà mà có ba dâu
Dâu cả buôn bán ra màu sân si
Dâu hai có ý mỹ miều
Tiền tiền thóc thóc bao nhiêu chẳng về
Dâu ba chum chúm dâu chề
Nhờ ơn bác mẹ đi về tình Nam
Dâu tư có tính tham lam
Chăn trâu cắt cỏ nhôm nhoam ngoài đồng!*

Cứ lặn hụp mãi trong vô minh thì bao bao giờ mới tìm thấy ánh sáng để đưa cuộc sống mình đến thánng ngày an nhiên thanh thản? Đến lúc gặp “nghiệp chướng oan khiêng” lại khóc lóc than van cho cái kiếp số của mình:

*Biết bao tủi nhục chị ơi
Làm thân lẽ mọn kiếp tôi nhục nhằn
Chịu đấm xôi chả được ăn
Chém cha cái kiếp trâu lẩn thế này!
Duyên kiếp, kiếp số của con người đều*

xuất phát từ nhân quả luân hồi:

*Làm kiếp trâu ăn cỏ, làm kiếp chó
ăn dơ.*

Nào ai muốn làm kiếp súc sinh? Ai cũng muốn làm người được ăn no mặc đẹp. Nhưng rất nhiều người lại quên đi bài học: gieo ác gặt ác, gieo gió gặt bão. Gieo nhân lành ắt hái quả ngọt. Không trốn chạy tránh né đi đâu được:

Trâu ác thì trâu gặt sừng

Bò ác thì bò còng lưng méo sườn.

Chỉ khi chúng sanh nương nhờ Tam Bảo để nhất tâm tu học, tinh tấn tu hành, “đoạn ác tu thiện”, thì may ra mới “chuyển nghiệp” được cho mình, và có thể cả cho tha nhân. “Trâu chết để da, người ta chết để tiếng”, con trâu khi làm kiếp súc sinh có lẽ nó cũng biết tu, hoặc có tu từ kiếp trước, nên nó biết “chuyển nghiệp” cho mình, khi bị hoá kiếp đầu thai thành kiếp khác, nó vẫn còn lưu lại thân xác hữu dụng của nó cho cuộc sống đây bụi bặm này. Bộ da của trâu đã tìm về như muốn nương nhờ cõi già lam thanh tịnh, và trở thành một pháp cụ đàng hoàng oai nghi:

*Con trâu có một hàm răng
Ăn cỏ đất bằng, uống nước bờ ao
Hồi nào mà ở với tao
Bây giờ mà chết, tao cầm dao
xéo thịt mà
Thịt mà tao nấu cháo linh binh
Da mà bịt trống tụng kinh trong
chùa
Sừng mà tao tiện con cờ
Cán dao, cán mác, lược dây, lược
thưa...*

Dân gian có câu đố về “cái trống” được bịt bằng da trâu rất thú vị:
*Có mặt mà chẳng có đầu
Lúc nghèo thì bạn với trâu
Đến lúc vinh hiển gọi cô nàng
hầu!*

Hãy thử tịnh tâm lắng nghe âm thanh của ba hồi chuông trống Bát Nhã từ các chốn thiền tự vào đêm trừ tịch đất trời giao thoa. Tiếng trống đập dồn trầm hùng nào là tiếng trống được bịt bằng da con trâu? Da trâu đó là của con trâu nào? Hồn vía nó đang ở đâu? Nó có được đầu thai làm kiếp khác hay không? Đầu thai thành kiếp người hay kiếp gì?

Lạy chư Phật mười phương, xin hồi hướng công đức đến tất cả những con trâu đã giúp đỡ cho con người bao đời qua...

TỨ CÚ - THẬP MA XUÂN

*xuân mới người không mới
tóc sương, lòng phong trần
uống mừng sao quá vội?
quạnh quẽ một vò xuân*

*xuân đến ngòi trên gác
lò khơi, xông hương trầm
nghe từ xuân cổ đại
chim lạnh kêu hư không*

*xuân nở rồi xuân nát
tình qua như sương mù
người cùng ta khép mắt
mường tượng xuân thiên thu*

*xuân về thêm ngoảnh mặt
người khóc mơ thời gian
đong đưa đời nặng nhọc
ào mộng rớt bên đàng*

*xuân riêng mình ta nhớ
bởi tro khơi lửa hồng
hoa mai đùa trước ngõ
thánh thót tiếng chuông ngân*

*chào xuân đừng tiếng pháo
đội hết cõi sương nguồn
ta rùng mình lão đảo
té giữa giữa càn khôn*

*mừng xuân giốc cạn chén
rượu thắm, lòng tro tro
ta ngòi ôm hieu quạnh
đôi âm cùng hư vô*

*xuân xua sâu búa tới
lòng dựng mây vô thường
trà xanh hương đã nhạt
cuồn cuộn môi tơ vương*

*chơi xuân cười mấy tiếng
đời vắng tri âm rồi
cõi xa như vạt hiện
quẩy gánh lên đường thôi!*

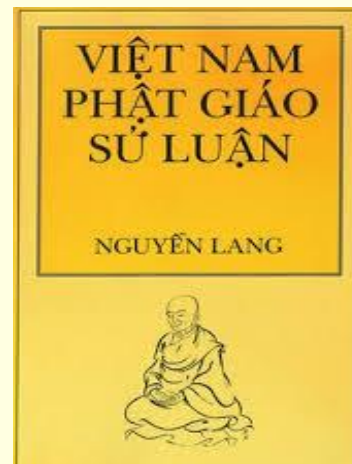
thơ PHÙ DU



CHÙA QUÁN SỨ Ở BẮC VIỆT

(Chương XXXIV,
VIỆT NAM PHẬT GIÁO SỬ LUẬN, TẬP III)

Nguyễn Lang



LỊCH SỬ / TÀI LIỆU

(tiếp theo)

HỘI TĂNG NI CHỈNH LÝ BẮC VIỆT

Tạp chí *Đuốc Tuệ* đình bản sau khi ra số chót là số 257 – 258 ngày 15.8.1945. Để phù hợp với tư trào mới các thiền sư Trí Hải và Tổ Liên cho xuất bản *Tinh Tiến* song song với tờ *Giải Thoát* ở Huế. Thiền sư Tuệ Tạng, hội trưởng hội Việt Nam Phật giáo và trú trì chùa Quán Sứ từ đầu năm 1945, cũng giao trách nhiệm mình cho những người trẻ tuổi và rút về tỉnh cư tại chùa Phúc Lâm ở Nam Định.

Cư sĩ Bùi Thiện Cơ và bảo huynh là cư sĩ Bùi Thiện Căn, nhận lãnh trách nhiệm giữ gìn nền móng của hội Việt Nam Phật giáo.

Hợp tác với các thiền sư Trí Hải và Tổ Liên có các thiền sư Quảng Hoảng, Ngọc Bảo, Vĩnh Tường, Thái Hòa, Tuệ Chiếu, Thanh Sam và nhiều cư sĩ hữu tâm như Nguyễn Hữu Kha và Nguyễn Xuân Chữ.

Sau khi mặt trận kháng chiến Hà Nội vỡ, thiền sư Tổ Liên trở về chùa Quán Sứ để bắt đầu xây dựng lại cơ sở Phật học. Hội Việt

Nam Phật giáo được thành lập lại vào năm 1949, do cư sĩ Bùi Thiện Cơ làm hội trưởng và cư sĩ Viên Quang làm tổng thư ký, trụ sở vẫn được đặt tại chùa Quán Sứ. Một viện cô nhi được hội thành lập. Số nhi đồng được bảo trợ lên tới 160 em. Năm 1950, hội cung thỉnh thiền sư Tuệ Tạng làm chứng minh đạo sư. Hai năm sau, hội xây dựng hai trường tư thực trung học tại Hà Nội, trường Khuông Việt cho nam sinh và trường Vạn Hạnh cho nữ sinh.

Cùng với các thiền sư đồng chí hướng, năm 1949 thiền sư Tổ Liên vận động thành lập hội Tăng Ni Chỉnh Lý Bắc Việt mà thiền sư đứng làm hội trưởng. Hội đặt trụ sở tại chùa Quán Sứ. Một tạp chí lấy tên là *Phương Tiện* được xuất bản do chính thiền sư làm chủ nhiệm kiêm chủ bút. Bán nguyệt san này được phát hành khá rộng rãi trong toàn quốc. Một ấn quán được thành lập tại số 73 phố Quán Sứ Hà Nội lấy tên là nhà in *Đuốc Tuệ*, do cư sĩ Nguyễn Đình Dương quản lý. Nhà in này ấn hành báo *Phương Tiện* và xuất bản nhiều kinh sách, trong đó có tác phẩm của Thiệu Chử, Võ Đình Cường, Nguyễn Văn Ngọc, Quang Phú, Tổ Liên, Trí Hải, Mai Thọ Truyền, Hoàng Hoa, Thanh Hương, v.v...

Hội Tăng Ni Chỉnh Lý Bắc Việt được đổi tên là hội *Phật giáo Tăng già Bắc Việt* vào ngày 9.9.1950. Qua năm sau, hội cung thỉnh thiền sư Mật Ứng làm thiền gia pháp chủ.

Từ năm 1949, hội đã cho khai giảng các Phật học đường Quán Sứ và Vân Hồ. Phật học đường Quán Sứ, dành cho tăng sinh, được khai giảng ngày 2 tháng Tám âm lịch 1949 và Phật học đường Vân Hồ, dành cho ni sinh, được khai giảng bốn hôm sau đó. Ni viện Vân Hồ đặt dưới quyền giám đốc của các ni sư Đàm Soạn và Đàm Đậu, thu nhận tới 50 ni sinh trong niên khóa đầu.



Chùa Quán Sứ, Hà Nội

TỔNG HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM VÀ GIÁO HỘI TĂNG GIÀ TOÀN QUỐC

Hội Phật giáo Tăng già Bắc Việt năm 1950 đã ủy nhiệm thiền sư Tổ Liên đi dự hội nghị thành lập World Fellowship of Buddhists – Thế giới Phật giáo Liên hữu – triệu tập lần đầu tiên tại thủ đô Colombo ở Tích Lan từ 26.5.1950 đến ngày 7.6.1950. Hội nghị này đã quy tụ được đại biểu của 26 nước Phật giáo. Một bản điều lệ của hội Thế giới Phật giáo Liên Hữu được chấp thuận, một ban quản trị được bầu cử trong đó bác sĩ Malalasekera đứng làm chủ tịch và lá cờ năm sắc được chấp thuận là Phật kỳ. Các nước có đại biểu tham dự hội nghị đều trở thành những trung tâm địa phương (regional centers) của hội Thế giới Phật giáo Liên Hữu. Về Hà Nội, thiền sư Tổ Liên đã thiết lập văn phòng Trung tâm Địa phương Việt Nam của hội Thế giới Phật giáo Liên Hữu tại chùa Quán Sứ. Lá cờ năm sắc tượng trưng cho ngũ căn ngũ lực được treo lần đầu tiên tại chùa Quán Sứ vào ngày Phật Đản năm 1951.

Sự thành lập hội World Fellowship of Buddhists (mà tại Việt Nam Phật tử quen gọi là hội Phật giáo Thế giới) đã là một kích thích tổ cho sự thành lập Tổng hội Phật giáo Việt Nam vào năm 1951 và Giáo hội Tăng già Toàn quốc vào năm 1952.

Đại hội Phật giáo Toàn quốc được các tập đoàn Phật giáo Việt Nam triệu tập tại Huế từ ngày 6.5.1951 – 9.5.1951. Năm mươi một đại biểu các tổ chức Phật giáo Tăng già Bắc Việt, Việt Nam Phật giáo (Bắc Việt), Giáo hội Tăng già Trung Việt, Việt Nam Phật học (Trung Việt), Giáo hội Tăng già Nam Việt và hội Phật học Nam Việt họp đại hội tại chùa Từ Đàm, thảo luận và chấp thuận một bản Điều lệ Nội quy thành lập *Tổng hội Phật giáo Việt Nam*, bầu cử một ban quản trị và suy tôn thiền sư Tịnh Khiết chùa Tường Vân làm hội chủ.

Năm 1952, các đoàn thể tăng già Bắc Trung Nam triệu tập đại hội tại chùa Quán Sứ Hà Nội ngày 7.9 để thành lập Giáo hội Tăng già Toàn quốc. Đại hội này đã bầu cử một Tổng Trị Sự và suy tôn thiền sư Tuệ Tạng làm thượng thủ.

THIỀN SƯ TUỆ TẠNG

Thượng thủ Tuệ Tạng tên đời là Trần Thanh Tuyên, sinh năm 1889 tại làng Quần

Phương Trung, quận Hải Hậu, tỉnh Nam Định. Năm 14 tuổi, ông xuất gia tại chùa Phúc Lâm ở làng Quần Phương Thượng. Năm 16 tuổi, ông được thể độ với pháp danh Tâm Thi. Sau đó không lâu, ông về ở chùa Côn ở ấp Văn Lý, Nam Định. Năm hai mươi tuổi ông thọ đại giới đàn chùa Phúc Lâm. Sau khi thầy của ông là tổ sư chùa Phúc Lâm thị tịch, ông bắt đầu đi du phương học đạo. Ông đã theo học tại các tổ đình Vĩnh Nghiêm và Tế Xuyên và đã chú trọng đặc biệt đến sự nghiên tâm luật tạng. Ông nổi tiếng là nhớ luật và trì luật bậc nhất.

Năm 1920, cùng các thiền sư trú trì chùa Dương Lai, Duyên Bình và Quế Phương ở Nam Định, thiền sư Tuệ Tạng thành lập hội Tiến Đức Cảnh Sách để quy tụ thanh niên tăng ni và hướng dẫn sự tu học cho các vị này. Hội Tiến Đức Cảnh Sách đặt trụ sở tại chùa Quế Phương. Hội trưởng là thiền sư trú trì chùa Dương Lai. Thiền sư Tuệ Tạng giữ chức giáo sư luật học.

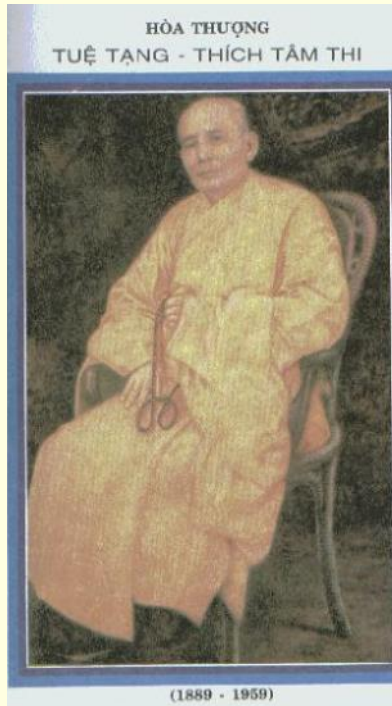
Năm 1934, ông đã cùng thiền sư Trung Thứ yểm trợ đặc lực cho việc thành lập hội Bắc Kỳ Phật giáo tại Hà Nội, đến năm 1935, theo lời yêu cầu của thiền sư Trí Hải và của hội Việt Nam Phật giáo, ông đã giữ chức giám viện cho chùa Quán Sứ.

Năm 1936, khi Phật học đường của hội Bắc Kỳ Phật giáo được khai giảng ở chùa Bằng Sở với thiền sư Trung Hậu ở chức vụ giám đốc và thiền sư Trung

Thứ ở chức vụ đốc giáo, ông đã nhận lãnh trách vụ phó đốc giáo kiêm giáo sư luật học. Thiền sư Trung Thứ viên tịch năm 1940 và thiền sư Trung Hậu cũng viên tịch năm 1941. Một mình ông phải đứng trông nom Phật học đường Bằng Sở, giữ cả trách vụ giám đốc lẫn đốc giáo.

Từ năm 1941 đến 1945, vì tình thế khó khăn, trường Phật học phải dời về Quán Sứ rồi sang Bồ Đề, lên Trung Hậu, về Cao Phong rồi về Hương Hải, cuối cùng lại dời về Quán Sứ. Vậy mà lúc nào trường cũng có từ 50 đến 60 tăng sinh. Thiền sư Tuệ Tạng đã cứu mạng trường trong suốt thời gian khó khăn này. Một nữ cư sĩ làm hội trưởng hội Tế sinh Bắc Việt, tên là Hoàng Thị Uyển trong thời gian ấy đã dâng cúng một trăm mẫu ruộng ở ấp Cao Phong tỉnh Phúc Yên để thiền sư có đủ tư lương nuôi dưỡng trường tăng học.

Đầu năm 1945, thiền sư Tuệ Tạng được mời giữ chức hội trưởng hội Việt Nam Phật giáo và trú trì chùa Quán Sứ. Nhưng đến cuối



năm, để thích hợp với trào lưu mới, ông giao trách nhiệm lại cho những người trẻ tuổi hơn như các thiền sư Tố Liên, Trí Hải và cư sĩ Thiều Chửu rời về an cư ở chùa Cồn. Năm 1947 ông làm pháp chủ trường hạ chùa xã Quần Phương Trung. Cảm mến đức độ của ông, tăng chúng các nơi lại xin về thọ giáo: Từ 1946 đến 1949 đạo tràng lúc nào cũng đông đảo, số tăng sinh ít khi xuống dưới 60 vị.

Thời cuộc biến chuyển, học chúng lại phải dời sang chùa Bằng Sở rồi chùa Cát Nội. Cuối năm 1949, ông và học chúng lại trở về chùa Cồn.

Năm 1950, theo lời thỉnh cầu của hội Phật giáo Tăng Già Bắc Việt, ông lại trở về chùa Quán Sứ giữ chức đốc giáo Phật học đường Quán Sứ. Đồng thời hội Việt Nam Phật giáo cũng mời ông làm chứng minh đạo sư cho hội.

Tổng hội Phật giáo Việt Nam thành lập 1951 đã cung thỉnh ông làm chứng minh đạo sư và Đại hội Giáo hội Tăng già Toàn quốc họp tại chùa Quán Sứ ngày 7.9.1952 đã suy tôn ông làm thượng thủ.

Thiền sư Tuệ Tạng lên làm thượng thủ cho Giáo hội Tăng già Toàn quốc năm ông được 63 tuổi.

Năm 1953 với tư cách thượng thủ ông đã cho ra đời một "Lá Tâm Thư" lời lẽ thống thiết, kêu gọi tăng sĩ và cư sĩ góp sức trùng hưng Phật giáo.

Năm 1954, khi đất nước bị chia đôi bởi hiệp định Genève, ông đã cùng các thiền sư Trí Hải, Tố Liên, Vĩnh Tường và nhiều cây cột trụ vững vàng khác của hội Phật giáo Tăng Già Bắc Việt nhất tâm kiên trì bảo vệ cơ sở của Phật giáo tại miền Bắc. Nhưng thời cuộc đã thay đổi và sự hành đạo tại vùng đất nước từ vĩ tuyến thứ 17 trở ra đã trở nên khó khăn. Thiền sư Tuệ Tạng đã phải rời bỏ chùa Quán Sứ ở thủ đô Hà Nội để về chùa Quần Phương, Nam Định. Tại đây, thiền sư đã mất vào ngày 10.5.1959, thọ bảy mươi tuổi. Nhục thân của thiền sư đã được an táng tại vườn chùa Vọng Cung thị xã Nam Định.

Trong số những vị đệ tử của thiền sư Tuệ Tạng hành đạo tại miền Nam, ta thấy có các thiền sư Chân Thường, Thanh Cát và Bình Minh. Thiền sư Bình Minh đã ghi lại tiểu sử của thầy một cách tỉ mỉ và thiền sư Chân Thường, hành đạo từ 1966 tại Pháp, cũng đã làm một bài diễn ca song thất lục bát căn cứ trên tài liệu ấy.

HỘI PHẬT TỬ VIỆT NAM

Tại Hà Nội từ năm 1949, song song với hội Việt Nam Phật giáo, còn có hội *Phật tử Việt Nam* được thành lập tại chùa Chân Tiên do một số các vị cư sĩ hữu tâm trong đó có các ông Văn Quang Thùy, Nguyễn Văn Chẽ, Lê Văn Lâm, Trương Đình Vy, Lê Văn Giáp và Bùi Hưng Gia góp sức. Hội thường tổ chức diễn

thuyết tại chùa Chân Tiên. Trong số các diễn giả, có bác sĩ Monod Herzen, giáo sư trường Đại học Khoa học Sài Gòn. Hội cũng thiết lập một ban Hoảng Kinh để xuất bản các kinh sách Phật giáo, đặt trụ sở tại số 56 đường Hàng Trống, Hà Nội. Hội Phật tử Việt Nam cũng đã thiết lập được một số các chi hội tại các tỉnh, hoạt động nhất là chi hội Hải Phòng mà trụ sở đặt ở chùa An Biên.

Cư sĩ Tuệ Nhuận Văn Quang Thùy đã cùng với các bạn đồng chí cho xuất bản bán nguyệt san *Bồ Đề* để phổ biến Phật học. Tạp chí này ra đời ngày 22.9.1949, báo quán đặt tại số 108 đường Boret, Hà Nội. Cư sĩ Tuệ Nhuận đứng làm chủ nhiệm kiêm chủ bút.

Tạp chí *Bồ Đề* được xuất bản từ tháng Chín năm 1949 cho đến mãi tháng Năm năm 1954 mới đình bản. Cư sĩ Tuệ Nhuận đích thân phiên dịch chú giải luận Duy Thức Tam Thập tụng, Thập Mục Ngưu Đồ và viết nhiều bài giáo lý căn bản cho tạp chí của mình. Cộng tác với *Bồ Đề* có nhiều cây bút vững vàng như Nguyễn Xuân Chữ, Lê Văn Giáp, Hồng Liên, Đế Châu, Vũ Đình Mẫn, Trí Dung, Thanh Vân, Lê Văn Lương, v.v. Cát Tường Lan là một cây bút nữ sĩ trẻ trung rất được Phật tử trẻ tuổi mến chuộng. Nguyễn Đại là một người đóng góp phần thơ ca gần như thường xuyên cho bán nguyệt san *Bồ Đề*, vốn nặng phần văn nghệ hơn tạp chí *Phương Tiên*. Cát Tường Lan bắt đầu viết cho *Bồ Đề* từ năm 1951. Độc giả của cô là tuổi trẻ. Văn của cô trong sáng, nhẹ nhàng và tươi vui. Cô đã sử dụng kiến thức khoa học để giảng dạy Phật pháp cho tuổi trẻ. Bài *Lời Nói Của Hòn Cuội* của cô đăng ở *Bồ Đề* số 52 ra vào tháng Mười 1951 là một bài điển hình của văn cô. Cô đã nhân một hòn cuội mà nói đến luật vô thường, đến nguyên lý nhân quả và đến cả lý bất sinh bất diệt của pháp giới. Cô đã nhắc tới định luật của Lavoisier "Không có gì mất đi, không có gì sinh ra".

Từ 1950 đến 1954 dưới sự hướng dẫn của các thiền sư Tố Liên và Trí Hải, các tổ chức Gia đình Phật tử được thiết lập mau chóng tại Hà Nội và các tỉnh lân cận. Các cư sĩ Lê Văn Nhã, Lê Văn Lâm, Vũ Thị Định, Lê Vinh, Đặng Văn Khuê, Trần Thanh Hiệp và ni cô Hải Triều Âm đã là những cây thạch trụ đầu tiên cho phong trào giáo dục thanh thiếu niên Phật tử ở miền Bắc. Gia đình Minh Tâm ở Hà Nội và Gia đình Liên Hoa ở Hải Phòng là những Gia đình Phật tử được thành lập sớm nhất. Tháng Tư năm 1951, các Gia đình Phật tử ở Bắc Việt đã gửi đại biểu tham dự đại hội Gia đình Phật tử Toàn quốc tại chùa Từ Đàm Huế và đã cùng thống nhất với phong trào ở Trung và ở Nam.

(còn tiếp)

DÒNG CHỮ TỪ TÂM

*rắc một chút phấn hương lên phiến đá
vẽ một mặt người trên lớp rêu xanh
tay run rẩy tạo tượng hình cô quạnh
dưới chân đất lạnh chẳng biết ngọn ngành*

*nước xanh mây trắng, bến trời viễn mộng
mây đỉnh cây sâu, hừng tuyết chênh vênh
đốc núi khói sương chữ viết bông bênh
thiết tha rơm rạ cháy theo định mệnh*

*cuối vườn trụi lá, thơ như tắt nghẹn
thấy con sơn ca dưới đá tìm sâu
chiếc xe ngựa cũ một màu vàng đậm
chờ mớ hương đời rã mục từ lâu*

*còn chẳng đâu đó phố xưa đường cũ
ngước mặt thênh thạng gió cuốn sương mù
miếu đền hoang phế ngu ngơ lạc lõng
đứng giữa trời như hạt bụi bờ sông*

*sớm mai tỉnh giấc nghe mùa vọng động
đêm lạnh hắt hiu thấp ngọn nến lòng
con sông bé nhỏ, gọi người, nhớ bạn,
âm hưởng buồn như tiếng khóc non sông*

*chợt chút gì đó trong hồn xao động
hé cửa lưng trời mở lượng từ tâm...*

thơ **THY AN**
ngày tuyết viết lại



Tịnh Xá Kỳ Hoàn

Soạn giả: THÍCH MINH CHIẾU

(Truyện Cổ Phật Giáo)

TRUYỆN TÍCH PHẬT GIÁO

Đọc kinh sách Phật, chúng ta thấy Phật thường thuyết pháp ở “Tịnh Xá Kỳ Hoàn hay Kỳ Thọ Cấp Cô Độc viên” cũng thế.

Được truyền tụng hơn hết, Tịnh xá này là công trình kiến tạo to tát của ông Tu Đạt Đa, một Phật tử tại gia thuần thành tên tuổi được hậu thế luôn luôn nhắc nhở.

Tu Đạt Đa, người ở thành Xá Vệ, xứ Ấn Độ, là tôi đại thần của vua Ba Tư Nặc và là một nhà giàu có nhất thời bấy giờ. Tánh tình hào hiệp ưa cứu giúp kẻ cô bản, hay làm việc bố thí, thi ân, khoan hồng với người dưới, khắp xứ đều biết danh, ông được người thời bấy giờ gọi tặng là Trưởng giả “Cấp Cô Độc.”

Tu Đạt sanh được bảy người con trai. Chúng đều khôn lớn cả và có gia thất, trừ cậu út. Hình dung tuần tú diện mạo khác thường, chàng có ý tự mình lựa chọn bạn trăm năm. Trưởng giả mới nhờ một thầy Bà La Môn tìm nơi mối lái.

Một hôm thầy Bà La Môn đến hóa trai ở một nhà nọ tại thành Vương Xá.

Một người con gái xinh đẹp tuyệt trần, đem vật thực ra dâng. Hỏi ra mới biết là ái nữ của Trưởng giả Hộ Di. Thầy yêu cầu xin tiếp chuyện với phụ thân của nàng. Thiếu nữ vào trong thưa lại, một chập sau thầy được ra mắt Trưởng giả và lấy thật tình tỏ ý mình muốn tác thành cho hai họ.

Vì đã được nghe đại danh

của Trưởng giả Tu Đạt Đa chẳng những là người giàu có muôn hộ, hay cứu giúp kẻ nghèo đói, cô bản, mà còn là một vị đại thần quyền thế ở thành Xá Vệ, nên không ngần ngại gì; Hộ Di vui lòng hứa lời cho đàn trai bước tới.

Nhân dịp có người khách buôn dong xe về Xá Vệ Bà La Môn liền gửi một phong thơ báo tin lành, ông Tu Đạt tức tốc khởi hành, cho gia nhân chở theo rất nhiều châu báu.

Lúc đến nơi, thầy Bà La Môn đưa ông tới nhà ông Hộ Di. Đàn gái hết sức vui mừng, tiếp rước trọng hậu. Nhận thấy tôi trai, tở gái tấp nập cỗ bàn, Tu Đạt Đa mới hỏi thăm duyên cớ. Trưởng giả Hộ Di cho biết sáng hôm sau ông sẽ làm lễ cúng

dường Phật và chư Tỳ kheo Tăng.

“Phật là gì?” Tu Đạt hỏi.

“Quan huynh chẳng nghe ư? Con vua Tịnh Phạn ở thành Ca Tỳ La Vệ, tên Tất Đạt Đa, vì thấy khổ, sanh, già, bệnh, chết, buồn lòng không vui thú gia đình, bèn bỏ cung điện đi tu, sau sáu năm khổ hạnh, được trí huệ đầy đủ, thẳng chúng mà vương, tự tại thần thông, quan minh chiếu diệu được người xưng tôn là Phật.”

“Còn thế nào gọi là Tăng?”

“Tăng chỉ các vị đệ tử của Phật đều là bậc sáng suốt giải thoát, có thể vì chúng sanh làm đám ruộng phước.”

Tu Đạt vui mừng vô hạn hỏi tiếp:

“Chẳng hay Phật và chư



Tặng ở đâu?”

“Tại một Tịnh xá trong vườn Trúc (Trúc Lâm).”

Trong đêm ấy Tu Đạt Đa sanh lòng kính tin, trần trở không ngủ, trông mau trời sáng để đến ra mắt Thế Tôn.

Vừa bình minh ông đã trở dậy, hỏi hướng rồi ra đi.

Tịnh xá Trúc Lâm vẫn còn yên tịnh, sương lạnh phủ dày, các Tỷ kheo còn đang thiền tọa. Tu Đạt Đa đang ngơ ngác, thì đằng xa có bóng người tiến đến. Thì ra đó là Đức Phật, bởi biết trước nên xuất thiền ra ngoài kinh hành. Vừa trông thấy tướng mạo nghiêm trang, oai nghi, đỉnh đạc của Ngài, Tu Đạt Đa mừng quá quên cả lễ phép:

“Thưa ông, không biết đức Cù Đàm đã dậy chưa? Ngài ở đâu? Tôi muốn gặp liền bây giờ được chăng?”

Đức Phật vui vẻ chỉ chỗ mời ngồi, rồi ôn tồn hỏi:

“Ông tìm đức Cù Đàm có việc chi? Chính tôi là người ông đang tìm.”

Biết là Đức Phật và cảm kích trước lời nói của Ngài, Tu Đạt Đa liền cúi mình làm lễ và tha thiết bạch rằng:

“Lạy Ngài rủ lòng thương xót, mở lòng dạy bảo cho kẻ đệ tử đầy tội lỗi này!”

Đức Thế Tôn bèn nói Pháp: khổ, không, vô thường, vô ngã và Niết Bàn yên vui vắng lặng cho ông Tu Đạt nghe. Khi nghe xong, ông quá đổi vui mừng, liền nhập Thánh pháp, đặc quả Tu Đà Hoàn, thí như miếng lụa trắng để ăn màu nhuộm. Trưởng giả bèn quì xuống, chấp tay lạy Phật:

“Bạch Thế Tôn, những người ở thành Xá Vệ nghe pháp có thể dễ thâm nhiễm như con không?”

Phật bảo:

“Ông vì túc căn nên mới sớm ngộ như thế không phải ai cũng ngộ như vậy đâu. Và lại dân thành Xá Vệ phần nhiều tin theo tà giáo, khó mà nhiễm thánh pháp”.

Tu Đạt bạch Phật:

“Cúi xin Ngài thương xót, rủ lòng đại từ quang lâm Xá Vệ đánh chuông cảnh tỉnh để người theo tà quay về lẽ chánh.”

“Phép của người xuất gia không được ở chung chạ với người thế tục, bên ấy không có Tịnh xá thì làm sao ta và các Tỷ kheo sang ấy ở được,” Phật bảo.

“Đệ tử xin phát tâm kiến tạo Tịnh xá mong Phật từ bi hứa khả cho.”

Đức Phật yên lặng, tỏ dấu hứa chịu.

Mấy hôm sau, khi lo vợ cho con xong ông Tu Đạt trở lại rừng Trúc bá Phật xin phái một vị đệ tử đi theo chỉ bảo cách thức xây cất Tịnh xá. Đức Thế Tôn nghĩ rằng ở Xá Vệ bọn Bà La Môn rất nhiều, họ tin tưởng xằng bậy những điều không hợp chánh lý thế nào họ cũng ra mặt tranh đương, người kém tài kém đức, khó bề hàng phục được họ. Chỉ có Xá Lợi Phất trước là dòng dõi Bà La Môn thông minh đa trí, hiểu rõ nội bộ của họ đi mới có lợi. Phật liền sai Xá Lợi Phất đi theo Tu Đạt sang Xá Vệ.

Độc đường Tu Đạt hỏi Xá Lợi Phất:

“Đức Phật đi bộ bao nhiêu dặm trong một ngày?”

Xá Lợi Phất đáp:

“Chừng nửa do tuần”.

Ông Tu Đạt bèn cứ hai mươi dặm là mướn người cật một khách xá (nhà tạm) để khi Phật sang Xá Vệ, đêm có chỗ tạm nghỉ.

Khi về đến nhà, Tu Đạt và Xá Lợi Phất trải qua mấy ngày vất vả và vẫn chưa tìm ra chỗ nào vừa ý. Một hôm đi ngang vườn cây của Thái tử Kỳ Đà, thấy đất đai bằng phẳng, cây cối xum xuê. Xá Lợi Phất bảo Tu Đạt: “Trong vườn này cất Tịnh xá được, vì không xa không gần thành; xa quá thì khó cho sự khất thực, còn gần quá thì ồn ào, loạn động khó yên tâm để tu hành”. Thấy Tu Đạt ra chiều suy nghĩ, Xá Lợi Phất tiếp: “Phải chăng

ông sợ không thể mua được chỗ gì? Ông nên đến ướm hỏi Đông cung xem sao.”

Ông Tu Đạt liền đánh bạo đến ra mắt Thái tử Kỳ Đà.

“Tâu Thái tử! Tôi muốn kiến tạo một Tịnh xá để thỉnh Phật và chư Tăng sang đây diễn giáo, nhưng tìm mãi không ra chỗ. Nay Thái tử có vườn cây tốt, rộng rãi, xin Thái tử vui lòng nhường, miếng vườn ấy lại cho tôi, công đức của Thái tử thật vô lượng vô biên.”

Thái tử cả cười bảo:

“Tôi đâu có thiếu thốn gì mà phải bán; vườn này để làm chỗ ngoạn thưởng trong khi nhàn rỗi, cho thư thả tâm hồn, bán đi thì làm thế nào?”

Ông trưởng giả Tu Đạt năn nỉ mãi. Thái tử tánh dễ cảm, song vì tiếc miếng vườn nên định làm thói chí ông Tu Đạt:

“Nếu trưởng giả mua, xin đem vàng lót khắp mặt đất tôi sẽ bán cho.”

“Vâng.”

Thái tử hỏi hồi:

“Tôi nói chơi như thế, chớ bán đi thì làm gì.”

“Quần tử vô hý ngôn, Thái tử sẽ làm vua trị dân, nói bõn sao được.”

Tu Đạt bèn vội trở về nhà hối gia nhân chở vàng đến lót. Khi đã phủ xong nơi đất liền. Trưởng giả suy nghĩ coi phải làm thế nào để lót mấy nơi bị cây mọc choán. Thái tử đến gần vỗ vai hỏi: “Thế nào Trưởng giả suy nghĩ gì? Nếu ông chể mắc thì thôi vàng ông chở về vườn tôi xin trả lại cho ông.”

“Không, tôi không nói mắc rẻ gì đâu, thưa Thái tử. Tôi đang suy nghĩ coi phải chở ở kho nào cho vừa đủ, khỏi đem đi đem về thất công và tính coi mấy gốc bao nhiêu vàng đây chứ.”

Thái tử Kỳ Đà nghe xong hết sức ngạc nhiên, tự hỏi Phật là người thế nào mà Trưởng giả coi của cải như không, xem vàng ròng như đất cục. Thật kỳ lạ quá... Có



lẽ là một thánh nhân, đạo cao đức cả mới có thể cảm hoá được lòng người như thế.

"Thôi," Thái tử bảo, "ông đừng chờ vàng đến nữa, bây giờ đất vườn thuộc về ông, còn cây thuộc về tôi, tôi xin cúng cho Phật đấy."

Trưởng giả vui sướng quá. Ngay ngày hôm sau kêu thợ đo đất khởi công, còn Xá Lợi Phất thì về bản đồ và chỉ bảo cách thức.

Song một trở ngại lại xảy ra. Phái Lục sư ngoại đạo Bà La Môn kéo nhau đến tâu vua Ba Tư Nặc:

"Trưởng giả Tu Đạt Đa mua vườn của Thái tử để kiến tạo Tịnh xá cho bọn Sa Môn Cù Đàm xin bệ hạ cho phép chúng tôi cùng bọn kia tranh tài, nếu họ thắng được bọn tôi, chúng ấy họ mới được phép cất Tịnh xá và sang đây thuyết đạo, còn trái lại, thì ở đâu phải ở đó."

Nhà vua liền triệu Tu Đạt Đa vào triều vào bảo rằng:

"Hàng Lục sư Bà La Môn không chịu có phái nào khác truyền giáo. Nay Khanh mau vườn cất Tịnh xá để rước đồ chúng của Đức Cù Đàm về đây dạy đạo. Lục sư vào tâu khi này, xin cho hai phái cùng nhau một trận thử hùng, nếu họ thua thì Khanh tự ý muốn làm gì thì làm, còn nếu phe Cù Đàm thua thì đừng bèn mảng đến đây. Muốn cho yên thuận, ta đã hứa với họ rồi, vậy Khanh lo liệu thế nào cho chu tất."

"Xin bệ hạ cho phép hạ thần trở về bạch lại với đệ tử của Đức Phật xem sao."

"Được, Khanh cứ đi, muốn cho bọn họ và công chúng biết được giá trị của đôi bên, ngoài phương pháp đó, không còn gì hơn nữa."

Trưởng giả cáo từ ra về, mặt luôn luôn dàu dàu, đầu óc miên man lo nghĩ:

"Không rõ bên ta có thể thắng được không? Hơn chẳng nói gì, còn rủi thua thì khổ biết bao. Lục sư pháp thuật cao cường, lại bề lũ đông đảo, liệu một mình Ngài Xá Lợi Phất có đương cự lại chẳng?" Bao nhiêu câu hỏi làm lòng ông ngổn ngang lo sợ, đến nỗi về đến cửa nhà mà ông không hay.

Trông thấy vẻ mặt đượm đầy u buồn, lo ngại của Tu Đạt, Xá Lợi Phất bèn cất tiếng hỏi:

"Hôm nay có việc gì mà Trưởng giả không được vui?"

Tu Đạt rầu rầu đáp:

"Thưa Ngài công việc kiến tạo Tịnh xá sợ không thành tựu."

"Tại sao thế?"

"Thưa Ngài, bọn Lục sư quyết lòng ngăn trở công việc làm của mình. Họ đã đến khiếu nại với vua, xin cho cùng chúng ta tranh thủ nếu chúng ta thắng họ thì mới được cất Tịnh xá. Vua đã chuẩn y lời của họ. Bây giờ trăm việc tôi xin trông cậy vào Ngài. Tôi lo lắng, bọn họ tu hành theo tiên đã

lâu, tài nghệ pháp thuật cao cường, trong thành này ai cũng biết, thêm nỗi bọn họ rất đông, liệu mình Ngài có chống nổi chẳng?"

"Trưởng giả đừng ngại. Tôi tuy một mình, nhưng ông có thấy chẳng, chỉ một ánh sáng mặt trời đủ phá tan bao nhiêu bóng tối; cần gì phải đông. Đồ chúng của Lục sư có nhiều đến bực nào cũng không làm chi tôi nổi. Trưởng giả cứ vững lòng tin tôi và tâu lại nhà vua xin định ngày đấu sức, không sao."

Tu Đạt nghe nhỡm người, chạy bay vào cung, xin định ba hôm sau là mở hội tranh tài.

Bọn Lục sư truyền rao cho tín đồ của chúng hãy đến xem cuộc đấu phép ít có mà phần thắng chắc chắn về phái họ. Vua Ba Tư Nặc cũng truyền lệnh cho dân gian và cho phép tam cung lục viện đến dự. Đồng thời vua cho cất khán đài tại một miếng đất trống to lớn phía ngoài thành.

Đúng ngày giờ hẹn, trời vừa tang tảng sáng, bọn Lục sư đã lũ lượt kéo tới, cả đàn chúng nữa, người người không thể tính số được. Giữa khán đài, vua và hoàng hậu ngồi ghế lớn, hai bên trăm quan và cung phi mỹ nữ đứng hầu, còn dân chúng chen nhau đứng phía dưới. Trước đài, tả hữu có hai đài khác, dành cho hai phái tranh thủ.

Giờ đấu tài đã đến, bọn Lục sư thấy thế tuyên bố ầm lên: "Bọn Cù Đàm sợ chúng ta rồi, đã tới giờ mà không thấy bóng hình đâu cả." Tiếng bàn tán cải cộ thêm to. Có kẻ đánh bạo đến gần tâu vua: "Tâu bệ hạ, bọn đệ tử Cù Đàm có lẽ tự biết mình vô tài nên không dám đến. Vậy xin bệ hạ kể họ như thất trận rồi".

Vua Ba Tư Nặc trầm tĩnh đáp: "Chưa gì mà các người đã vội ca khúc khải hoàn, hãy đợi một chút nữa xem nào." Đoạn vua xoay qua Tu



Nền cũ của Tịnh xá Kỳ Viên tại An Độ ngày nay

Đạt: “Tại sao thầy của khanh chưa đến, khanh hãy đi xem thử sao?”

Lúc ấy, Xá Lợi Phất đang ngồi thiền định dưới cội cây to, yên lặng suy nghĩ: “Hội chúng hôm nay phần đông theo tà giáo đã lâu, tà pháp đã thâm nhiễm vào trong óc của họ, nên họ đầy vẻ kiêu mạn, tự cao. Làm thế nào mà cứu vớt họ? Phật đã dạy, trong khi truyền đạo, không nên dùng thần thông làm kinh dị lòng người, nhưng trong trường hợp này, nếu không dùng thần thông thì làm sao gây được tín tâm. Vậy xin Phật thấu hiểu và xá tội cho!” Vừa nghĩ xong thì Tu Đạt hấp tấp đến.

“Bạch Đại đức, công chúng đã nhóm họp đông đủ cả rồi, nhà vua đang chờ trông, xin Đại đức quang lâm cho.”

Xá Lợi Phất bèn xuất thiền đứng dậy, sửa ngay y phục, vắt tọa cụ lên vai, rồi oai nghiêm cất bước, từ từ tiến về phía diễn trường mà quang cảnh mà là một biển người, lộ nhô đầu là đầu không hàng ngũ trật tự gì cả. Thế mà khi Xá Lợi Phất đến,

công chúng lại tự đứng vệt ra, chừa một đường khá rộng cho Ngài vào. Tu Đạt ung dung theo sau khỏi chen lấn gì cả.

Xá Lợi Phất đi đến đâu thì đám đông cúi chào, xa trông như một đồng lúa bị gió đùa. Còn bọn Lục sư, tuy lúc đầu đã dạn nhau không được tỏ vẻ kính nể nào, nhưng khi thấy vị đại đệ tử của Phật, tất cả như bị một sức mạnh gì ở thâm tâm thúc đẩy, đồng đứng dậy lễ phép chào như bao nhiêu người khác. Xá Lợi Phất chậm rãi thượng đài và an tọa. Vua Ba Tư Nặc liền ra lệnh cho hai bên dứt phép.

Laio Độ Sai, tay huyền thuật giỏi nhất trong phái Lục sư, trở tài trước. Công chúng đang lao nhao chờ đợi, bỗng thấy một cây đại thọ mọc lên giữa sân sừng sững, to lớn một cách nhanh chóng khác thường, tàn che kín khắp vùng đất chiếm làm diễn trường.

Đồ chúng của Lục sư, biết là sự biến hóa của phe mình, lấy làm thích chí, trầm trồ khen ngợi vang rền. Từ phía muôn mắt quay

về hướng Xá Lợi Phất đang tĩnh tọa, đôi mắt lim dim như không hay thấy gì hết. Một phút, hai phút... Mọi người đều nóng ruột, nóng hơn hết có lẽ là Tu Đạt Đa. Tiếng ồn ào vừa ngưng trong một hồi chờ đợi thắt thỏm, thì từ đôi mắt của Xá Lợi Phất hai luồng hào quang xẹt ra, bao lượn thân cây rồi cùng với thân cây biến mất trong chớp mắt. Tiếng hoan hô nổi dậy để tức khắc đổi thành tiếng kinh khủng: một cơn rùng rợn nhiều đầu, thân thể to lớn dị thường, múa lộn trên hư không, giữa tiếng sấm sét vang tai điếc óc. Nhưng kìa, từ miệng của Xá Lợi Phất, một đạo bạch quang phóng ra, biến thành một con đại bàng, to gấp hai kẻ nghịch, xáp đến xốt rùng bay mất.

Thưa canh này bày canh khác, Lao Độ Sai bèn dùng mình biến thành một con quý Dạ Xoa ketch xù, trên đầu lửa cháy, mắt lồi, miệng đỏ, xông xộc chạy lại đài Xá Lợi Phất, hung ác vô cùng. Trầm tĩnh vị đệ tử của Phật xòe bàn tay nắm ngón dùi mềm: Năm vị Tỳ sa môn Thiên vương hiện ra, đứng bao bốn phía và trên không. Đồng thời lửa tam muội bùng bùng nổi dậy, phủ vây con ác quỷ không phương đào tẩu. Lửa càng cháy, tiếng than khóc cầu tha mạng sống càng lớn. Tâm khinh mạn đã tan, bốn phía lửa dữ cũng hạ, Lao Độ Sai hoàn phục nguyên hình, dập đầu sám hối tạ tội. Xá Lợi Phất bèn bay vọt lên hư không hiện đủ bốn oai nghi, đi, đứng, nằm, ngồi hoặc hiện thân to lớn như hư không rồi lại hiện nhỏ, hoặc nữa, chia thân ra trăm ngàn thân khác rồi thân trăm ngàn trở lại một. Xong, Ngài trở về chỗ cũ, ngồi yên, thuyết kệ rằng:

Tâm sanh các pháp thủy đều sanh,

Tâm diệt các pháp thủy đều diệt.

Muôn ngàn nghiệp chướng thủy do tâm,

Rồi cũng do tâm mà diệt nghiệp.

Công chúng được xem các phép biến hóa và được nghe bài kệ rồi, nhảy nhót vui mừng như người nghèo được của báu.

Nhân cơ hội ấy, Xá Lợi Phất dạy: Các pháp là khổ, là không, là vô thường, vô ngã; tất cả đều do tâm, tâm không dính mắc theo trần lao phiền não là Niết bàn tịch tịnh. Trong thính chúng bấy giờ có nhiều người nhớ lại nhân duyên trước của mình, phát tâm hướng về nẻo giải thoát, thấu được lý đạo, kẻ chứng quả Tu đà hoàn, người chứng quả Tư đà hàm v.v... Hơn ba ngàn đồ chúng của Bà La Môn đều làm lễ Xá Lợi Phất xin thọ giáo.

Cuộc so tài đấu phép đến đây chấm dứt, vua truyền bể mạc. Công chúng lục tục ra về với bao vẻ hân hoan, mà người vui mừng nhất là Tu Đạt.

Mờ sáng hôm sau, người ta đã thấy Xá Lợi Phất, Tu Đạt Trưởng giả và những công nhân kiến trúc có mặt tại vườn Kỳ Đà, bắt tay vào việc. Tuy mệt nhọc nhưng mọi người đều vui vẻ sốt sắng.

Một hôm, đi ngang nền Tịnh xá, Xá Lợi Phất bỗng nhiên dừng bước chỉ con kiến càng to lớn đang bò, bảo Tu Đạt trưởng giả: "Một khi ta mất thân người, muôn kiếp khó hoàn phục. Con kiến này đã nhiều kiếp chết đi sanh lại nơi đây là chỗ bầy đời Phật hăng giảng pháp. Ông nên biết, dầu ở sát bên chỗ Phật nói pháp mà trót mang thân súc sanh thì có mắt cũng như điếc, có tai cũng như điếc, không giải thoát. Còn làm người mà mê muội, cứ nhắm mắt chạy theo tiếng gọi của vật dục, tham luyến dục lạc hiện tiền, không chịu suy nghĩ, chỉ biết có ngày nay không tin nhân quả, đã vậy còn gây thêm nghiệp hủy báng chánh pháp, thì xét kỹ không hơn con kiến bao



Nền cũ của Tịnh xá Kỳ Viên tại Ấn Độ ngày nay

nhieu, càng sống càng xa ánh sáng giác ngộ, khổ não trăm bề, sa đọa vào bậc thấp hèn đem tối. Thế nên sanh được làm người là một điều khó; là một đại bất hạnh khi đã được thân người mà không lo tu sửa để được lần về nẻo giải thoát, hoặc kiếp sau còn trở làm người cổ công tu học, thì thật uổng cho một kiếp.

Công trình kiến trúc vĩ đại quá, thành thử Xá Lợi Phất cũng như Tu Đạt trưởng giả phải vất vả, cực nhọc suốt ba bốn tháng mới hoàn thành. Tu Đạt bèn vào triều yết kiến vua Ba Tư Nặc trình các việc và xin vua phái sứ thần sang thành Vương xá thỉnh Phật quang lâm. Vua y lời.

Một buổi sáng trời quang gió mát, Đức Thế Tôn cùng các đệ tử lên đường sang Xá Vệ, ngày đi đêm nghỉ nơi các khách xá của Tu Đạt đã lo xa cho cất bước kia. Khi gần đến thành, vua quan cùng dân chúng ra đón cách một khoảng xa. Vào đến Tịnh Xá, Đức Phật an tọa,

mọi người làm lễ rửa chân cho Ngài và đi nhiễu ba vòng, rồi theo thứ cấp ngồi dưới chân quanh Phật. Đức Thế Tôn phóng ra năm sắc hào quang rực rỡ chiếu khắp thế giới, đoạn Ngài diễn nói công đức bồ thí, tu phước cho đại hội thính chúng nghe. Ai nấy đều được lòng dạ sáng tỏ vui vẻ vâng làm.

Từ ấy, mỗi ngày Đức Phật và các đệ tử vào thành khất thực, đến trưa về Tịnh xá thọ trai xong và thẳng tòa diễn pháp cho các đệ tử hai phái cùng nghe. Số người theo về quy y đông vô kể.

Chẳng những là một công trình xây dựng lịch sử, Tịnh xá Kỳ Hoàn còn là một nhắc nhở lớn cho các hàng Phật tử tại gia về bốn phạm hộ trì Tam Bảo.

*Xây dựng một ngôi chùa,
Tức là đã phá hủy một nhà lao.*

Thêm một đoàn thể học Phật,

Tức nhiên bớt một số người tù tội.

ĐÀO XUÂN

*Hồng lên xuân sắc hoa đào
Vô ngôn biệt ý xin chào người đứng
Vì chưng thế sự vô chừng
Năm rồi năm... lại mấy từng nhớ thương!*

ĐỘC HÀNH

*Trăm năm chẳng ngắn chẳng dài
Tri âm tuyệt tích ấy hoài phù sinh
Cô thân lữ khách đấng trình
Về qua phố thị như hình chiêm bao.*

MỒ

*Rõ ràng mặt ấy mặt này
Nghệp mang bao kiếp nào hay chẳng là
Thăng-trâm, phước-họa Sa Bà
Vô sanh bốn địa Di Đà tự tâm.*

THƯƠNG MÁ QUÊ NHÀ

*Trăm năm thân thể tà dương
Tóc xanh ngày ấy giờ vương tơ trời
Lòng sao thương má bời bời
Gian nan vất vả một đời vì con.
Tuổi già bóng xế héo hon
Mình đau xương nhức hao mòn sắc thân
Kiếp người như thể phù vân
Nguyện cầu chư Phật gia ân độ trì.
Má giờ hình sắc suy vi
Phương trời xa cách mấy khi cận kề
Má ơi! thương má vô bờ
Niệm hồng danh Phật mai về Tây Phương
Tịnh Độ là cảnh Chơn Thường
Cận kề thánh chúng cúng dường Phật thân
Má ơi xin chớ lần khân!*

...

thơ

ĐỒNG THIỆN



LIÊN NƯỚC MỸ CÓ BỊ CHIA CẮT KHÔNG?

Đào Văn Bình

DIỄN ĐÀN

Từ 13 tiểu bang sống riêng lẻ, do nhu cầu kết hợp, người của 13 tiểu bang này đã thành lập Liên Bang vào ngày 1/3/1781 gọi là Hợp Chúng Quốc Hoa Kỳ (*United States of America*). Liên Bang đó phát triển vô cùng hùng mạnh và trở thành siêu cường của hành tinh này và nó đã đứng vững hơn 200 năm.

Qua lịch sử nhân loại - tạm lấy mốc 2000 năm - chúng ta đã chứng kiến biết bao sự kết hợp rồi phân ly, chia cắt bởi rất nhiều lý do như: Ngoại bang đô hộ, chia cắt thuộc địa để dễ bề cai trị, chia cắt lãnh thổ theo sự phân chia ranh giới của các đại cường, chia cắt lãnh thổ vì khác chủ nghĩa, chủng tộc và xung đột tôn giáo.

Thế nhưng dù cho thế giới có "vật đổi sao dời", "hợp tan", "biển cả hóa cồn dâu" nhưng không một ai dám nghĩ rằng Hiệp Chúng Quốc Hoa Kỳ có ngày phân ly, chia cắt ra thành nhiều quốc gia. Bởi vì Trời có thể xập nhưng Hiệp Chúng Quốc Hoa Kỳ do tinh thần thượng tôn pháp luật, trình độ dân trí cao và họ rất hãnh diện vì sự hùng mạnh của họ... cho nên họ không bao giờ có ý nghĩ làm cho nước Mỹ yếu đi - chứ nói chi đến chuyện chia cắt đất nước. Thế nhưng chuyện "trời sập" đó lại đang có nguy cơ xảy ra.

Theo Business Insider ngày 11/11/2020, Ô. Price Wallace- dân biểu Tiểu Bang Mississippi kêu gọi Mississippi rút ra khỏi Liên Bang và thành lập quốc gia riêng sau khi Ô. Joe Biden được loan báo là "tổng thống đắc cử". Rồi vào ngày 10/12/2020, Rush Limbaugh- người điều khiển chương trình phát thanh thuộc phe cực hữu đã nói rằng người bảo thủ (*Cộng Hòa*) không thể sống chung với người cấp tiến (*Dân Chủ*) cho nên các tiểu bang bảo thủ **đang có khuynh hướng tách ra** để thành lập một quốc gia riêng. Rồi Dân Biểu Kyle Biedermann của Texas nói rằng ông sẽ đề nghị một cuộc trưng cầu dân ý tách rời

Texas ra khỏi Liên Bang Hoa Kỳ vì chính quyền Liên Bang không tiêu biểu cho những giá trị của Texas. Ô. Biedermann nói rằng ông sẽ viện dẫn Điều 1, Mục 2 của Hiến Pháp Hoa Kỳ để hỗ trợ cho đề nghị này.

Rồi theo Huffington Post, ngày 12/12/2020, sau khi Tối Cao Pháp Viện bác đơn kiện của Bộ Trưởng Tư Pháp Tiểu Bang, chủ tịch Đảng Cộng Hòa Texas Ô. Allen West đã đưa ra tuyên bố nói rằng đã đến lúc Texas cùng các tiểu bang khác kết hợp hành một **Liên Hiệp** (*Union of States*) theo đúng tinh thần Hiến Pháp vì các tiểu bang bị cáo giác gian lận bầu cử đã không tuân thủ Hiến Pháp. Nếu tuyên bố này được 17 tiểu bang hiện do Đảng Cộng Hòa nắm giữ (*đã bày tỏ ủng hộ đơn kiện của Texas*), nó có thể nó trở thành một thổi thục, một sức mạnh và một phong trào ly khai khỏi Hiệp Chúng Quốc Hoa Kỳ.

Đối với tôi, đây là những tuyên bố la lùng và không thể tưởng tượng được vì lúc nào tôi cũng tin vào sự hùng mạnh và tinh thần đoàn kết của nước Mỹ qua câu nói, **"Đoàn kết thì sống, chia rẽ thì chết"** (*United we stand, divided we fall*). Thế nhưng sự "chia rẽ" đang hình thành kia lại là nguyện vọng của một số người bằng xương, bằng thịt đang nắm giữ quyền lực của các tiểu bang. Theo một số nhà bình luận thì sự tách rời này sẽ đưa tới một cuộc **Nội Chiến Thứ Hai** (*Second American Civil War*) trong lòng nước Mỹ. Thế nhưng cuộc Nội Chiến Thứ Hai này không có lẫn ranh Bắc-Nam, mà là Da Beo, không có quân đội Miền Bắc giao chiến với quân đội Miền Nam mà là những cuộc bạo loạn chính trị trên quy mô lớn (*large scale political violence*), cùng những cuộc trưng cầu dân ý, tuyên bố bất tuân thủ luật pháp Liên Bang, khiến Liên Bang suy yếu và các tiểu bang biến thành các "xứ quân" hay lãnh thổ tự trị.

Sự chia rẽ giữa bảo thủ và cấp tiến, Cộng Hòa và Dân Chủ, bề nổi là cuộc bầu cử tổng thống ngày 3/11/2020. Nhưng bên trong của nó là vấn đề kỳ thị chủng tộc, Da Trắng Là Thượng Đẳng (*White Supremacy*), vấn đề người di dân Da Màu quá đông vào Hoa Kỳ, vấn đề bảo vệ tôn giáo truyền thống qua việc phá thai, hôn nhân đồng tính luyến ái. Việc lật đổ, kéo sập, bôi bẩn các bức tượng bị cáo buộc kỳ thị chủng tộc, xâm chiếm đất đai của thổ dân Da Đỏ đã làm cho người Da Trắng bảo thủ đau đớn vì họ cho đây là những giá trị truyền thống của họ, của nước Mỹ. Trong bất cứ quốc gia nào, hễ đụng chạm tới truyền thống của dân tộc, chắc chắn phải đổ máu.

Texas với diện tích 659,602 km vuông (*gấp đôi Việt Nam*), 29 triệu dân, thế mạnh về kỹ thuật, dầu hỏa, chăn nuôi và canh nông, dễ dàng thành lập một quốc gia riêng mà không cần trợ giúp của Liên Bang. Chúng ta nhớ lại, vào năm 2009, tại một cuộc họp của Tea Party - một nhánh cực kỳ bảo thủ trong Đảng Cộng Hòa - các ủng hộ viên của phong trào này đã hô vang, "Ly khai! Ly khai!" và Thống Đốc Rick Perry lúc bấy giờ đã gợi ý rằng tiểu bang này cần tách ra khỏi Liên Bang gọi là "Texit".

Người Việt chúng ta tới đây, sớm lắm là năm 1975. Tổ tiên chúng ta chưa có ở đây, chưa trải qua những ngày tháng gian khổ để giành từng tấc đất của người Da Đỏ, chưa đổ máu trong các cuộc Đệ I và Đệ II Thế Chiến. Chúng ta chưa trải tim óc để xây dựng đất nước này trong thời kỳ lập quốc. Ngày nay, chúng ta tuy có một số lá phiếu nhưng chưa đủ sức mạnh chính trị cũng như **hạnh diện truyền thống dân tộc** như người Da Trắng để quyết định vận mạng của đất nước này. Còn riêng cá nhân tôi, với thân phận của một người dân Da Màu, thiểu số, mới sống ở đây 35 năm, chắc chắn không đủ tư cách để can dự vào chuyện quá ghê gớm này.

Nếu như Texas tách rời khỏi Liên Bang và trở thành một quốc gia độc lập, sẽ có cả triệu người không chấp nhận và họ sẽ bán nhà, bán cửa, di cư sang tiểu bang khác để được sống với Hiệp Chúng Quốc Hoa Kỳ. Và cũng sẽ có nhiều triệu người từ các tiểu bang khác, không muốn sống với Liên Bang sẽ di cư sang Texas để được sống đúng với ước vọng của mình. Và đây sẽ là những cuộc "Exodus" vô cùng hỗn loạn.



Theo các nhà bình luận thì chủ trương cát cứ này rất khó thành công. Chúng ta cũng mong như thế để được sống yên bình với thân phận của một người Da Màu, thiểu số...biết tuân thủ luật pháp và sống khiêm tốn, hiền hòa trong lòng nước Mỹ mà Da Trắng là đa số. Thế nhưng chúng ta cũng phải chuẩn bị tâm lý "**Đời này vốn vô thường**". Mọi chuyện đều biến đổi khi lòng người thay đổi để ứng phó với mọi tình thế và nhất là **đừng buồn** vì cuộc đời này là huyền mộng. Cả cái vũ trụ này, nó hình thành, trụ một thời gian rồi từ từ hủy hoại và diệt mất theo quy luật **Thành-Trụ-Hoại-Diệt**. Trong một vài bài viết trên Nhật Ký Biển Đông tôi đã nói rằng không một siêu cường nào, không một quyền năng nào có thể hủy diệt, chia cắt được nước Mỹ. **Chỉ có người Mỹ mới hủy diệt hay chia cắt được nước Mỹ mà thôi.**

Sau ngày bầu cử 3/11/2020, tổ chức nghiên cứu PEW đã đưa ra bản thăm dò với kết quả như sau, "Sau cuộc bầu cử đa số cử tri Hoa Kỳ nói rằng họ bắt đầu sợ hãi và giận dữ về tình hình của đất nước." (*According to a separate report by Pew Research, after the elections on November 3, the majority of voters said they continued to feel "fearful" and "angry" about the state of the country.*)

Với lòng người và bầu không khí chính trị như thế này liệu Hoa Kỳ có còn như Hoa Kỳ trước đây không? Thật sự chúng ta không biết ngày mai nước Mỹ sẽ ra sao. Hãy chờ xem.

Khi lòng người không thể hòa hợp, mọi giải pháp đều bế tắc (**củng**) thì sẽ có biến động đổi thay (**biến**). Sự đổi thay (**biến**) sẽ đưa tới một giải pháp nào đó (**thông**) hoặc trong hòa bình hoặc bằng đờn đau theo đúng quy luật tiến hóa của Đông Phương: **Củng tắc biến, biến tắc thông**". Rồi cái "**thông**" này theo thời gian, khi lòng người thay đổi nó lại "**biến**". Và cứ như thế chu kỳ Thành-Trụ-Hoại-Diệt lại bắt đầu.

Cuối cùng, xin nhớ cho, cái ước vọng, giá trị, cái chúng ta yêu mến, tôn thờ ngày hôm nay chưa chắc là cái mà con cháu chúng ta yêu mến tôn thờ. Rồi cái mà con cháu chúng ta yêu mến tôn thờ chưa chắc là cái mà chất chít của chúng nó yêu mến tôn thờ. Cho nên mọi chuyện trên đời này đều thay đổi, biến dịch với thời gian theo Luật Vô Thường.

(California ngày 15/12/2020)

NẮNG XUÂN

(Lộc lư ngũ bộ)

*Giọt nắng bên thềm gõ cửa xuân,
Yên bình có đại tiếp dương vân.
Đường quê thoáng đãng bao mùa rộn,
Xóm nhỏ trong lành những mộng chân.
Rồng bụng nhà vui cần nẻo phúc,
Thâm cơn gió thoáng quyện hương trần.
Ngôi nghe tiết chuyên đời ta rõ,
Tạm ổn nơi này cũng cái nhân.*

*Mùa sang nhụy trở tiết đang vân
Giọt nắng bên thềm gõ cửa xuân,
Dệt khúc thời thơ còn mãi ngân
Theo dòng tuổi hạc cũng hằng chân
Đông hờn lúa hăm rền tâm lực
Hạ dôi đồng khô lảng cảnh trần
Biến đổi không ngừng qua mỗi chặng
Bao lần lộc nòn thắm đời nhân.*

*Vạn mối đều chung lẽ chuyển vân
Theo dòng mãi hiều bước đường chân
Hoa mùa cạnh ngõ đan viên gấm
Giọt nắng bên thềm gõ cửa xuân,
Cũng buổi sương chùng cây nhánh lặng
Hoài khi bão rát dải thân trần
Qua rồi vẫn hiện bao mầm sống
Bờ lụt sinh tồn chỗ gốc nhân*

*Thăm xem vũ trụ vốn xoay vân
Ngâm lại bao điều tổ lý chân
Lộc sẫm cảnh vươn thì phủ thắm
Hồng tươi búp nở để khoe trần
Bờ mương góc suối khơi dòng mạch
Giọt nắng bên thềm gõ cửa xuân,
Bờ thế ngày lên càng tĩnh lặng
Hương đời mãi thoáng có lòng nhân.*

*Nguyệt tỏ ngày qua tiễn bóng vân
Nên cùng thuận lối giữ rền chân
Mùa lên cảnh đẹp xanh bờ cõi
Ruộng trời nhà xinh chắc nẻo trần
Dệt đức tâm hòa luôn để rõ
Theo đường tánh lặng mãi còn nhân
Qui về một mối đều chung lẽ
Giọt nắng bên thềm gõ cửa xuân.*



thơ MINH ĐẠO

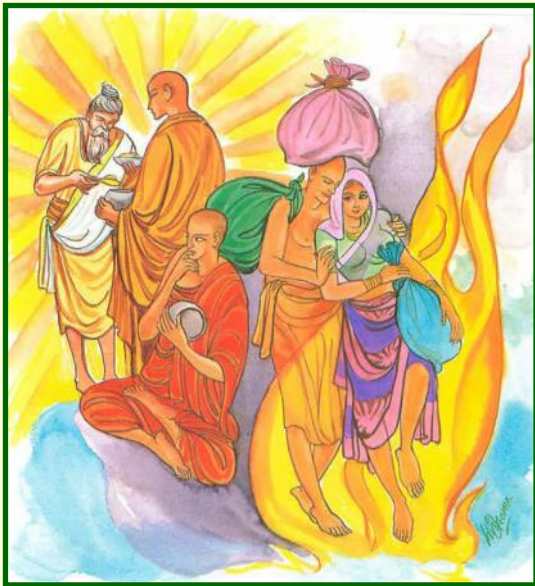
The Story of the Nigantha Ascetics

Dhammapada, Verse 316

While residing at the Jetavana monastery, the Buddha uttered Verses (316) and (317) of this book, with reference to Nigantha ascetics, who covered only the front part of their bodies.

One day, some Niganthas went on an alms-round with their bowls covered with a piece of cloth. Some bhikkhus seeing them commented, "These Nigantha ascetics who cover the front part of the body are more respectable compared to those Acela ascetics who go about without wearing anything." Hearing this comment, those ascetics retorted, "Yes, indeed, we do cover up our front part (by covering our bowls); but we cover it up not out of shame in going naked. We only cover up our bowls to keep away dust from our food, for even dust contains life in it."

When the bhikkhus reported what the Nigantha ascetics said, the Buddha replied, *"Bhikkhus, those ascetics who go about covering only the front part of their bodies are not ashamed of what they should be ashamed of, but they are ashamed of what they should not be ashamed of; because of their wrong view they would only go to bad destinations."*



Then the Buddha spoke in verse as follows:

Verse 316: Those beings who are ashamed of what should not be ashamed of, who are not ashamed of what should be ashamed of, and who hold wrong views go to a lower plane of existence (duggati).

Verse 317: Those beings who see danger in what is not dangerous, who do not see danger in what is dangerous, and who hold wrong views go to a lower plane of existence (duggati).

At the end of the discourse many Nigantha ascetics became frightened and joined the Buddhist Order.

Translated by
Daw Mya Tin, M.A.,
Burma Pitaka Association, Rangoon, Burma.

THẾ GIỚI NGƯỜI GIÀ

Phòng ăn
Dọn dẹp thành sân khấu
Khán giả ngồi quanh bậc mái đầu
Từng chiếc xe lăn
Từng cảnh sống
Vô thường đâu có khác chi nhau
Đoàn văn nghệ nghiệp dư
Giúp vui nhà dưỡng lão
Chiều cuối tuần lát phát mưa ngẫu
Sân khấu phòng ăn
Văng bóng đèn màu
Cô ca sĩ cất cao bài ca xứ Huế
Cô bé có mái tóc thề rất Huế
Đẹp làm sao áo trắng lúc tan trường
Bà giáo già nước mắt hai hàng
Ôi nhớ quá!
Một thời đứng lớp
Xa quá xa rồi
Chiều hôm bóng rợp
Tà áo bay theo đuôi gió Tràng Tiền
Ông lão ngồi bên
Gục xuống gục lên
Miệng há hốc có nghe gì tiếng nhạc?
Có giọng hát chiều sâu man mác
Ngày hành quân lớp lớp đời khô
Cả một đời trai
Chinh chiến ngục tù
Như canh bạc
Điều tàn vận nước
Bây giờ ngồi đây... bạc trắng mái đầu nụ
cười đầu mắt
Trăm thứ bịnh thân già gầy guộc
Ngày lâm chung
Chắc cũng cận kề
Đời vô thường chợt tỉnh chợt mê
Cũng có ông kia
Nhức nhích xe lăn muốn chạy khỏi hàng
Tay run rẩy Theo nhịp đàn sân khấu

Cũng ba năm rồi
Ông mất dần trí nhớ
Con gái đến thăm mà cứ ngỡ người dưng
Người con ra về nước mắt rưng rưng
Mở không nổi cửa xe
Dưới làn mưa lấm tẩm
Nhiều bà lão
Ngồi lim dim ngủ
Không biết có nghe gì tiếng nhạc lời ca
Sáu bảy chục năm qua
Như lớp sương mờ
Danh vọng lọc lừa
Chùng như phủi sạch dưới hiên nhà dưỡng lão
Vinh quang càng cao
Cuối đời áo nã

Chiều nay
Ngồi nghe nhạc giúp vui
Có khi hân hoan... có lúc ngậm ngùi
Mà tâm thức
Hình như đi cõi ngoài mưa gió
Không cũng là không
Mà tựa như là có
Một cõi vô thường Bát nhã tâm kinh
Nào ai biết gì chợt nhớ chợt quên
Nhà dưỡng lão
Dưới ánh đèn sân khấu
Người hát người nghe quá đôi ngậm ngùi
Tưởng rằng đến đây
Ca hát giúp vui
Mà lúc ra xe lòng nghe nặng trĩu
Buổi sáng nở hoa
Buổi chiều khô héo
Như đóa phù dung sớm nở tối tàn
Thế giới người già
Thương quá là thương!



thơ

HỒ THANH NHÃ

Hương xuân viên xứ

NHUẬN HÙNG

VĂN HỌC / NGHỆ THUẬT

"Chiều tà ngã nắng, vài sợi dư hương nhạt, làm ấm lòng bằng giá kẻ tha phương, nắng thênh thang trải rộng cả con đường, xô lạnh lẽo nghiêng đầu bên góc phố, ta vẫn chờ một hoàng hôn nắng đỏ, tháng mười hai trời dạt bến bờ yêu, để dập diu quên lãng nỗi quạnh hiu, rồi lịm tím chút hương tình xưa cũ..."

Ai ai, cũng biết thời gian không ngừng lại, cảnh vật vẫn thế mà thôi đưa, tuần hoàn vũ trụ, cũng trong vòng luân chuyển. Xuân sanh, Hạ trưởng, Thu thu, Đông tàn là lẽ dĩ nhiên của tạo hóa. Muốn hay không là chuyện của "ta" trời đất là chuyện đất trời, qua mùa gió lạnh bão bùng, để lại cho ta những gì? Chiều nay nơi xứ người xa lạ, nhìn lá vàng rơi bay tả tơi, ngời đọi hoàng hôn qua vạt vạt, tiếng buồn thăm thăm tiếng lòng tôi...!

Đúng vậy, ngày tháng phù du qua mau, mau thế! Thời gian như nước chảy qua cầu, một đi bến cũ không về lại, xuôi dòng viễn xứ biết về đâu? Những gì lưu luyến của thời gian, được, mất, thành, bại, buồn, vui, sâu thăm, năm qua. Nhìn về phía trước ai ai cũng

có hoài niệm về hứa hẹn một năm mới sắp đến. Nói đến "Hương Xuân..." nơi xứ người, tâm trạng ai ai cũng như ai ai, vì chúng ta là những người tha phương, đón Xuân nơi xứ người sao bằng hương vị ở quê nhà. Những hình ảnh ấy khắc ghi trong tâm trí của chúng ta, từ lúc chào đời cho đến bây giờ... Nhất là những ngày cuối năm nhà nào cũng như nhà này, truyền thống lâu đời đón Xuân rất đẹp. Một khoảng khắc ngắn ngủi chỉ vòn vẹn ba ngày thôi được gọi là "Tết" nói nôm na một cách dân dã là ngày mà mọi người chọn cho "nó" để làm cột mốc trong năm để sinh hoạt và tính đếm tuổi tác v.v...

Trên thế giới này có chung một ngày đầu năm gọi là "Tết Tây" nhưng ngày đó đối với người Tây phương chỉ là ngày đầu năm dương lịch, cột mốc cho năm tháng ngày giờ. Họ không quan trọng như người Việt chúng ta đâu! Dù gì, đi nữa chúng ta sống tha phương khắp mọi nơi trên thế giới này nhưng đến ngày "Tết" là chúng ta nhớ về cội nguồn. Ngày mà tổ tiên - ông bà ta, đặc ra rất là đặc biệt...Hình ảnh "ngày Xuân" những ai đã sinh ra và lớn lên trước năm 1975 tại Việt Nam,



TRỞ VỀ MỤC LỤC

bây giờ đang cư ngụ tại hải ngoại. Dù sống trong hoàn cảnh nào đi nữa, mỗi năm ngày Tết đến đều mang theo bao hoài niệm nhớ nhung quê hương. Những cảnh Tết ở quê nhà chúng ta tuy đơn sơ, mộc mạc nhưng đậm đà hơn cả keo sơn. Ai ai, cũng thể đã mang dòng máu Lạc Hồng không thể quên đi được sự tích bánh dày, bánh trưng, bánh tét, mứt gừng, mứt dừa... hay bao lì xì đỏ. Quần là áo lụa cùng nhau đến chùa ngày đầu Xuân, lời chúc Tết đến ông bà, cô bác, cha mẹ, con cháu chúc tụng lẫn nhau. Những lời hay - ý đẹp ngày đầu năm, câu chúc may mắn, từ người này sang người khác. Đó cũng là nét đẹp được ghi lại trong truyền thống của chúng ta...

Tuy là hai phương trời có khác, nhưng chung một truyền thống đón Xuân, chúng ta rất hãnh diện những việc làm ấy. Nhắc đến hai chữ "Hương Xuân..." ai ai cũng có thể hiểu ngay là muốn nói đến ngày "Tết Ta" có nghĩa là Tết của người Việt rồi đó nhỉ? Hằng năm ngày Tết của chúng ta cũng là đề tài cho nhiều nhà văn, nhà báo, nhà thơ, nghệ sĩ sẽ diễn đạt lại hình ảnh xa xưa hay nói lên những gì đang xảy ra nơi sự tại có nhiều người Việt sinh sống. Thật vậy, đề tài đáng yêu chỉ vồn vồn hai chữ "Hương Xuân..." là có biết nhiều ý tưởng cho mọi người diễn đạt, tình cảm hay là trên sân khấu...!

Chúng ta, thử quay ngược thời gian đã có rất là nhiều câu chuyện để nói cho ngày đầu Xuân, những dòng thơ không thể nào quên được biết bao thi sĩ để lại cho chúng ta:

*"Ta tiếc quá mảnh sơn hà gấm vóc
Bốn ngàn năm dựng nước bồng tan hoang
Ta thương quá chốn quê nhà tổ quốc
Hàng triệu người rên siết cảnh lầm than
Ta muốn khóc cho vơi niềm chua xót
Ta gắng cười cho nổi nhớ người quên
Nhưng năm tháng đã khô cạn nước mắt
Và nụ cười đã tắt thuở xa xăm
Ta lại sống như hồn ma bóng quế
Trên xứ người khắc khoải kiếp lê thê
Lòng tự hỏi trong cõi đời nhân thế
Cực hình nào hơn nỗi khổ xa quê...!"*

Đúng vậy, hình ảnh "Tết" nhất là trong những ngày đầu Xuân ai ai cũng có tâm trạng như thế. Quê hương đất nước không còn như xưa. Tuy đất nước đã 45 năm dưới ách thống trị của đảng Cộng Sản mà lòng người vẫn còn nhiều khắc khoải lê thê, biết đến bao giờ người dân mới có cuộc sống thật sự ấm êm như những năm tháng xa xưa. Mặc dù, rằng những năm tháng "ấy" chiến chinh liên miên nhưng Tết pháo vẫn có tiếng pháo nổ lòng dân vui nhộn, tưng bừng...Bây giờ thì khác hẳn ngày "Tết" ở Việt Nam thứ gì cũng đất đỏ lên giá vùng vut.

Nghĩ tưởng, đời sống như vậy, dân nghèo lấy đâu mà ăn Tết cho vui được. Đó là

sự thật, ai ai cũng hiểu, ngày Tết là một vấn nạn khổ nhất cho những gia đình lao động, đông con. Kinh tế khó khăn mỗi độ Xuân về, nàng Xuân cũng buồn ngủi cũng chẳng còn "vui" như xưa nữa. Hình như mỗi năm mỗi buồn dần theo tháng ngày. Nàng Xuân cũng già cũng chẳng thích thú gì với "Tết Việt" cả...! Còn chúng ta nơi quê người "Tết" cũng chỉ là "để" nhắc nhở cháu con, chớ nàng Xuân hải ngoại thì là khác chỉ hiện diện nơi nào đó...có đồng người Việt với nhau chúc tụng mà thôi. Bởi vậy, nàng Xuân bây giờ cũng là "Nàng Xuân" "thời đại" phải tùy thời, tùy thế mà xuất hiện. Chúc nhau, ta chúc nhau thôi! Nàng Xuân ơi hỡi! Nàng Xuân...!!!

Hương Xuân như thế thì nàng ở đâu??? Ở đâu thì mặc ở đâu? Nàng Xuân như thế trong lòng chúng ta. Xuân xưa - Xuân nay có khác gì? Tùy người tùy cảnh, ta thời tùy Xuân...! Mai vàng nở rộ một trời thi ca, mai còn là một quốc thể cho quê ta:

*"Huỳnh mai nở một thời thi vị
Mùa Xuân nào chẳng có bông hoa
Khách viễn xứ mơ về cố quốc
Như bốn mùa một đêm giao thoa."*

Tóm lại, đề tài Xuân rất dài nhưng tôi chỉ ngắn gọn với quý vị trong những ngày đầu Xuân, chúng ta nên nhớ nhắc nhở con cháu rằng phong tục đón Xuân của tổ tiên ta rất đẹp. Hằng gìn giữ đừng để mai một dù sống ở bất cứ nơi đâu trên thế giới này. Tết là ngày xum vầy trong tộc họ, cũng như những người thân có dịp đến với nhau, chừa chiền lẻ nơi đó quy tụ rất nhiều...Nếu mà sống không cội nguồn thì chúng ta rất buồn tẻ nơi xứ người. Tết cũng là cơ hội cho mọi người dân Việt tìm về với nhau, nơi hải ngoại này. Cổ nhân xưa có nói:

*"Thiên tăng, tuế nguyệt, nhưn tăng thọ
Xuân đảo, Càn - Khôn, phúc đáo gia"
(Trời tăng năm tháng, người tăng thọ
Xuân đến nhân gian, phúc đến nhà)*

Tôi xin mượn dòng thơ dưới đây, kính chúc quý vị năm mới, thứ gì cũng mới, từ lời nói cho đến việc làm tất cả đều mới, tinh thần cũng như vật chất...đều mới là đủ rồi, vạn sự kiết tường, như ý!

*"Xuân chúc cho nhau một chữ Thành
Thành công, thành tựu với thành Nhân
Hương về phụng sự vun Tài - Đức
Hạnh phúc miền trường Xuân mãi
Xuân..."*

Kính chúc, quý vị năm Canh Tý mọi việc hàng đầu trong thập nhị chi. (Năm Tý là năm dẫn đầu trong mười hai con giáp). Ai ai, cũng là số "một" cả, nếu không giỏi thành số "hai" xin đừng buồn, nhưng tôi mong tâm quý vị vẫn phải vui - vui - vui. Kính chào quý vị...!!!

CHÂN NGUYÊN VŨ TRỤ

*Xuân đã đến, trăm hoa tươi đua nở,
Tỏa sắc hương rực rỡ ánh bình minh,
Mặt trời xoay làm ấm lại mùa Xuân,
Trăng tỏa sáng khi màn đêm buông xuống.*

*Sông vẫn chảy từ thượng nguồn đổ xuống,
Biển rộng xanh, rào rạt thủy triều lên,
Mây vẫn trôi lơ lửng, gió nhẹ êm,
Đông giá lạnh và Xuân vui đã đến...*

*Vũ trụ đó, bốn mùa vẫn xoay chuyển
Và thời gian, không ngừng lại một giây,
Chung quanh ta, mọi vật vẫn đổi thay.
Xuân vẫn đến, vẫn đi, và trở lại.*

*Sự việc gì sẽ mãi luôn tồn tại...?
Chỉ Chân Nguyên trường tồn mãi mà thôi,
Không đến đi, dù ở khắp phương trời,
Chân Nguyên đó là Chân Không Diệu Hữu..
Thiên nhiên nào, có hình hài như cũ?
Sông cũng khô, và núi cũng ngã nghiêng,
Và thời gian cũng chẳng mãi đứng yên,
Gió và mây luôn đổi thay từng phút...*

*Từ Diệu Đế - Bốn điều không mai một,
Mặt trăng kia có thể làm nóng lên,
Mặt trời kia có thể làm nguội tan
Nhưng Chánh Pháp vẫn tỏa lan vũ trụ...*

*Dù trần thế có đổi thay vẫn vũ..
Cõi Ta Bà luôn biến động bất an..
Dù trần gian cuộc sống có mong manh.
Hãy sống thuận thiên nhiên cầu Tuệ Giác....*

*Xuân đã đến, đất trời đẹp duyên dáng,
Hoa xanh tươi, lộc trở khắp nơi nơi..
Tâm An Từ lan tỏa bốn phương trời.
Trong vũ trụ... Chân Tâm là bất diệt...*

CHÚC XUÂN MỚI NĂM TÂN SỬU, 2021

*Canh Tý qua, Tân Sửu đến thật nhanh,
Những nụ Mai lác đác nở trong sân,
Lan, Cúc, Hồng mọc chen quanh bờ đá
Sắc và hương, phảng phất nhẹ xa gần...*

*Thu tàn, Đông tới lại sang Xuân,
Xuân đến rồi đi đã bao lần,
Xuân mang niềm vui cho nhân loại
Ngày Xuân, hạnh phúc sống thanh bình,*

*Chúc cho bạn hữu một mùa Xuân,
Sức khỏe quanh năm, vạn điều lành,
Cát Tường, năm mới, luôn an lạc...
Gia đình hưng thịnh, trọn đầy năm...*

*Chúc chúng ta, suốt năm luôn sung túc,
Con cháu vui, sum họp vạn điều an,
Chúc Quê Hương, Dân Tộc bớt làm than
Hết thù hận, chiến tranh và...lụt,.. lũ...*

*Tết năm nay, đến trễ hơn năm cũ.
Chúc muôn người, sống hòa ái, hồn nhiên,
Mong Hoa Kỳ vẫn giàu mạnh, bình yên,
Đem thanh bình, tự do cho Thế Giới*

*Cầu... năm Tân Sửu an lành,
Cầu cho Thế Giới hết vòng dịch căn,
Cầu cho nước Mỹ thanh bình,
Hùng mạnh, Bác Ái dẫn đầu Năm Châu
Tự do lan tỏa Địa Cầu,
Vang danh Thế Giới Tự Do Nhân Quyền...*

thơ THỰC UYÊN

EMILY DICKINSON,

Nhà Thơ Ẩn Dật Trong Cõi Thơ Vô Ngã

HUỲNH KIM QUANG

VĂN HỌC / NGHỆ THUẬT

(tiếp theo số trước)



EMILY DICKINSON (1830—1886)

Thời kỳ từ năm 1861 đến 1865. Đây là thời kỳ sáng tạo độc đáo nhất của Dickinson. Những bài thơ của Dickinson trong thời này mang tính chất mãnh liệt và sáng tạo.

Thời kỳ sau năm 1866. Sức làm thơ của Dickinson đã yếu bởi vì có tới hai phần ba tổng số bài thơ của bà đã được làm trước năm này.

Việc Dickinson cố tình sử dụng dấu gạch ngang và viết hoa bất thường trong các bản thảo thơ và từ ngữ và hình ảnh đặc dị, kết hợp để tạo ra bài thơ trong thể loại và hình thức hoàn toàn khác xa với sự thông thường, theo Anthony Hecht trong tác phẩm "The Riddles of Emily Dickinson."

Dickinson tránh làm thơ năm âm tiết, mà thường là thơ ba âm tiết, bốn âm tiết và,

đôi khi, hai âm tiết. Thịnh thoảng bà dùng những âm tiết này thường, nhưng thường là bất thường. Hình thức thông thường mà bà hay sử dụng nhất là hình thức truyền thống được chia ra làm bốn câu, dùng bốn âm tiết cho câu một và câu ba và ba âm tiết cho câu hai và câu bốn, trong khi gieo vần ở câu hai và câu bốn. Dù Dickinson thường sử dụng cách gieo vần trọn vẹn cho các câu hai và bốn, bà cũng thường dùng cách gieo vần nghiêng.

Dickinson không để lại tuyên bố chính thức nào về chủ đích mỹ học bởi vì sự đa dạng chủ đề của thơ bà, mà không phù hợp trong bất cứ thể loại nào. Bà được xem, cùng với nhà thơ Emerson – người mà Dickinson ngưỡng mộ -- là thuộc các nhà Siêu Việt Mỹ, theo Harold Bloom trong tác phẩm "Emily Dickinson." Nhưng Judith Farr trong tác phẩm "Emily Dickinson: A Collection of Critical Essays" thì không đồng ý với Bloom. Theo Farr, thơ của Dickinson ngoài các thể loại như hài hước, châm biếm, còn bao gồm hoa, vườn cây, bệnh tật, Phúc Âm, người yêu đời đời, những đại lục chưa được khám phá hay lãnh địa của tâm linh.

Đọc bài thơ "I'm Nobody! Who Are You?" của Dickinson

"I'm Nobody! Who Are You?" là bài thơ ngắn của Emily Dickinson đã được làm vào năm 1861 và được phổ biến lần đầu vào năm 1891 trong tuyển tập thơ Poems, Series 2. Đây là bài thơ nổi tiếng nhất của Dickinson.

*I'm nobody! Who are you?
Are you nobody, too?
Then there's a pair of us — don't tell!
They'd banish us, you know.*

*How dreary to be somebody!
How public, like a frog
To tell your name the livelong day
To an admiring bog!*

*Tôi không là ai! Bạn là ai?
 Có phải bạn cũng không là ai?
 Thì chúng ta là một cặp – đừng nói
 với ai!
 Bạn biết đó, họ sẽ xua đuổi chúng ta.
 Làm người nào đó thì thê lương biết
 bao!
 Công khai náo nhiệt, như con ếch
 Gọi tên bạn suốt cả ngày
 Một vũng lầy ngưỡng mộ!*

Giáo Sư Y Khoa và cũng là nhà văn Dean Sluyter trong bài viết "Emily Dickinson and the Buddha vs. the WWF" đăng trên trang mạng của báo HuffPost (www.huffpost.com) cho rằng qua bài thơ này nhà thơ Dickinson đã nói lên kiến giải về vô ngã trong Phật Giáo.

"I'm Nobody!" Tôi không là ai. Tôi không là người nào cả. Hay nói cách khác "tôi là không gì cả, tôi không là ngã, tôi là không." Chữ "nobody" cũng được hiểu là non-self, mà trong tiếng Nam Phạn hay Pali là chữ anattā [vô ngã] và tiếng Bắc Phạn hay Sanskrit là chữ anātman [vô ngã].

Vô ngã là một trong những giáo nghĩa cốt lõi của Phật Giáo – Nam và Bắc Truyền. Giáo nghĩa này đã được Đức Phật giảng lúc Ngài còn tại thế. Đây cũng là giáo nghĩa làm cho Đạo Phật khác với tất cả mọi giáo lý và triết thuyết khác trên thế giới này từ cổ chí kim. Vô ngã là phủ nhận có một chủ thể tồn tại trong mọi hiện hữu. Mọi hiện hữu sở dĩ hiện hữu được là nhờ dựa vào các điều kiện, các yếu tố, các duyên. Không một sự vật và sự kiện nào có thể tự nó hiện hữu, hay khởi sinh và tồn tại một cách độc lập hoàn toàn. "Cái này có cho nên cái kia có. Cái này không cho nên cái kia không," trong Kinh Nikaya Phật nói thế. Cũng qua ý nghĩa duyên sinh này cho thấy tự bản chất của mọi sự vật và sự kiện đều không có tự tánh cố định, không có tự ngã.

Đoạn cuối của bài thơ toát ra hương vị siêu thoát ra khỏi danh tướng phàm tình của nhà thơ Dickinson. Bà xem trò phô bày danh tướng như vũng lầy ô nhiễm, vì chính cái ngã còn không có thì quan trọng gì với cái thuộc về cái ngã đó! Có lẽ vì vậy bà đã chọn sống lặng lẽ, cô độc một mình.

Huỳnh Kim Quang



XUÂN AN LẠC

*Xuân đến tâm thành đốt nén hương,
 Dâng lên Chư Phật khắp mười phương .
 Mong cầu thế giới luôn thanh tịnh
 Hướng dẫn chúng sinh hết lạc đường .
 Phật Pháp tuyên dương muôn quốc độ
 Nhân dân thừa hưởng vạn yêu thương .
 Muôn loài cùng sống chung hòa nhịp,
 Chớ có tương tranh ngộ "Bất Thường".*

CHÚC BẠN ĐỒNG ĐẠO

*Xuân sang én liêng khắp gần xa,
 Chúc phước cho nhau đến mọi nhà .
 Anh thuận em hòa nguồn hạnh phúc,
 Thầy yêu bạn mến suối thẳng hoa .
 Tiên tài bền vững công Chông vợ,
 Vượng đức lâu dài lộc Mẹ Cha .
 Chăm sóc tâm từ hoa kết nụ,
 Tặng người đồng đạo khúc Xuân ca .*

thơ

NGUYỄN NGỘ

TÂM XUÂN

Ngày xuân du dương cung đàn
Trà thơm vương vương hương lan
Chim non du xuân ca vang
Hoa ngời sương e mi ngoan
Trời cao trắng đầu không về
Truy hoan cho sang câu thề
Chiều quê hàng cây lim dim
Thương ai lang thang tôi tìm
Trong hương xuân trong im lìm
Mùi hương thơ trinh xuân xưa
Lời thương mến mang êm đưa
Trong chiều nao ai yêu trao...
Giờ còn đây nguyên đôi tay
Đà sần chai bao chông gai
Đà cằn khô câu thương ai
Đà hằn sâu bao hư hao
Giờ còn đây đôi hoa lau
Hôn bờ xe xưa yêu nhau
Dòng Trà Giang chưa thương đau
Nàng về đâu cho muôn sau
Còn xuân vui nâng cung đàn
Còn ai thơ trinh mơ màng
Người hân hoan câu nghinh xuân
Người tìm nhau vui Trương-Quân.

XUÂN XA MẸ

Lại một mùa xuân nữa đã về
Lâu rồi viễn phố cũng là quê
Chiều nay cô xứ bên hiên vắng
Có lẽ xuân đang rộn tứ bề
Thấu chẳng trong đất trời xuân đỏ
Mắt mẹ già nua rỏ lệ mờ
Đăm đăm mòn mỏi trông đầu ngõ
Bóng thằng con dại tạc trong mơ
Hay chẳng xuân thấm trời viễn xứ
Niềm một hình nhân chẳng biết xuân
Gió khuya e ấp tình xuân nữ
Se thắt lòng kia nghĩa đón mừng
Thiên Ân cha nằm đau núi ngủ
Trà Giang mẹ đứng xót sông trôi
Sao con chẳng thể về bên mẹ
Khi bước ly hương đã mỗi rồi.

thơ

LIU LĂNG KHÁCH



TIN TỨC PHẬT GIÁO THẾ GIỚI

DIỆU ÂM *lược dịch*

UGANDA: Nhà sư người Uganda mang Phật giáo đến châu Phi

Hòa thượng Bhante Bhikkhu Buddharakkhita, vị tu sĩ Phật giáo Uganda đầu tiên, có hoài bão đào tạo 54 sa di, một sa di cho mỗi nước châu Phi.

Là người sáng lập và trụ trì Trung tâm Phật giáo và Chùa Uganda, và là tác giả cuốn "Trồng Hạt giống Giáo pháp: Sự xuất hiện của Phật giáo ở châu Phi", sư Buddharakkhita (tên thật là Steven Jemba Kabogozza) vốn là người Công giáo. Ông cải đạo sang Phật giáo vào năm 1990 khi đang học tại Ấn Độ, và dạy thiền chánh niệm tại châu Phi từ năm 2005.

"Tôi đã giới thiệu một ngôi trường hòa bình, cung cấp giáo dục và nước sạch cho cộng đồng quanh đây. Có ít nhất 1,500 người cảm động với các dự án của chúng tôi, và tôi đang cố gắng tuyên truyền văn hóa hòa bình.

Vai trò của tôi về cơ bản nói chung là giảng dạy Phật giáo thông qua thiền định, thực hiện các hoạt động nhân đạo vốn có thể quảng bá nó, nghiên cứu cách Phật giáo có thể được giới thiệu tốt nhất trong bối cảnh văn hóa châu Phi, và xuất bản sách để truyền thống mới này có thể được biết đến ở Uganda."

(NewsNow - December 8, 2020)



Hòa thượng Bhante Bhikkhu



*Buddharakkhita
Trung tâm Phật giáo và
Chùa Uganda*



Photos: Eugénie Baccot

NEPAL: Chư ni 'Kung Fu' leo lên dãy Hi Mã Lạp Sơn để cứu trợ người nghèo túng

Đi bộ nhiều giờ trong không khí loãng của dãy Hi Mã Lạp Sơn, hàng trăm ni cô dòng truyền thừa Drukpa - được mệnh danh là chư ni Kung Fu - đang thực hiện sự cứu trợ quan trọng và lời khuyên về sức khỏe cho những dân làng bị bỏ rơi và ốm yếu bởi COVID-19.

Bên cạnh việc vận chuyển các bao tải chủ yếu đựng từ gạo, đậu lăng đến đồ vệ sinh cá nhân và khẩu trang trên lưng trong điều kiện núi non khắc nghiệt, chư ni còn kêu gọi dân làng lưu ý đến mỗi đe dọa do COVID-19 gây ra.

Các ngôi làng nhận viện trợ từ các ni cô nằm ở cả hai bên biên giới Ấn Độ-Nepal, và cho đến nay đã có khoảng 2,000 gia đình được cứu trợ.

Không thường xuyên truy cập được truyền hình hoặc internet để biết thông tin, người dân địa phương thường coi virus là "chỉ là cảm lạnh", và bỏ qua các buổi huấn luyện về giãn cách xã hội, rửa tay và cách đeo khẩu trang.

Trong những ngày gần đây, các ni cô đã làm việc suốt ngày đêm để mang thực phẩm và đồ dùng vệ sinh đến một ngôi làng ở huyện miền núi Lahaul, Ấn Độ. Tất cả cư dân của làng đều đã nhiễm virus, bao gồm thân nhân của một số các ni cô này.

(NewsNow - December 11, 2020)



*Chư ni Kung Fu giúp dân làng tại Hi Mã Lạp Sơn
Photo: Kungfununs.org*

CHÁNH PHÁP



TRỞ VỀ MỤC LỤC

HOA KỲ: Giáo hội Phật giáo New York tổ chức Lễ Mừng Năm Mới trực tuyến

Giáo hội Phật giáo New York (NYBC), một ngôi chùa thuộc trường phái Jodo Shinshu (Tịnh độ Tông) của Phật giáo Nhật Bản, sẽ tổ chức một loạt các sự kiện trực tuyến từ ngày 20-12-2020 đến ngày 1-1-2021 để chào mừng năm mới.

Các sự kiện được lên kế hoạch bao gồm trình diễn văn hóa, hội thảo, đọc sách, dịch vụ đặc biệt và biểu diễn âm nhạc của các nghệ sĩ, nhà giáo dục và các nhà lãnh đạo tôn giáo trong cộng đồng.



Các hoạt động tại Giáo hội Phật giáo New York (NYBC)

Các hoạt động này - tập trung vào văn hóa Nhật Bản, cuộc sống của người Mỹ gốc Nhật và Phật giáo Nhật Bản - sẽ hỗ trợ việc gây quỹ cho ngôi chùa.

NYBC được thành lập vào năm 1938 bởi Hòa thượng Hozen Seki. Ông là người đã thành lập Học viện Phật giáo Hoa Kỳ vào năm 1948 để tạo điều kiện thuận lợi cho việc nghiên cứu Phật giáo Nhật Bản và các tôn giáo thế giới.

NYBC là một thành viên của Giáo hội Phật giáo Hoa Kỳ (BCA), tổ chức Phật giáo lâu đời nhất ở Hoa Kỳ. BCA

hiện có hơn 60 ngôi chùa độc lập và khoảng 16,000 thành viên trên khắp nước Mỹ.

(Buddhistdoor Global - December 12, 2020)



Poster mừng Năm Mới của NYBC

Photos: Facebook

HÀN QUỐC: Lễ hội đèn lồng của Phật giáo trở thành Di sản Văn hóa UNESCO

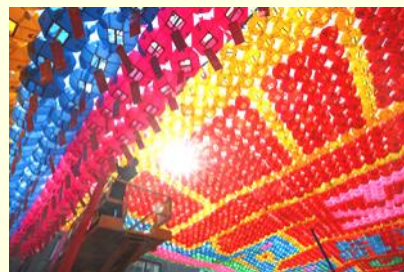
Unesco cho biết Yeondeunghoe, lễ hội đèn lồng mừng ngày Phật Đản, đã trở thành hạng mục thứ 21 của Hàn Quốc lọt vào Danh sách Di sản Văn hóa Phi vật thể của Nhân loại của UNESCO. Phiên họp thứ 15 của Ủy ban Liên chính phủ về Bảo vệ Di sản Văn hóa Phi vật thể của UNESCO - bắt đầu vào ngày 14-12-2020 tại trụ sở Unesco ở Paris - đã quyết định vào thứ Tư ngày 16-12 để ghi tên lễ hội "Yeondeunghoe: Lễ hội ánh sáng đèn lồng ở Hàn Quốc" trên Danh sách đại diện của tổ chức này. Thông báo được đưa ra vào khoảng 10 p.m. ngày 16-12.

Trong phiên họp, Ủy ban đã ghi nhận tính bao hàm của lễ hội Yeondeunghoe, vốn góp phần vượt qua những ranh giới xã hội và thể hiện sự đa dạng văn hóa. Ủy ban lưu ý rằng lễ hội đèn lồng đóng vai trò tăng cường sự gắn kết xã hội.

Được tổ chức vào ngày mồng 8 tháng tư Âm lịch - thường rơi vào cuối tháng 4 hoặc đầu tháng 5 Dương lịch - Yeondeunghoe được tổ chức trên khắp đất nước Hàn Quốc bởi các tín đồ và những người không phải tín đồ.

Đường phố được trang trí bằng những chiếc đèn lồng hoa sen nhiều màu sắc. Mọi người tham gia diễn hành mang theo những chiếc đèn lồng do họ làm để bày tỏ những điều ước tốt đẹp cho bản thân, gia đình, hàng xóm và toàn dân tộc.

(joongang.co.kr - December 17, 2020)



Đèn lồng nhiều màu sắc được chuẩn bị cho lễ hội Yeondeunghoe



Một cuộc diễu hành hàng năm của lễ hội Thắp sáng Đèn lồng Yeondeunghoe
Photos: joongang.co.kr

TRUNG QUỐC: Khám phá tượng Phật khổng lồ bị chôn vùi trong bí ẩn

Một pho tượng Phật không đầu cao 30 feet dựng vào vách đá đã được tìm thấy giữa hai tòa nhà chung cư ở quận Nanan, Trùng Khánh, Trung Quốc. Tác phẩm đồ sộ này có thể có từ triều đại nhà Thanh, mặc dù chưa rõ ngày tạo tác chính xác của nó.

Ban di sản văn hóa huyện Nanan sẽ có các chuyên gia nghiên cứu tác phẩm điêu khắc nói trên và đánh giá nhu cầu bảo tồn của nó. Một đại diện của ban cho biết ở giai đoạn hiện tại, họ không thể đưa ra kết luận chuyên môn về vị trí của tượng Phật này trong lịch sử.

Hai tòa nhà dân cư được xây dựng vào năm 1990 sau khi một ngôi chùa bị phá hủy tại cùng một địa điểm, và pho tượng đã được phát hiện trong quá trình phát quang tán lá trong khu vực.

Hầu hết cư dân trong hai tòa nhà liền kề với pho tượng dường như không biết đến sự hiện diện của nó, mặc dù một người phụ nữ họ Deng đã sống ở đó hàng chục năm nói rằng bà còn nhớ về việc xây dựng trên tác phẩm điêu khắc này. Bà nói với Đài phát thanh Trùng Khánh, "Việc xây dựng [tác phẩm điêu khắc] đã dừng lại sau khi nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa được thành lập vào năm 1949." Tuy nhiên, bí ẩn về vị trí của phần đầu của tác phẩm điêu khắc nói trên vẫn chưa được giải đáp.

(Big News Network - December 16, 2020)



*Pho tượng Phật cao 30 feet được tìm thấy giữa 2 chung cư ở quận Nanán, Trùng Khánh, Trung Quốc
Photo: artnews.com*

CAM BỐT: Quốc vương Norodom Sihamoni quảng bá bóng mát của Phật giáo

Ngày 17-12-2020, Quốc vương Norodom Sihamoni đã khuyến khích các chức tể, cư sĩ và các tổ chức nhà nước quảng bá Phật giáo, như một bóng mát tòa che để tình đoàn kết và hòa hợp giữa người Khmer có thể phát triển.

Phát biểu tại lễ khánh thành một trường trung học mới bên trong Wat Chumpou Voan - ngôi chùa cổ nhất ở

Phnom Penh được xây dựng vào năm 1902 - nhà vua nói: "Phật giáo đóng một vai trò quan trọng trong việc giáo dục người dân, thúc đẩy và duy trì các giá trị đạo đức Khmer truyền thống và khuyến khích sự đoàn kết và hòa thuận của người Cam Bốt."

"Tôi đánh giá cao việc thiết lập thêm nhiều ngôi chùa, chủng viện, trường học Phật giáo và Pali cũng như những thành tựu khác (của Vương quốc) cho đến nay. Những điều này đã cho thấy sự phát triển của Phật giáo tại Cam Bốt," ông nói.

Ông Khuong Sreng, Thống đốc Phnom Penh, phát biểu rằng chính phủ mang lại cho người dân nền hòa bình, sự ổn định, thống nhất dân tộc, dân chủ và cởi mở trong thực hành tôn giáo để Phật tử trong nước được sống hòa thuận.

(Khmer Times - December 17, 2020)



Quốc vương Norodom Sihamoni (bên trái) tham dự lễ khánh thành một trường trung học mới bên trong chùa Wat Chumpou Voan

HÀN QUỐC: Phật phái Jogye trang trí đèn lồng mừng lễ Giáng sinh

Với tinh thần hòa hợp tất cả các tín ngưỡng, tông phái Phật giáo Jogye đã trang trí đèn lồng trước bàn tự để kỷ niệm lễ Giáng sinh. Mặc dù đại dịch đã ngăn cản lễ thắp sáng theo phong tục, nhưng ngôi chùa này vẫn thắp sáng những chiếc đèn lồng vào lúc 5 giờ chiều ngày 17-12 để tôn vinh sự giáng sinh của Chúa Giê-su.

Hòa thượng Wonhaeng,

trưởng giáo phái Jogye, cho biết: "Chúng tôi kỷ niệm sự ra đời của Chúa Giê-su, người đã truyền bá thông điệp về tình yêu và hòa bình trên toàn nhân loại. Mặc dù đại dịch đã buộc chúng ta phải duy trì sự giãn cách với những người thân yêu, nhưng chúng ta không được đánh mất tình yêu thương dành cho những người xung quanh trong trái tim mình," ông nói thêm.

(hani.co.kr - December 17, 2020)



Đèn lồng Giáng sinh được trang trí trước chùa Jogye ở Seoul vào ngày 17-12-2020



Photos: Baek So-ah

NHẬT BẢN: Ngôi chùa lớn ở thành phố Narita lau quét bụi vào dịp Năm Mới

Narita, Nhật Bản - Khoảng 40 nhà sư và nhân viên mang khẩu trang đã tập trung tại chánh điện của chùa Naritasan Shinshoji ngay sau 5 giờ sáng và bắt đầu dùng chổi và vải để lau quét bụi cho các pho tượng Phật và đồ trang trí bàn thờ.

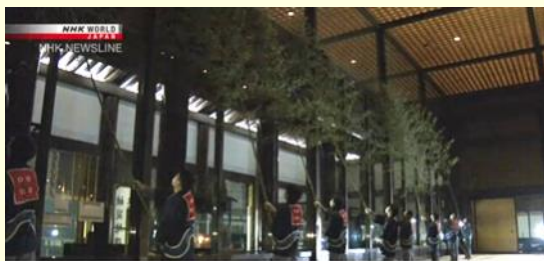
Họ dùng những cây tre dài 8 mét để làm sạch các tấm gỗ chạm khắc ở gần trần nhà. Sau đó họ quét sạch bụi trên 296 tấm chiếu tatami của chánh điện.

Thông thường trong 3

ngày đầu tháng 1, có khoảng 3 triệu người đến viếng ngôi chùa này. Nhưng các nhân viên đang yêu cầu mọi người tránh đến vào những ngày đó để giảm thiểu nguy cơ lây lan COVID-19. Những khách vẫn quyết định đến viếng chùa sẽ được yêu cầu duy trì giãn cách xã hội phù hợp.

Một vị sư nói ngôi chùa đã được sạch sẽ để đón Năm Mới, và ông mong đại dịch sẽ sớm kết thúc.

(NewsNow - December 22, 2020)



NARITA TEMPLE GETS YEAR-END DUSTING

Lau quét bụi vào dịp Năm Mới tại chùa Naritasan Shinshoji ở Narita
Photo: NHK NEWSLINE

Hội nghị Samvad Indo-Japan thứ 6: Thủ tướng Modi đề xuất thành lập thư viện văn học Phật giáo

New Delhi, Ấn Độ - Ngày 21-12-2020, trong bài phát biểu tại hội nghị Samvad Ấn Độ-Nhật Bản lần thứ 6 Thủ tướng Narendra Modi đã đề xuất thành lập một thư viện văn học và kinh sách Phật giáo để thu thập tài liệu Phật giáo từ khắp nơi trên thế giới

Ông Modi đã đưa ra đề xuất này trong bài phát biểu ảo của mình tại Hội nghị Samvad Ấn Độ-Nhật Bản lần thứ 6, là sự kiện cũng được phát biểu bởi người đồng cấp Nhật Bản Yoshihide Suga.

Hội nghị này diễn ra theo đề xuất chung của các nhà lãnh đạo Nhật Bản và Ấn Độ vào năm 2014, và kể từ đó đã được tổ chức tại New Delhi, Tokyo, Yangon (Miến Điện) và Ulaanbaatar (Mông Cổ).

Thư viện văn học và kinh sách Phật giáo sẽ thu thập các bản sao kỹ thuật số của văn học Phật giáo từ các quốc gia khác nhau, và nhằm mục đích dịch chúng và cung cấp miễn phí cho tất cả các nhà sư và học giả.

(NewsNow - December 22, 2020)



Thủ tướng Ấn Độ Narendra Modi tại Hội nghị Samvad Indo-Japan thứ 6
Photo: AKIPRESS.COM

HÀN QUỐC: Phật giáo Dẫn thân: Tổ chức Phật giáo JTS Hàn Quốc cung cấp than luyện cho các nghèo giữa mùa đông bằng giá

Tổ chức cứu trợ nhân đạo Phật giáo Join Together Society Korea (JTS Korea), được thành lập bởi Thiền sư - Hòa thượng Pomnyun Sunim, đang lan tỏa lòng nhân ái thông qua một dự án trị giá 10,000 usd để phân phát than luyện cho các hộ gia đình dễ bị tổn thương trên khắp Hàn Quốc - khi đất nước chuyển sang một mùa đông lạnh giá khác, với nhiệt độ đôi khi có thể xuống thấp tới -20°C.

Cách đây 30 năm, than luyện non là nhiên liệu chính để sưởi ấm và nấu nướng trong các hộ gia đình Hàn Quốc, và hiện vẫn còn được một số cộng đồng nghèo sống dựa vào. Do sự bùng phát của COVID-19, việc quyên góp than luyện cho các gia đình có hoàn cảnh khó khăn trên toàn quốc đã giảm xuống chỉ còn một phần ba mức được ghi nhận một năm trước đó.

Để bù đắp sự thiếu hụt

này, JTS Korea đang mạng đến cho các cộng đồng dễ bị tổn thương những miếng than luyện được cung cấp bởi các nhà tài trợ Phật giáo. Hoạt động đến cuối tháng 1 năm 2021, dự án tiếp cận đặc biệt của JTS để phân phối loại nhiên liệu rất cần thiết này cho đến nay đã giao khoảng 9,500 viên than, mỗi viên nặng 3.5 kg.

(Buddhistdoor Global - December 24, 2020)



Thiền sư - Hòa thượng Pomnyun Sunim (bên trái), người sáng lập JTS, cùng tình nguyện viên xếp than luyện cho dân làng



Tình nguyện viên của JTS chăm chỉ vận chuyển than luyện theo đường chuyên tay đến nhà dân làng



Than luyện, sự ấm áp của lòng nhân ái do JTS cung cấp



*Thiền sư - Hòa thượng Pomnyun Sunim (đứng giữa) và các tình nguyện viên JTS
Photos: JTS Korea*



*Chùa Wat Boramracha Kanchanapisek Anusorn (còn được gọi là Wat Lang Noei Yi 2) ở Nonthaburi trở thành trung tâm cách ly Covid-19 cho đến ngày 8-1-2021
Photo: The Nation Thailand*

THÁI LAN: Ngôi chùa nổi tiếng ở Nonthaburi trở thành trung tâm cách ly Covid-19 cho đến ngày 8-1-2021

Ngày 25-12-2020, chính quyền tỉnh Nonthaburi đã ra lệnh tạm thời đóng cửa chùa Wat Boramracha Kanchanapisek Anusorn, còn được gọi là Wat Lang Noei Yi 2 - một ngôi chùa của người Hoa nằm ở quận Bangbuathong - từ ngày 25-12-2020 đến 8-1-2021.

Các quan chức tỉnh Nonthaburi cho biết sẽ sử dụng cơ sở của chùa này làm địa điểm cách ly cho những người bị nghi ngờ nhiễm Covid-19 nhưng vẫn chưa xuất hiện các triệu chứng.

Theo báo cáo gần đây tại tỉnh Nonthaburi, 2 trường hợp mắc Covid-19 mới đều là nữ công nhân quốc tịch Miến Điện tại chùa này.

Sau khi phát hiện các ca bệnh nói trên, 113 nhà sư và nhân viên của chùa đã bị cách ly tại bản tự.

Các quan chức y tế đang truy tìm lịch sử đi lại của họ và kiểm tra những người có thể đã tiếp xúc gần với 2 bệnh nhân này.

(The Nation Thailand - December 26, 2020)

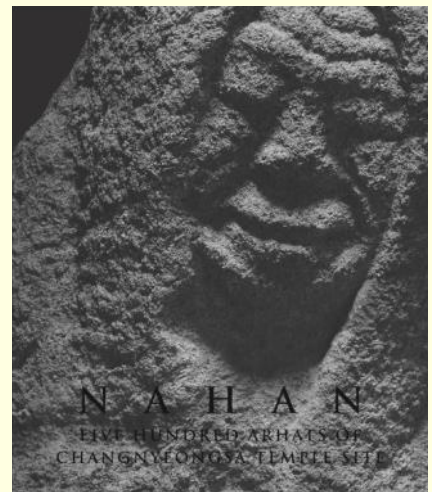
HÀN QUỐC: Tập danh mục triển lãm "500 vị La Hán của di tích chùa Changnyeongsa" bằng Anh ngữ

Tập danh mục "500 vị La Hán của di tích chùa Changnyeongsa" bằng Anh ngữ của Bảo tàng Quốc gia Hàn Quốc sẽ có mặt ở nước ngoài và ở Hàn Quốc từ tháng 1-2021 trên các trang bán lẻ trực tuyến như Amazon. Đây là phiên bản mới được điều chỉnh và chỉnh sửa của tập danh mục Hàn ngữ cho cuộc triển lãm cùng tên (đã được tổ chức tại viện bảo tàng này vào tháng 5-2019).

Cuộc triển lãm nói trên đã thu hút hàng trăm khách tham quan vào năm ngoái nhờ 88 bức tượng được gọi là La Hán (Arhat), hay luohan, trong Phật giáo, dùng để chỉ những ai đã đạt được giác ngộ. Họ là trong số những đệ tử lịch sử của Đức Phật.

Có khoảng 500 tượng La Hán được phát hiện vào tháng 5-2001 tại di tích chùa cổ Changnyeongsa ở Yeongwol, Gangwon.

(NewsNow - December 26, 2020)



Trang bìa của tập danh mục "500 vị La Hán của di tích chùa Changnyeongsa" bằng Anh ngữ



*Cuộc triển lãm "500 vị La Hán của Di tích Chùa Changnyeongsa: Suy niệm của Trái tim chúng ta" được tổ chức tại Bảo tàng Quốc gia Hàn Quốc ở trung tâm Seoul vào tháng 5 năm ngoái
Photos: Bảo tàng Quốc gia Hàn Quốc*

ĐÔNG NAM Á: INEB và JTS Hàn Quốc khởi động Sáng kiến Nữ Tăng đoàn cho Chuyển đổi Xã hội ở Đông Nam Á

Mạng lưới Phật tử Dẫn thân Quốc tế (INEB), hợp tác với tổ chức cứu trợ nhân đạo Join Together Society Hàn Quốc (JTS Korea), đã công bố khởi động Sáng kiến Nữ Tăng đoàn cho Chuyển đổi Xã hội ở Đông Nam Á, với lời kêu gọi sự tài trợ từ các Tăng đoàn, các nhóm và các tổ chức của tất cả các truyền thống Phật giáo ở Đông Nam Á.

Được điều phối bởi INEB và tài trợ bởi JTS Hàn Quốc, Sáng kiến Nữ Tăng đoàn cho Chuyển đổi Xã hội ở Đông Nam Á nhằm mục đích cung cấp một con đường để giải quyết bất bình đẳng xã hội mà nữ Phật tử trên toàn khu vực này phải đối mặt, và để trao quyền làm lãnh đạo và làm tác nhân của sự thay đổi và chuyển hóa xã hội cho phụ nữ. Theo kế hoạch, tài trợ sẽ được cung cấp cho các dự án và tổ chức nhằm khắc phục tình trạng thiếu hụt giáo dục, áp bức cơ cấu, chủ nghĩa duy vật và phân biệt giới tính trong cộng đồng cư sĩ và tu sĩ. Nguồn tài trợ sẽ cấp cho các ứng viên đủ điều kiện ở Đông Nam Á trong số những người hạ lưu và các cộng đồng bị thiệt thòi khác.

(HOME: Buddhistdoor – January 4, 2021)

ẤN ĐỘ: Nhiều người ở Tumakuru theo đạo Phật

Tumakuru, Karnataka – Để đánh dấu kỷ niệm 65 năm Tiến sĩ B R Ambedkar, người sáng tạo của hiến pháp Ấn Độ, cùng 5 vạn tín đồ của ông theo đạo Phật tại Nagpur, hơn 10 vạn thành viên của Đảng Ambedkarite tại bang Karnataka sẽ rước "Giáo Pháp" vào ngày 14-10-2021.

Tại một sự kiện mở màn được tổ chức tại Tịnh xá Dhamma Loka Buddha ở thành phố Tumakuru vào ngày 3-1-2021, chủ tịch Đảng cộng hòa bang này là M Venkataswamy đã thông báo rằng một sự kiện lớn sẽ là một sự tôn vinh đối với Baba Sahed (Thượng phụ) Ambedkar.

Các tín đồ đã dẫn đầu một đám rước tượng Phật, và hàng trăm người từ khắp quận đã cải đạo sang Phật giáo.

Tiến sĩ G Parameshwara, cựu phó thống đốc bang nói: Ambedkar đã đưa ra quyết định theo đạo Phật vì Phật giáo tuy tương tự như Ấn Độ giáo nhưng lại truyền giảng sự bình đẳng. Đó là lối thoát duy nhất cho những người Dalit (các nhóm dân tộc bị áp bức tại Ấn Độ).

(newindiaexpress.com – January 4, 2021)



NHẬT BẢN: Nhà sư manga: giảng dạy Phật giáo qua truyện tranh

NYUZEN, tỉnh Toyama – Tu sĩ Phật giáo Yoshiyuki Kondo đang đưa ra thưởng hiệu giác ngộ của riêng mình thông qua một bộ truyện tranh manga mà ông đã sáng tạo ra sau khi cuộc đời của ông gặp khó khăn. Kondo, một cựu giáo viên, cho biết ông hy vọng bộ truyện có tựa đề "Yankee to Jushoku" (Cậu bé xấu tính và vị sư trưởng) của mình sẽ giúp những người khác tìm thấy sự khôn ngoan khi họ gặp phải những biến động trong cuộc sống.



Photos: Tomoki Tajima

Chiến lược của sư Kondo đã được chứng minh là phổ biến.

Nhà sư 36 tuổi này nói: "Tôi đã được khích lệ khi một độc giả nói với tôi rằng tác phẩm của tôi đã mang lại cho họ sức mạnh để sống".

Bộ truyện xoay quanh một tình bạn không mấy tốt đẹp giữa một tu sĩ Phật giáo và một thanh niên du côn. Chàng trai trẻ là thành viên của một băng đảng mô tô tình cờ thông thạo Phật giáo, trong khi vị sư trưởng trẻ phải vật lộn để được thoải mái trong các cuộc tụ họp xã hội.

Tác giả Kondo giải thích, thông qua những cuộc trao đổi bình thường và những câu nói hóm hỉnh của cặp đôi nhân vật, độc giả có thể hiểu sâu hơn về giáo lý Phật giáo. (Tipitaka Network – January 6, 2021)

Tiến sĩ B R Ambedkar

Small Grant Guidelines for Female Sangha Initiative For Social Transformation in Southeast Asia January – October 2021



JTS KOREA INEB International Network of Engaged Buddhists Funded by JTS Korea Coordinated by the International Network of Engaged Buddhists

Bích chương của Sáng kiến Nữ Tăng đoàn cho Chuyển đổi Xã hội ở Đông Nam Á Photo: Buddhistdoor

Ngõ thoát

(tức **Phương Trời Cao Rộng 3**)

Truyện dài của **VĨNH HẢO**



VĂN HỌC / NGHỆ THUẬT

CHƯƠNG BỐN

Năm 1980, thầy Tuệ Sỹ được Hòa thượng Thích Trí Thủ bảo lãnh ra khỏi tù để cùng giáo sư Lê Mạnh Thát (Trí Siêu) soạn thảo bộ *Phật Học Bách Khoa Từ Điển*. Lợi dụng công tác biên soạn từ điển cần nhiều phụ tá làm việc lâu dài, Tuệ Sỹ và Lê Mạnh Thát yêu cầu Hòa thượng Thích Trí Thủ mở một khóa đào tạo tăng sinh viên hậu-đại-học ngay tại tu viện Quảng Hương Già Lam do Hòa thượng làm tu viện trưởng. Hòa thượng Thích Trí Thủ bấy giờ bị nhà nước vừa ve vãn vừa làm áp lực, phải lãnh trách nhiệm đứng ra vận động việc thống nhất giáo hội Phật giáo toàn quốc dưới sự kiểm soát của chính quyền cộng sản. Nhưng cũng nhờ thế mà việc mở một khóa học đặc biệt cho tăng sinh viên không bị nhà nước làm khó dễ. (Tưởng cũng nên nhắc ở đây rằng, từ khi người

cộng sản cầm quyền trên cả nước, tất cả cơ sở trường lớp của giáo hội Phật giáo cũng như các tôn giáo khác đều bị nhà nước sung công, chiếm dụng).

Trên bề mặt, đây là khóa học nhằm đào tạo các "chuyên viên" Phật học để phụ giúp hai vị giáo sư Tuệ Sỹ và Lê Mạnh Thát soạn thảo bộ *Phật Học Bách Khoa Từ Điển*, nhưng có thể nói rằng lớp học của tu viện Quảng Hương Già Lam (thường gọi tắt là chùa Già Lam) được tăng ni và Phật tử trong nước mặc nhiên coi như là trường đại học Phật giáo duy nhất của giáo hội được sinh hoạt dưới chế độ cộng sản thời kỳ đó. Chương trình học được soạn thảo bởi chính thầy Tuệ Sỹ và Lê Mạnh Thát, hai vị học giả uyên thâm lỗi lạc nhất của Phật giáo Việt Nam. Ngoài hai vị giáo sư này, ban giáo sư còn có các vị học giả uy tín khác của Phật giáo như Hòa Thượng Trí Thủ,

Thượng tọa Minh Châu, Đại Đức Chơn Thiện, Đại đức Nguyên Giác và giáo sư Nguyên Hồng. Chương trình học đặc biệt này sẽ kéo dài bốn năm, tập trung vào các môn chuyên luận cao cấp của Phật giáo và các môn cổ ngữ Ấn Độ như chữ Sanskrit (còn gọi là Bắc Phạn), chữ Pàli (còn gọi là Nam Phạn), chữ Trung Hoa, (tân văn và cổ văn), tiếng Nhật và tiếng Anh.

Suốt năm năm (từ 1975 đến 1980) không có một trường lớp Phật học nào được mở ra dưới chế độ cộng sản, nay nghe chùa Già Lam sắp khai giảng khóa đào tạo sinh viên soạn thảo *Phật học Bách khoa từ điển*, nhiều tăng sĩ có trình độ đại học từ trước 1975 kéo đến xin nhập học. Rồi tin tức lan rộng đến các tỉnh khác để rồi mỗi tỉnh đều có vài tăng sĩ ưu tú do các giáo hội địa phương giới thiệu đến. Ban đầu, điều kiện nhập học đòi hỏi trình độ đại học, nhưng sau, điều kiện được

nới rộng hơn để đón nhận luôn cả các tăng sĩ đã xong Tú tài II trước năm 1975, thậm chí cả những tăng sĩ ở cấp trung học đệ nhị cấp, tự học thêm sau 1975, có trình độ đặc biệt mà bằng cấp học đường không thể đánh giá được.

Với tâm độ lượng và ý nguyện hoằng pháp, ai đến xin nhập học Hòa Thượng Trí Thủ (thường gọi là *Ông Già Lam* hoặc *Hòa thượng Già Lam* - vì ngài là tu viện trưởng của tu viện Quảng Hương Già Lam) cũng vui vẻ chấp nhận, bảo thầy Nguyễn Giác ghi danh. Vì vậy, khóa học chưa khai giảng mà nhân số chùa Già Lam đã tăng lên đến gần năm mươi vị. Phải có một buổi họp để thông báo điều lệ nội quy của khóa học, đồng thời tìm cách giải quyết vấn đề cư trú trước khi khóa học khai giảng. Một số tăng sĩ từ tỉnh xa đến, được tạm trú ngay tại chùa Già Lam (nội trú) nếu có giấy

thông hành hợp lệ; còn không, họ phải tìm cách xin tạm trú ở các chùa khác trong thành phố Sài Gòn (ngoại trú) rồi đến học mỗi ngày. Trong buổi họp vào tối thứ bảy (trước buổi khai giảng hai ngày), chỉ gần một nửa nhân số sinh viên tăng xin nhập học được ghi danh nội trú.

Sau nhiều lần vượt biên thất bại, tôi được giới thiệu đến chùa Già Lam đúng vào sáng thứ bảy hôm ấy, tức buổi sáng trước khi có buổi họp về điều lệ nội quy của khóa học. Lúc tôi đến lạy Hòa thượng tại tịnh thất riêng của ngài, có hai vị tăng sĩ trẻ khác từ Phan Thiết đang lạy hòa thượng để được xin nhập học. Tôi bước vào sau, quỳ lạy Hòa thượng. Thầy Nguyễn Giác, vừa là giáo sư tiếng Phạn, vừa là thư ký của ban giám học, ghi tên hai vị tăng sĩ kia xong, thấy tôi lạy mà chẳng thưa trình hay nói

năng gì, bèn hỏi hòa thượng: "Bạch Ông, ghi tên thầy này vào khóa học luôn, phải không ạ?"

Hòa thượng ngồi nơi võng, nhìn tôi, cười nói:

"Thăng ni à? Không, hẳn có xin học chi mô. Cho hẳn xuống làm điều."

Điều chỉ là chú tiểu. Lúc ấy, tôi không biết là có một khóa học đặc biệt sắp khai giảng. Mục đích của tôi đến chùa Già Lam lúc đó là để có được một chỗ yên ổn mà tu chứ không phải để xin nhập học. Vì vậy, tôi không thắc mắc hay buồn phiền gì về việc Hòa thượng khước từ không cho ghi danh tôi cả. Hơn nữa, khi Hòa thượng bảo "cho hẳn xuống làm điều" (tức là chỉ cho làm chú tiểu quét lá đa thôi), có nghĩa là trong mắt ngài, tôi vẫn còn là một chú tiểu nhỏ bé của nhiều năm trước mà ngài biết. Điều này, không những không làm tôi buồn phiền mà còn làm tôi sung sướng nữa



Tháp chuông cũ của Chùa Hải Đức, Nha Trang



Tu viện Quảng Hương Già Lam, Gò Vấp, khoảng năm 1987

là đảng khác. Sau hai năm tìm đường thoát ra nước ngoài, liên tục thất bại, dĩ nhiên khi đến đây với một tấm thân và tâm hồn rã rời mệt mỏi, tôi thích được làm chủ tiểu găn gửi hầu hạ Hòa thượng hoặc quanh quẩn trong vườn chùa để được sai vặt hơn là được ngài cho ghi danh nhập học.

Tối thứ bảy hôm ấy, buổi họp mở ra không phải chỉ dành riêng cho những vị tăng sĩ đến xin nhập học mà còn liên hệ đến tất cả những người hiện có mặt trong chùa Già Lam để cắt chia công tác và sắp đặt phòng ở. Buổi họp không có Hòa thượng mà chỉ có thầy thư ký và thầy Tuệ Sỹ. Thầy thư ký cho biết là tu viện Già Lam sẽ chia tăng chúng nội trú thành hai: chúng của lớp học và chúng thường trú. Chúng của lớp học thì ở bên dãy lầu phía bên trái của chính điện (từ ngoài cổng tam quan nhìn vào), chúng thường trú (tức những vị lâu nay ở tu viện, không dính nhập gì đến lớp học) thì ở bên dãy lầu phía bên phải. Dãy lầu bên trái dành cho tăng sinh viên của lớp học thường được gọi là *lầu xanh* vì tường vách quét vôi màu xanh da trời để phân biệt với dãy lầu của chúng thường trú quét vôi màu vàng. Thầy thư ký yêu cầu

những ai trong chúng thường trú (có cả tôi là người mới vào) muốn ghi danh vào lớp học thì ghi để thầy sắp xếp chỗ ở. Đọc đến tên tôi trong danh sách những người tham dự buổi họp, thầy thư ký quên mất là khi sáng đã gặp tôi nơi phòng Hòa thượng, nên quay qua hỏi thầy Tuệ Sỹ:

“Chú này có được nhập học không vậy?”

Thầy Tuệ Sỹ nhìn tôi, hơi giật mình. Dĩ nhiên thầy ấy đâu có quên được tôi là đứa học trò chưa đầy hai tháng của thầy vào năm 1976 – đứa học trò nông đang học ngon tròn thì bỏ ngang để làm thơ! Từ ngày thầy bỏ Nha Trang vào Sài Gòn (năm 1977) hoạt động chính trị rồi vào tù, bây giờ là lần đầu tiên thầy và tôi thấy mặt nhau. Thầy có vẻ ngập ngừng một lúc rồi chẳng hiểu nghĩ sao, Thầy quyết định:

“Cứ ghi tên chú ấy vào đi. Chắc học được.”

Tôi định đứng dậy nói lời từ chối nhưng thầy Tâm Hải, cũng dân Nha Trang có biết tôi, kéo tôi ngồi xuống, nói nhỏ:

“Kệ mà, học cho vui chứ Khang được nội trú, lại được ghi danh học còn muốn gì nữa. Bao nhiêu người phải lặn lội từ xa đến, lạy lục năn

nỉ xin được ghi danh không thấy sao!”

Tôi miễn cưỡng ngồi im, chấp nhận. Thế là tên tôi được ghi vào danh sách lớp học.

Hai ngày sau, lớp học khai giảng, tôi theo các đàn anh của mình vào học mà chính Hòa thượng cũng không hay. Hòa thượng có dạy môn Luật Tỳ Kheo cho lớp học, mà môn này thì chỉ dành cho những ai đã thọ giới tỳ-kheo, tôi chỉ là chú sa-di mười giới, đâu có vào lớp ấy được. Và vì tôi không vào lớp do Hòa thượng đảm trách, ngài không hề biết là tôi cũng tham gia chương trình học đặc biệt của tu viện Già Lam. Do sự không hay biết này mà mỗi ngày, khi dạo quanh vườn chùa để hưởng dẫn các chú tiểu dọn quét hoặc làm công tác gì, Hòa thượng cứ gọi tên tôi:

“Khang! Khang mô rồi?”

Đang ngồi học hoặc làm bài trong phòng riêng, nhiều lúc tôi phải bỏ ngang để chạy xuống sân nghe Hòa thượng sai bảo. Công tác của tôi là đi theo Hòa thượng để lượm lá vàng! Sân chùa đã được quét dọn sạch sẽ từ sáng sớm. Trưa trưa, Hòa thượng chống gậy đi dạo, khoèo những chiếc lá vàng còn nằm trên đọt cây cho rơi hẳn xuống sân. Những lá vàng mới khoèo xuống ấy, chẳng có bao nhiêu, không cần phải quét; Hòa thượng chỉ việc bảo tôi bước theo, lượm lá bỏ vào giỏ rác. Có khi cần dọn dẹp hoặc phơi xác cây sượng sáo ngoài sân để nhúm lửa bếp, Hòa thượng cũng cứ nhè tên tôi mà gọi. Lúc ấy ở chùa Già Lam có khoảng mười lăm chú tiểu, Hòa thượng chỉ nhớ tên vài chú, mà nhớ nhất là tên tôi. Chẳng qua Hòa thượng nhớ là vì đã biết tôi từ mười năm trước, lúc tôi mới xuất gia tại Phật học viện Hải Đức Nha Trang, cũng như vì có vài chuyện gần đây liên quan đến tôi.

Năm ấy, lúc tôi mới xuất gia, do sự giới thiệu của thầy bổn sư tôi như thế nào đó mà Hòa thượng có gọi tôi đến để xem mặt xem tướng (trong thiền môn gọi là xét oai nghi), rồi Hòa thượng bảo thầy tôi cho tôi đi theo ngài vào Sài Gòn. Thầy tôi từ chối khéo, hứa sẽ cho tôi vào hầu hạ Hòa thượng khi nào học xong chương trình Trung đẳng Phật học. Tôi chưa kịp học xong Trung đẳng thì đất nước thay đổi, các Phật học viện trên toàn quốc đóng cửa.

Vài năm sau đó, bỏ Nha Trang vào Sài Gòn, tôi đã đến lạy Hòa thượng xin được ở lại tu học bên ngài. Lúc ấy, Hòa thượng không giữ tôi mà dạy tôi hãy tìm cách rời khỏi

Việt Nam, ra nước ngoài tiếp tục học để giữ gìn mỗi đạo. Hòa thượng viết hai lá thư cho hai người đệ tử thân tín ở Nha Trang và Vạn Giã, bảo tôi mang đi, trao cho họ thì họ sẽ tận tình lo cho tôi vượt biển.

Tôi lạy tạ Hòa thượng rồi lại rời bỏ Sài Gòn, đi ngược về Nha Trang. Ở Vạn Giã, người đệ tử của Hòa thượng tổ chức một chuyến đi, thất bại. Sau đó, người đệ tử ở Nha Trang đưa tôi đi vài lần, cũng đều hỏng. Người ta bỏ cuộc. Tôi đâu cần nản nã Nha Trang làm gì, bèn vào lại Sài Gòn; nhưng chẳng muốn đến quấy rầy Hòa thượng, tôi sống tạm một thời gian nơi nhà người anh ruột đã lập gia đình, và để thuận lợi hơn trong việc đi lại, tôi cải trang

làm người thế tục, để tóc dài, mặc âu phục. Chẳng lâu sau đó, vì quen biết thêm nhiều mối, tuyến đường Sài Gòn – Nha Trang, tôi đi ra đi vào như đi chợ, chỉ tập trung vào mỗi việc là vượt biển. Cho đến mùa hè năm 1980, sau lần thất bại cuối cùng trong một chuyến tổ chức vượt biển tại Tu Bông – một làng đánh cá cách Nha Trang chừng 40 cây số – bị bắt nhốt và bị đánh đập, qua ngày sau mới được thả ra, tôi buồn bã lê những bước nặng nhọc lên Phật học viện Hải Đức trên đỉnh đồi Trại Thủy, nơi mà năm xưa tôi xuất gia làm chú tiểu. Tôi đã rời bỏ nơi này hai năm trước đó, nay trở lại, tôi không muốn gặp lại bất cứ ai, chỉ muốn ngồi lặng lẽ ở một bóng cây mát mẻ nào đó trước sân



Chánh điện Chùa Hải Đức. Bên trái là lầu trống, phòng cũ của chú Vĩnh Khang từ 1976—1978

chùa. Cái tháp trống trước kia là phòng riêng của tôi, nay đã có thầy nào đó dọn vào ở. Từ xa tôi có thể nghe được tiếng tụng kinh phát ra từ một cái khung cửa sổ hình lục giác của ngôi tháp ấy. Một vài kỷ niệm êm đềm và lãng mạn nào đó, bỗng hồi sinh trong tôi một lúc. Tôi nhớ dáng người thiếu nữ có tên Như Như đã từng làm tôi quay quắt nhớ nhung, mất hết chính niệm... Tôi nhớ một đêm nào hẹn hò với Như Như nhưng rồi tôi đã bỏ chạy ở phút cuối, để lại ngọn đồi Trại Thủy và thành phố Nha Trang thơ mộng có dấu chân nhỏ của người con gái yêu kiều ấy...

Tôi lão đảo ngồi tựa lưng vào gốc cây sứ có tàng lá rậm mát. Tự để cho bao kỷ niệm tha hồ dâng dậy một lúc, rồi tôi tẩy xóa hết, chỉ còn lại một cái tâm trống rỗng mênh mang. Một cảm giác vừa thắt thóm, vừa êm lành, tuôn nhẹ theo những làn gió núi trưa hè. Trong một phút bình an như gã cùng tử tìm lại được chỗ ngã lưng nơi căn nhà xưa yêu dấu, tôi bỗng cảm thấy mọi nỗ lực vượt biển của mình lâu nay thực là vô ích, lãng phí. Tôi không tin rằng tôi có thể tìm thấy được bất cứ thứ hạnh phúc nào đó to lớn hơn niềm an lạc được làm chú tiểu sống hồn nhiên trong cửa chùa... Tôi cảm thấy con đường vượt biển không phải là phương cách dẫn thân có ý nghĩa và cũng không phải là phương cách hay nhất, thích hợp nhất cho tôi để giữ gìn mối đạo. Tại sao Hòa thượng dạy tôi thực hiện con đường đó trong khi tôi có thể bám lấy đất này, bám lấy những túi nhục đau thương của dân tộc này để vun bồi và thể nghiệm hạnh nguyện cứu đời! Tôi thấy không cần thiết phải tìm kiếm con đường vượt biển nữa, và như vậy, cũng không cần thiết phải cải trang làm người thể tục nữa. Tôi muốn

lấy lại những gì đã mất. Tôi phải trở lại với thiền môn. Nhưng trở lại với thiền môn bằng cách nào đây? Hai năm trước, tôi bỏ ngôi viện Hải Đức này để vào Sài Gòn mà không xin phép tắc gì với chính quyền, công an đã gạch tên tôi khỏi sổ hộ khẩu ở Nha Trang. Tôi không còn là cư dân (nói theo từ chính quyền mới là *thường trú nhân*) hợp pháp của Nha Trang nữa làm sao tôi có thể trở lại bất cứ ngôi chùa nào thuộc thành phố này! Và chẳng, khi quyết định từ bỏ Nha Trang, tôi muốn cắt đứt cái tình cảm ủy mị từng làm vương vấn, đày đọa tâm hồn mình; lý nào tôi quay trở lại khi hương tình năm ấy hầy còn phảng phất đâu đó, chưa thể nhạt phai! Chỉ còn con đường trở vào Sài Gòn. Nhưng ở phương ấy, chẳng biết có ngôi chùa nào vui vẻ đón nhận tôi chẳng! Hai năm qua, tôi đã bị nhiều chùa từ chối vì bản thân tôi chẳng có giấy thông hành hay giấy tờ tùy thân nào ngoài cái thẻ cử tri và giấy chứng nhận căn cước tạm thời đã quá hạn. Trở lại với Hòa thượng thì ăn nói làm sao cái chuyện vượt biển? Hòa thượng lại viết thư gửi gắm ai đó, hoặc cho tiền, thúc tôi ra đi nữa!

Đang ngồi im lặng suy tính con đường quay về với cửa chùa, bỗng thấy thầy bốn sư của tôi đột ngột xuất hiện. Tôi giật mình, lúng túng đứng dậy chấp tay chào thầy. Thầy chẳng nói chẳng rằng, im lặng nhìn tôi một lúc từ đầu đến chân, quay nhìn xuống núi một lúc, rồi không nhìn tôi, thầy nói:

“Đã dẫn vào nam, sao không tiếp tục bước tới, còn quay trở lại đây làm gì! Không có cái dĩ vãng nào có thể mang lại hạnh phúc cho con người cả. Vứt hết đi. Đừng quay lui. Đừng bao giờ trở lại đây nữa. Đi, đi khỏi nơi này mau!”

Bàng hoàng không nói được một lời, tôi chấp tay cúi chào thầy, quay đi. Trên con đường Hoàng Hôn bằng ngang ngọn đồi, nắng hè gay gắt đổ qua vai. Chân tôi như muốn quy xuống bởi sức nặng của mặc cảm tủi thân, bị hất hủi. Phải, sau những thất bại với xác thân rã rời và một tâm thức hoang mang hối tiếc, tôi chỉ muốn được nương tựa, được an ủi, được vỗ về, khuyên răn bằng những lời dịu ngọt của những người ở ngôi chùa cũ đã từng thương yêu và quen biết tôi. Nhưng tôi đã không tìm được những thứ ấy. Chỉ có sự xua đuổi của thầy tôi mà thôi. Năm xưa, lời nào thầy nói ra, tôi cũng lắng lòng mà nghe, mà ghi nhận. Tôi thường tìm ra những nghĩa lý sâu xa ẩn tàng sau những lời dạy đơn sơ của thầy tôi. Nay, tôi chỉ thấy lời thầy là sự xua đuổi. Nước mắt tôi bỗng rơi rớt trên con đường đất đá lờm chờm ấy. Đã từ lâu rồi, tôi mới khóc được một cách con nít như thế. Nhưng bỗng thấy một nỗi quyết tâm mạnh mẽ dâng lên. Tôi lau nước mắt, mím môi, tay nắm chặt lại, tự hứa: “Ta sẽ khởi sự lại từ đầu, kể từ ngày hôm nay.”

Vài hôm sau, tôi lại lên chuyến tàu lửa xuôi nam, vào Sài Gòn. Lần này, tôi không đến Hòa thượng Trí Thủ. Tôi tránh mặt Hòa thượng từ lâu, dù rằng đã có lúc Hòa thượng cho người nhắn tôi quay trở lại chùa Già Lam để gặp ngài. Hòa thượng đã hỏi thăm tôi qua vài người khác, biết tôi thất bại nhiều lần và chưa rời khỏi nước được. Dĩ nhiên Hòa thượng không chấp trách gì tôi trong chuyện thất bại ấy, nhưng tự đứng, tôi cảm thấy không muốn quay về bên ngài để rồi lại tiếp tục làm phiền ngài nữa. Tôi bèn đến lạy thầy Tịch Quang ở chùa Ấn Quang.

(còn tiếp)

MỖI KỲ MỘT MÓN CHAY

BÍ ĐỎ KHO PHỔ TAI ĐẬU ĐỎ

Đây là một món ăn thực dưỡng, không đường, không bột ngọt, rất bổ dưỡng.



Bí kho chưa nêm Tekka hay Miso

Nguyên liệu:

Cho 1 người ăn/1 ngày (trích từ thực dưỡng - Thầy Tuệ Hải @ chualonghuongttai.com.vn):

- 1 nắm đậu đỏ, luộc sơ, chặt bỏ nước.
- 5 g phổ tai (một người chỉ được ăn từ 5-10 g phổ tai (rong biển) trong 1 ngày, tức là 100g phổ tai chia làm 10 hoặc 20 phần), P dùng rong biển khô, ngắt một khúc cỡ ngón tay cái, ngâm mềm, rửa sạch, xắt sợi hay tùy ý.
- 200 g bí đỏ, xắt cục.
- Dầu ăn, muối, tương Miso.

Cách nấu:

Đậu đỏ sau khi đã luộc sơ, cho vào nồi đất nấu với rong biển khoảng 60 phút hay khi đậu mềm là được.

Thường thì khi tắt bếp nên để đậu trong nồi đậy nắp lại từ 30 phút trở lên thì đậu mới mềm ngon. Nhưng nếu dùng đậu để nấu tiếp món khác thì không cần.

Nồi hỗn hợp đậu này nấu 1 cup đậu với 1.5 tô nước. Nấu nhiều để làm món khác nữa. Nếu nêm đường phèn thì thành chè đậu đỏ rong biển, nêm muối thì thành canh, còn không nêm muối để dành nấu món bí đỏ kho và để nấu cơm lúc, rất bổ.

Khi đậu mềm, bắt chảo lên bếp cho chút dầu vào, chờ nóng, đổ bí đỏ vào xào đến khi chảo khô thì cho lượng muối vừa đủ vào (nhằm chừng thôi, nấu nhiều lần rồi sẽ có kinh nghiệm là cho bao nhiêu), xào cho muối rút tinh chất ngọt từ bí tươm ra ướt chảo (nếu không thì rưới chút nước đậu đỏ vào) rồi đổ hỗn hợp đậu đỏ rong biển (múc 1/2 chén đậu và 2/3 chén nước đậu đỏ ở nồi trên) vào nấu với lửa nhỏ khoảng 10 phút là bí chín, đánh một ít tương Miso rưới lên (coi chừng bị mặn vì đã nêm muối khi xào) và cho vài giọt dầu mè vào trộn đều, tắt bếp cho ra đĩa, rất thơm ngon, phổ tai mềm rục và không tanh mùi rong biển.

Bí mà không xào cho vào nồi đậu nấu sẽ không thơm ngon và ngọt bằng.
Hoặc có thể cho nhiều chút nước đậu vào nấu thành món canh...

Canh chưa nêm Miso và dầu mè, khi ăn hâm nóng lên rồi hãy nêm

Công dụng: Bổ máu, bổ thần kinh và não. Người bị bệnh tiểu đường sau khi ăn số 7 xong, khi ăn rộng ra thì nên ăn món này thường xuyên để ổn định lượng đường trong cơ thể tránh bực phát.

Ghi chú:

Khi sử dụng đến đậu, buộc phải nấu sôi sơ, chặt bỏ nước đầu rồi mới đổ nước lại nấu. Đậu đỏ mà không nấu với phổ tai thì đậu đỏ không bổ, vì phổ tai là âm, đậu đỏ là dương, âm dương tương tác nhau nó kích hoạt, kích thích các tinh chất từ trong phân tử của đậu đỏ ra bên ngoài. Nếu nấu đậu đỏ mà không có phổ tai thì nó không phát huy hết tất cả những chất bổ dưỡng ra bên ngoài để cơ thể chúng ta hấp thu. Vì vậy nấu có đậu đỏ là phải có phổ tai. Khi dùng dầu mè và tương Miso nêm đồ ăn, dầm tương với ít nước cho tan, cho vào đảo đều là tắt bếp ngay, không thôi sẽ hết bổ. Nếu chưa ăn liền thì khoan hãy nêm (*thực dưỡng - Thầy Tuệ Hải @ chualonghuongttai.com.vn*)

Gia Phương